

Ký ức

tuổi thơ máu lửa

Tác giả lamson1981

www.quansu.vn.net

Phần 1 .NGÔI LÀNG KHÔNG BÌNH YÊN

Phần 2 . Ở NƠI SƠ TÁN

phần 3 . MÙA HÈ ĐỎ LỬA

Phần 4 . SAU HIỆP ĐỊNH PARI

Phần 5 . NGÀY ĐOÀN TỤ .



Thông tin eBook

KỈ ỨC TUỔI THƠ MÀU LỬA

Tác giả: Lamson1981

Nguồn: quansuvn.net

Phần 1

NGÔI LÀNG KHÔNG BÌNH YÊN

Quê tôi ở tỉnh Quảng Ngãi, huyện Đức Phổ, xã Phổ Thuận, thôn Thiệp Sơn

Ngược thời gian hơn 40 năm về trước. Xóm nhỏ của tôi là vùng tranh chấp. Cán bộ, du kích ở ngay trong dân. Khi giặc Mĩ hay lính ngụy đi càn thì làng xóm bị pháo đập tan tành. Khi Mĩ đến, đàn ông thì chạy đi, gấp quá thì rút xuống hầm bí mật. Thường thì cũng có phân công các em thiếu nhi chặn bò cảnh giới. Khi thấy chúng đến thì la: "bò ăn lúa" hay "trâu ăn sắn"

Hôm ấy, mới sáng sớm, Mọi người đều còn ở nhà thì đã thấy lính Mĩ từ phía sau vườn đập bờ rào đi vào. Tên lính Mĩ trắm một tràng gì đó, mẹ tôi và anh chị cứ lắc đầu "no biết ". Chúng hỏi gì thì cũng chỉ biết trả lời "NO BIẾT!". Còn tôi thì chạy ra đưa tay nói: "Chú, cho xin tán kẹo". Có khi cũng được nhiều kẹo, nhưng hôm đó thì không có. Tụi chúng đi vòng quanh nhà chỉ thấy đàn bà và trẻ con rồi bỏ đi. Một lúc sau bỗng nghe một tiếng nổ lớn ở xóm trong. Mọi người chưa hiểu chuyện gì xảy ra, nhưng nhà ai nấy ở, không dám chạy vào xóm trong xem thử ra sao. Đến gần trưa khi tụi Mĩ đã rút lên đồi mọi người mới chạy vào nơi phát ra tiếng nổ ấy thì dân làng đang kéo từ căn hầm nhà bà Kính ra ba thầy người chết nám đen thân người nào cũng te toét máu. Thì ra hôm ấy nhà bà Kính đang ăn cơm sớm mai có 2 du kích ở đó nữa, Mĩ đến sớm quá bất ngờ, 3 người đàn ông (2 du kích và chú Sinh, con trai bà Kính, cũng là cán bộ) không kịp chạy, vội chui xuống hầm tránh pháo của gia đình, không kịp xuống hầm bí mật. Tụi Mĩ chen miệng hầm và gọi lên, nhưng không ai dám lên, chúng bèn đặt mìn và giật trước mặt mẹ, con ông Sinh.

Ôi! lần đầu tiên khi mới 5 tuổi đầu tôi đã thấy người chết do bom mìn. Thật kinh hãi đến bây giờ.

Sau vụ 3 người chết do Mĩ giết mìn thì các nhà đều lo củng cố lại hầm tránh pháo, hầm bí mật và cảnh giới nghiêm ngặt hơn. Riêng cô bé Sinh - con chú Sinh (gọi theo tên con) trở thành cô bé mồ côi lúc 6 tuổi. Mẹ thì đã bỏ đi Sài Gòn lấy chồng khác -do mâu thuẫn gia đình -trước đó mấy năm. Cha cũng bị giặc Mĩ giết rồi. Hai bà cháu sống lây lất qua ngày, cùng tản cư chạy bom đạn đến hết cuộc chiến tranh. Bây giờ cô bé ấy sắp trở thành bà ngoại rồi đó.

Cũng xin liên hệ lại lịch sử một tí. Sau Hiệp định Giơ ne vơ 1954 ở quê tôi chỉ còn một số đảng viên cài cắm trong dân, một số thì lên núi. Chính quyền Ngô Đình Diệm ra chính sách "Tố cộng, diệt cộng". Từ 1960 đã thực hiện xây dựng "Ấp chiến lược". Mỗi gia đình phải nộp hàng trăm cây tre dài 3m rào quanh làng, bên trong có lính Bảo an, Dân vệ canh phòng.

Những cán bộ từ trên núi mò về có người đã bị bắn chết nằm trên bờ di (hàng rào Ấp chiến lược bằng tre). Riêng có ông Phận là một đảng viên kỳ cựu, ra vào ấp chiến lược như "Xuất quỷ nhập thần".

Chuyện này nghe người lớn kể lại:

Hôm ấy gần 12g đêm, dân trong ấp đang ngủ say thì có một loạt súng nổ. Có tiếng la của Dân vệ: Bắt lấy nó, bắt lấy nó... Sau đó là tiếng keng đồn dập. Mọi người cầm đèn chạy ra, lại có tiếng la: Bắt lấy ông Phận! Có người thấy một bóng đen chạy dọc theo bờ di lẫn vào hàng cây trong ấp. Đó chính là ông Phận. Lúc đó ông cũng nhanh trí chạy lẫn vào đám đông, chộp ngay một chiếc đèn dầu của ai đó và cũng hô to:

- Bắt lấy ông Phận! hấn chạy ra hướng cổng ấp kìa.

Mọi người chạy theo hướng ấy, ông lại la to:

-Nó chui qua cổng rồi! - Mở cổng ra mau!

Tên lính Dân vệ vội chạy ra mở cổng. Mọi người túa ra chạy về các

ngả tìm kiếm thì ông cũng vừa chạy vừa la như thế rồi ra xa ném đèn chạy thoát.

Người dân chẳng ai muốn bắt bà con của mình nhưng sống trong ấp chiến lược, bọn nguỵ o ép phải làm như thế.

Đến 1965 thì Ấp chiến lược nhiều lần bị đốt cháy tan tành. Bọn nguỵ phải chạy xuống đóng đồn ở Trà Câu. Quê tôi trở thành vùng Giải phóng.

Trong thôn có một trường làng, học lớp 5, lớp 4 (tức lớp 1,2 bây giờ), lớp 4, lớp 5 bây giờ thì gọi là lớp nhì, lớp nhất.

Có hôm tôi theo anh chị đến trường chơi, gặp lúc máy bay bay ngang cả lớp phải chui xuống hầm ở trong trường để trốn, hết máy bay lại ra ngồi học. Thời gian này pháo 105li của lính nguỵ ở Gò Hội (TT Đức Phổ) vẫn thường xuyên bắn vào làng. nhiều người đi làm bị trúng pháo chết ngoài đồng. Mỗi lần pháo bắn như thế anh em tôi lại chui xuống hầm. Tiếng nổ làm rung chuyển cả căn hầm, nổ xong thì nghe o.o...

Hầm tránh pháo của các nhà hầu hết đều làm bằng tre hình chữ A rồi đắp đất bên ngoài nên không thể chịu nổi pháo 105. Bây giờ có phong trào cửa đường rầy xe lửa về làm hầm. Nhà của tôi chỉ có mẹ tôi và 4 con, (ba tôi đã hy sinh) chị gái đầu mới 14 tuổi thì lấy ai đi cửa đường rầy. Hằng ngày tôi chạy lên đường tàu để xem vì đường tàu chỉ cách 200m. Có rất nhiều người dẫn cả trẻ em làm nhiệm vụ chế nước vào lưỡi cửa cho 2 người lớn ngồi kéo cửa sắt qua lại. Cửa cả ngày mới dứt một đầu đường ray. Đường ray thời Pháp làm nhỏ hơn đường ray bây giờ nhiều, nếu như bây giờ thì cửa biết chừng nào xong. Một số người thì cầm cà lê mở ốc để lấy Tà vẹt - gọi là máng sắt, nặng khoảng 40kg để cố định 2 đường ray. Tôi chạy về hỏi mẹ

- Mẹ ơi! sao mẹ không đi cửa đường ray về làm hầm?
- Con có đi cửa được không?
- Con chế nước cho mẹ và chị Ba cửa.

- Thôi, mẹ và chị phải lên gò cuốc củ mì chứ không mua đến củ sẽ thúi hết đấy.

Thế rồi ít hôm sau mẹ tôi phải nhờ các chú trong xóm đi cưa đường ray. Cưa được một đoạn và lấy được mười mấy cái máng sắt. Rồi các chú làm lại căn hầm cho nhà tôi, lấy máng sắt đặt sát lại hình chữ A, gác đoạn đường ray lên trên làm cây đòn dông, sau đó đắp đất lên 2 bên và làm âm nền hầm xuống dưới mặt đất khoảng 5 tấc, đắp đất phủ lên cả cây đòn dông, bên dưới thì lót ván rồi trải chiếu lên. Mẹ tôi trả tiền công các chú không lấy. Sau đó mẹ tôi đi gặt hoặc nhổ củ dùm lại cho các chú ấy. Từ ngày có hầm mới tôi không còn sợ mỗi khi pháo bắn mà lại thích chơi súng đạn nữa chứ.

Mỗi khi mẹ đi chợ tôi lại dặn:

- Mẹ ơi! đi chợ mẹ mua cho con cây súng thiệt (súng thật) nghen?

- Ờ! Ở nhà không được chạy đi đâu xa, cây nông (pháo) nó bắn chạy không kịp đấy!

Chục lần dặn mẹ như thế và vui mừng khi mẹ về cũng chỉ được chiếc bánh bò hoặc vài tán kẹo mâm - loại kẹo trắng bột và đường từng viên bằng ngón tay, không có bọc giấy bên ngoài, để lên mâm bán. Ai mua thì bỏ vào lá chuối gói lại đem về- Chỉ một lần cuối cùng mới được mẹ mua cho cây súng nhựa màu vàng là mừng nhất.

Cuộc sống cứ thế tiếp tục. Tới mùa gặt thì mẹ và chị đi gặt, tới mùa phá củ thì cả nhà che chòi trên gò ngay đám củ để nhổ và xắt phơi ngay trên đất vài hôm củ khô mới đem về.

Một hôm. Chị Hai Biên là người bà con vừa khóc vừa chạy vào nhà tôi báo tin cho mẹ tôi:

- Mợ Ba ơi! Mẹ con bị Mĩ giết rồi.

- Giết làm sao? bao giờ?

- Mới sáng nay. Khi con vừa đi chợ nghe tin lính Mĩ đi càn vô xóm. Trưa nay khi im tiếng súng con mới dám chạy về thì nghe tin cả nhà con bị lính Mĩ ném lựu đạn vào hầm, bây giờ con chưa dám về. Nói

xong chị ngồi khóc nức nở. Mẹ tôi an ủi chị và bảo phải ở lại đây vì có thể lính Mĩ vẫn còn phục kích ở đó.

Làng của chị là thôn Bình Mĩ cách làng tôi chừng 2 cây số. Những ngày ấy bom đạn nổ hoài, những thằng bé con như tôi thì cũng chẳng biết Mĩ đi càn ở đâu, ngoại trừ khi chúng vào làng mình.

Vài hôm sau. Khi được tin Mĩ đã rút, Mẹ tôi, các cô, ông nội của tôi chạy vào mãi đến chiều mới về cho hay:

Hôm đó Du kích xã tổ chức chống càn còn dân thì rút vô hầm. Trận đó lính Mĩ chết 2 tên. Khi vào được làng gặp bất kỳ căn hầm nào chúng cũng đều ném lựu đạn vào. Mẹ chị Hai lãnh ngay trái lựu đạn, 3 người em của chị bị thương. Riêng anh Sáu thì đổ ruột ra ngoài. Cả ba đều bị lính Mĩ đưa lên trực thăng đem đi đâu mất tích. Các cô chú phải quật hầm ra mới lấy được xác của mẹ chị Hai, đã thối rữa và đặt lên một tấm ván chôn ngay chiều hôm đó một cách vội vàng.

Một buổi chiều nọ, có một chú bộ đội không biết từ đâu một mình đến xóm nhỏ của tôi. Chú hỏi đường đi về Trà Câu (bây giờ mới biết có lẽ đó là lính trinh sát) nhờ ai đó dẫn đi chứ chú không biết đường và tình hình địch ở đây như thế nào.

- Ai có thể dẫn đi bây giờ? Trời thì sắp tối.

- Ở đây chỉ có ông Tuôi là có thể dẫn chú đi - Bác gái của tôi nói

Còn tôi thì lần đầu tiên mới thấy chú bộ đội giải phóng - mặc đồ bạc màu nhưng bỏ vào trong quần bên ngoài có đeo thắt lưng to, nhiều lỗ, bên hông đeo 2 trái gùi như 2 lon cá hộp, vai thì khoác khẩu súng dài, chân đi đôi dép cao su màu đen.

Tôi thích quá chạy theo chú và mấy người đến nhà ông Tuôi ở cách nhà tôi một mảnh vườn. Sau đó ông Tuôi cùng chú đi rồi thì tôi mới chạy về.

Đến một hồi lâu sau mọi người thấy ở nhà ông Tuôi rộ lên tiếng la khóc. Tôi cùng anh chị chạy qua thì thấy chị gái con đầu ông Tuôi la

khóc nước nở.

- Trời ơi! ba con bị Mĩ bắn chết rồi!

- Bắn ở đâu? mới đi đây mà. Sao không nghe tiếng súng nổ gì cả vậy? mọi người lao nhao hỏi.

- Bị bắn ở Mương co. Má con chạy xuống dưới rồi

Sáng hôm sau có hai người phụ nữ khiêng ông Tuôi trên một cái vồng về đến đầu ngõ, người còn ướt nước, tôi đứng nhìn, không dám lại gần. Hai người phụ nữ kể rằng Chiều qua Mĩ phục kích ở mương co. Từ làng tôi đi xuống Trà Câu 4km phải qua cánh đồng Mương co. Ông Tuôi và Chú bộ đội bị bắn chết ngã xuống ruộng nên người chú bây giờ vẫn còn ướt. Ông Tuôi thì được khiêng về nhà chôn còn chú bộ đội thì dân ở xóm gần đó đem về chôn ở bìa xóm đó.

Các con của ông Tuôi thì lăn lộn kêu khóc, nhưng chúng cũng còn diễm phúc hơn tôi vì chúng còn được thấy mặt cha. Còn Ba tôi thì hy sinh khi tôi mới vừa 6 tháng tuổi. Nên tôi cũng chưa hề biết tình cảm cha con như thế nào

Sau này theo lời kể của mẹ. Cha tôi tham gia hoạt động bí mật ở địa phương từ thời Ngô Đình Diệm. Tên Phục cũng là người bà con xa ở trong xóm là Ấp trưởng, theo dõi đã mật báo với lính Bảo an ở trong huyện.

Đêm đó tên Phục dẫn lính về vây nhà bắt cha tôi trói lại. Tên Phục lục soát trong tủ thấy 6 lon sữa bò liền hỏi:

- Sữa để tiếp tế cho cộng sản phải không?

- Sữa để cho con tôi, chứ sữa nào cho cộng sản? Mẹ tôi trả lời

Tên Phục vẫn biết sữa đó để dành cho tôi nhưng hăn vẫn tịch thu.

Rồi chúng dẫn cha tôi đi trong đêm. Mấy hôm sau những người tù trở về báo tin chúng nhốt cha tôi tại chi khu Đức Phổ và tra tấn bằng gậy gộc, giày đinh, roi điện rất dã man.

Mẹ tôi và chị tôi liền chạy ra đồng bắt cua về giã vắt lấy nước đem vào để cha tôi uống sẽ tan bớt máu bầm. Nhưng vào đến chi khu

chúng lại không cho gặp cha tôi. Cha tôi bị giam phòng giam đặc biệt. Vì dù tra tấn dã man nhưng ông vẫn một mực không khai ra tổ chức bí mật. Vài ngày sau chúng dùng kiểu tra tấn cực kỳ dã man khác là treo 2 tay, 2 chân cha tôi lên xà nhà, bên dưới để một ngọn đèn ống khói (loại đèn dầu lớn) đốt rún đến khi chết.

Riêng tên Phục từ đó chạy ở hẩn trong thị trấn làm tay sai cho giặc. Sau này chiến tranh ác liệt đã bỏ chạy vào Sài Gòn. Mãi đến 1982 mới dám mò về thăm quê. Khi về đầu xóm, chưa dám về nhà mẹ ruột, hẩn ghé vào nhà em gái thăm dò tình hình. Gia đình tôi hay được liền rủ anh em, chú, cháu cầm cây gậy chạy đến ập vào nhà.

- Tất cả ngồi im! Anh tôi hô lớn

Chúng tôi chặn hết lối ra vào. Tên Phục đang ngồi trên ghế vội đứng dậy định chạy ra ngoài nhưng chú tôi giơ cây lên liền đứng lại như trời trồng.

- Tên Phục mày phải đền nợ máu!

Hẩn đứng như trời trồng, hình như vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra, thì anh tôi nói:

- Ngày xưa ông giết cha tôi là DP ông còn nhớ không?, hôm nay tôi phải đòi nợ máu cho cha tôi.

Tên Phục đã hiểu ra mọi chuyện, hẩn run lấy bầy, miệng lí nhí câu gì đó không nghe rõ.

Lúc này trẻ con trong nhà khóc ré lên, mọi người trong xóm cũng chạy đến. Sau khi biết sự việc, chỉ đứng bàn tán bên ngoài, không ai dám có ý kiến gì. Ba đứa trẻ con thì sợ quá khóc càng to, thấy vậy chú tôi nói:

- Thôi, yêu cầu ông về nhà tôi rồi tính sau!

Tên Phục run rẩy ngập ngừng thì anh tôi đưa tay đẩy hẩn ra cửa. Người em gái sụt sùi khóc, xách túi xách của hẩn chạy theo quàng vào vai cho hẩn. Chú tôi bảo tôi đi báo công an xã lên làm việc. Tôi nhờ một người anh đi báo, còn tôi phải ở lại cùng anh tôi giải quyết

sự việc tiếp theo. Về đến nhà mọi người kéo đến càng đông. Tên Phục giơng run run nói với mẹ tôi:

- Tôi biết mình đã gây nhiều tội ác nên sau ít lâu tôi bỏ chính quyền ngụy chạy vào Sài Gòn làm ăn lương thiện mãi đến bây giờ. Mong thiếu tha tội cho tôi. Bây giờ có đánh, chém tôi thì tôi cũng không dám oán trách chi. Tôi trăm nghìn lạy mọi người hãy tha tội cho tôi.

- Tội của ông làm ngày xưa bây giờ phải có chính quyền Cách mạng trừng trị, chứ chúng tôi chẳng cần đánh ông làm gì- Chú tôi nói

Nhìn tên Phục đứng run run giữa một vòng người tự nhiên tôi lại thấy tội nghiệp. Từ khi sự việc diễn ra tôi chưa nói được câu nào. Đến lúc đó tôi mới biết được người giết cha mình, còn cha thì chưa biết mặt bao giờ. Tự nhiên tôi tưởng tượng rằng 20 năm trước khi tên Phục dẫn lính đến nhà bắt ba tôi có giống như hôm nay anh em tôi bắt tên Phục không nhỉ? Chắc là không giống rồi. Vì khi ấy chúng là lính ác ôn với súng ống có thể giết người bất cứ lúc nào. Còn chúng tôi thì làm sao dám làm điều đó. Bây giờ đã hòa bình.

Lại một điều nữa là ông Phục có một cô con gái tên L. đang ở với bà ngoại trong xóm, lâu nay cũng chơi chung với tôi mà tôi chẳng hề biết đó là con của người đã giết ba tôi. Thời đó còn làm ăn tập thể. Tôi và L. cùng đi gặt, gánh phân, xới củ... hằng ngày cùng với thanh niên trong đội sản xuất của HTX. Có khi tôi và L. còn đi chơi riêng với nhau vào dịp tết, hoặc xem phim ngoài bãi. Oái ăm thay! tuy chưa nói chuyện yêu đương gì, nhưng qua những lần đi chơi đó tôi biết L. có cảm tình với tôi. L. mới 17 tuổi, ngây thơ trong trắng, có biết gì chuyện hận thù ngày xưa. Chiến tranh tàn nhẫn quá!

Lúc này hai anh công an xã đã tới, Một anh nói:

- Ông có nợ máu với nhân dân, mà chưa đi học tập cải tạo. Yêu cầu ông về xã để giải quyết sự việc!

Nghe nói thế tên Phục như khụy xuống, còn người em gái thì khóc ré lên. Rồi hai anh công an dẫn tên Phục đi.

Khi công an đi xong rồi thì Bà nội tôi lại la lớn.

- Trời ơi! chuyện ngày xưa qua rồi mà bây giờ chi thù hận nữa. Chạy theo xin tha cho nó đi

- Nó có tội thì bây giờ phải đền tội, tại sao bảo tha cho nó - anh tôi nói.

- Trời ơi, tha ngay đi! Tao nói tụi bây không nghe thì tao chết bây giờ.

Mọi người vô cùng ngạc nhiên, không hiểu tại sao bà lại thương tên Phục quá vậy?

Sau này hỏi lại bà mới nói bà rất sợ chế độ cũ nó lật lại thì chúng tôi lại phải chết. Đúng ra thì không ai nghĩ như bà. Nhưng cũng phải hiểu vì sao bà nội tôi lại sợ hãi như thế. Vì đời bà đã trải qua chiến tranh tang tóc quá dài, đã thấy nhiều cảnh chém giết lẫn nhau. Từ khi CM tháng tám 1945, bọn lí trưởng, địa chủ bị ngay những người bần cố nông trong xóm chặt đầu, rồi đến thời Ngô Đình Diệm những người CM lại bị con cái của chúng hành huyết, nên bà sợ cũng là điều dễ hiểu.

Một lúc sau, một người bác trong họ của tôi (cũng là người bà con với tên Phục) đến xin mẹ tôi tha cho tên Phục. Bác nói:

- Oán thù thì nên cởi chứ không nên buộc - Lấy oán trả oán thì oán sẽ càng chồng chất - Lấy ân trả oán thì oán sẽ tiêu tan. v.v...

Mọi người nghe bác phân tích cũng nguôi ngoai. Lát sau anh tôi chạy xuống xã thì công an xã đã dẫn lên công an huyện, đi bằng xe đạp. Tên Phục cỡi xe chở người trưởng CA xã, một du kích mang súng đi một xe khác. Không hiểu rồi sao hắn có đủ bình tĩnh mà chở người CA ngồi sau bắt mình.

Anh tôi mượn xe Honda chạy đuổi theo thì kịp, chưa vào đến CA huyện. Anh nói với trưởng CA xin tha cho hắn. Tên Phục mừng như

chết đi sống lại, hăn cúi lạy rồi rít. Anh công an nói:

- Theo đề nghị của gia đình, tôi tạm tha cho ông, nhưng không được đi đâu, khi nào Ủy Ban xã gọi là phải có mặt.

- Dạ, Cảm ơn ông!

Sáng hôm sau hăn chạy tuốt vào Sài Gòn.

Cha tôi chết chưa đầy 2 năm thì bác ruột tôi cũng hy sinh. Bác cũng là cán bộ cơ sở. Hôm ấy bác đi xới đậu ngoài gò Dinh thì mới hay lính ngự tiểu đoàn 37 Biệt động quân đi càn. Hôm ấy du kích xã đã tiêu diệt được 6 - 7 tên. Nghe súng nổ dồn dập, bác đi thẳng xuống thôn vùng 4 thì cũng gặp lính. Ông chạy vào một nhà cơ sở được chủ nhà đưa xuống hầm bí mật. Đến chiều ngộp quá phải trồi lên. Tưởng rằng chúng đã đi, ai ngờ vừa bước đi vài chục mét đã bị chúng dí súng vào hông. Chúng tập hợp dân trong xóm đứng vòng tròn để xem chúng tra tấn. Thôi thì đủ trò tra tấn nào là báng súng, giày đinh. Một phụ nữ thấy quá đau đớn chạy vào can ngăn bị tên lính đá vào hông nằm bất tỉnh. Bác tôi chửi lại, cuối cùng chúng lấy lưỡi lê đóng vào giữa trán và dùng súng bắn chết.

Có người chạy về báo tin cho ông nội tôi.

- Chú ơi! anh hai P. bị lính bắn chết nằm dưới vùng 4 rồi!

- Ai đấy mà, không phải là P. đâu!

- Chính con thấy tận mắt kia mà

- Không phải đâu, mà nhìn lầm rồi đấy.

-

Ông tôi cố không tin dù biết rằng đó là sự thật. Chưa đầy 2 năm mà 2 người con trai đầu phải chết trong đau đớn tột cùng. Sau này khi lớp 12, học bài thơ "Quê hương" của Giang Nam, tôi liên tưởng lại ông nội tôi cũng giống y tâm trạng của Giang Nam khi biết tin người vợ bị giặc giết:

"... Hôm nay, nhận được tin em

Không tin được dù đó là sự thật

Giặc giết em rồi quăng mất xác

Chỉ vì em là du kích em ơi

Đau xé lòng anh, chết nửa con người... "

Trở lại ngôi làng nhỏ không bình yên của tôi. Hôm ấy địch bắn pháo vào làng làm ông Tư bị thương nhẹ ở cánh tay, còn cụ H già lắm cảm sợ quá lấy cái nong che lại. Khi gia đình chạy về thấy cụ nằm chết dưới cái nong. Cán bộ thôn huy động một số phụ nữ đi đấu tranh.

Mẹ tôi và bác dâu của tôi khiêng bà H. Còn ông già Tư thì đi bộ đến gần đồn rồi nằm lên võng cho 2 người phụ nữ khác khiêng vào đồn. Lúc đó trời cũng đã xẩm tối. Khi vào đến cổng đồn tên lính gác hỏi:

- Các bà khiêng người đi đâu đó!

- Các ông bắn pháo vô tội vạ vào làng làm chết người dân vô tội, yêu cầu các ông giải quyết!

Tên chỉ huy đứng gần đó vội chạy lại giở mền trên võng bà H. xem thì đúng là bà đã chết máu me vẫn còn đầy mình, đến võng ông Tư hẳn cũng giở ra xem và rờ thử tay chân sao thấy còn ấm, hẳn liền véo mạnh vào mặt ông. Ông Tư đau quá la lên:

- Ối, đau quá!

- Á! ông già này muốn chết hả? thằng nào bày đầu ra chuyên đấu tranh đây?

Nói xong hắn giật súng của tên lính gác làm một băng chỉ thiên lên trời

Ông Tư vội nhẩy ra khỏi võng bỏ chạy, các bà cũng vội khiêng bà H. băng đồng chạy về. thật một phen hú vía!

Lúc này bọn Mĩ đã về đóng quân trên đồi Chóp Vung. Đồi Chóp Vung là một cụm 3 ngọn đồi cao nằm giáp giữa 2 xã Phổ Thuận và Phổ Phong, cách QL1 3km. Mĩ đóng quân trên đó sẽ khống chế cả một vùng rộng lớn. Làng tôi ở dưới chân đồi, nằm giữa 2 gọng kìm trên

đội là Mĩ, dưới quốc lộ là đồn lính ngự nên cán bộ, du kích hoạt động hết sức khó khăn

Một buổi sáng Mĩ cũng đến bất ngờ. Chú Cống là du kích (du kích khi ấy vẫn mặc đồ như dân thường), trong nhà vừa bước ra đã gặp Mĩ vào đến sân, hoảng quá chú nhảy qua bờ rào, tên Mĩ hô: Vi xi- Vi xi, và quất theo một loạt đạn, khoảng cách chỉ 10m mà không trúng. Chú chạy qua đám ruộng, tên Mĩ liền quì xuống. Mọi người trong nhà đều nhìn theo khiếp vía- vì khi Mĩ đã quì thì bắn chính xác gần như 100%. Chú chạy ngoằn ngoèo hình chữ chi, tên Mĩ bắn hết cả băng đạn mà vẫn không trúng. Những tên khác chạy đến cũng bắn tiếp theo, nhưng kì lạ thay không viên nào trúng và chú chạy xa vào trong xóm Bờ Bạ, nơi ấy lính Mĩ chưa dám đến khi chỉ một ít tên.

Giặc Mĩ kéo về đóng đồn trên núi Chóp Vung ngày càng đông. Ban đêm thấy đèn đỏ của chúng trên đỉnh đồi nhấp nháy, thỉnh thoảng chúng lại bắn hỏa châu sáng rực cả một góc trời. Hỏa châu để trong súng gì không rõ khi bắn nghe cái "Tũn" là thấy đèn sáng rực lên cháy sáng vàng như đèn tròn, phía trên là chiếc dù đường kính khoảng 6 tấc. Hỏa châu cháy và theo dù bay đi, cháy tới đâu thì phía trên tạo thành những vệt khói ngoằn ngoèo, đến gần sát mặt đất mới tắt hẳn.

Trường làng cũng đẹp hẳn, thầy giáo Hảng tham gia du kích rồi sau đó cũng hy sinh.

Mỗi tối nằm trong hầm, mẹ tôi, chị tôi lại dạy chữ cho tôi, ban ngày ở nhà, tôi lấy một thanh tre quơ qua quơ lại mặt sân đất cho phẳng rồi bẻ một cọng chổi cau (chổi làm bằng cọng của lá dừa khô) tập viết trên đó. Đặc biệt là tôi rất thích vẽ, vẽ đủ thứ: nào là nhà cửa, làng xóm, nhưng thích nhất vẫn là vẽ cảnh chiến tranh, vẽ tên lính Mĩ đội mũ sắt cao lêu nghêu tay cầm súng dài. Nhờ năng khiếu thích vẽ từ ngày xưa đó mà sau này có thời gian tôi mở tiệm vẽ chân dung, chứ chưa bao giờ học qua một lớp học vẽ nào.

Việc cảnh giác càng được chú trọng hơn nhưng vẫn xảy ra một

chuyện hết sức thương tâm.

Hôm ấy ông Chính và ông May là 2 cán bộ cơ sở của thôn đang ở nhà ông May cách đường xe lửa khoảng 100m. Trên đường xe lửa có một con đường nhỏ vào xóm, phía trước là cánh đồng. Gần đường xe lửa, chỗ đầu đường cái dẫn vào xóm là nhà cô Hiệp. Một số phụ nữ ngồi đó làm công việc may vá, chăm nón, đồng thời làm luôn công việc cảnh giới. Vì bị đường xe lửa ở phía tây che chắn nên lính Mĩ trên đồi đi xuống không ai hay, đến khi đi ngang nhà mấy phụ nữ mới thấy. Cô Hiệp liền giơ tay chào và nói lớn:

- Hello, Hello!

Tên Mĩ đưa tay lên môi trũng mắt nói: - no!

Tiếp theo sau tên thông dịch chỉ tay vào mọi người nói vừa đủ nghe: - Im ngay!

Mọi người tái mặt không dám nói thêm câu nào. Nếu bình thường thì 2 người cán bộ kia đã nghe thấy, nhưng oái ăm thay lúc đó 2 ông đang giã gạo, còn cô Rớt em ông May thì đang sàng gạo. Không một ai hay biết gì việc Mĩ đang đến gần. Khi tên Mĩ bước tới sân thì cũng là lúc nó và ông Chính thấy nhau.

Ông Chính la lên:

- Mĩ!

Ông Chính, Ông May quăng chày, và cô Rớt hốt hoảng chạy ra sau chui vào hầm tránh pháo.

Tên Mĩ cũng la lớn:

- Vi xi, Vi xi!

Các tên đi sau vội vàng chạy tới bao vây căn hầm. Tụi Mĩ trăm xí lô, xí là gì đó rất lớn, tên truyền tin thì cầm máy gọi liên tục. Tên thông dịch dòm vào miệng hầm la lớn:

- Ai ở trong hầm chui ra ngay!

Trong hầm cô Rớt nói thì thầm:

- Chết rồi hai anh ơi! Bây giờ làm sao đây?

- Thôi, em ra ngoài đi, tội anh có lẽ hôm nay phải chết rồi!
Ông May nói và đưa tay đẩy cô Rớt về hướng miệng hầm.
- Sợ lắm anh ơi! em ở lại đây có gì thì cùng chết với hai anh.
- Không được đâu! em là phụ nữ, chúng không giết em đâu, còn tội anh có ra hàng thì chúng cũng giết. Ra ngay đi!

Lúc này bọn Mĩ kéo đến rất đông, tiếng xì xồ bên ngoài thật nhiều, tên thông ngôn thì la lớn:

- Các người ra hàng đi! nhanh lên, không tao ném lựu đạn vào
Ông Chính và Ông May ra sức đẩy cô Rớt ra, cô lại khóc và bò lại.
Ông May lại nói:

- Nhanh lên đi em! anh van em, ra ngay đi!
- Nhanh lên em! kéo chết cả 3 bây giờ
Cuối cùng cô Rớt phải bò ra. Khi ra khỏi miệng hầm tên thông ngôn dí súng vào người cô.

- Còn tên nào dưới hầm nữa không?
- Còn hai người anh của tôi
- Gọi chúng lên!
- Các anh ấy không dám lên

Tên thông ngôn nói gì đó với tên mang máy truyền tin. Tên truyền tin gọi cho ai đó có lẽ là chỉ huy của hắn. Nhiều người trong xóm chạy đến đều nín thở theo dõi, lo lắng cho số phận của 2 người trong hầm.

Một lát sau một tiểu đội lính Mĩ vũ trang đầy đủ kéo đến. Chúng đặt một quả mìn lớn ở miệng hầm, rải dây điện ra xa, xong chúng dí súng vào mọi người bảo chạy ra xa. Ai nấy hoảng sợ chạy dạt ra. Một tiếng nổ long trời lở đất phá banh căn hầm, bay toàn bộ đất đắp và tà vẹt đường tàu ra xa vung vãi khắp vườn. Nổ xong tội Mĩ vội chạy lại xem xác Việt cộng, nhưng kỳ lạ thay, không hề có một vết máu hay xác 2 người ấy ở đâu.

Một tốp lính Mĩ chạy đi lùng sục các vườn lân cận, một lát sau

chúng bắt ông Đi và ông M. tới. Tên thông ngôn chạy ra sau tìm được một cái cuốc, đồng thời một tên Mĩ lấy cái xẻng mang theo bên hông và đẩy 2 người đó đến nền hầm xong ra hiệu bảo đào xuống.

Hai người run rẩy cào nhẹ trên mặt đất. Tên Mĩ giơ súng bảo đào mạnh xuống, ông Đi đào thêm vài nhát thì cả 2 ông hoảng hốt nhận ra mái tóc, 2 ông vội quay ra hướng khác đào thật mạnh lấy đất đổ lên chỗ cũ, được một lát đã đủ sâu thì ra hiệu cho tụi Mĩ là không thấy gì. Tên Mĩ ngồi gần sinh nghi bắt 2 ông moi lại chỗ cũ lên. ông Đi và ông M. tái mặt run rẩy cầm cuốc đào lại chỗ cũ rất chậm chạp. Tên Mĩ càng nghi ngờ bắt đào nhanh lên. Thôi, thế nào 2 người đó cũng đã chết rồi, hai ông vội cào đất rộng ra hai bên, tìm lại chỗ đầu tóc và moi dọc theo xác người. Mấy tên Mĩ đã thấy xác VC cùng ồ lên la ó, và tụi Mĩ cùng chạy tới trăm trồ. Người đầu tiên tìm được là ông May, xác ông Chính cũng sát bên, cả 2 ông đều ở tư thế ngồi, ông Đi và ông M. tiếp tục cào đất dọc theo xác 2 ông Tụi Mĩ xúm lại kéo 2 xác chết lên, Cả 2 đều bị sức ép của chất nổ mà chết chứ không hề có một vết máu nào trên người. Vợ ông May và cô Rớt chạy tới ôm xác 2 người kêu khóc thảm thiết.

Thì ra trước đây ông May đã đào hầm bí mật ngay dưới nền đất trong một ngách cuối của hầm tránh pháo, vì nghĩ rằng lính Mĩ chẳng bao giờ dám chui xuống hầm để tìm, nếu chúng ném lựu đạn xuống thì mình an toàn. Nhưng nghiệt ngã thay hôm đó chúng lại dùng mìn.

Tên chỉ huy nói gì đó với tên Mĩ đứng cạnh. Xong tất cả tụi Mĩ dí súng vào mọi người, lên đạn và khoát tay ra hiệu bảo đi xa. Mọi người đang ra xa rồi nhưng chúng vẫn dí súng đi tới lừa mọi người đi hết ra khỏi khu vườn đến các nhà lân cận. Mọi người kinh ngạc không hiểu chúng làm gì nữa đây, chợt thấy một tên lấy trong ba lô ra một chiếc hộp và 2 tên nữa kéo 2 chân ông May giở lên, tên kia cầm chiếc hộp đẩy vào phía dưới lưng ông May rồi kéo ông Chính

nằm sát lại.

Thôi rồi! chúng còn nổ mìn cả người chết sao? Mọi người ù té chạy nhanh ra xa thêm nữa. Một tiếng nổ rung trời, còn lớn hơn tiếng nổ lúc sáng làm vách đất các nhà lân cận rớt xuống từng mảng.

Xong xuôi, tụi Mĩ lục tục kéo nhau lên đồi. Mọi người ùa chạy tới. Một hố sâu hơn cả hố pháo 105, xác 2 người chẳng thấy đâu. Chạy tìm thấy xác ông Chính văng xa hàng chục mét, đứt nguyên cả một cặp giò vắt còn dính trên bụi tre, còn xác ông May thì tan nát. Tiếng la khóc vang dậy cả xóm. Vợ ông May bò lê lét dưới đất nhặt từng miếng thịt, mọi người đều chạy khắp vườn và bắc thang lên bụi tre gỡ lấy từng miếng thịt nhỏ vắt vẻo trên đó xuống. Tìm kiếm mãi đến chiều mà xác ông May chỉ gom được một mủng diễn thịt. (Mủng diễn là loại mủng nhỏ dùng để hốt lúa - đường kính khoảng 40cm).

Khi nổ mìn lần 2 xong, bọn Mĩ chưa đi mà bắn chết 2 con heo của cô Rớt và đốt nhà. Lửa đang cháy rần rật, một tên Mĩ xách một gàu nước rồi bảo một số phụ nữ đem ra mỗi người một cái chén ăn cơm múc từng chén nước hắt lên chữa lửa. Cô Rớt vừa khóc vừa phải làm cái công việc kỳ quặc đó. Còn tụi Mĩ thì ngồi cười ngoặt ngoẻo. Chưa hết! Khi nhà đã cháy sắp tàn, ai nấy đều lăm lem, chúng bắt chúng bắt cô Rớt, bà Đ. (đang bụng bầu) và cô Q. cởi hết quần áo. Một tên Mĩ xách nước xối lên người các cô bắt kì cọ, còn tốp lính Mĩ kia thì ngồi gần đó xem, chỉ trỏ và cười hô hố. Thật là một hành động man rợ và kì quặc chỉ có ở lính Mĩ!

Sáng hôm sau cô Q. (lúc đó chưa có chồng) xấu hổ quá bỏ đi Sài Gòn biệt tích.

Tội ác của giặc Mĩ đã lên đến cực điểm! Mỗi khi kể lại ai cũng kinh hoàng. Riêng cô Rớt đến bây giờ vẫn ở một mình không có chồng con, trên nền nhà cũ, hương khói cho ông bà và anh trai trong một căn nhà tình nghĩa được xây cách đây 5 năm với giá 7 triệu đồng. Dù đã 80 tuổi, mắt mờ lòa nhưng chuyện cái ngày kinh hoàng đó cô vẫn

nhớ từng chi tiết nhỏ.

Đồi Chóp Vung, trên đỉnh có trạm thu sóng của Viettel. Trụ đèn là tín hiệu của giao lộ đường sắt và đường Cái Mới (là con đường trong hình, do Linh Mỹ làm). Ngay giao lộ đó, theo đường sắt về hướng nam khoảng 500m là đến địa điểm nổ mìn kinh hoàng đó.

Sau này học bài thơ "Nghe tin em vào đại học" của nhà thơ Giang Nam, tôi thấy giống y như cảnh của làng tôi khi ấy

"... Miền Nam em ơi còn nhớ?

Kháng chiến năm nào gian khổ

Đồn giặc bủa vây thôn xóm điêu tàn

Trường giặc đốt rồi còn lại mảnh trăng

Giữa hai trận càn anh dạy em học chữ

Nét than đen vẽ lên tường gạch đỏ

Những lá cờ sao bên những vòng tròn..."

Giang Nam còn được viết chữ lên tường gạch, chứ làng tôi lúc đó ai có nhà tường đâu. Nhà tranh vách đất hoặc nhà giàu thì nhà ngói vách đất. Vách làm bằng những miếng tre ngang dọc, lấy rơm đập với đất nhão đem trét lên rồi tô cho láng bên ngoài để che rơm ở bên trong.

Trường làng tôi cũng bị pháo bắn cháy. Anh chị tôi nghỉ học, Tôi thì được mẹ và chị tiếp tục dạy chữ và các phép toán cộng, trừ vào ban đêm trong căn hầm với chiếc đèn hột vịt và một cây bút chì với một quyển vở nhàu nát. Ban ngày thì với cái sân đất và cọng chổi cau, nào là viết chữ, làm toán, nào là vẽ hình máy bay, xe tăng,...

Thời gian này (khoảng năm 1967) máy bay Mỹ sao mà nhiều thế! Chúng bay như chuồn chuồn. Nào là máy bay phản lực bay rất cao, phía sau có một vệt khói dài, máy bay hai thân như cái bừa xốc ruộng, máy bay Moranh còn gọi là máy bay Bà già, bay rất thấp chậm rề rà như bà già, thấy rõ từng cái bánh xe dưới bụng. Tàu rọ

thì giống như chiếc trực thăng HU-1A nhưng có lồng kính phía trước thấy rõ 2 tên phi công ngồi bên trong. Loại tàu rọ này nguy hiểm lắm, chúng bay đi tìm kiếm bắt chết hoặc bắt sống người. Thấy ai tình nghi nó rà lại ngay trên đầu thả thang dây xuống, hai tên Mĩ đứng trên máy bay chĩa súng đại liên ra hiệu bảo người bị bắt bước lên thang dây. Phụ nữ thì có khi chúng bắt đem đi, có khi chúng lại ra hiệu cởi truồng giữa đồng cho chúng xem, rồi bay đi.

Một hôm, tôi nghe ngoài ngõ ồn ào, mọi người chỉ trỏ cái gì trên trời. Tôi liền chạy ra xem thì Ô kìa! trên trời có 3 chiếc Sâu róm (máy bay 2 chong chóng CH 47) nó bay trên trời cao, chậm chậm nhìn xa 2 cánh quạt nhấp nhá giống như con sâu róm. 2 chiếc đi đầu câu dưới bụng 2 xe M113, còn chiếc đi sau, ngộ chưa! dưới bụng là một cái túi lưới bên trong có một con bò to, 4 chân bò lọt qua lỗ lưới quẫy quẫy trên không trung trông thật vui mắt.

Trong hoàn cảnh như thế, không hiểu chị tôi vẫn học ở đâu được nhiều bài hát CM về dạy lại cho tôi, mà bây giờ tôi vẫn còn nhớ được một vài đoạn như:

"Chiều nay tôi đứng trên Trường sơn
Lòng tràn đầy vui sướng mùa lúa thơm dạt dào
Dòng sông đưa nước về xuôi
Theo bóng nương ngô cùng bông con phát cờ..."

Sau này mới biết đó là bài hát "Vui mùa chiến thắng" của nhạc sĩ Văn Chung.

Hoặc là bài "Em đổ mẹ em "
" Em đổ mẹ em Mĩ rơi bao máy bay?
Em đổ mẹ em đếm trên đầu ngón tay
Mẹ bảo nhiều thôi không sao em đếm được
Máy bay giặc Mĩ nó rơi hằng ngày

Người chết thì cứ chết, người sống vẫn phải làm việc. Hằng ngày dân làng vẫn đi gặt lúa hoặc lên gò phát mía, xới củ... Gặt lúa thì

đập trong cái bồ đan bằng tre vây kín 3 mặt, cao 2,5 m, rơm phơi ra thẳng hàng, 2 ngày sau khô rồi cuốn lại và gánh về cho trâu bò ăn. Những khi phát mía thì tôi thích nhất, được theo và tha hồ ăn mía. Chú tôi bắt đầu tập xóc mía và gánh. Nhưng kìa! Mọi người đều gánh 2 bó mía nằm ngang, còn chú thì hai bó mía lại dựng đứng. Ai cũng cười ồ.

- Ủa? mày đi bán chiếu phải không T.? Ông tôi cười hỏi

- Sao con cũng xóc vậy mà nó không chịu nằm ngang.

Chú đi được một quãng thì bó mía vướng vào một bụi cây, sút ra, ông tôi phải chạy đến xóc lại rồi đặt lên vai cho chú

Chú tôi chưa biết xóc mía nên khi gánh lên đầu nặng quay xuống giống như mấy người đi bán chiếu. Muốn cho bó mía nằm ngang thì phải canh ngay giữa bó và xóc đầu nhọn của đòn xóc chẻ vào giữa 1-2 cây mía thì khi giở lên bó mía mới nằm ngang và gánh đi dễ dàng không bị vướng vào bờ bụi.

Nhà ông tôi có một lò nấu đường dựng ở dưới lùm tre. Dưới lùm tre dựng 3 ông che, mỗi ông che là một đoạn gỗ hình trụ cao khoảng 1,2m, đường kính 5 tấc, phần trên đẽo thành răng cưa làm nhông. 3 ông che đặt cạnh nhau đứng cố định sao cho các nhông ăn khớp. Ông che giữa, phía trên nổi ra một tay đòn bằng gỗ dài nằm ngang, đầu kia của đòn gỗ được mắc vào vai con trâu hoặc bò. Tôi được phân công cầm roi lừa bò đi vòng tròn để ông che giữa quay tròn kéo theo 3 ông che đều quay. Những người lớn thì ngồi trong cái vòng tròn ấy cho che ăn mía. Mía được đưa vào kẽ giữa của 2 ông che, mía bị ép nghe rào rào thích lắm. Thỉnh thoảng có người khác đánh bò tôi cũng nhảy vào cho che ăn mía. Xóc mía ép xong dùng để đốt lò.

Nước mía được múc vào thùng đem đổ vào chảo nấu. 3 chảo nấu to bằng gang được đặt trên lò nấu xây bằng gạch. Nước mía ép ra cho vào chảo thứ nhất nấu sôi, vớt bọt bỏ đi rồi cho vào chảo thứ hai nấu tiếp, rồi lại vớt bọt. Chảo thứ 2 nấu xong gọi là nước chè hai.

Múc nước chè hai đang nóng để uống thì ngon tuyệt. Mùi mía thơm, nước nóng vừa uống sẽ làm tan biến bớt nhọc nhằn. Nước chè hai đổ vào chảo thứ 3 nấu cho keo lại thành đường. Khi đường vừa tới (vừa chín) thì mức đổ vào muống. Muống đường làm bằng đất nung hình phễu. Đáy phễu có lỗ để rút mật. Khoảng 3 ngày thì đường cứng lại, dùng dao đục ra từng miếng. Miếng đường màu nâu, đem ra chợ bán hoặc để ăn dần. Công việc nấu đường phải có thợ nấu thì đường mới keo lại được và miếng đường mới sáng, mới thơm ngon.

Khi mức đường ra muống thường thì còn mức ra nhiều chén, tô... để ăn và cho người quen, gọi là đường dẻo. Đi làm về nắng nóng, được tô đường dẻo, cầm đũa dích lên ăn, vị ngọt của đường như thấm vào từng khúc ruột. Bây giờ không ai ép đường thủ công nữa nhưng mỗi khi nhắc lại đường dẻo thì cũng chảy nước bọt đấy.

Đến mùa thu hoạch củ mì, đậu phụng, Cả nhà quây quần bên nồi củ mì gòn nấu chung với đậu phụng nghi ngút khói. Đến mùa gặt, lấy một ít lúa tươi để giã cốm. Mẹ tôi thì rang lúa, chị tôi cùng cô Hiệp cầm chày giã thật nhanh, đến nửa hiệp thì dừng lại, tôi cầm sẵn cái vá trộn lên và bỏ vào một ít muối và hai chị tiếp tục giã đến khi hạt lúa dẹp lép mới thôi. Dem thứ đó đi sàng sảy hết vỏ trấu là thành cốm. Mọi người cùng ăn cốm, nói chuyện. Hạt cốm thơm lừng mùi lúa mới, nhai nghe rào rào trong miệng thú vị làm sao.

Những công việc hàng ngày, những niềm vui nho nhỏ đó nhưng lại là niềm hạnh phúc lớn lao giúp gia đình tôi cũng như những người dân trong làng tiếp tục sống trong máu lửa của cuộc chiến tranh mà chẳng biết khi nào mới kết thúc.

Sáng hôm ấy tôi cùng mẹ và anh chị lên gò nhổ củ mì. Tôi thì không nhổ nổi bụi củ vì đất rất cứng và củ đan dày. Chị tôi lấy cuốc đánh rãnh để mẹ tôi nhổ lên, tôi có nhiệm vụ bẻ củ mì bỏ vào thúng. Nhìn lên đồi Chóp Vung thấy lính Mĩ đi lại trên đó. Chúng rào kẽm gai vây quanh đồi mãi đến tận những rẫy mì của dân, tới hết chân

đôi xa hàng mấy trăm mét. Có nhiều đám rầy lọt vào hàng rào thì phải bỏ hoang. Gom củ một hồi lâu, tôi không thêm gom củ nữa mà chạy rượt theo những con cào cào, có nhiều con to bằng ngón tay cái, rất đẹp. Tôi chạy đuổi theo một con Cào cào to nhất, từ đám này qua đám khác mà vẫn chưa bắt được. Chạy đến gần hàng rào thì nó lại bay vào trong hàng rào. Đến đó tôi phải dừng lại, cúi xuống lượm một cục đá ném theo, thì thật ngạc nhiên thấy một lũ quạ đen bay toáng lên, kêu: Quạ, quạ... Hàng mấy chục con đang ăn cái gì đó thấy động bay lên dáo dác đậu xuống những nơi gần đó. Khu đó là nơi đổ hổ rác của Mĩ, nhìn xa thấy đủ thứ hỗn độn, nào là thùng caton, vỏ đồ hộp..., rác rến đủ loại. Lát sau lại thấy bầy quạ bay đến chỗ cũ chúng tranh ăn cái gì đó, có lẽ là trúng một thùng bánh mì hay thịt gà còn thừa của Mĩ.

Lúc này tôi nghe tiếng mẹ gọi tìm tôi, tôi vội chạy về.

- Nãy giờ sao con không hốt củ mà chạy đi đâu thế? mẹ tôi hỏi

- Con Cào cào đẹp quá, con đuổi theo mà bắt không được, nó bay vào trong di (hàng rào kẽm gai) mất rồi

- Trời ơi! sao con ngu thế? Chỗ bờ di nhiều mìn bầy lắm, không được đến gần đó nữa nghe chưa.

- Trong gần bờ di có hổ rác của Mĩ, chắc nhiều đồ hộp lắm. Con thấy quạ ăn thứ gì ở đó mà nhiều lắm

- Nghe nói có người vào hổ rác tìm kiếm bị Mĩ bắn chết rồi đấy. Đừng có dại mà chết nghe con

Những hôm sau theo anh chị đi thả bò tôi vẫn lại gần bờ di để nhìn vào vẫn thấy đàn quạ đen kêu quát quát và kiếm ăn ở đó.

Buổi tối ở nhà ông nội, tôi lại kể chuyện muốn lên hổ rác Mĩ tìm đồ hộp vì nghe anh tôi nói tụi chăn bò ở xóm ngoài có đưa vào tận hổ rác lượm được rất nhiều đồ hộp.

Ông tôi nói:

- Mày lên đó tìm xác người thì có. Có người chết trên đó đấy!

- Ông dọa con chứ có nghe ai chết trên đó đâu.
- Có đấy! nhưng người chết không phải là người ở vùng mình.

Rồi ông kể.

Cách đây mấy tháng lính Mĩ đi hành quân ở đâu đó bắt được 2 người đàn bà và một người đàn ông. Chúng chở bằng trực thăng đưa thẳng về đồi Chóp Vung, nhốt một đêm để khai thác. Sáng hôm sau chúng thả hai người đàn bà về, còn người đàn ông bị giữ lại. Tối đó người đàn ông trốn đi, xuống gần chân đồi thì chúng phát hiện và bắn chết. Vì vẫn còn nằm trong di nên chẳng ai dám đến mà xem. Chắc mấy tháng nay mưa gió thân xác ra tro rồi.

- Sao ông biết thế?

- Mày nhỏ không biết chứ ở xóm ngoài ai mà chẳng biết. Hôm đó tao gặp 2 người đàn bà được Mĩ thả về

- Ôi! khủng khiếp quá.

Từ đó mỗi khi lên gò tôi cũng chẳng dám bén mảng đến gần hố rác nữa.

Thời gian này cuộc sống vẫn trôi đi bình thường. Người dân ban ngày vẫn ra đồng và lên gò trồng củ, phát mía... nhưng đến 4 h chiều là phải lo trở về. Đàn ông trung niên thì một số bắt đầu sống hợp pháp. Nghĩa là khi Mĩ đến vẫn ở nhà không chui xuống hầm bí mật. Có người chúng tình nghi, bắt đem đi bằng trực thăng vào Gò Hội (TT Đức Phổ) giao cho chính quyền ngụy, nếu chúng không thấy có trong danh sách đen thì chúng lại thả về.

Chính quyền ngụy ở các xã thôn đều có. Từ khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ và anh em Diệm, Nhu bị giết chết thì Ấp chiến lược cũng bị Cách mạng phá tan tành, nhiều nơi trở thành vùng Giải phóng. Tại ấp trưởng, dân vệ... đều chạy vào ở trong thị trấn, chỉ khi nào có lính Mĩ hay ngụy hành quân chúng mới dám theo về.

Một buổi sáng anh chị tôi đi xới củ trên gò về, trên tay mỗi người đều cầm một bọc gì đó mà mặt mày ra vẻ hớn hở lắm. Tôi chạy ra

xem sao, chị nói:

- Mà biết cái gì đây không?

- Gì thế chị?

- Quà đặc biệt, chắc chắn là mày sẽ thích thú vô cùng

Nói rồi chị đặt túi bọc giấy cacton xuống và mở ra, thì ôi thôi! nào là kẹo, một hộp bánh gì màu nâu mà tôi chưa thấy bao giờ và 3 lon đồ hộp còn mới nguyên.

- Chị gặp Mĩ nó cho kẹo à?

- Trên hố rác Mĩ đấy

- Chị dám lên hố rác? chỗ đó có mìn nhiều lắm mà, bộ chị không sợ Mĩ bắn sao?

- Sáng nay túi thả bò tràn vào đó đông lắm, có đứa còn kiếm được cả nguyên một thùng đồ hộp chưa khai nữa kìa, không có mìn đâu, mấy bữa trước túi nó cũng lén vào nhưng lính Mĩ chỉ bắn dọa chỉ thiên nên mấy hôm nay nhiều người đi lượm đồ hộp trên đó lắm. Hôm nay ở đó cũng có mấy tên Mĩ lái xe chở rác đến đổ.

- Ôi! thích quá đi. Chiều nay chị cho em đi với nhé

- Mày không đi được đâu, trên đó có người chết đấy

- Ai chết vậy? À! người chết cách đây 4-5 tháng mà ông nội kể chứ gì?

- Đúng rồi đó! nhưng bây giờ ăn hết rồi, chỉ còn xương thôi.

Thôi đúng rồi! chẳng lẽ bây giờ đến tôi vẫn thường thấy mỗi khi lên gò lại ăn xác chết đó sao? kinh khủng thật. Ai lên gò cũng thấy bây giờ đó, hàng trăm con chứ ít gì.

Anh tôi chạy đi lấy dao phay khai lon đồ hộp, anh cũng lượm được 5 lon còn mới và thêm mấy cái muỗng inox bóng loáng. Lon đồ hộp bên trong có 3 lát chả. Tôi lấy muỗng múc ăn, mùi chả bay lên thơm, nước chả thì ngọt thơm mùi rất dễ chịu. Ba chị em tôi ăn hết 3 lon chả rồi ăn tới bánh gì màu nâu, bánh có 4 khía, mỗi khía bằng 2 ngón tay, ăn vào dẻo dính trong răng và bay mùi thơm, sau này mới

biết đó là bánh socola. Từ trước đến lúc này tôi chưa bao giờ thấy thứ bánh và chả ngon như thế. Trưa hôm đó cả nhà được ăn cơm với thịt hộp rồi tráng miệng bằng kẹo socola của Mĩ. Thật là bữa ăn ngon nhất từ trước đến giờ.

Hố rác Mĩ làm kích thích trí tò mò của tôi cộng thêm với sự việc có người chết làm tôi càng thêm muốn lên đó.

- Lên đó gặp người chết, mày có sợ không? quạ ăn hết rồi bây giờ chỗ đó cỏ lên xanh như hình người nằm ghê lắm -anh tôi dọa

Chiều đến tôi chuẩn bị một chiếc túi xách để bỏ đồ lượm được, theo anh chị và mấy anh em con bác hai đi lên hố rác Mĩ. Khi gần đến nơi đã thấy rất nhiều người ở đó, người thì dùng tay bươi đồ rác ra, có người thì đem theo cuốc đào xuống. Tôi vội vàng chạy đến cũng bươi ra trong đống vỏ lon, cũng tìm được 2 lon đồ hộp còn nguyên, sau đó tìm mãi không có gì thêm.

Hố rác là một cái hố do xe ủi đào xuống để đổ rác, đổ không hết, chúng đem đổ tràn ra chung quanh, tôi chạy lại chỗ anh D. hỏi xem anh tìm được những gì. Anh bảo tôi.

- Mày lại chỗ kia tìm, chỗ đó chưa có ai tìm, chắc là có đồ hộp đấy.

Tôi chạy lại theo tay chỉ của anh D. đến mấy thùng cacton nhưng chẳng thấy gì. Tôi nói:

- Có gì đâu anh?

- Đó, lon đồ hộp sau lưng mày đó

Tôi quay lại thì hỡi ơi! trước mặt tôi là một cái đầu lâu có 2 hốc mắt nhìn tôi chăm chăm.

Á! kinh khủng quá!

Tôi ù té chạy, còn anh D. thì đứng cười như nắc nẻ. Tôi chạy đến chỗ anh chị tôi đang lúi húi tìm đồ, kể lại việc thấy đầu lâu, anh tôi cười nói:

- Hoảng chưa? tao đã bảo ở nhà mà không nghe

- Không sợ đâu, bây giờ lại xem - tôi nói

- Thôi lo tìm ít đồ nữa rồi về - Chị tôi nói.

Anh chị tôi tìm thêm một hồi được một cái dao găm, khoảng 7-8 lon đồ hộp và một ít thìa, muổng rồi cùng tôi đi lại chỗ cái đầu lâu. Lúc đó cũng có nhiều người đứng xem. Đến gần mới nhìn rõ xác người chỉ còn một cái đầu lâu với 2 hàm răng còn nguyên, kế bên là một hình tượng thật khủng khiếp. Chỗ cỏ xanh tốt theo dáng một hình người nằm, tốt hơn nhiều so với cỏ bên ngoài.

- Trời ơi! chẳng lẽ người chết hiện hình lên như vậy sao? Tôi hỏi mọi người.

- Thân người lâu ngày rã thành phân nên cỏ mới tốt như thế đấy! Một người khác nói.

- À! đúng vậy, nhưng nghe nói quạ ăn hết xác rồi mà

- Chết cả tháng rồi tao mới thấy bầy quạ đến ăn - tao trông củ mì dưới kia ngày nào không thấy chúng. Thịt rã ra thấm vào cỏ nhiều lắm làm sao quạ ăn được hết.

- Ôi! khủng khiếp quá!

Không một ai biết người nằm đó là ai, ở đâu. Gia đình của họ thì chắc cũng chỉ biết bị Mĩ bắt đi biệt tích, chứ chẳng biết sự việc thảm thương như thế này. Ôi chiến tranh, sao nhiều đau xót thế?

Trời đã về chiều, mọi người vội vã ra về, ai cũng kiếm được một ít đồ hộp, dao thìa... riêng ông T. thì đào được một thùng đồ hộp còn nguyên dưới đất.

Mấy hôm sau, tôi cũng thường theo anh chị đi moi hố rác, moi ở chỗ cũ, thế mà lần nào cũng kiếm được đồ hộp.

Hai tháng sau. Một buổi sáng chợt thấy trực thăng Mĩ bay thật nhiều và đáp xuống trên đồi Chóp Vung. Đến trưa những chiếc trực thăng ấy lại bay lên, mang theo dưới bụng những khẩu súng cối, những thùng đạn, và bên trong thấy lúc nhúc nhiều lính Mĩ. Chúng chuyển quân đi đâu thế nhỉ? Gần 2 năm ở đây, chúng đã gây biết bao tội ác cho làng tôi, bây giờ chúng lại đi gây tội ác ở đâu nữa?.

Tối hôm đó không còn thấy đèn nhấp nhá trên đồi Chóp Vung. Thế là bọn Mĩ đã rút quân. Quê tôi lại thành vùng giải phóng. Mọi người lại đổ ra đường, vui như ngày hội.

Hai hôm sau, có một cuộc mít tinh vào buổi tối tại nhà ông nội tôi. Cán bộ ở đâu về có nhiều người lạ lắm.

Tối hôm đó mấy cán bộ trong thôn đến sớm dẫn theo 4-5 người lạ, có người mặc đồ đen, có người mặc đồ bộ đội, có 2 anh bộ đội nói tiếng bắc, mỗi người mang một khẩu súng dài. Tôi thích lắm, cứ đứng gần chỗ 2 anh ấy để xem khẩu súng và nghe tiếng nói trọt trẹ ấy.

Một cái bàn được kê ra, trên bàn để một cái đèn hột vịt. Ông tôi lấy một cái nong dựng trên cái bàn, phía sau chống một khúc tre. Hai người khác treo một lá cờ giải phóng lên cái nong ấy - Lá cờ nửa xanh nửa đỏ ở giữa có cái sao vàng. Một người lấy trong túi xách mang theo ra một tấm hình một cụ già để trên bàn dựa vào cái nong ấy. Tôi liền hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! hình ai vậy mẹ?
- Hình Cụ Hồ đấy
- Cụ Hồ là ai vậy?
- Cụ Hồ là người lãnh đạo dân mình đánh Mĩ đó

Thế là từ đó tôi mới biết được Bác Hồ mà sau này vẫn thấy ảnh Bác Hồ trong các buổi mít tinh ở vùng giải phóng, hay được nghe tiếng "Hồ Chí Minh" nói rất nhiều trong đài báo của cả bên ta và bên địch.

Mặc dù vẫn sợ bắn pháo nhưng người dân đến dự mít tinh đông lắm. Một người cán bộ ở nơi xa đến nói chuyện về tình hình Mĩ - Ngụy gây chiến tranh ở đâu, nhân dân phải làm gì khi chúng đến, phải tổ chức làng chiến đấu ra sao, chống càn bằng cách nào. Ông còn kể chuyện diệt Mĩ ở nhiều nơi khác cho mọi người nghe. Ai nghe cũng phấn khởi và hả dạ lắm. Tiếng xì xào bàn tán xôn xao.

Phần sau tới một người khác nói

**chuyện về việc kêu gọi thanh niên lên
đường tham gia vào bộ đội giải phóng.
Lúc này đã khuya, tôi vẫn thích ở lại
xem cuộc mít tinh nhưng mẹ tôi kéo
tay tôi bắt phải về nhà ngủ.**

Sáng hôm sau ngủ dậy, tôi đã thấy 5 người cán bộ đó ở trong nhà tôi. Một người mang một ruột ghé gạo đưa cho mẹ tôi nấu cơm - Ruột ghé là cái bao đựng gạo bằng bắp chân rất dài dùng vắt ngang vai để mang gạo đi dễ dàng - Thế là từ đó nhà tôi có thêm 5 người cán bộ ở trọ lại. Họ làm công tác gì thì tôi không được biết, chỉ biết rằng nhà mình bây giờ có đông người rất vui.

Các chú ấy giúp mẹ tôi đánh tranh lợp lại mái nhà, có khi đi nhổ củ mì cùng mẹ con tôi. Lúc rồi rãi có chú còn dạy tôi học chữ, có chú hớt tóc cho tôi.

Thời gian này sao ít thấy pháo bắn vào làng, làng xóm thật yên vui. Chị em tôi được các chú dạy cho nhiều bài hát như bài gì sau này vẫn nghe hát nhưng tôi quên mất đầu đề.

"Sáng nay em đi chợ sớm
tìm mua một vuông vải trắng
đem về thêu chiếc khăn tay.

Chỉ hồng thêu một cành mai
cùng đôi chim én lượn ngay trên cành..."

Có phải là bài "Chiếc khăn tay không nhỉ?

Rồi một số bài hát theo điệu dân ca Bài chòi của Liên khu 5 như:

"Hò hơ... Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước

Hãy chọn một dòng hay để nước trôi.

Tiếng ai hò vời vơi giữa canh thâu

Hay sông núi gọi ta em nhỉ?
Phải không em, đó là lời thề non sông kêu gọi ta lên... đường.
Mười năm chất chứa oán hờn
Núi sông nay đã mở đường cho ta
Đường từ ngục tối đi ra
Đôi chân rướm máu băng qua đêm dài... "
Và đặc biệt là bài "Em là đứa trẻ mồ côi "
"Em là đứa trẻ mồ côi
Cha em đã chết từ hồi năm lăm (1955)
Bởi quân khốn nạn dã man
Đã gây bao cảnh cơ hàn chia phôi
Mẹ nghèo lận đận nơi nơi
Mẹ than con khóc mồ côi hỏi trời!
Cha em chúng đã giết rồi
Hồi em đâu mới lên hai tuổi đầu

Phản thi bà nội đui mù

Bây giờ chẳng biết nương nhờ cậy ai
Tám năm sống cảnh lạc loài
Không người dạy dỗ, không ai chỉ bày
Hôm nay bộ đội về đây
Đánh tan Mĩ - Diệt dựng xây xã nhà
Bùi ngùi con nhớ bóng cha
Hai hàng nước mắt tuôn ra đầm đìa... "

Bài hát rất đúng vào tâm trạng và hoàn cảnh của tôi lúc ấy, nói đúng hơn là tâm trạng của anh chị tôi, vì khi cha mất là lúc anh và chị tôi lên 5 - 10 tuổi, đã chứng kiến cảnh hy sinh đau đớn của cha tôi. Còn tôi thì chưa đầy một tuổi.

Mỗi lần chị tôi hát bài đó theo làn điệu dân ca Bài chòi ai oán, đến đoạn cuối thì cũng "nước mắt đầm đìa" và ai nghe cũng đều rơi lệ.

Các chú cán bộ ở nhà tôi được khoảng một tháng thì lại ra đi, đi

đâu tôi cũng không biết. Nhưng kể từ ngày các chú ấy ra đi, tôi rất buồn, không còn ai dạy tôi hát, không còn ai kể chuyện cho tôi nghe và làng tôi có còn được hưởng những ngày vui thanh bình như thế nữa hay không?

Một thời gian sau, vào một buổi chiều tối ông Th., bà Tùng là cán bộ trong thôn đến nhà nói với mẹ tôi:

- Tối nay chị chuẩn bị cho 20 vắt cơm!
- Để cho ai vậy chú? - mẹ tôi hỏi lại
- Để bộ đội đến nhận ăn đánh đồn. Tôi đã đi đến các xóm huy động rồi, mỗi xóm 20 vắt cơm. Bà Tùng nói.
- Được rồi! tôi sẽ đi gọi các nhà, và ai sẽ đến lấy cơm?
- Khuya tôi sẽ dẫn người đến nhận.

Nói xong hai người ấy đi. Mẹ tôi liền chạy đi huy động các nhà trong xóm mỗi nhà nấu một ít rồi gom lại nhà tôi.

Chị tôi bắt cơm lên rồi rang đậu (đậu phộng), tôi thì giúp chị lột vỏ đậu để chị giã muối mè. Cơm chín thì mẹ tôi ra vườn rọc lá chuối đem hơ trên bếp lửa cho mềm, sau đó bới cơm ra lá chuối. Muối đậu đã giã xong bỏ vào giữa mỗi vắt cơm. Xong xuôi cuốn lá chuối lên như gói bánh tét thành nhiều lớp, cuối cùng lấy dây chuối buộc lại bên ngoài thành từng cục. Mỗi cục gọi là một vắt cơm. Các nhà khác cũng đã đem cơm tới, không biết họ bỏ thức ăn gì trong mỗi vắt cơm nhưng vắt nào cũng buộc bằng dây chuối chắc chắn, rờ bên ngoài vẫn còn nóng hổi, và gom lại nhiều hơn 20 vắt. Thật cảm động, trong chiến tranh, mọi người đóng góp cho cách mạng một cách vô tư không hề đòi hỏi điều kiện gì.

Đến gần khuya thì ngoài đầu ngõ nghe nhiều tiếng nói lao xao. Tôi cùng anh chị chạy ra thì thấy có rất nhiều bộ đội đang đi đến.

Ôi! Lần đầu tiên tôi thấy bộ đội mình đông thế này. Người nào cũng có súng, có người vác khẩu súng gì mà có cái hai chân dạng ra như chữ A. Trong màn đêm tôi không thấy hết được bao nhiêu người

nhưng mà đông lắm. Bà Tùng chạy đến cùng với một chú bộ đội vào nhà tôi để nhận cơm vắt. Chú ấy nhận cơm bỏ vào một cái ba lô và luôn nói lời cảm ơn với mẹ tôi bằng tiếng trọ trẹ.

Vậy là đêm nay mình đánh lớn rồi. Mọi người bàn tán xôn xao. Ai cũng hớn hở ra mặt. Rồi đoàn quân ấy tiếp tục đi về phía cuối làng.

Gần sáng hôm sau, khi đang ngủ thì tiếng nói lao xao của mẹ tôi và anh chị làm tôi thức giấc.

- Gần sáng rồi mà sao vẫn còn nổ dữ vậy hè? - chị tôi nói

- Đồn Chợ Chiểu chúng làm kiên cố lắm, súng nổ cả tiếng đồng hồ rồi mà vẫn chưa dứt.

Tôi vùng dậy chạy ra sân, nhìn qua cánh đồng thấy ánh chớp sáng lóe kèm theo nhiều tiếng nổ to nhỏ của các loại súng làm rung chuyển màn đêm yên tĩnh. Thỉnh thoảng lại có tiếng nổ lớn và ánh chớp lại lóe lên.

Trời ơi! Các chú bộ đội mà tôi gặp đêm qua bây giờ đang ở chỗ vùng lửa đạn đó sao? Có ai bị sao không? Tôi thầm mong không ai bị việc gì.

Trời đã sáng hẳn. Chị tôi chạy ra ngoài đường, một lát chạy vào la lớn:

- Mẹ ơi! ra mà xem, dưới đồng có nhiều người khiêng văng lắm.

Mẹ và anh em tôi chạy ra, lúc đó trong xóm cũng có nhiều người đi ra đường đứng đó. Nhìn xuống cánh đồng có nhiều bộ đội đi lên cùng với nhiều người dân khiêng thương binh, tử sĩ đi tới.

- Thôi rồi! Bộ đội của mình sao chết nhiều thế kia

- Súng nổ nhiều quá mà sao không chết được - Mọi người bàn tán.

Chiếc văng đầu tiên do hai người đàn ông đã khiêng tới. Trong văng là một chú bộ đội mặt trắng bệch nằm như ngủ, trên ngực loang lổ máu. Một người bộ đội khác mang một túi xách (có lẽ là y tá) lạng xăng chạy theo. Tiếp theo sau là mười mấy chiếc văng nữa cũng do những người dân khiêng (là dân công hỏa tuyến) đi đến. Ai cũng bu

lại xem. Có chú nằm trên võng rên la quằn quại, có người chết nám đen.

Những người chết thì họ khiêng thẳng ra phía sau làng tôi, những người bị thương đem đặt trước sân nhà ông tôi. Có 5 người thương binh được đặt xuống. Có một chú luôn miêng rên la:

- Mẹ ơi! đau quá - Khát nước quá, cho tôi miếng nước

Anh tôi liền chạy đi múc một gáo dừa nước mang tới. Người y tá đưa tay ngăn lại, nói:

- Không được!

Tôi đứng đó thấy xót xa cho chú thương binh quá và thầm trách người y tá sao không cho chú ấy uống nước. Người y tá thì lảng xãng chạy qua chỗ người này, người kia. Bỗng một người dân công la lên:

- Ôi! anh ấy chết rồi!

Mọi người đổ dồn về chỗ ấy thì thấy người thương binh đòi uống nước khi này đã chết, đầu ngoẻo sang một bên, da trắng bệch, bên hông máu vẫn ra nhiều quá.

Lúc này bộ đội từ dưới đồng đi lên nhiều lắm cùng với những võng khiêng tòng ten. Người nào cũng phờ phạc và sạm đen, có người băng trắng toát trên đầu vẫn tự đi. Úi chà! Tôi sững người khi thấy có người chết nằm trong võng mà vẫn còn gói cơm vắt chưa ăn. Trời ơi! chẳng lẽ vắt cơm mẹ tôi gói đem qua? Không ai biết được, nhưng chắc chắn đó là gói cơm vắt của dân làng tôi, vì gói cơm vẫn gói bằng lá chuối và cột bằng nhiều dây chuối.

Một người có lẽ là chỉ huy nói với ông Th. và bà Tùng.

- Trận này ta không chiếm được mục tiêu. Anh em thương vong nhiều quá. Nhờ các anh chị ở địa phương chôn cất các tử sĩ, đơn vị tôi phải rút nhanh đi kẻo máy bay.

Nói rồi họ lần lượt đi thẳng về hướng tây. Tôi nhìn theo các chú mà lòng thương cảm vô cùng.

Sau đó những người dân công hỏa tuyến cùng với nhiều người

trong làng đem nilon gói các tử sĩ lại và hối hả đem chôn phía sau làng.

Trưa hôm đó có một chiếc Moranh bay lượn trên bầu trời làng tôi - Chúng dòm ngó thứ gì thế nhỉ? Bộ đội giờ này có lẽ đã đi xa. Bỗng nó vòng trở lại bắn một trái mìn xuống con mương gần đường xe lửa.

- Thôi rồi! nó bắn mìn để thả bom đó - Có ai đó la lên như thế.

Mọi người chạy vội về hầm. Chỉ một phút sau một chiếc phản lực lao tới. Tiếng phản lực gầm thét và kèm theo 2 tiếng bom nổ rung chuyển cả mặt đất. Sau đó tiếng máy bay cũng xa dần. Mọi người chui ra khỏi hầm nhìn thấy cột khói bay lên ở chỗ bắn mìn khi nãy. Đó là một đoạn suối nhỏ chảy từ núi Chóp Vung về làng, chui qua cái cống xe lửa chỉ có nước vào mùa mưa, hai bên suối là cây cối um tùm. Rất may, hai trái bom đều rơi vào đó, cách khu vực nhà dân vài trăm mét.

Khi yên tĩnh trở lại. Ông X. là người đi làm về ngang khu vực nổ bom đầu tiên. Một con bò đực nằm chết cháy đen thui bị mảnh bom toét nơi bụng văng ra nhiều miếng thịt. Thôi, bò ai thì mình cũng lượm đỡ một miếng thịt về ăn trưa nay, nhà cũng chẳng còn gì ăn.

Ông X. đem về xắt thịt ra và đem kho trên bếp. Lúc đó bà X. cũng đã về nhà.

- Bà ơi! Thịt bò chết bom hồi trưa ở ngoài xe lửa mà sao nó khác khác thế này? ông X. từ dưới bếp gọi lên

Bà X. chạy lên giở vung ra xem.

- Có lẽ thịt bò khét do bị cháy bom ấy mà.

Trên bếp lửa nồi thịt đang sôi sùng sục. Bà X. bỏ bớt củi ra thì thấy nồi thịt nổi sào nhiều lắm, mà sao không nghe mùi thịt bò nhỉ? Bà X. vội chạy sang nhà cô N. bảo cô sang xem thử sao thịt bò lạ thế?

Cô N. chạy sang cũng thấy lạ bèn múc một vá lên ngửi thử thì chẳng thấy mùi thơm gì cả.

- Không phải thịt bò bà ơi!

- Chứ là thịt gì?

Hai người trở mắt nhìn nhau, lạnh toát cả sống lưng.

Lúc này chỗ bom nổ có nhiều tiếng người nói lao xao. Cả ba người vội chạy ra thì thấy có những người ngồi khóc, những người dạo quanh tìm kiếm. Hỏi ra thì được biết khi trưa ông Hoa dắt bò trên núi về, thấy máy bay sợ quá ông chui xuống gần cống xe lửa, chúng tưởng bộ đội rút quân theo suối và ném 2 trái bom xuống đó làm ông Hoa và con bò lãnh đủ. Thịt bò lẫn thịt người văng tung tóe. Thế là ông X. vô tình cầm nhầm miếng thịt. Thật khủng khiếp! May mà chưa ai ăn cái miếng thịt ấy.

Sự việc đó, cô N. kể oang oang ra lúc đó nên cả làng ai cũng biết, ai cũng xuyết xoa và kể đi, kể lại mãi đến bây giờ. Còn con bò chết thì người ta chỉ ăn phần trong xác con bò, những miếng thịt rơi vãi không phân biệt được đành phải chôn cùng với xác ông Hoa.

Từ ngày xảy ra cái việc kinh khủng đó, cái cống xe lửa được mang tên "Cống ông Hoa" mãi đến ngày hôm nay.

Lúc này pháo ở Gò Hội vẫn thường bắn vào ban đêm nên gia đình tôi lại phải ngủ hầm, có những bữa nóng nực, mồ hôi ra như tắm nhưng phải chịu và gần khuya thì trời dễ chịu hơn. Ban ngày thì vẫn lên gò làm rẫy và lần nào lên gò tôi cũng ghé vào hố rác lượm đồ lật vật và xem cái hình người bằng cỏ. Chiếc đầu lâu thì ai đó đã đem chôn, nhưng cái hình người bằng cỏ ấy vẫn còn nguyên, cỏ xanh theo hình người một màu xanh ma quái. Về nhà vẫn còn kinh sợ, tôi vẫn kể lại chuyện đó, nên sau đó mẹ tôi không cho tôi lên hố rác nữa.

Thời gian này tôi vẫn thường nghe người lớn bàn tán chuyện bộ đội và du kích ở đâu đó giết được nhiều Mỹ, việc anh này, anh kia đã thoát li đi giải phóng, việc có những người chết ở nơi nào đó.

Một buổi sáng hai tiếng nổ lớn ở hướng đường QL1 - nơi cách nhà tôi 2km, rồi tiếp theo là súng pháo các cỡ nổ giòn. Tiếp đến là 2 chiếc phản lực lồng lộn trên bầu trời chúi xuống ném bom. Nhìn từ xa thấy

từng trái bom đen trũi lao xuống từ thân máy bay sau đó là từng cụm khói đen trùn lên sau những rặng tre mới nghe tiếng nổ rền.

Suốt buổi sáng tôi cùng anh C. leo lên cây ngồi xem trận chiến thấy hấp dẫn hơn xem phim chiến đấu bây giờ nhiều. Hai hôm sau tôi mới nghe mấy chú du kích kể lại đó là trận quân dân xã Phổ Thuận thắng Mỹ oanh liệt nhất.

Hôm đó được tin bọn Mỹ sẽ càn vào xã. Tại cầu Vinh Hiển ta đặt sẵn 2 trái bom. Cầu Vinh Hiển ta đã phá sập trước đó để ngăn chặn chúng di chuyển bằng ô tô trên QL1. Cầu được bắc tạm bằng 3 cây dương để cho người đi bộ. Đợi Tụi Mỹ tập trung đông ở đầu cầu và bắt đầu di chuyển qua gần hết qua bên này ta mới kích nổ bằng điện. Hai trái bom nghe long trời lở đất, hất tung bọn Mỹ ra xa văng tung tóe khắp nơi. Số còn sống sót đã lọt qua bờ bắc thì lúng túng không biết chạy đâu, lăn vào các bờ bụi gần đó thì rơi vào bãi mìn và bị du kích tiêu diệt.

Kết quả có 31 tên lính Mỹ đã đền tội.

Chiến thắng Cầu Vinh Hiển như thổi một luồng gió mới vào cuộc sống của người dân quê tôi. Đi đâu cũng nghe mọi người bàn tán về trận thắng oanh liệt đó, đã trả được mối hận cho những người đã chết lâu nay dưới bàn tay của giặc Mỹ.

Năm 1967, một năm đầy máu và nước mắt cũng sắp hết. Những cơn mưa dai dẳng của mùa đông cũng qua rồi. Bầu trời nắng ấm những ngày cuối năm như hứa hẹn một năm mới tươi vui hơn. Dù trong khói lửa mịt mù nhưng ai cũng chuẩn bị lo cho gia đình mình một ít thực phẩm để đón xuân.

Nhà nào cũng trồng bông, độc nhất một loại bông Vạn thọ, và chỉ trồng bông vào dịp tết chứ ngày thường thì chẳng bao giờ có. Còn bánh ngọt thì nhà nào cũng chỉ làm 3 loại bánh như nhau là bánh thuẫn, bánh nổ và bánh khô.

Bánh khô (hay còn gọi là bánh in) làm bằng cách xay bột nếp,

thăng đường tươi lên, trộn đều rồi nhện vào khuôn. Bánh nổ (bông) thì rang nếp, lợm sạch thóc, trộn với đường thăng cho vào khuôn hình hộp chữ nhật thăng đứng đợc ghép bằng 4 miếng gỗ gắn cố định trên một cái đế, bên trên có một cái khung hình vuông để giữ 4 miếng gỗ đó. Một cái cây gỗ vừa cái khuôn ấy, dùng chày vò đóng xuống ép cho nổ đẹp xuống, xong rồi gỡ khuôn ra thành từng cây bánh. Cuối cùng là dùng dao cắt ra từng lát bánh hình vuông đem sấy khô.

Bánh thuẫn thì đánh bột nếp với trứng gà và đường thật là lâu rồi chế vào khuôn đang bắt trên bếp lửa. Lợm bột, trứng và đường phải đúng tỉ lệ thì bánh mới dậy (nở ra). Thế mà không hiểu sao có lần bánh lại trịt lít như đầu thầy tu. Tôi thường ngồi gần mỗi khi đổ bánh thuẫn để đợc mẹ cho ăn những cái bánh bị cháy hay trịt lít như thế. Tuy vậy nhưng bánh trong lò mới vớt ra mềm, thơm và nóng hổi ăn vào thì thật là tuyệt.

Những đứa trẻ như tôi thì những ngày tết là vui nhất. chẳng có tiền lì xì như bây giờ, mà thường đợc mẹ cho những đồng bạc cắc mệnh giá 1 đ để mua dây thun về hốt chẵn lẻ. Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ từ lâu nhưng vẫn dùng tờ bạc cắc có hình của ông và bên kia là hình bông lúa. Hoặc thích nhất là đợc mẹ dẫn đi chợ tết, đợc mẹ mua cho bộ đồ hoặc đôi dép mới, hoặc cái trống bồm có 2 dây chỉ 2 bên. Mỗi đầu dây có 2 viên đất sét, lắc qua lắc lại kêu "bum, bum" chỉ một lát là 2 cục đất vỡ tan.

Chiều 30 tết. Chị tôi lo quét sân dọn dẹp, anh tôi thì đang búng cây bông vạn thọ vào cái giỏ mồm bò bằng tre để chuẩn bị đem vào trong nhà đặt gần bàn thờ, mẹ tôi thì đang đổ bánh thuẫn thì hai cán bộ thôn là ông Th. và ông T. đi vào hỏi tìm mẹ tôi.

Mẹ tôi dừng tay, mời hai người vào nhà. Ông Th. nói:

- Tối nay chị đi dự mít tinh và lên phát động mọi người đi biểu tình ở Trà Câu.

- Tôi sợ lắm, lần trước khiêng bà Nhan đi đấu tranh, chúng đòi bắn, hoảng hồn chạy không kịp rồi, may mà chúng chỉ bắn chỉ thiên. Và một lần cầm đơn đi vào huyện đấu tranh, bị chúng tra điện tôi hoảng quá rồi. Tôi không đi đâu.

- Ngày mai, đồng bào cả 6 xã đều đi, nhà nào cũng phải có người đi, đông lắm, chúng chẳng dám làm gì mình đâu. Đấu tranh buộc địch phải chấm dứt bắn pháo vào làng, đòi Đế Quốc Mỹ phải rút quân.

- Ảnh đã hy sinh rồi, tôi đi chúng giết rồi ai nuôi mấy đứa con của tôi. Tôi không đi đâu.

- Chị là gia đình CM, chị không đi đâu thì ai đi?

- Thì các ông vận động những người khác, chứ tôi thì không dám đi rồi đấy!

- Thôi được rồi! Tối nay chị cứ xuống dự mít tinh rồi hăng hay.

Nói xong hai người ấy đi đến nhà khác.

Khi vừa sẩm tối thì có hai người du kích mang súng đến nhà gọi mẹ tôi đi. Mẹ dẫn tôi đến chỗ mít tinh.

Chỗ mít tinh là một cái sân rộng của nhà ai đó ở xóm dưới. Có rất đông người đã đến đó và có rất nhiều người cầm cờ mặt trận, Cái bàn được đặt ra giữa sân, cũng có ảnh Cụ Hồ và phía sau là lá cờ mặt trận dán lên cái nong.

Người cán bộ ở đâu về nói chuyện tình hình giặc Mĩ - Nguy bắn phá giết chóc nhiều nơi, rồi ông Th. lên kêu gọi mọi người xuống đường đấu tranh, phân công ai đi đầu, ai cầm biểu ngữ...

Đang cuộc mít tinh, mẹ kéo tay tôi đi ra phía sau, đi nhanh đến một cái nhà gần đó gặp một người phụ nữ và kéo luôn xuống hầm nói thì thầm gì đó, một lát sau mẹ lại kéo tiếp tôi chạy sang một căn hầm khác, và cũng vừa ngồi xuống lại kéo chạy qua căn hầm tiếp theo.

Tôi chưa hiểu chuyện gì thì mẹ lại kéo tay tôi chạy ra đồng.

- Đi nhanh con!
- Sao không về nhà mà đi đâu vậy mẹ?
- Đi về ngoại, không về nhà được đâu. Đi nhanh lên!

Tôi chạy băng băng theo mẹ tôi trong màn đêm của tối giao thừa, sụp lên sụp xuống mấy lần, theo bờ ruộng thật lâu mới đến nhà ông ngoại tôi ở gần quốc lộ.

Ở nhà ngoại 2 đêm, đến sáng hôm sau mới dám về nhà. Anh chị tôi nói lại đêm ấy mấy ông du kích có đến nhà tìm mẹ tôi. Chẳng ai còn màng đến chuyện ngày tết, mà lúc này những người đi biểu tình còn sống sót trở về đang kể lại sự việc đẫm máu đó.

Từ mờ sáng gần 5000 người của 6 xã cánh bắc huyện Đức Phổ tập trung xuống đường quốc lộ, căng biểu ngữ tiến vào đồn lính ngự ở Trà Câu rồi hô vang các khẩu hiệu:

- Yêu cầu Mĩ - Ngụy không được bắn pháo vào làng
- Giặc Mĩ phải rút khỏi Miền nam!
- Yêu cầu phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ...

Bọn lính trong đồn lúc đầu chỉ bắn dọa, đoàn người cứ tiến tới. Cuối cùng chúng hạ súng đại liên xuống bắn thẳng vào đoàn biểu tình. Lúc đó mạnh ai nấy chạy, dẫm đạp lên nhau mà chạy. Một số người bị thương bị tên chỉ huy ra bắn bồi cho chết luôn. Sau đó một tốp lính Mĩ từ Gò Hội đi ra ngăn cản không cho lính ngự bắn giết thêm và gọi trực thăng đến.

Anh Tuyết là người bà con với tôi ở trong đội thanh niên cảm tử bị bắn thủng ruột nằm bất tỉnh, tụi lính tưởng chết rồi nên không bị bắn bồi. Sau đó trực thăng của Mĩ hạ xuống bốc những người bị thương bay ra Chu Lai cứu chữa nên anh đã thoát chết. Bây giờ là thương binh loại 2. Bà Hoàn ở xóm của tôi thì bị bắn toác đầu, mới chôn khi sáng.

Kết quả là có 30 người chết, 100 người bị thương, và giặc bắt đi bỏ tù gần 500 người ở các nhà lao. Sở dĩ biết được các số liệu này vì bây

giờ hằng ngày đi làm tôi vẫn đi ngang qua cái Bia di tích đó.

Mở đầu năm 1968 bằng một cuộc biểu tình đẫm máu vào sáng mừng một tết như thế. Nếu như mẹ tôi tham gia và hy sinh thì anh em chúng tôi khi ấy chẳng biết sống ra sao nữa.

Sau đó một ít lâu. Vào một buổi sáng tinh mơ mọi người đã nghe tiếng pháo 105 li nổ dồn dập ở các xóm ven đường QL1. Nhìn từ xa khói trùn lên trên những mái nhà, những rặng tre. Sau đó một cảnh tượng chưa từng có diễn ra. Trên trời hàng chục chiếc trực thăng HU-1A bay từ Gò Hội ra hướng về đồi Chóp Vung. Dưới đồng vài chục chiếc xe M113 tiến ra, nã đại liên vào xóm. Lúc đầu mọi người vội vã chui vô hầm nhưng sau đó thấy chúng bắn vào hướng QL1 nên đều chạy ra xem.

Những chiếc xe tăng lúc nhúc như cua bò dưới đồng. Đặc biệt mùi khói xe tăng ngửi vào cảm thấy sợ hãi lắm, nó không giống các mùi khói xe ô tô khác.

Gần như không có một tiếng súng bắn trả. Trước sức mạnh của địch như thế du kích không thể chống trả để bảo toàn lực lượng. Ngày hôm đó chúng đã trở lại đóng quân trên đồi Chóp Vung và chiếm đóng hầu hết các xóm ven đường QL1. Nhìn lên đồi Chóp Vung lại thấy lính Mĩ đi lại lúc nhúc trên đó đông lắm. Tối đó mọi người lại phải bắt đầu tiếp tục ngủ hầm.

Từ hôm nay như báo hiệu cuộc chiến sẽ ngày càng khốc liệt hơn.

Một buổi chiều nọ có một chiếc máy bay trực thăng bay rất cao, ngang trên đầu xóm thì sau đít của nó tuôn ra một luồng chấm đen, nó vòng lại hạ thấp xuống và tiếp tục tuôn những chấm đen bay tung toé trong không trung.

- Máy bay nó thả cái gì lạ vậy mẹ?

Tôi chạy ra xem và hỏi. Mẹ tôi cũng chạy ra nhìn lên và nói.

- Có lẽ là truyền đơn đấy.

- Truyền đơn là gì vậy?

- Chạy ra lượm vài tờ xem rồi sẽ biết.

Tôi cùng mấy đứa trong xóm chạy ra bìa làng. Những tờ truyền đơn nhấp nhá đầy trời, có nhiều tờ đã rơi xuống đất nhưng đứa nào cũng thích nhảy lên chụp những tờ đang rơi gần xuống trên đầu. Nhưng tưởng cầm được trong tay thì tờ giấy lại lả sang chỗ khác. Chạy tới thì nó đã rơi xuống đất.

Lượm cả xấp trong tay, tờ nào cũng giống nhau mà đứa nào cũng thích lượm thật nhiều. Mùi giấy mới còn thơm phức. Tôi cầm một tờ lên xem.

Một mặt in hình một người lính ngụy đội mũ sắt mang súng, một tay quàng qua vai một người lính giải phóng đầu đội mũ nan, tay kia chỉ về một trạm gác có một trụ cờ và lá cờ 3 que đang bay. Cả hai đều tươi cười. Ở giữa có dòng chữ lớn:

GIẤY THÔNG HÀNH

"Gởi các Cán binh Việt cộng

Các bạn nhận được giấy thông hành, hãy giữ nó và tìm đến cơ quan Chiêu hồi gần nhất

Các bạn sẽ được đón tiếp niềm nở.

Phía sau là một bài thơ:

Bao năm gian khổ trường kỳ

Anh theo V.C được gì hỏi anh?

Mưa bom bão lửa hoành hành

Mật khu nào chẳng tan tành thịt xương

Cháo rau no đói thất thường

Áo quần rách rưới sa trường phơi thây

Ốm đau thiếu thuốc thiếu thầy

Một thân anh chịu đoạ đầy bao phen

Mau mau hồi chánh đoàn viên

Bên nhau sưởi ấm nắng miền tự do.

Sau đó máy bay cũng thường hay rải truyền đơn và tôi cũng hay

chạy lượm xem. Lượm từng xấp và giữ cẩn thận, giống như trẻ em bây giờ thích những tờ tiền mới.

Có tờ chúng vẽ hình 2 người lính giải phóng ngồi trong rừng sâu, chống súng, người ốm o, vẻ mặt u sầu và bên dưới có bài thơ.

NHỚ EM.

Nhớ em khắc khoải tháng ngày

Chăn đơn gối lẻ cảnh này vì ai?

Rừng sâu ôm mối u hoài

Tháng năm dầu dãi khổ đầy đoạn cơn

Nghĩ càng uất hận căm hờn

Ai gây khổ lụy cho đàn ngang cung

Bao giờ đôi lứa trùng phùng

Nắm tay em bầu nhớ nhung những ngày

Men tình càng nhấp càng say

Biết bao hạnh phúc vòng tay ân tình.

Có bài thì phân tích các thắng lợi của chúng trong thời gian gần đây. viết lời kêu gọi các cán binh V.C hãy chiêu hồi. Bên dưới là hình vẽ người lính giải phóng nằm chết văng súng, mũ qua một bên và ghi 2 câu thơ:

Năm xưa con vẫn nằm đây

Bây giờ con chết bỏ thân phương nào?

Hoặc có tờ thì vẽ một người lính giải phóng mình mang đầy súng đạn, cái miệng há ra đang hô hào gì đó, mặt mày hung dữ. Bên dưới ghi 2 câu thơ:

Nực cười cho lũ cộng nô

Tay ôm súng đạn, miệng hô hoà bình.

Còn nhiều lắm những tờ truyền đơn, không thể nào nhớ hết.

Lúc này lính công binh Mĩ đang làm con đường từ QL1 lên đồi Chóp Vung. Trước đây từ thôn Thiệp sơn của tôi muốn xuống QL1 phải đi theo đường ruộng ngoằn ngoèo khoảng 2km. Bây giờ Mĩ bắt

đầu đồ đất càn qua đồng thẳng lên đồi.

Hàng ngày mấy chục chiếc xe ủi, chở đất làm việc liên tục từ sáng đến tối.

Một hôm anh Chánh là con bác Hai nói với tôi:

- Mà mày thích ăn kẹo Mĩ không?
- Thích lắm chứ, mà kẹo ở đâu vậy?
- Hàng ngày tao vẫn đến chỗ Mĩ làm đường xin kẹo
- Ồ sướng thế! mai em theo anh ghen.

Anh Chánh có nhà ngoại gần chỗ làm đường. Hôm sau anh dẫn tôi ra chỗ ấy đứng nhìn xe ủi ban đường. Những chiếc xe bánh xích có cái càn bóng loáng rất to phía trước ủi qua, ủi lại đồng đất cho bằng ra. Gần trưa một tốp lính Mĩ đi xe jeep đến. Bước xuống xe là 2 tên Mĩ da trắng và một tên da đen vũ trang đầy mình.

Tên lính da đen đưa tay vẫy tôi và anh Chánh lại. Đứng trước mặt tôi là một tên lính da đen bóng như lọ nôi, tay cầm khẩu trung liên, 2 dây đạn vàng choé bắt chéo trước ngực. Nhìn phát khiếp lên được.

- Thôi rồi chúng bắt mình rồi anh ơi!
- Không sao đâu, tao vẫn gặp tên Mĩ này hoài mà.

Tên Mĩ đen cười nhe ra hai hàm răng trắng toát, bưng trên xe xuống một cái thùng cacton lớn. Lúc này những tên lái máy ủi cũng dừng xe và đi lại.

Một tên Mĩ mở thùng cacton và bưng ra các đĩa thức ăn. Hắn đưa cho tôi một đĩa và trảm một tràng gì đó. Tôi chỉ nghe được một câu: "Bé mi xanh ... xáp xáp ... "

Sau đó 2 tên lái xe ủi úp cái mũ sắt xuống ngồi lên và cầm thìa bắt đầu ăn.

Tôi và anh Chánh cũng ngồi chồm hồm xuống ăn. Tôi cầm cái nĩa inox 3 răng sáng loáng xúc vào miếng thịt trên đĩa. Ối trời ơi! thịt chúng làm sao mà mềm và thơm ngon quá vậy? Cái đĩa thức ăn bằng giấy cứng màu trắng, trên đó có 5 ngăn đựng bánh mì ngọt, 2 lát

bánh sandwich, thịt heo, rau sà lách ...nhưng không có hạt cơm nào. Tôi và anh Chánh ăn ngẫu nhiên, món nào cũng rất ngon. Không hiểu Mĩ chế biến đồ ăn ngon hay là khi ấy chúng tôi thiếu thốn quá mà thấy cái gì cũng ngon?

Tên lính Mĩ ăn xong ném cái đĩa xuống lề đường, còn tên kia ăn qua loa rồi vẫy chúng tôi lại đưa đĩa thức ăn còn rất nhiều món cho tôi. Ăn xong tôi cầm 2 cái đĩa và mấy cái nĩa 3 răng và con dao nhựa dùng để cắt bánh mì. Hai tên Mĩ nói gì với nhau rồi cùng cười, chúng lấy trong thùng cacton ra một hộp bánh socola và một hộp kẹo đưa cho tôi. Kẹo đặt trong hộp giấy kiếng có 4 khía, bên trên rải đường, ăn vào dẻo, ngọt và thơm.

Tôi đem 2 cái đĩa về rửa sạch sẽ. Hôm sau cũng xúc cơm, bỏ cá, rau vào từng ngăn và cầm cái nĩa 3 răng xúc ăn giống như Mĩ. Cả nhà ai cũng phì cười. Chị tôi nói:

- Mà chỉ dùng nĩa thôi mà ăn được hết đồ ăn trên đĩa mới giỏi.

Đúng rồi! Cơm thì nĩa đành chịu thua. Tôi phải lấy muỗng để xúc.

- Ăn xong, mà phải ném luôn cả đĩa như Mĩ mới sang - Mẹ tôi nói.

Đúng là tụi Mĩ chỉ ăn một lần rồi ném đĩa. Còn tôi thì tiếc, không dám ném đi mà rửa sạch sẽ, hôm sau lại đem ra ăn tiếp.

Đĩa hình chữ nhật, bằng giấy nhưng cứng giống như bằng nhựa, có 5 ngăn để đựng thức ăn, rửa nước vẫn không sao. Tụi Mĩ chỉ dùng một lần rồi ném. Thật đúng là xài sang như Mĩ.

Sau đó tôi vẫn thường hay ra chỗ làm đường để xin kẹo Mĩ. Mỗi lần xin cứ nói "Bé my xanh xấp xấp". Lũ trẻ ở những xóm gần đó cũng nhiều đứa ra xin kẹo. Những lúc nhiều như thế thì chúng chỉ vẫy các đứa con gái lại để cho, còn tụi con trai thì chúng đuổi đi. Tên Mĩ nào cũng thích con gái hơn. Chỉ hơn nửa tháng chúng đã làm xong con đường dài 3 km từ QL1 lên đồi Chóp Vung. Người dân đặt tên là đường Cái mới và gọi mãi đến ngày hôm nay. Hằng ngày xe Mĩ chạy

liên tục lên xuống đồi, bụi bay mịt mù, gặp ai đi đường hay làm đồng gần đó chúng cũng thường ném kẹo hoặc đồ hộp cho.

Một buổi sáng sớm mọi người nghe một tiếng nổ lớn. Một lát sau mấy người đi làm đồng chạy về nói:

- Xe Mĩ đã bị mìn!

- Ở đoạn nào thế?

- Ở đoạn phía trên thôn Vùng 4

- Ôi! mấy ông du kích cài khi nào tài thế? chắc có lẽ là đêm hôm qua.

Mấy người đi làm đồng đều nghe tiếng nổ thật to, chiếc xe bị văng xuống lề đường. Ai nấy vội vã bỏ chạy về nhà, không dám ở lại để nhìn cho kỹ. Có lẽ mấy tên Mĩ đi trên xe đều bị chết. Hôm sau, từ sáng sớm mọi người đều thấy nhiều tên lính Mĩ mang máy rà mìn hươ qua hươ lại trên mặt đường, đi sau là cả tiểu đội vũ trang hỗ trợ và gần đến trưa mới thấy xe chạy. Từ đó, sáng nào chúng cũng rà mìn và rải lính đi bảo vệ đường.

Một sáng nọ, nghe tiếng xe tăng từ đồi Chóp Vung chạy xuống, 3 chiếc xe đạp cả bờ rào cản vào làng tôi và dừng lại. Theo sau là 3 chiếc xe ủi lớn. Chúng bắt đầu ủi cây cối trong làng. Những tên lính Mĩ ngồi trên xe tăng canh giữ cho các xe ủi hoạt động. Xe ủi mạnh hơn cả voi, bên trên buồng lái có cả một tấm sắt lớn và dày để phòng khi có lựu đạn treo trên cây rơi xuống vẫn an toàn cho người lái. Những bụi tre lớn mà nó vẫn ủi bật cả gốc kêu răng rắc, những cây dừa ngã ụch nằm ngang dọc khắp làng. Sau 3 ngày các cây lớn hầu hết đã bị ủi ngã. Cả làng trống huơ, trống hoát, nhìn thấu từ đầu đến cuối xóm như vừa qua một trận bão lớn.

Tôi thì được ăn củ hủ dừa no nê. Những người lớn chặt đầu các cây dừa ngã, moi lấy ra từng miếng củ hủ trắng, ăn rất giòn và ngọt. Những xóm làng gần đường Cái mới đều bị ủi sạch, còn trơ lại những mái nhà nắng chói chang. Từ đường Cái mới có thể nhìn hai bên

đường sâu vào hàng mấy trăm mét. Tụi Mĩ cảm thấy an tâm khi chạy xe trên đường.

Một buổi trưa, Một tiếng nổ rất lớn vang lên từ ngoài đường Cái mới vọng vào.

- Xe Mĩ bị nổ mìn nữa rồi! Một người nào đó la lên

Một lát sau mọi người đi làm đồng cũng hốt hải chạy về. Anh tôi cũng từ đâu chạy về mặt tái ngắt không còn một giọt máu. Anh kể:

Anh đang đi trên đường Cái mới về nhà thì bỗng nghe “Ầm!” Một tiếng nổ long trời vang lên, đất đá bay rào rào. Quay lại nhìn phía sau thấy mấy cái nón sắt và những cánh tay bay lên không trung. Anh vội chạy nhanh, thì hướng đối diện một tốp lính Mĩ vũ trang đang chạy tới.

Tên Mĩ da đen mang 2 dây đạn vàng choé trước ngực, đôi mắt long lên trắng xát, lên đạn cái rộp chĩa súng vào người anh và trắm một tràng gì đó. Anh chỉ biết khoát tay:

- No biết, no biết!

- Trời ơi! Chẳng lẽ tên lính da đen đã cho tôi đĩa thức ăn hôm trước đó sao? Nếu nhìn bình thường cũng đã thấy sợ phát khiếp lên rồi hướng chỉ là lúc lên đạn. Nó có thể bắn mình bất cứ lúc nào nếu nó muốn. Nhưng cũng có thể không phải tên lính đó, vì tôi thấy cũng có nhiều lính Mĩ da đen lắm.

Tụi Mĩ cũng vội vàng chạy đến chỗ nổ mìn, còn anh thì chạy không kịp thở về đến nhà.

Hôm sau mọi người đi làm đồng ở gần đó kể rằng họ đều thấy sau tiếng nổ nhiều nón sắt của Mĩ bay lên không trung. Phải là một quả mìn chống tăng mới nổ lớn như thế. Và kết quả mười mấy tên Mĩ đi trên chiếc xe GMC đã bị tan xác.

Mọi người bàn tán.

- Chúng đi rà mìn hằng ngày vào mỗi buổi sáng mà sao chúng không phát hiện ra nhỉ?

- Khi tụi rà mìn đi qua rồi, du kích mới ra gài
- Vậy là gài vào ban ngày?
- Đúng rồi! du kích cải trang thành người đi làm đồng và chôn mìn vào nửa buổi sáng và gài gần ngay vụ nổ hôm trước.

Tụi Mĩ không lường trước được tình huống này nên bị một vố quá đau. Rồi đây mọi người chắc không yên với tụi nó đâu.

Đúng vậy! Sau đó ít hôm, sáng hôm ấy hai chị gái tôi đi chợ, anh tôi đi về ngoại, mẹ tôi thì đang ngồi sàng lúa – Đêm hôm trước đạn đại liên Mĩ trên đồi bắn xuống trúng vào bờ lúa của nhà tôi đang để ngoài sân, lúa văng tung toé, nên bây giờ phải sàng lại để lượm sạn. Tôi thì đang ở trần chạy chơi ngoài ngõ.

Chú tôi chạy vào nói:

- Chị ba ơi! Mĩ tới.

Chú vừa nói xong đã thấy hai tên Mĩ dẫn ông nội tôi đi tới. Một tên thì cầm súng lăm lăm, tên kia cầm một nhánh cây bước tới nói:

- Go, go!

- Ái! để tôi vào nhà lấy áo mặc cho con tôi đã - mẹ tôi nói.

Tên Mĩ đưa tay đẩy vào vai mẹ tôi và cầm nhánh cây quất nhẹ lên vai bảo đi, không cho vào nhà. Tôi chỉ mặc cái quần đùi chạy theo mẹ tôi, mẹ tôi thì đi hai tay không, ông nội tôi thì xách theo được một cái giỏ xách.

Hai tên Mĩ dẫn ra phía sau làng nơi có cây trâm to và khu đất rộng bằng phẳng thì đã thấy một số người ngồi ở đó. Một số thì đang bị lính Mĩ dẫn tới, có người mang xách, có người đi tay không nhưng ai cũng mặc áo quần đầy đủ, chỉ riêng tôi là ở trần.

Tác giả và mẹ bên chiếc máy bay sâu róm ở bảo tàng chứng tích chiến tranh

Mọi người ngồi dưới gốc trâm lâu lắm mà chẳng thấy mấy tên lính Mĩ bảo đi đâu, chẳng hiểu chúng bắt lên đây làm gì? toàn là lính Mĩ,

không có thông ngôn để hỏi. Một lúc sau, một chiếc máy bay to có 2 chong chóng quạt trên đầu, vòng lại và từ từ hạ xuống. Vòng quay của 2 cánh quạt bay vù vù làm cây cối chao đảo, những cọng rác, lá cây bay tứ tung lên không trung. Loại máy bay này tôi cũng đã thấy nhiều lần nhưng ở tít trên trời cao, đôi cánh nhấp nhá như các chân của con sâu róm, nên gọi là máy bay sâu róm, có người gọi là máy bay Úc Đại Lợi, sau này mới biết là máy bay CH-47

Nó đã hạ xuống khu đất bằng bên cạnh, nhưng 2 cánh quạt vẫn quay vù vù, gió thổi vào mặt làm tóc tai, quần áo đều bay ngược ra phía sau. Không ngờ nó lại to như thế. Hai tên Mĩ trong máy bay bước ra chạy lại chỗ mọi người

Có ai đó la lên:

- Thôi rồi! Chắc chúng chở mình đem trút xuống biển rồi bà con ơi. Những đứa trẻ khóc ré lên nép vào lòng người lớn.

Những tên Mĩ đi bắt dân làng đồng loạt đứng dậy và la lớn: Go, go!

Đồng thời chúng ra hiệu cho mọi người chạy đến chiếc máy bay. Ai cũng sợ sệt nhưng rồi cũng phải đi.

Chiếc Sâu Róm tự động há cái miệng rộng nằm phía sau đít. Mọi người lần lượt bước lên. Những tên Mĩ khi sáng thì đứng dưới đất lửa tiếp những người đi sau vào hết xong thì cái miệng tự động khép kín lại. Khoảng năm sáu chục con người đã ngồi vào sàn đầu đó thì con Sâu Róm rung mình chuyển động rồi từ từ cất lên. Về mặt ai nấy đều lo âu không biết chúng chở mình đi đâu. Con Sâu Róm bay rất thấp, nhìn qua cái cửa sổ hình tròn bằng kính nằm ở dưới bụng tôi vẫn thấy rõ từng con vịt bơi ở dưới đồng.

Một lát sau, nó đáp xuống, và cái miệng lại há ra. Những tên lính Mĩ và lính Ngụy chạy đến hướng dẫn mọi người bước xuống máy bay.

Một cảnh tượng loá mắt diễn ra trước mặt mọi người. Trên một sân bay rất rộng và bằng phẳng nhiều chiếc HU-1A đang bay lên và

hạ xuống, trên máy bay đầy nhóc những lính Mĩ. Dưới sân, hàng chục chiếc xe M-113, hàng chục khẩu pháo để ngổn ngang. Xe GMC, xe jeep, lính tráng đi lại nhộn nhịp, giống y hệt sân bay Điện Biên vào năm 1954 mà bây giờ xem hình ảnh hoặc phim tài liệu thường thấy. Đó là sân bay Gò Hội ở thị trấn Đức Phổ. Nơi trung tâm chỉ huy hành quân của Mĩ. Một chiếc HU-1A câu một túi lưới những thùng cacton đồ hộp từ từ bay lên, và Ô kìa! Một con Sâu Róm từ từ hạ xuống, dưới bụng là một con bò to cũng nằm trong túi lưới. Khi con bò chạm đất thì những tên Mĩ chạy đến xúm lại gỡ móc sắt ra khỏi máy bay. Chuyện này tôi đã thấy nhiều lần nhưng đều nhìn từ xa, còn hôm nay lại diễn ra ngay trước mắt. Tôi mãi miết nhìn xem thì bỗng giật mình vì có ai đó đập vào vai mình.

- Lên xe đi kìa - mẹ tôi kéo tay tôi chạy theo một số người.

Nhìn lại thấy một số người đã lên xe Dod và vài xe đã chạy. Xe Dod Mĩ là loại xe lớn hơn xe Ríp lùn chúng thường dùng để chở lính. Tôi, mẹ và những người đi sau lên chiếc xe Dod cuối cùng.

Đoàn xe chạy thẳng vào Chi khu quân sự Đức Phổ. Chi khu quân sự Đức Phổ nằm cạnh đường QL1, bên ngoài hàng rào là nhiều lớp kẽm gai bùng nhùng đủ loại. Nơi đây có nhà lao nhốt và tra tấn những người CM. Cha tôi cũng bị chúng tra tấn hết sức dã man và chết tại đây và lần đầu tiên tôi mới biết nơi này.

Rất đông người dân đã bị bắt đưa đến sáng nay. Trên vách tường nhà chính có treo một tấm phông lớn màu đỏ, trên vĩa hè có nhiều người của chính quyền nguy mặc đồ sơvin. Một người cầm micro điều khiển, dân chúng thì mang theo túi xách, kẻ đứng, người ngồi la liệt dưới sân.

Chiếc loa sắt treo trên cây cột vang lên giọng the thé:

- Đồng bào trật tự!, đồng bào trật tự!

Trên loa nói nhiều lắm nhưng đại khái nội dung là: Đồng bào đang ở những vùng mất an ninh. Đồng bào hãy tản cư đến các vùng

có an ninh như thị trấn, đến các khu trại định cư ven đường quốc lộ để sinh sống. Quân Đồng minh và quân đội Quốc gia sẽ không đảm bảo tính mạng cho đồng bào, nếu đồng bào vẫn ở những vùng mất an ninh ấy.

Phần hai là phát cho mỗi gia đình một thùng dầu sà lách và một khúc bánh mì to bằng bắp vế. Dầu sà lách thì tôi không màng, tôi chỉ chờ mẹ lên lĩnh khúc bánh mì khá hấp dẫn đó, lần đầu tiên thấy khúc bánh mì to như vậy. Mọi người ngồi ăn trưa bằng bánh mì ngay trong sân Chi khu.

Ăn xong thì mọi người được ra về. Mẹ tôi giật thót tim khi nghe trên loa thông báo có tên mình trong danh sách những người có liên hệ với CM phải ở lại để thẩm vấn. Lẫn vào dòng người đông đúc chen lấn nhau ra cổng, lấy nón lá che mặt, mẹ kéo tay tôi thoát được ra ngoài, qua mặt được bọn nguy quyền đang đứng ở đó. Những gia đình CM khác sau đó đều bị bắt đem giam ở nhà tù Quảng Ngãi.

Mẹ và tôi đi nhanh vô một khu dân cư, tìm đến nhà một người quen ở thị trấn.

Sau khi nghe mẹ tôi nói lại tình cảnh hồi sáng giờ và thấy tôi trên người chỉ mặc độc nhất chiếc quần đùi, người phụ nữ chủ nhà ôm xoa đầu tôi và nói:

- Sao mà tội nghiệp dữ vậy con? thôi, để bác lấy cho con cái áo.

Nói đoạn bác ấy vào nhà trong, lát sau mang ra một chiếc áo màu

đen rộng thùng thình và khoác lên người tôi. Chiếc áo dài đến đầu gối. tôi cởi ra không chịu mặc vì cho rằng áo "mặc bính".

Mẹ tôi la rầy bắt phải mặc vào, vì không thể đi trần cả 10 cây số để về nhà. Cuối cùng thì tôi cũng phải mặc chiếc áo ấy chạy theo mẹ đi về.

Ra đường ai cũng nhìn tôi cười, tôi mặc cỡ quá chừng, cứ đòi cởi áo ra bỏ nhưng rồi đi một quãng cũng hết khu nhà và ra đến đồng trống. Về đến Trà Câu, gặp nhiều người quen, họ đều dừng lại hỏi han mẹ con tôi. Một bà nói:

- Bây giờ về làng hả? Thôi, thôn Thiệp sơn bây giờ chỉ còn đồng tro tàn chứ còn gì nữa mà về? Từ sáng đến giờ tôi thấy khói bốc lên nghi ngút trên ấy.

Tôi và mẹ càng chạy nhanh hơn, mong sao cho nhanh về đến làng. Nhìn từ xa, làng tôi khói vẫn còn bốc lên. Về đến đầu làng thấy một số người cũng đang hối hả chạy về, nhìn làng xóm cháy tan hoang. Về nhà thấy anh chị tôi đang ngồi khóc ngoài sân, nhà đã cháy ra tro, những tấm phen đất đổ ập xuống, khói vẫn còn bốc lên âm ỉ. Chạy ra giếng nước thì hỡi ôi! Chúng xúc lúa đổ nổi lênh bênh đầy cả giếng. Nhìn ra bốn bên thì nhà ai cũng bị cháy sạch.

Trời ơi! quân khốn nạn, chúng đốt hết lúa xuống giếng thì lấy gì ăn bây giờ?. Mẹ tôi ôm đầu nức nở.

Cả nhà đang nguyên rửa quân Mĩ thì nhìn xuống nhà bà Ôn thấy có đông người, cùng nhiều tiếng kêu khóc. Mọi người liền chạy bổ đến thì thấy hai xác người đàn ông nằm sóng soài giữa sân, đó là anh Mạnh và ông Mãn. Anh Mạnh thì đã chết từ hồi nào. Ông Mãn thì thấy môi trên vẫn còn nhú nhú vài cái rồi cũng đi luôn.

Lúc sáng, khi Mĩ đến hai người chui vội xuống hầm bí mật phía sau nhà. Căn hầm nằm phía dưới một đống cây gỗ. Như mọi khi, ai ngờ rằng bọn Mĩ sẽ đốt nhà. Căn nhà cháy ngã xuống, cháy luôn cả đống cây âm ỉ suốt ngày làm thiếu dưỡng khí cho căn hầm nên hai

người đã chết ngạt. Khi mọi người về khui lên thì đã quá muộn.

Các vật dụng trong nhà tôi cũng cháy sạch cùng ngôi nhà, nhưng cũng may, căn hầm làm bằng đường ray tàu lửa vẫn còn. Anh tôi vào hầm kéo ra một cái mền và một túi xách quần áo vẫn còn nguyên. Tôi lấy áo của mình ra thay cái áo đen rộng thùng thình khi sáng. Chiếc áo ấy bây giờ chuyển cho chị tôi. Nhà của ông nội tôi làm bằng ngói nên không bị cháy, lúa thì cũng bị trút xuống giếng nhưng vẫn còn nhiều.

Sáng hôm sau, công việc đầu tiên là kiếu giếng. Dùng 3-4 cái gàu kín nước liên tục cho cạn, rồi Ông tôi leo xuống giếng xúc lúa vào một cái mủng có dây để mọi người kéo lên. Kéo sạch lúa, mức sạch nước và để một hồi lâu mạch nhả ra, nước lại trong xanh như thường. Mọi người cùng làm chung, kiếu giếng của ông tôi rồi đến giếng nhà tôi và giếng nhà bác hai của tôi. Ông tôi cho mẹ tôi một bao lúa. Mẹ và chị tôi xay, giã được một thùng gạo. Mỗi bữa ăn lại nhỏ củ mì ghé thêm vào, nên cũng tạm đủ một thời gian.

Việc tiếp theo là dựng lại ngôi nhà. Tre thì có sẵn trong vườn, chặt vào chôn làm cột, làm kèo. Cố định cột kèo, đòn tay bằng những cọng lạt hoặc bằng dây kẽm. Tranh lợp thì phải đi mua về đánh thành từng tấm. Chẻ tre thành những thanh nhỏ bằng ngón tay khoảng 2m, đập dập chính giữa và gấp lại thành những cái hòm dài 1m. Cầm từng lọn tranh nhét vào các thanh hòm như thắt rếp, đến cuối thanh hòm thì cột lại đầu hòm bằng một sợi lạt, thế là xong một tấm tranh. Đánh một tấm tranh phải dùng 3 cái hòm, còn tấm rạ chỉ dùng 2 hòm vì rạ khó tuột ra như cọng tranh. Nhà được dựng lên trên nền cũ, mái lợp tranh, chung quanh che bằng những tấm rạ, tuy thấp và nhỏ xúi nhưng cũng có chỗ chui ra chui vào.

Những việc như thế thường là công việc của đàn ông, nhưng trong hoàn cảnh này thì mẹ và chị tôi phải làm tất.

Mọi người cũng đã dựng lại nhà cho mình, những căn nhà tranh

bằng tre đơn sơ mà ta thường thấy ở mọi nơi trong thời chiến. Chẳng có ai di tản đến các trại định cư ở quốc lộ hoặc thị trấn vì từ bao đời nay mọi người chỉ biết trồng lúa, trồng khoai trên chính mảnh đất của mình chứ đi nơi khác biết làm gì ăn đây? Còn đến các khu đồn rồi hằng ngày đi bộ 5 -10 cây số để đi về làm ruộng thì khó khăn lắm.

Ít hôm sau, lính Mĩ từ trên đồi đi xuống làng. Hôm nay có một người thông ngôn đi theo, đến gặp mọi người, ông ta giới thiệu tên là Hoa, mới được chuyển về làm thông ngôn được vài hôm. Ông Hoa tươi cười hỏi han tình cảnh của mọi người, ông hỏi sao không đến vùng có an ninh để ở mà phải ở đây chịu bom pháo mãi thế này. Mọi người nói rằng, đến nơi khác không biết làm nghề gì để sống. Ở đây bằm ruộng vườn làm ăn, sinh sống chứ có phải để theo Việt Cộng đâu.

Ông Hoa ra chiều thông cảm và nói rằng, sẽ bảo lính Mĩ không được đốt phá nữa.

Hai hôm sau, thông ngôn Hoa dẫn một tốp lính Mĩ đi xuống và dừng lại ở sân nhà ông nội tôi. Những tên Mĩ ngoài súng đạn thì trên lưng còn mang cả ba lô đầy cứng. Ông Hoa gọi các nhà tới và bảo lính Mĩ mở ba lô ra phát cho mỗi nhà một cái mền màu xanh rêu, và túi nhỏ chúng tôi thì đứa nào cũng được kẹo và đồ hộp. Dù biết là chúng làm thế để xoa dịu bớt vụ đốt nhà mấy tuần trước, nhưng ai cũng phấn khởi vì dù sao có Thông ngôn Hoa lính Mĩ sẽ bớt hung hăng và có gì cũng dễ nói hơn.

Sau đó, cũng nhiều lần ông Hoa dẫn lính Mĩ đến cho dầu ăn, xà bông .v.v... Lúc này khi tối đến thì mọi người thường phải ngủ dưới hầm. Mỗi tối Mĩ hay bắn đèn soi sáng cả vùng, chỗ nào nghi ngờ thì chúng rọi đèn. Chúng dùng một ngọn đèn pha cực mạnh đặt trên đồi, đêm đêm hay quét ngang dọc xuống làng từng luồng soi rõ như ban ngày. Đêm ấy trời nóng nực. Mọi người ngủ trên nhà, nửa đêm bỗng giật mình vì những tràng đại liên chát chúa quanh sân nhà. Mọi

người vội vã lăn xuống hầm, rồi một luồng đèn pha sáng rực quét qua, quét lại trước sân nhà tôi rồi quét xuống vườn bác hai tôi. Tiếp theo là nhiều tràng đại liên chát chúa xuống vườn bác tôi. Chúng phát hiện ra điều gì thế? lẽ nào có ai đi ra ngoài vào giờ này? Ai cũng lo lắng cho nhà bác. Một lát sau chúng thôi bắn và cũng chẳng nghe ai kêu la gì. Mẹ con tôi cũng chẳng dám bước ra khỏi hầm, ngồi chờ cho đến hừng sáng mới dám chạy qua. Lúc đó ông tôi cũng chạy xuống, nhà bác tôi cũng bò ra khỏi hầm. Ông tôi nói:

- Tao tưởng cả nhà bay chết hết rồi!

- Không biết chúng thấy chuyện gì mà bắn dữ vậy không biết – bác tôi nói.

Mọi người dạo quanh vườn thì thấy con bò đực nằm chết trên vũng máu, một đùi sau nát bét. Thì ra khi đêm con bò sống chuồng ra ăn rau lang, tụi Mĩ trên đồi pha đèn thấy tưởng con người mới nã đại liên dữ thế. Ngày hôm đó cả nhà tôi cũng được ăn thịt bò một bữa ngon lành thoả thuê. Trước đó mấy khi biết đến miếng thịt bò, thịt heo. Bữa ăn thường là cơm với rau lang luộc chấm nước tương, muối mè hoặc chỉ một ít cá đồng kho mặn. Cũng từ đó chẳng ai dám bước chân ra khỏi nhà vào ban đêm.

Cuộc sống yên ổn được một thời gian, rồi lại nghe tiếng mìn nổ ở đâu đó, và lại nghe liên tiếp các vụ lính Mĩ đi lùng sục bị vướng mìn, sập hầm chông ở những làng ven chân núi Chóp Vung. Và xe Mĩ lại tiếp tục bị nổ tung trên đường Cái Mới, lần này là chiếc xe vận tải nên chỉ có hai tên Mĩ trên xe phải đền tội.

Tiếp theo nữa là xảy ra một vụ cướp súng Mĩ li kì.

Anh Nguyễn Văn Tròn là một thiếu niên đã gặp và quen với lính Mĩ nhiều lần khi chúng xuống làng. Hôm ấy anh xin tên Mĩ chỉ cho anh cách bắn súng. Tên Mĩ và anh lên cầu xe lửa bắn xuống nước dưới chân cầu. Chiếc cầu trước đó bị bom ném trúng đã gãy nhিপ giữa chúc xuống dòng suối, nên có tên là cầu Gãy, trên thành cầu còn

lại chẳng hề có lan can. Sau khi bắn thoả thuê, lợi dụng tên Mĩ sơ hở anh xô mạnh tên Mĩ lộn nhào từ trên cầu cao hơn 4m xuống suối lỏm chồm đá, rồi cướp súng chạy thẳng vào vùng giải phóng và xin thoát li luôn theo du kích xã. Tên Mĩ đó không biết có sống nổi không, nhưng ít gì cũng phải bị thương rất nặng. Còn anh Tròn thì sau này cộng với nhiều thành tích khác nên đã được tuyên dương Anh hùng LLVT năm 1978.

Tại Mĩ thấy không thể nào yên ổn trên vùng đất này, nên quyết định huỷ diệt các làng xung quanh đồi Chóp Vung và hai bên đường Cái Mới.

Phần 2

Ở NƠI SƠ TÁN

Một buổi sáng sớm thấy có nhiều trực thăng bay lượn trên bầu trời, rồi lính Mỹ từ trên đồi đi xuống khá đông, toả đến từng nhà. Hai tên đến trước nhà tôi mặt mày bặm trợn. Một tên trầm một tràng gì đó. Mẹ tôi thì đáp lại cũng vẫn điệp từ:

- No biết, no biết! má mi xanh, bé mi xanh.

Mẹ đưa tay chỉ vào mình và chỉ vào chị em tôi ý nói là nhà chỉ có đàn bà và trẻ con.

Tên Mỹ khoát tay chỉ ra đường và nói:

- Go, go!

- Ủa! chúng bảo mình đi đâu thế kia nhỉ?

Chưa hiểu chuyện gì thì tên Mỹ kia lấy trong túi ra chiếc máy lửa Zippo quẹt lên chìa vào mái tranh.

- Trời ơi, chúng đốt nhà!

Mẹ tôi lao vào quăng túi xách, chăn màn, quần áo ra ngoài. Ngọn lửa trùm lên mà mẹ vẫn còn trong ấy. Chị em tôi gào lên:

- Mẹ ơi! Chạy ra nhanh, chết bây giờ!

Mẹ tôi ráng quơ thêm được một chiếc chiếu rồi lao ra, thở hổn hển, trên người dính đầy tàn tro. Ngọn lửa bùng lên dữ dội, tiếng tranh tre cháy nổ nghe lớp lớp. không gian nhìn qua ngọn lửa thấy giật giật, chao đảo. Một căn nhà toàn tre và tranh rạ khi cháy thì chẳng có gì chữa nổi. Nhìn sang tứ phía nhà ai cũng bị đốt, khói lửa ngập trời, tiếng kêu la dậy đất. Ai ai cũng đưa mắt tìm Thông ngôn Hoa mà chẳng thấy ông ta đâu. Ông Hoa không thể cản được chuyện này nên đã ở trên đồi không dám xuống.

Hai tên Mỹ thì liên tục chỉ tay ra đường, miệng nói: Go, go!

- Thôi, chúng không cho mình ở đây nữa rồi.

Từ trên không trung hai chiếc Moranh bay rè rè quần đảo. Bỗng nghe trên máy bay tiếng loa vọng xuống.

- Đồng bào chú ý! đồng bào chú ý! - Chính quyền Quốc gia đã nhiều lần khuyến cáo đồng bào không được ở những vùng mất an ninh. Hôm nay quân đội đồng minh sẽ tảo thanh. Đồng bào phải tản cư ngay trong ngày hôm nay, đến các vùng quốc gia sinh sống để bảo toàn tính mạng cho đồng bào ...

- Đúng là giọng nói của ông Bộ trên máy bay rồi - Mẹ tôi nhìn lên trời và nói.

Tên Bộ là ấp trưởng thôn Thiệp Sơn của tôi. Từ ngày cách mạng vùng lên phá ấp chiến lược hắn đã bỏ chạy vào thị trấn Đức Phổ và chỉ dám về làng mỗi khi có lính Mĩ hoặc lính nguy đi càn.

Đợi cho hai tên Mĩ bỏ đi đến nhà khác, mẹ bảo chị em tôi cào tro than để tìm chỗ giấu vàng. Dùng cuốc, bừa cào và những khúc tre dài kéo, đẩy những thỏi than tre và tro tranh còn đỏ lòm ra bên ngoài, đất dưới nền nhà nóng rực. Cuối cùng cũng tìm và đào lên được cái tráp màu đỏ hình bánh xe, bên trong đựng mấy chỉ vàng mà mẹ dành dụm được trong nhiều năm qua.

Trên trời chiếc loa vẫn vang vang thúc giục mọi người di tản. Ông nội tôi chạy qua thúc giục chuẩn bị đồ đạc nhanh lên để đi. Chị tôi chui vào hầm lấy thêm được một cái mền, một chiếc chiếu và một cái đèn hột vịt, cộng với một số đồ dùng lấy được từ trong nhà và bắt đầu lên đường

- Tình cảnh này thì phải đi thôi, không thể ở đây được nữa - Mẹ tôi nói.

Tôi nhìn lại ngôi nhà một lần nữa, bây giờ chỉ là đồng tro tàn đang còn âm ỉ khói, những cây chuối bị cháy đen gục xuống như khóc than cùng con người.

Ra đến đầu đường thì mọi người cũng ra đi rất đông, người thì

xách túi xách, kẻ thì lừa bò. Có những người mẹ trên vai gánh một đôi thùng, một đầu thì chất đầy đồ đạc, đầu kia thì bỏ một đứa con nhỏ ngồi vào. Hai tay đứa trẻ nắm lấy hai dây mủng với đôi mắt tròn xoe ngơ ngác, mấy đứa lớn thì lon ton chạy theo sau, đứa thì ôm chiếc chiếu, đứa thì dắt bò. Trên trời, tên ấp trưởng Bộ vẫn oang oang đọc đi đọc lại thông báo di tản. Tôi thì trước đây cũng đã có lần mẹ đặt ngồi trong mủng gánh đi chạy giặc và cảnh gồng gánh đi tản cư cũng thấy nhiều lần sau đó. Nhưng lần này là xúc động nhất vì lần đầu tiên phải rời xa ngôi làng mình đã gắn bó bao nhiêu năm và mọi người ra đi mà chưa biết phải về đâu. Tôi quay lại nhìn ngôi làng mình lần cuối. Phía sau lửa khói vẫn bốc lên ngập trời, tiếng nổ đi đùng. Có lẽ lính Mỹ đang giật mình những căn hầm và những ngôi nhà ngói không đốt được.

Viết đến đây làm tôi nhớ lại bài thơ "Bên kia sông Đuống" của nhà thơ Hoàng Cầm viết năm 1947.

.....

Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp
Quê hương ta từ ngày khủng khiếp!
Giặc kéo lên ngàn ngụt lửa hung tàn
Ruộng ta khô, nhà ta cháy
Chó ngọ một đàn,
Lưỡi dài lê sắc máu
Kiệt cùng ngổ thảm, bờ hoang
Mẹ con đàn lợn âm dương
Chia lìa đôi ngả
Đám cưới chuột đang tưng bừng rộn rã
Bây giờ tan tác về đâu?

.....

Hơn hai mươi năm sau, làng tôi bây giờ cũng thế, chỉ khác là hồi đó giặc Pháp, bây giờ là giặc Mĩ, nhưng chúng cũng tàn ác như nhau, và làng tôi cũng chẳng có tranh Đông Hồ với những cảnh “đám cưới chuột”, “đàn lợn âm dương” như vùng quê Kinh Bắc của Hoàng Cầm, nhưng mọi người đang tan tác chẳng biết về đâu.

Đi đến đường quốc lộ, mọi người dừng lại, bàn tán nên đi về đâu? Những con bò thấy xe ô tô lạ lắm nên rống lên inh ỏi, trẻ con ngồi trong mủng cũng sợ, khóc ré lên. Cuối cùng thì ai cũng đồng ý với phương án: Tự mỗi gia đình tìm đến nhà bà con, nhà người quen của mình nương nhờ tạm rồi sau hãy tính. Từ đó chia tay, người thì đi tiếp vào Trà Câu, thị trấn Đức Phổ, người thì đi ra Thạch Trụ - Mộ Đức. Mẹ con tôi đi xuống nhà ngoại tôi ở thôn Vùng 5. Đến nhà ngoại thì làng xóm cũng cháy tan hoang, nhà ngoại cũng bị pháo bắn sập, mọi người cũng đi tản cư hết. Ngoại tôi nói:

- Đàn bà, trẻ con đều đi tản cư ra Mộ Đức, ở đây chỉ còn ông bà già trụ bám lại để làm ruộng vườn. Tối, cây nông nó hay bắn hoai. Ở đây không bình yên đâu.

Thế là mẹ con tôi lại đi tiếp ra Mộ Đức tìm đến nhà cậu Bảy của tôi. Cậu đã tản cư ra đó đã được vài tháng.

Ngã tư Thạch Trụ nằm trên QL1 thuộc huyện Mộ Đức là vùng Quốc gia kiểm soát từ 1954 đến nay. Nơi đây là một thị tứ đông đúc, có con lộ 5 chạy lên huyện Ba Tơ đi Công Tum (Bây giờ là QL 24). Phía bắc có đồi núi Bé và núi Thụ, có đồn lính Mĩ và đồn lính nguy kiên cố. Chúng kiểm soát và tổ chức dân chúng một cách chặt chẽ. Mỗi xóm đều có đội "Nhân dân Tự vệ". Cậu Bảy tôi cũng bị buộc vào đội "Nhân dân Tự vệ" và được phát cho một khẩu súng Cacbin. Thỉnh thoảng tôi cũng thấy cậu lấy ra lau chùi nhưng chưa thấy sử dụng nó để bắn lần nào

Đồng bào ở các vùng chiến sự tản cư về đây rất đông. Họ dựng nhà

san sát nhau gọi là kiểu nhà của Mĩ, nhà lợp bằng tôn mè một mái chảy từ trước ra sau, xung quanh che bằng các tôn. Mỗi buổi sáng, chiều xe lính Mĩ thường hay chạy qua lại và chúng thường ném kẹo, đồ hộp cho trẻ con. Có lần chúng đổ nguyên một thùng hàng trăm trái bom tràn ra đường vắng tung toé. Mọi người hai bên tranh nhau ra chụp, cười đùa vang cả một quảng đường.

Ở nhà cậu được ít tuần thì mẹ tôi bảo chị tôi.

- Con đã lớn rồi, ở đây mẹ không yên tâm, phải lánh vô Sài Gòn thôi

- Con đi thì ở nhà ai phụ mẹ nuôi em? Chị tôi nói.

- Ở nhà có cậu và ông bà ngoại giúp đỡ mẹ làm ruộng cũng được rồi. Con gái ở đây nhiều đứa đi làm sở Mĩ, có đứa bị Mĩ cưỡng hiếp, có đứa đi làm đĩ cho Mĩ nữa đấy.

Hai hôm sau mẹ tôi gửi chị gái lớn theo người quen vô Sài Gòn. Nhiều người làng từ hôm bị Mĩ đốt nhà cũng dẫn cả nhà chạy thẳng vào Sài Gòn. Mẹ tôi thì hằng ngày về thôn Vùng 5 làm ruộng cùng ông bà ngoại đến tối mịt mới về. Còn lại ba chị em tôi cũng bắt đầu đi học trở lại.

Tôi xin vào học ở trường Tiểu học Bồ Đề. Đó là ngôi trường của nhà chùa, tường xây gạch, mái lợp ngói chứ không phải tường trét đất, mái tranh như trường làng của tôi ở quê. Thầy giáo Tường dạy lớp tôi, vẫn mặc áo cà sa đi dạy. Sau năm 1975 gặp lại, thầy bảo: Hồi đó vào chùa mặc áo cà sa đi dạy để trốn lính chứ chẳng phải đi tu gì. Học trò thì hầu hết là dân tản cư, đa số học trễ 2 – 3 năm so với tuổi qui định, trong lớp có khi cách nhau đến 7 tuổi.

Lần đầu đi học trở lại với nhiều bỡ ngỡ với thầy cô và bạn mới. Trong lớp học trò chỉ mặc quần đùi, đi chân đất, cẳng chân mốc thối. Đa số cổ đứa nào cũng đeo kiềng (kiềng đất) và mặc những chiếc áo cũ dính đầy mực. Trên bàn, mỗi chỗ ngồi đều có một lỗ tròn để đặt hũ mực vào và dùng ngòi bút lá tre để chấm viết.

Một hôm, tôi quơ tay làm nghiêng đổ hũ mực một ít lên trang vở trắng. Luống cuống chẳng biết làm sao, định kéo vạt áo lên dậm vào chỗ mực đổ thì thằng N. ngồi cạnh nói:

- Chững, chững! (từ từ!) tao cho mày cái này.

Nói rồi nó lấy trong túi ra một cuộn giấy trắng nhỏ, xé ra một miếng rồi đặt vào chỗ mực thì mực bỗng nhiên được hút hết vào tờ giấy. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cái giấy gì hay thế?

Nó nhìn tôi cười rồi nói:

- Giấy chùi đít của Mĩ đấy!

- Thật không? mà sao mày có?

- Mĩ xài dư bỏ hiếm gì.

Và hôm sau nó đem cho tôi một cuộn giấy còn nguyên to bằng ngón chân cái. Nhìn trong lớp đĩa nào cũng có giấy vệ sinh của Mĩ để làm giấy dậm. Đúng là xài sang như Mĩ! Còn những người dân mình khi đó thì đi vệ sinh thường ra đồng, ra gò, dùng lá cây. Tụi nhỏ chúng tôi thì thường chạy ra khu Vườn đồn sau xóm để giải quyết cái chuyện ấy. Khu Vườn đồn bằng phẳng rất ít bụi cây nên thường là "ỉa trịn", tức là trịn đi, trịn lại dưới cỏ cho sạch, có khi trúng chỗ ngựa về phòng cả đít.

Khu Vườn đồn trước kia là cái đồn lính ngự. Nghe nói năm 1966 bộ đội ta tổ chức tấn công, nhưng đêm ấy trời mưa to đột ngột, nước suối dâng cao, đơn vị tới sau không qua được con suối Nước mặn. Đến giờ G. ta vẫn tổ chức tấn công. Trời đã hừng sáng mà vẫn chưa chiếm được đồn. Máy bay trực thăng vũ trang của chúng quân đảo tiêu diệt gần hết các đơn vị đã qua được suối. Những buổi chiều tôi và lũ bạn hay thả diều ở khu vực gần lộ 5 cách Vườn đồn vài trăm mét thấy nhiều ngôi mộ chỉ to bằng hàng củ mì, đếm được cả 5- 6 chục cái như thế. Bọn ngự sau đó cảm thấy không an toàn nên đã rút bỏ Vườn đồn, để lại một khu đất rộng, bằng phẳng cho chúng tôi

"ỉa trịn “.

Cuộc sống ở nơi tản cư cũng bình yên, nhà nào cũng có hầm nhưng đêm đến vẫn ngủ ở trên nhà. Tôi thì vẫn đi học, vẫn chắt vạt với những bài toán đố, với bản cửu chương. Một bữa thầy giáo gọi lên đọc bản cửu chương. Cửu chương 2 thì tôi thuộc, khi thầy bảo đọc cửu chương 7 thì chỉ thuộc được 2 câu đầu:

7 lần 1 là 7

7 lần 2 14 ...

Phần sau không cách gì nhớ nổi. Cửu chương 7 và 8 thì rất khó nhớ, học hoài mà chẳng thuộc. Thầy bắt về nhà viết lại bảng cửu chương 20 lần, hôm sau đem nộp cho thầy.

Hằng ngày thì một buổi đi học, một buổi ngồi mở kềm gai. Kềm gai của Mỹ sản xuất thành từng cuộn dùng để làm bờ rào quanh các đồn bót. Cậu tôi mua về cắt từng đoạn ra, anh em tôi và các con của cậu ngồi mở cho hết những gai nhọn để cậu đan thành những cái tấm lưới, những cái giỏ chiên sắt rồi đem bán cho những người mua về nhốt heo, gà. v.v...

Năm 1969, đến ngày lễ Vu Lan (Phật lịch 2517) trường cũng tổ chức múa lân, cắm trại và trong đêm trại thấy nhiều người lên diễn thuyết và hát toàn là những bài hát phản chiến, kêu gọi hoà bình. Tôi còn nhớ khi ấy trong trường mọi người thường tập hát các bài:

HOÀ BÌNH OI! VIỆT NAM OI!

Mai đây hoà bình!

Ta về ngắm lại dòng sông xưa

Đồng hoang xơ xác hai bên, sẽ mai nầy thơm mùa lúa chín

*Trên sông người về, con đò chở đầy vàng trắng quê
Hò khoan cô gái du dương, đón đưa người đi về chung đường
Hoà bình ơi! Hoà bình ơi!*

*Ta gánh chung đau thương một trời
Nam - Bắc ơi quê hương tình người
Hoà bình ơi! Việt Nam ơi!
Mai đây hoà bình!*

*Con tàu chở đoàn người di cư
Về thăm đất bắc thân yêu, đã xa rồi cả thời niên thiếu
Hôm qua Sài Gòn, bây giờ có mặt tại Công Tum
Chiều nay khăn gói ra Trung, sớm mai này ta về Hải Phòng*

.....

*Mai đây hoà bình!
Khung trời quê mình rộng bao la
Đàn chim tung cánh bay xa, bắc nam rồi không còn ngăn cách*

.....

RỒI MAI ĐÂY HOÀ BÌNH TRỞ VỀ
*Rồi ngày mai đây hoà bình trở về!
Xuân lại trở về, đầu năm bà con chúc tết
Cây cảnh chớm lộc, cờ hoa trời đẹp mắt
Đò em, con đò dân tộc hoà bình
Cây đa bến cũ vẫn đợi, vẫn chờ
Chờ người, người thương năm ấy chưa hề sang ngang*

.....

TÌNH EM BIỂN RỘNG SÔNG DÀI

.....

*Hoà bình ơi! chờ trông nhau như con chờ mẹ
Chờ trông nhau như gió mùa hè
Chờ trông nhau nắng đẹp tình quê
Hoà bình ơi! ơi hoà bình ơi!*

Ba mươi tuổi đời thoát tựa vành môi
Ba mươi năm rồi khổ đau nhiều rồi
Về đây hỡi người ơi! Về đây hỡi người ơi!

HOA CÀI MÁI TÓC

Mẹ Việt Nam mắt ngời sáng quắc
Nghe đâu đây tiếng gọi hoà bình
Lệ mừng nhoà đôi mắt long lanh
Nghe tin con vẫn còn ngày xanh

.....

Chính vì khát vọng hoà bình mà lúc này nghe mọi người thường kể cho nhau nghe một chuyện kì lạ là hằng đêm gần sáng có nhiều người thấy một đám tang với cái hòm đỏ lòm, và nhiều người mặc đồ trắng, đầu quấn khăn tang đi theo khóc lóc. Đám tang xuất hiện trên nền trời đi từ đông sang tây rồi lặn khuất sau dãy núi. Tôi định ráng thức qua 12h đêm để xem thử, nhưng lần nào cũng ngủ quên trước 12 h.

Một hôm tôi ngồi nghe bà Thừa và mẹ tôi cũng nói về chuyện ấy. Bà Thừa kể ông này, ông kia đã thấy chuyện đó.

- Thế bà có thấy không? - mẹ tôi hỏi

- Đêm ấy, em tỉnh dậy đi tiểu lúc gần sáng thì thấy đám tang ấy đã đi gần lặn xuống núi, không thấy cái hòm, chỉ thấy còn vài người đang đi dần xuống núi

- Làm sao có chuyện đó được – Tôi nói xen vào

Đêm nay, tôi nhất định thức đến sáng để xem chuyện này. Ráng thức qua 12h đêm, chạy ra sân để xem cũng chẳng thấy gì ngoài bầu trời trong xanh. Mẹ tôi nói:

- Thôi! vào ngủ đi, đừng có tin mà mắc lừa người ta. Tao vẫn thức hằng đêm mà có thấy gì đâu.

Nghe mẹ nói vậy nhưng tôi vào nằm mà vẫn cố thức, nhưng rồi cuối cùng cũng ngủ quên lúc nào chẳng hay

Sáng dậy mẹ tôi bảo: tối qua tao thức trắng đêm vì không ngủ được, chạy ra nhìn trời mấy lần mà cũng chẳng thấy gì cả. Đúng là mắc lừa người ta.

Thật đúng vậy! Chẳng hề có chuyện đám tang trên trời, nhưng do chết chóc quá nhiều, có người hoảng loạn nhìn trời rồi tưởng tượng ra như vậy và đồn thổi lên mà thôi.

Sáng nay, thầy giáo bị bệnh, không đến lớp, trường cho học sinh nghỉ học. Tôi và mấy đứa bạn rủ nhau đi chợ Huyện. Chợ Mộ Đức khi ấy gọi là chợ Huyện. Đi để xem chơi chứ chẳng có đồng bạc nào để mua đồ. Chợ Huyện cách trường 500m. So với các chợ ở quê thì chợ Huyện lớn hơn nhiều. người đi lại nhộn nhịp. Trước mặt chợ là những cửa hàng lớn bán tạp hoá đủ thứ, vào bên trong thì có từng lều che bằng mái rạ. Chỗ thì bán quần áo, vải vóc, chỗ thì bán bình ly, chỗ thì bán sách vở, bút viết. Chúng tôi đứng tần ngần lấy lên xem những quyển vở thơm phức, những cây bút chì mới cái, những chiếc xe ô tô bằng nhựa bóng loáng ... Cũng hỏi thử giá, thèm lắm mà chẳng đứa nào có tiền để mua.

Khi ra về, đến cổng chợ, thằng N. kéo tay tôi bảo:

- Mà nhìn kia!

Tôi đưa mắt nhìn bên kia đường theo tay của nó thì thấy một tấm bảng lớn vẽ hình gì đó. Chúng tôi chạy lại gần xem thì đứa nào cũng cười ồ vì cái tấm hình quái dị đó. Trong hình là một cây đu đủ to, cành lá xum xuê. Trên một tàu đu đủ có 7 người lính giải phóng đu trên đó từ trong thân cây ra đến mút tới tàu lá. Người nào cũng ốm tong teo như những con nhái, mặt mày ai cũng nhăn nhó, sầu não. Trên đầu mỗi người đều đội mũ nan có lưới bao quanh, giữa mũ là cái ngôi sao bên trong một vòng tròn (giống y hệt mũ của bộ đội ta ở Điện biên Phủ), chân thì mang dép râu (dép cao su có 4 quai). Có người thì ở trần, chỉ đu một tay trên cành đu đủ.

Tôi nghe mẹ tôi nói trước đây, ở cổng chợ này có lần còn treo cả

hai cái đầu của hai ông Việt Cộng suốt 3 ngày, làm ai đi chợ cũng kinh hồn bạt vía. Nhưng từ khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ thì không thấy chuyện đó nữa. Chế độ Diệm tàn ác hơn chế độ của Thiệu.

Một buổi chiều, đang ở trong nhà, bỗng nghe tiếng xe tăng "Két" ngoài đường. Tôi và mọi người chạy ra xem thì thấy hai tên quân cảnh ngự đầu đội mũ sắt có 2 chữ QC từ trên xe jeep bước xuống. Một tên chạy tới túm cổ một người thanh niên đang đi trên đường rồi đẩy lên xe. Mọi người bàn tán.

- Chắc bị theo dõi có mang vũ khí gì đấy

- Bắt lính đấy các bà ơi. Ở đây thấy bắt lính như vậy hoài mà – Bà Anh nói

- Ô! Bắt lính mà làm như bắt cộng sản vậy trời!

Quân cảnh vẫn thường đi bắt lính như thế. Nếu có giấy tờ chưa đủ tuổi hoặc giấy hoãn quân dịch thì được tha, nếu không thì đưa vào quân trường ngay. Còn các ông cách mạng giải phóng thì tuyển quân bằng cách đem về hợp mít tinh rồi động viên chứ không bắt buộc. Đến tuổi thanh niên mà không đi giải phóng thì phải đi lính ngự thô chứ biết chạy đâu cho thoát.

Ở vùng Quốc gia mấy tháng không phải ngủ hầm, không nghe thấy tiếng bom, mìn nổ. Tôi nghĩ đây là vùng bình yên, nhưng thực tế không phải như vậy. Hằng đêm, cán bộ, du kích vẫn xuống móc nối với những nhà cơ sở để hoạt động, do tôi còn nhỏ nên không biết chuyện ấy.

Một đêm, đang ngủ say thì bỗng nghe nhiều tràng súng nổ sát bên nhà. Mọi người vội vã chui xuống hầm. Cậu tôi là "Nhân dân Tự vệ" có súng Cacbin nhưng vẫn chui vào hầm trốn như mọi người. Bên ngoài tiếng chân người chạy thành thịch. Từng tràng đạn AK nổ chát chúa ngay cửa hầm, loé sáng cả vào trong. Lần đầu tiên tôi mới nghe AK nổ ngay bên cạnh, tiếng nổ chát chúa, uy hiếp hơn nhiều so với tiếng nổ súng AR-15 của Mỹ. Có mấy người du kích núp ngay bên

ngoài căn hầm nhà tôi thì thảo và tiếp tục nổ súng, có cả tiếng nổ của cối cá nhân M79. Mọi người ngồi nép vào nhau, đã sợ hãi rồi mà phải ngửi tiếp cái mùi thối thối của thúi địt (rắm). Ai cũng nhìn ai, 6 – 7 người không biết ai xỏ ra cái mùi ấy. Ai cũng khịt mũi, lấy tay quơ qua, quơ lại trước mặt, nhưng rồi quơ đi đâu? Cái mùi ấy nó vẫn quần ở trong hầm mãi thật lâu mới hết. Thường ngồi hầm lâu vẫn hay gặp trường hợp như thế.

Trận chiến đêm qua, thiệt hại của hai bên như thế nào không ai biết, nhưng sáng ra, bên ngoài hầm thấy có nhiều dấu máu. Rồi mọi người cũng lo đi làm, chẳng ai quan tâm. Đó là: "chuyện thường ngày ở xã" đấy mà.

Rồi một buổi đi học về, thấy trong nhà có nhiều người đang đứng bàn tán xôn xao

- Dì Bằng bị bắn chết rồi!

- Ai bắn?

- Tên Dương Giỏi

Dì Bằng là người bà con bên ngoại của tôi, nhà cũng tản cư ra Thạch Trụ cách nhà cậu tôi vài trăm mét. Chồng của dì chạy núi (thoát li lên núi theo cách mạng). Hôm ấy dì đi lên hướng Ga Mộ Đức gặp những người đi buôn lên vùng giải phóng để gửi thư cho chồng, chẳng may gặp lính nguy đi càn. Tên Dương Giỏi kêu đứng lại, nhưng vì trong người có mang lá thư nên dì giả vờ không nghe. Hắn liền rút súng bắn thẳng từ sau lưng. Tên Dương Giỏi là người làng tôi, hắn làm Liên gia trưởng, không hiểu sao hắn lại thích bắn giết như thế. Sáng hôm ấy hắn giết tới hai mạng người, dì Bằng và một người đàn ông đang trốn trong hầm. Năm 1973, bà Tích có con trai chạy núi, hắn gọi xuống xã nói:

- Tại sao bà để con bà theo cộng sản?

- Con tui ra ngoài bao (gò, rẫy) để chặt tre thì mấy ông xuống bắt đi. Con trai đầu tôi cũng bị các ông bắt đi lính Sư đoàn 1 và đã chết

năm ngoái, ông không biết sao?

- Bà không biết dạy con, bà phải gọi nó về ngay*
- Làm sao tui gọi nó về được. Ông gọi nó về dùm tôi đi!*
- A! bà già này ngoan cố hả?*

Nói đoạn hấn vợ lấy một thanh gỗ giáng mạnh xuống cánh tay. "Rắc" xương cánh tay gãy rời. Bà Tích khuyu xuống. Những người dân cùng bị bắt hôm đó vội đưa bà vào nhà thương Đức Phổ để bó bột và bà phải mang cánh tay bó bột suốt mấy tháng trời.

Tôi chạy lên nhà thì dì Bằng cũng vừa được khiêng về. Dì được đặt lên tấm phản giữa nhà. Mọi người đến rất đông. Có người nào đó nói:

- Con Thuỷ đâu rồi! ôm nó lên để cho nó nhìn mặt mẹ nó đi.*

Dì Tám vội chạy vào buồng bế bé Thuỷ ra, đặt ngồi cạnh dì Bằng. Bé Thuỷ là đứa con duy nhất của dì mới được một tuổi. Thấy mẹ nằm giống như ngủ, liền bò lên mình mẹ rồi vạch áo ra bú tự nhiên trước mặt mọi người, bên ngực lộ ra một lỗ thủng loang lỗ máu. Ai cũng phải quay mặt đi và xuýt xoa rơi lệ.

Mấy hôm sau lại xảy tiếp một vụ thương tâm. Mới sáng sớm tôi nghe mọi người đã lao xao:

- Thằng Máy chết rồi*
- Chết lúc nào?*
- Chết hồi hôm, chết vì 2 quả cây nông (pháo 105 li) hồi khuya.*

Tôi chạy theo mọi người lên nhà anh Máy cách đó vài trăm mét. Mọi người cũng đã đến rất đông, đang bàn tán. Anh Máy mồ côi cha mẹ từ nhỏ, ba chị em ở chẵn trâu với các chú và cũng tản cư ra đây theo bà con, cũng dựng một căn nhà rá nhỏ để ba chị em trú ngụ. Anh Máy được đặt nằm trên chiếc giường tre, trên ngực toét ra một lỗ lớn, máu loang lỗ cả vạch áo, cách giường bên trên vài tấc là một lỗ dẹp cắt đứt vạch rá dài khoảng 9cm. Đó là đường đi của mảnh pháo. Đêm đó anh Máy ngủ trên chiếc giường này. Quả pháo thứ nhất nổ "Ầm" hơi xa, chị Lưu vẫn chưa thấy anh chạy xuống hầm vội chạy ra

kêu to:

- Máy, chạy xuống hầm nhanh lên!

Anh Máy choàng tỉnh, ngồi dậy thì quả thứ 2 nổ tiếp gần đó và đã lãnh ngay mảnh đạn lớn dài gần cả tắc vào giữa ngực. Đêm ấy địch bắn vu vơ chỉ đúng có 2 trái pháo. Nếu chị của anh Máy không kêu thì có lẽ anh đã sống rồi, nhưng ai mà biết được điều đó. Thật là xui xẻo.

Tôi thấy thương anh Máy vô cùng. Anh là người bà con với tôi. Chiều hôm qua tôi về nhà ngoại ở Vùng 5, anh cũng về thả trâu. Hai anh em cùng lật những viên gạch của những ngôi nhà đổ và bắt được thật nhiều dế quạ, rồi cho chúng đá với nhau. Anh bày tôi cách làm cho dế đá hăng là cầm một cọng cỏ xóc vào lưng con dế, đưa lên trước mặt thổi thật lâu vào mặt con dế làm cho chúng xoè cánh ra. Xong rồi mới thả 2 con vào trong chiếc hộp giấy. Lúc đó chúng cắn lẫn nhau cho đến chết mới thôi. Cuối buổi mấy anh em cùng ngồi ăn mía, thế mà đêm qua anh đã chết rồi. Sáng đó tôi bỏ cả học để ở chỗ đám tang của anh.

Tết năm 1970. Đêm giao thừa âm vang tiếng súng, nhưng không phải súng bắn nhau mà súng nổ để chào đón giao thừa. Trên đồi Chóp Vung, Mĩ bắn trước tiên và nhiều nhất. Chúng bắn thật nhiều đèn soi sáng cả một vùng, cùng với nhiều đạn lửa bay lên thành những đường đỏ lòm. Rồi các đồn lính nguỵ cũng thi nhau bắn. Tiếng nổ ì ầm suốt nửa tiếng. Sau đó là những tiếng súng AK của du kích cũng rộ lên ở những xóm xa. Anh em tôi cũng kiếm được vài dây pháo chuột, trái pháo chỉ to bằng đầu dũa, đốt lên, nổ lạch tách cũng vui tai. Mọi người quây quần bên nồi bánh tét đang sôi sùng sục, cùng nói chuyện và cười rôm rả. Ai cũng bảo, ước gì hết chiến tranh, được ngủ yên trên nhà, chừng đó có ăn cơm với muối cũng thấy sướng.

Tết năm nay chị lớn tôi ở Sài Gòn cũng về nên nhà càng vui hơn.

Chị mang về rất nhiều bánh kẹo, có mút dừa là món tôi rất thích, ăn vào vừa béo vừa thơm, có kẹo thèo lèo làm bằng đậu phụng với đường cũng rất ngon, và có thêm món hạt dưa. Đặc biệt, chị đem về nhiều vở mới, viết chì, hộp chì màu ... là những dụng cụ để vẽ. Đó là môn sở trường năng khiếu của tôi từ nhỏ nên tết năm nay tôi có nhiều niềm vui. Chị còn đem về cả tập tạp chí có hình con tàu Apollo 11 của Mỹ có nhà du hành vũ trụ bước ra mặt trăng nữa.

Tết năm đó tôi, mẹ cùng chị đi chơi, thăm bà con. Những căn nhà bằng rạ bé tí san sát nhau ở những vùng tản cư ven đường QL1 ngày tết cũng vẫn có những cây bông vạn thọ. Mọi người ngồi uống nước trà, ăn bánh, ôn lại chuyện năm cũ, hỏi thăm ai còn, ai mất và chúc nhau năm mới được bình an.

Rồi những ngày tết vui vẻ thanh bình cũng qua đi. Bây giờ ở Mỹ Đức cũng không còn yên ổn nữa. Cái đồn lính nguy ở gần chợ liên tục bị tấn công vào ban đêm. Bộ đội thường tổ chức đánh lúc nửa đêm, và rút đi trước khi trời sáng. Thủ pháo để tấn công thường là vũ khí tự chế bằng lon cá hộp. Cái lon cá ngừ bằng bấp tay, nhét thuốc nổ và gắn dây nịt vào trở thành thủ pháo, ném vào đồn tiếng nổ nghe như lựu đạn.

Mẹ tôi lại dẫn mấy chị em tôi về quê ngoại ở Vùng 5. Nơi ấy lúc này có sở chỉ huy Mỹ đóng quân nên không thấy có trận chiến nào xảy ở khu vực đó. Dân ở đây đi tản cư cũng lần lượt trở về.

Sở chỉ huy Mỹ không biết là cấp đại đội hay tiểu đoàn mà có cột ăng ten cao, ban đêm đèn đỏ nhấp nháy. Sáng, chiều nào máy bay HU-1A cũng hạ xuống, bay lên. Nhà ông ngoại tôi ở cách sở chỉ huy một cái vườn, nên tôi có điều kiện quan sát cuộc sống của lính Mỹ đầy đủ hơn.

Mỗi buổi, sáng nào cũng vậy khoảng gần 8h là tụi bán coca, thuốc lá và mấy cô gái điếm ở đâu đi tới. Các anh choai choai thì đến bán thuốc lá và coca cho lính Mỹ. Các cô gái điếm thì đu hăng lên mình

mấy tên Mĩ đùa cợt và nói: "Bum bum, bum bum".

Một hôm, có mấy tên lính Mĩ đang ở nhà ông ngoại tôi, thì mấy cô gái điếm cũng vừa tới. Trên tay cô nào cũng mang một túi xách nhỏ. Một cô sà lại ngay một tên Mĩ như là đã quen biết từ trước.

- Bum bum, bum bum? Cô gái ôm tên Mĩ và chỉ vào mình nói

- Bum bum, bum bum, yes, yes! tên Mĩ cười và đáp

Cô gái nhẩy căng lên, đu lên cổ tên Mĩ ra chiều mừng rỡ lắm, rồi tên Mĩ dắt tay cô gái đi lại cái chuồng trâu của ông tôi. Trâu đã được anh tôi thả đi ăn ngoài đồng rồi. Trong chuồng trâu, một bên chái có cái giường tre mà ông tôi hay lấy ra ngoài sân nằm nghỉ mát vào ban đêm. Tôi vội vàng chạy theo để xem Mĩ nó "bum bum" là sao, thì nghe tiếng ông tôi gọi giật lại:

- S. vào nhà ngay! Mà đi theo chúng làm gì thế?

Tôi phải quay lại đi vào nhà, thật là tiếc vì không xem được "bum bum". Chiều đó tôi thấy ông tôi đem chiếc giường tre ra đốt cháy tan tành và nói: "đốt đi, đồ ô uế"

Mấy hôm sau, thấy tụi lính Mĩ đứng với mấy cô gái điếm ngoài ngõ, tôi và thằng Bé ở gần nhà liền đi tới gần để nghe chúng nói gì. Một cô gái hơi già và đen đứng trước mặt một tên Mĩ cao to nói:

- You, Bum bum, bum bum?

Tên Mĩ khoát tay nói: No, no! Cô gái đỏ mặt đi đến chỗ những tên Mĩ gần đó.

Một lát sau có một cô gái khác trẻ đẹp hơn cô gái trước đang đi tới. Tên Mĩ vẫy tay gọi lại rồi nói một tràng gì đó. Cô gái tươi cười ôm ngang hông tên Mĩ rồi nói:

- Yes! bum bum, bum bum

Nói rồi, tên Mĩ và cô gái đi xăm xăm ra phía sau xóm. Thằng Bé cười to và nói:

- Đi, đi, chạy nhanh theo xem bum bum!

Tôi cũng hồ hởi chạy theo. Lần này chắc chắn là được xem bum

bum rồi. Ra đến dãy gò mả, tên Mĩ và cô gái điếm dừng lại. Tôi và thằng Bé chạy lại chỗ mấy anh lớn đang thả bò ngồi chơi cách tên Mĩ khoảng 5- 60 m. Tôi rủ các anh ấy chạy lại gần để xem. Một anh cười bảo:

- Tụi bay nhỏ lại gần xem đi, chứ tụi tao lớn nó không cho lại gần đâu.

Tôi và thằng Bé đi lom khom bước lại gần khoảng 10m, núp sau cái gò mả. Tên Mĩ đã cởi áo, quay lại thấy hai đứa tôi liền quờ khẩu súng lên đạn cái "Rốp". Tôi và thằng Bé hoảng hồn, ba chân bốn cẳng chạy thực mạng về chỗ mấy anh chặn bò ngồi khi nãy, miệng thở hổn hển, mặt không còn chút máu. Mấy anh đó thì ngồi ôm bụng cười như nắc nẻ. Chắc mấy anh ấy có lần cũng bị Mĩ rượt chạy rồi nên bây giờ lừa lại tụi tôi. Rồi cả đám cũng ngồi đó xem từ xa và bình luận cười đùa theo từng động tác của tên Mĩ và cô gái điếm. Xong chuyện, thấy tên Mĩ móc túi trả tiền cho cô gái. Không biết là bao nhiêu nhưng có lẽ nhiều tiền lắm thì các cô ấy mới chai mặt, đi làm cái chuyện ấy trước mặt mọi người.

Sau đó nhiều lần nữa, tôi cũng đều xem "bum bum" từ xa như thế. Còn lính Mĩ thì xem chuyện ấy là nhu cầu hằng ngày như cơm ăn, nước uống vậy.

Hàng ngày 2 lần khoảng 10h và 4h chiều, máy bay HU-1A lại chở thức ăn từ Chu Lai vào cho lính Mĩ. Những tên lính ở sở chỉ huy trải một tấm vải màu đỏ để máy bay biết chững hạ xuống. Mỗi lần như vậy là rơm, rác gần đó bay lên ngợp trời. Những thùng thức ăn, thùng đồ hộp được bung từ máy bay xuống. Tôi và lũ trẻ trong xóm thường chạy tới để kiếm ăn. Những thùng đồ hộp được khai ra, bên trong mỗi thùng có chứa nhiều thùng con, trên mỗi thùng con đều có dao khui. Nhiều khi tôi đứng gần đó lượm vài cái dao khui cũng không thấy những tên lính Mĩ nói gì. Có hôm thì cũng được một lon chả 3 lát, hoặc một lon nước trái cây.v.v...Con gái thì lúc nào cũng

được cho nhiều hơn.

Lúc này tụi Mĩ hay bắn đèn lằm. Nghe cái "Tum", một tí là thấy đèn xuất hiện trên bầu trời, và cái ống đèn rơi ra kêu "ủn, ủn, ủn ..." rồi rớt xuống đất nghe cái "bịch ". Những lúc vậy thì cũng phải chui vô hầm chứ biết đâu rơi trúng đầu mình thì toi. Có đêm máy bay bà già thả cả loại đèn lớn sáng rực cả một vùng trời. Loại đèn này cháy khá lâu, được treo lơ lửng bởi cái dù 18 chéo. Nhiều người nhặt được loại dù này sau giải phóng còn lấy ra để che rạp đám cưới.

Mỗi khi chúng hành quân ở đâu thì thường máy bay chở thức ăn theo đó. Khi đi hành quân thì tên nào cũng mặc áo giáp. Áo giáp là áo ba lỗ, mặc chỉ che ở phần ngực, bụng và phần lưng. Trên mũ sắt thì lúc nào cũng có giắt một cuộn băng cá nhân. Bình thường nếu không có chuyện gì thì thấy chúng cũng chẳng phá phách hay cướp bóc của ai. Duy có một lần có tên lính phi công chơi xấu, lái máy bay HU-1A cán chết một người đàn ông.

Hôm ấy có một người đàn ông đang chạy xe Honda trên đường QL1. Chiếc máy bay sau khi chở thức ăn vào cho lính Mĩ xong bay trở ra. Đến đoạn đường trống, tên phi công cho hạ độ cao và bay sát mặt đường, dọc theo quốc lộ. Cái càn dưới bụng chiếc HU-1A táng vào đầu người đàn ông đó, làm ông ta văng xuống ruộng, rồi nó nâng độ cao bay thẳng. Mọi người chạy đến đỡ lên thì ông ta đã chết. Ai cũng đứng chửi rửa tên phi công ác độc đó. Dem tính mạng của con người ra để làm trò đùa.

Trưa hôm ấy, anh Dưỡng là anh con bác, rủ tôi về quê cũ thôn Thiệp Sơn của tôi chơi. Lúc này nghe nhiều người lớn cũng hay về quê để chặt củi. Gần một năm rồi, kể từ ngày lính Mĩ đốt nhà đuổi cả làng đi. Hôm nay tôi mới được trở lại thăm quê, dù chỉ cách nơi ở mới hơn 2 cây số.

Từ đường Cái Mới nhìn vào, làng tôi như vừa mới qua một trận cháy. Cây cối bị rải chất độc da cam rụng gần hết lá. Hai bên đường

cái Mới, chúng rào hàng 5-6 lớp kẽm gai. Anh Dưỡng vạch kẽm gai để tôi chui qua.

- Ghê quá! rủi có mình thì làm sao? tôi hỏi

- Tao đi nhiều lần rồi, không sao đâu

Vào đến làng, thấy cây nào cũng vàng cháy. Những cây dừa đứng rũ lá xác xơ, mà có điều lạ là các cây dừa khi có người ở thì chúng mới xanh tốt và có nhiều trái, còn không có người thì rất hiếm khi thấy có cây nào ra trái. Nhiều năm sau này tôi vẫn thấy như thế.

Nhìn cái nền nhà cháy đen, cỏ tranh mọc đầy vàng úa dưới nắng hè gay gắt mà đôi mắt bỗng rung rung. Tôi và anh Dưỡng đi dạo quanh các vườn thì gặp ông nội tôi và vài người nữa cũng về thăm làng. Từ ngày ấy, ông chạy tản cư xuống An Sở, còn nhà tôi ra Mộ Đức nên cũng ít khi gặp nhau. Ông và mấy người kia về làng để chặt củi, còn chúng tôi chỉ đi chơi, đi hái ổi.

Đến bên hàng rào thì thấy trên cây ổi trái chín đỏ ngất cây. Chúng tôi leo lên hái ăn no nê, còn hái thêm thật nhiều để chiêu mang về. Những cây ổi cũng bị chất độc da cam làm vàng rụng gần hết lá. Chúng tôi và nhiều người làng cũng ăn như thế nhưng sau này sao cũng chẳng thấy ai bị di chứng của chất độc da cam. Sau này mới biết rằng nhiều làng quê khác cũng bị chúng rải chất độc để phát quang cây cỏ như ở Miền đông Nam bộ như trong bài thơ của nhà thơ Giang Nam.

GIỮ LẤY MÀU XANH

.....

Năm nay lại về miền đông

Giữa mùa lá hoa đâm chồi nảy lộc

Đường đất đỏ chạy dài hun hút

Nhưng mắt thoáng nhìn, mắt bỗng mở to

Ai đốt quê hương thiêu cháy bụi bờ?

Những vườn sầu riêng khô cành trụi lá

Anh gặp em mắt bùng tia lửa
Cúi xuống bên cây như bên xác người thân
Chúng giết người, giết cả màu xanh
Từng búp măng non, từng mầm sống nhỏ
Lúa Phước Tân gục đầu không dậy nữa
Cao su Long Thành run rẩy cánh tay xương
Nắng lửa chói chang đổ khắp ruộng vườn
Một mảnh thân ta trở thành đất chết
Có gì chạy trong lòng xương ống mạch
Ngọt ngọt tê người như thuốc độc em ơi!
Ngồi xuống bên em đau xót bồi hồi
Cuộc sống ngày mai lấy gì bồi đắp
Hãy giết hết những thằng mang thuốc độc
Sợ cả con người và sợ cả cỏ cây

.....

Đúng là chúng sợ luôn cả cỏ cây. Gần cả năm sau, cây cối ở làng tôi mới xanh trở lại

Đến khoảng 3h chiều, khi chúng tôi còn mãi mê đi bắt dế thì nghe tiếng ông tôi kêu:

- Đi về tụi bây ơi!

- Còn sớm mà ông?

- Nhanh lên, người ta đi về hết rồi, bây nhìn xem thử còn con ma mén nào không?

Tôi nhìn quanh, đúng là chẳng còn ai, tự nhiên thấy lạnh cả người. Buổi sáng thì có tiếng chim kêu, không khí có vẻ tươi vui, còn buổi chiều thì vắng lặng quá. Đứng giữa những khu vườn hoang tự nhiên thấy sợ hãi. Giờ này không còn ai dám ở lại cả.

Ra đến rìa làng đã thấy một số người đã đi ra và nghe trên bầu trời có tiếng loa. Nhìn lên thì thấy chiếc Moranh bay lượn thả truyền đơn. Trên máy bay có người đọc một bài thơ gì đó nghe không rõ. Tôi

cúi xuống nhặt một tờ, nhưng vì vội quá không xem được nên bỏ vào túi đem về.

Về đến nhà tôi thấy anh tôi và một số người đang đứng ngoài ngõ đang xem và bàn tán cái gì đó. Lại gần thì thấy họ đang bàn luận về tờ truyền đơn. Vậy là máy bay đã thả khắp nơi. Vì hôm nay chúng rải truyền đơn lại có kèm theo tiếng người đọc thơ nên có nhiều người lượm xem. Tôi nói:

- Ở trên quê cũng thấy thả nhiều lắm. Tôi cũng lượm được một tờ đây.

Nói rồi, tôi lấy từ túi áo ra xem. Trên đầu tờ truyền đơn có in hình một người lính giải phóng đầu đội mũ nan, mũ có lưới và ngôi sao, đang cầm một tờ giấy để đọc. Bên dưới là bài thơ:

Giữa rừng hoang đón xuân về không ngủ
Biết viết gì xa vội xót xa đây
Chờ trăng thức trắng đêm nay
Thương về quê mẹ đắng cay nảo nề
Lắng tai nghe súng nổ tứ bề
Giật mình nghĩ tết mà tê tái lòng
Miền nam nhuộm một màu hồng
Quê nhà Miền bắc khác dòng hoa tan
Nhân dân đói rách cơ hàn
Hội hè bỏ hết, xóm làng tả tơi
Nhớ thương quê lắm quê ơi!
Nhớ hoa đầu thắm, nhớ người Thủ đô
Nhớ luôn Tây Phũ Yên Hồ
Nhớ luôn Gò Đống, nhớ mồ quân Thanh
Nhớ Hồ Gươm, nước trong xanh
Nhớ vườn Bách Thảo nhớ cảnh sao non
Cầu Gia Lâm đổ hay còn?
Sông Hồng nhuộm đỏ nước non thắm sâu

Ai về cho nhẵn đôi câu

Đừng theo Việt Cộng mà sâu bản thân.

Đúng là bài thơ này đã đọc trên máy bay chiều nay. Không ai biết người đọc có phải là tác giả của bài thơ hay không, nhưng những địa danh trong bài thơ thì tôi đều biết rõ. Tuy rằng đất nước đang bị chia cắt hai miền nhưng chương trình địa lí lúc đó vẫn học hết địa hình, khoáng sản, sông ngòi.v.v...của các tỉnh miền bắc

Còn lịch sử thì học đến thời điểm năm 1954. Học sinh được học kĩ giai đoạn chống Pháp trong phong trào Cần Vương như: nghĩa quân Trương Định, khởi nghĩa Ba Đình của Đinh Công Tráng, khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật, khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám.v.v... và trong sách dùng từ "quân ta" để nói về các cuộc khởi nghĩa đó.

Sau năm 1945 thì học tổng quát hơn. Sách lại không dùng từ "quân ta" mà dùng từ "quân kháng chiến Việt Nam" hoặc "Việt Minh". Tôi vẫn còn nhớ rõ nguyên văn trong sách lịch sử lớp 5 khi ấy

"Ngày 2 -9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt toàn thể quốc dân đồng bào tại Vườn hoa Ba Đình – Hà Nội ... Việt Minh đã kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 -3 – 1946... Quân kháng chiến VN đã bao vây quân Pháp ở lòng chảo Điện Biên Phủ"

"Ngày 20 -7 – 1954 Hiệp định Giơnevơ được kí kết. Miền bắc rơi vào tay Cộng sản, Miền nam thuộc chế độ độc tài của Ngô Đình Diệm. Ngày 1-11- 1963, quân đội cách mạng lật đổ chế độ của Ngô Đình Diệm và thành lập nên nền Dân Chủ Cộng hoà" v.v...

Và sách dừng lại ở đó, sách sử lớp 12 cũng thế. Sách chỉ nêu ra các sự kiện nhưng không hề bình luận bên nào chính nghĩa, bên nào phi nghĩa.

Trở lại với cuộc sống của đồng bào ở những vùng tản cư. Thường người dân từ các vùng có chiến sự đến ở ven quốc lộ hoặc ở những gò bãi đất trống không có cây lớn rậm rạp. Xóm Ga là một khu như thế.

Đó là một khu đất trống nằm sát ga Mộ Đức (ga Thạch Trụ ngày nay) và gần đường số 5 (QL 24). Bà con dựng những căn nhà rạ bé tí trên nền đất san sát nhau.

Đêm ấy được tin có một đơn vị giải phóng đi trên lộ 5 từ Phố Phong xuống Thạch Trụ. Pháo từ Gò Hội, Chóp Vung bắn tấp nập vào khu vực lộ 5 hàng tiếng đồng hồ, nhưng đa số lại rơi vào xóm Ga. Gần trưa hôm sau được tin có người bà con của tôi đã chết trong đợt pháo đó. Tôi và mẹ liền chạy lên thăm. Đến nơi thấy cả xóm cháy tan hoang, hố pháo chi chít, nhà nào cũng kêu khóc bên xác người thân. Gần 20 người chết, cả xóm đang làm đám tang, có nhiều thầy chùa đang ngồi tụng kinh cầu siêu, nhiều tượng phật bị cháy mà vẫn để lên bàn thờ để tụng. Tôi thấy có cả một ông phật con ở truồng, đang đứng một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, con cu bị cháy đen.

Hôm ấy ông thông ngôn Hoa ở trên đồi Chóp Vung cũng xuống để xem tình hình. Mọi người chạy lại kêu khóc. Ông Hoa nói sẽ bắt bọn Mĩ bồi thường. Rồi sau đó chắc cũng chỉ nhận được mền đắp và tôn để làm lại nhà, chứ mấy chục mạng người có đền được đâu.

Cuối năm 1970, lính Mĩ rút hết quân khỏi xã Phổ Thuận. Chúng đi đâu thì tôi không biết, từ đó về sau không còn thấy lính Mĩ nữa. Vài tháng sau thấy lá cờ mặt trận bay trên đỉnh đồi Chóp Vung. Còn ở ven QL1 thì được thay thế bởi quân ngụy. Mỗi xã ven quốc lộ có một đồn lính nghĩa quân chịu trách nhiệm giữ an ninh trên từng tuyến đường dài khoảng 3- 4 cây số.

Sang năm 1971 không gọi là lính Dân vệ nữa, mà lính ngụy được chia thành 4 loại.

- Lính Xây dựng nông thôn. Mỗi xã chừng vài người, mặc đồ đen, mang súng cacbin. Công việc chủ yếu là phổ biến các chính sách về nông thôn, ví dụ như đưa giống lúa mới Thần nông về cho dân cày cấy, xây dựng trường học v.v...

- Lính Nghĩa quân đóng đồn mỗi xã một trung đội

- Lính Địa phương quân có vài đại đội, có nhiệm vụ cơ động trong một huyện

- Lính Biệt động quân và lính Sư đoàn là quân chủ lực, cơ động mọi nơi

Trưa hôm ấy. Tôi đi học về thì thấy làng xóm trống huơ trống hoát, cây cối ngã đổ, về đến gần nhà thì thấy lính nghĩa quân và một số người đàn ông chặt cây và cầm dao, rửa rong hết lá của đám củ mì. Cứ khoảng một tháng là chúng lại bắt mọi người làm như thế gọi là phát hoang.

Một buổi sáng tôi đi chăn trâu ở bìa xóm, thấy lính đi nhiều lắm, xuống đứng đầy trên bờ nương ở giữa đồng. Có hai chiếc HU-1A bay qua bay lại bắn rốc két và thả mù cay màu hung đỏ trùm lên khu gò Bệu. Rồi thấy lửa cháy, khói bay lên nghi ngút. Gò Bệu là gò đất rộng chỉ khoảng 2 sào (1000m²) nằm ở giữa cánh đồng cách nhà tôi gần 1 cây số, chung quanh là đồng trống. Hàng ngày đi làm ruộng, chăn trâu tôi vẫn qua lại nơi ấy, thấy người làm đồng hay gánh rạ chất lên gò và khi gặt lúa vẫn mang cơm trưa lên mấy bóng cây ở đó để ăn, tôi thấy có gì đâu mà hôm nay chúng lại huy động cả máy bay đến đánh phá nhỉ?

Đến tối nghe mấy người nói, chúng đã phát hiện ra căn hầm nên đến bao vây, gọi hàng, nhưng không ai lên nên đã ném mù cay rồi chất rạ lên đốt chết cháy cả 3 người cán bộ nằm dưới hầm. Riêng ông Hai Chút là người mang cơm đến tiếp tế thì bị bắt sống ở bên ngoài. Tôi không biết ở đó có hầm, nhưng những người lớn đều biết. Có người đã chỉ điểm cho địch nhưng rồi cũng chẳng biết ai.

Ông Hai Chút bị đưa vào chi khu tra tấn, đánh đập và bị chúng lẻo mắt đôi tai. Sau giải phóng tôi vẫn gặp ông khi những lần đi ăn đám cưới con em bà con. Mình thì đã biết hoàn cảnh của ông, nhưng thấy những đứa trẻ cứ nhìn chăm chăm vào chỗ ấy ra vẻ kinh ngạc và sợ hãi.

Sau đó mấy tháng lại một vụ lộ hầm, chết người kinh hoàng nữa xảy ra. Hôm đó đang ở nhà thì nghe ngoài ngõ có tiếng người nói lớn.

- Lên đường cái xem chúng vứt xác mấy người bị giạt hầm kia!

Tôi và mẹ cùng vội vàng chạy lên, đến chỗ mọi người đang đứng xem thì thấy cảnh tượng thật khủng khiếp. 5 người đàn ông đen thui nằm sóng soài bên mép đường QL1, một người bay mất cái đầu, chỉ còn từ cổ, sát vai trở xuống. Những người chết do chất nổ đều giống nhau, da thịt sạm đen, gương mặt khô héo hốc hác, tóc thì dựng lên khô cứng. Thế mà mẹ tôi vẫn nhận ra từng người. Bà chỉ tay vào từng người và nói:

- Đây là ông Bao - Người tôi thấy già nhất, bị lủng một lỗ to hơn ngón chân cái ngay giữa ngực

- Đây là ông Thảo - Người trẻ hơn nằm bên cạnh ...

Chỉ duy nhất người bị bay mất đầu là không nhận được. Sau này mới biết là ông Thử. Năm người này đều nằm vùng hoạt động ở thôn Thiệp Sơn của tôi từ lâu, có 3 người cùng làng với tôi khi xưa, nên mẹ tôi rất quen biết. Và căn hầm bị giạt mìn cũng ở làng cũ của tôi, cách căn hầm ông May bị lính Mỹ giạt mìn 2 lần năm 1967 chỉ hơn 100m. Có ai đó đã chỉ điểm mà lính nguy trong quận bí mật đến bao vây từ trong đêm. Sáng ra 5 người này bị bắt ngờ không chạy kịp và bị chúng cho nổ mìn, xong bỏ xác lên xe GMC chở xuống thôn Vùng 5 (nơi quê ngoại của tôi) để bỏ.

Mấy hôm sau, khi đi học tới ngã tư Thạch Trụ, thấy một số người đứng xem cái cái gì đó. Tới nơi lại cũng thấy 5 xác người bỏ nằm xiên xẹo. Nhìn qua cũng biết người chết do giạt mìn. 4 người kia mặc đủ quần áo, còn một anh thanh niên còn rất trẻ, thân hình rất mập mạp, chỉ mặc một cái quần đùi. Nhưng mỗi người đều nằm trên một cái võng loang lổ máu đã khô, dây võng vẫn còn cột dính vào một cây đòn tre. Có lẽ chúng giạt hầm rồi bắt dân chúng khiêng đến đây bỏ.

Bỗng từ xa một người phụ nữ hốt hải chạy tới ôm anh thanh niên

kêu gào thảm thiết.

- Trời ơi! Ai đã giết con tôi vậy trời? Nó mới chỉ có 15 tuổi thôi mà.

- Con bà nhỏ thế mà đã đi du kích rồi à? Một người hỏi

- Chắc khi lính tới, nó sợ quá, chui xuống hầm cùng mấy ống mới chết như thế này. Con ơi là con!

Tôi cũng vội lo đi học để khỏi chứng kiến tiếp cái cảnh hãi hùng, xúc động đó.

Sau đó hằng ngày đi học trên đường quốc lộ gặp hoài những cảnh như thế. Thấy từ xa những đống lù lù là giạt mình. Khi thì 1 người, khi thì 2, 3 người chết. Chết nhiều hơn cả thời Mĩ đóng quân.

Thời gian này tôi đã xin chuyển ra học ở Trường tiểu học Tiến Đức, không học ở trường Bồ Đề nữa, vì nghe nói trường Tiến Đức được Mĩ tài trợ cho học sinh nhiều sách vở, quần áo. Trường tiểu học Tiến Đức là một trường tư thục của nhà thờ Tin lành, thuộc Hội thánh Tin lành, được Mĩ viện trợ đầy đủ cơ sở vật chất. Hiệu Trưởng là ông Mục sư Nguyễn Đình Luận. Mỗi tuần có một giờ học giáo lý do cô Luận dạy.

Sau mỗi buổi học, mỗi lớp được phát một thùng bánh qui. Lớp trưởng khai ra chia đều cho các bạn, mỗi bạn được mười mấy lát bánh hình vuông. Riêng hai hôm: thứ hai và thứ bảy thì được ăn mì tôm. Học xong, chúng tôi để cặp sách trên lớp và chạy xuống phòng ăn, ở đó đã chế sẵn mì trong tô. Cả lớp đứng cúi đầu nghe cô Luận cầu nguyện. Cầu nguyện xong thì chúng tôi : "A men" rồi bắt đầu ăn.

Trong giờ giáo lý thì cô truyền bá đạo Tin Lành. Mỗi tiết học đều ghi lại một "Câu Gốc". "Câu Gốc" là các câu nói của chúa Jesu, hoặc một câu đã được đúc kết trong kinh thánh. Cuối giờ thì cô cầu nguyện. Cả lớp phải ngồi cúi đầu nghe cô cầu nguyện. Khi xong thì phải hô: "Amen".

Cô giảng về sự tích chúa Jesu, về Đức chúa trời .v.v... Cô giảng rằng: "Đức Chúa Trời là một đấng toàn quyền, toàn năng, đã sinh ra

vũ trụ và vạn vật. Ngày thứ nhất sinh ra trời đất, ngày thứ hai sinh ra sông hồ, ao biển, núi nonNgày thứ 6 mới sinh ra con người. Bởi vậy nên hôm nay mọi người cũng làm việc 6 ngày và ngày thứ 7 nghỉ, ngày Chúa Trời nghỉ nên gọi là ngày chúa nhật".

Cô còn giảng rằng: chỉ có Chúa trời mới đưa được con người lên cõi thiên đàng hạnh phúc. Dẫn chứng là khi ta bị té ngã hoặc bị một nỗi bất hạnh nào đó thì câu đầu tiên thường không kêu cha mẹ, anh chị... mà kêu là: "Trời ơi!"

Sở dĩ ta đi đôi dép nó mòn, còn đi chân không mãi thì da chân ta cũng không mòn vì Chúa Trời đã sinh ra như vậy. Cả thế giới đều tôn sùng chúa nên lấy năm sinh của chúa để tính dương lịch, đến nay đã được 1971 năm .v.v...

Khi ấy chúng tôi đều thấy cô giảng hay và có lí quá. Sau này mới thấy có những điều không đúng. Ví dụ như đôi chân ta không mòn vì hằng ngày ta ăn thức ăn vào để nuôi cơ thể nuôi đôi chân chứ không phải do trời. Cô giảng thì kệ cô, chúng tôi cứ mong đến cuối giờ để được "Amen" thôi.

Đến ngày lễ Noen thì học sinh được phát rất nhiều quà bánh. Đêm Noen, nhà thờ cũng tổ chức lễ linh đình, có hình hài chúa Jesu nằm trong máng cỏ và hát các bài thánh ca.

Thầy Hoàng biết hoàn cảnh của tôi, nên rất thương tôi. Thầy vẫn hay ưu tiên cho tôi xung phong lên bảng trả lời để được điểm cao. Một hôm vào giờ ra chơi, thấy tôi đứng gần văn phòng, thầy gọi vào xoa đầu và bảo:

- Sao em mặc cái quần nửa Tây, nửa Mĩ thế này?

Tôi nhìn lại thì đúng là cái quần đùi của tôi mỗi ống là một màu.

- Quần này do mẹ em tự may bằng tay đấy

Rồi thầy hỏi:

- Ba của em mất rồi phải không?

- Dạ!

- Sao mất sớm vậy?
- Ba em bị đánh chết!

Thầy nhắc lại câu trả lời của tôi, các thầy khác đều mỉm cười, và không hỏi thêm gì nữa.

Các thầy đều biết rõ lí lịch của tôi, không phải từ hồ sơ mà từ bạn bè trong lớp. Khi ấy ghi hồ sơ đi học rất đơn giản. Mọi người đều như nhau, không có phân chia đối tượng ưu tiên như sau này. Đại khái khai lí lịch như sau:

LÍ LỊCH HỌC SINH

- Họ và tên:
- Ngày sinh
- Nơi sinh
- Chỗ ở hiện nay
- Họ tên cha, mẹ - nghề nghiệp (nếu đã chết thì ghi: chết)

Không hề bắt buộc ghi lí do chết, hay khoảng thời gian nào, làm gì, ở đâu .v.v...

Thời gian này trong trường có phong trào: "Viết thư thăm ân nhân". Tức là học sinh viết thư gửi cho học sinh bên Mỹ để thăm hỏi và kể lại đời sống, hoàn cảnh của mình, rồi Hội thánh Tin Lành chuyển đi. Nếu có một học sinh nào đó ở Mỹ chọn lá thư ấy thì nó sẽ gửi thư hồi âm và nhiều quà cáp cho mình. Có nhiều đứa bạn trong lớp đã được chì màu, sách vở, quần áo của ân nhân.

Hôm đó thầy Hoàng gọi tôi lên văn phòng, đưa cho tôi 2 tờ giấy rồi bảo:

- Em hãy viết thư cho ân nhân đi. Nhớ viết thật sạch, đẹp nhen chưa?

Giấy thầy Hoàng đưa là là một tờ giấy cứng màu trắng, trên đó có in sẵn dòng chữ:

ÂN NHÂN KÍNH MẾN!

Bên trái tờ giấy là bụi trúc, bên phải là hình 2 đứa trẻ: một nam,

một nữ nắm tay nhau, phía dưới chùa trống để viết thư vào. Thầy hướng dẫn đại khái những nội dung nào cần nên viết trong thư.

Tôi ngồi cả tiếng đồng hồ để viết thư cho ân nhân. Cuối giờ, thầy Hoàng đến và hơi thất vọng vì tôi viết lem luốc, không sạch sẽ. Rồi thầy cũng thu và chuyển đi. Chờ đợi hơn cả tháng sau mà chẳng thấy ân nhân hồi âm. Sau đó thầy lại gọi tôi lên viết tiếp, lần này viết chữ sạch đẹp và lời văn cũng hay hơn, vì đã có kinh nghiệm từ lần trước. Nhưng rồi cũng như lần trước, chờ dài cổ mà cũng chẳng thấy ân nhân đâu. Chắc tại số tôi xui. Không phải ai viết thư hay cũng có ân nhân, mà có lẽ do học sinh Mỹ bốc chọn thư một cách ngẫu nhiên. Từ đó thầy không gọi tôi viết thư nữa.

Hôm đi học về đến nhà, thấy cả nhà đang ăn cơm, có cả một người sĩ quan nguy. Mẹ tôi chỉ tay vào người lính và hỏi:

- Mà có biết ai đây không?

Người lính nhìn tôi cười cười. Tôi nhìn lại và thấy trên ve áo của ông có hai bông mai trắng, biết là sĩ quan, nhưng không nhớ là đã gặp ở đâu. Mẹ tôi bảo

- Cậu Chín của mày đấy. Lại chào Cậu Chín đi con.

Tôi khoanh tay chào cậu. Cậu bảo lấy chén ngồi ăn cơm luôn.

Cậu là em ruột mẹ tôi, mà đến hôm nay tôi mới biết mặt. Có lẽ trước kia đã gặp, nhưng hồi còn bé quá nên giờ không nhận ra. Cậu là trung úy thiết giáp M113 đi đánh trận ở CamBốt, bị đạn B40 bắn gãy chân khi đang đứng trên xe để chỉ huy, mới ra viện nên hôm nay về thăm nhà. (Sau này tôi mới biết đó là cuối năm 1970, quân đội VNCH đưa sang Cam Bốt để ủng hộ phe đảo chính Lon Non lật đổ Xihanuc). Cậu nói qua đó cũng chủ yếu là đánh nhau với bộ đội Bắc Việt. Có những người lính Bắc Việt bị bắt sống chỉ mới 17 tuổi rất ngây thơ.

Chỉ về thăm nhà một buổi trưa, chiều cậu phải đi vào thị trấn Đức Phổ, không dám ở lại đêm. Thời chiến tranh, cậu chỉ về thăm nhà

một lần duy nhất đó, rồi sau 1975 bị bắt đi học tập cải tạo 8 năm. Năm 1993 mới đi xuất cảnh diện HO sang Mỹ.

Còn một người cậu thứ 10, thời học trung học ở Sài Gòn thì thích ăn chơi, để tóc dài, mặc quần loe, nhẩy đầm bị cảnh sát bắt giam, xõn tóc, nên tức mình đăng lính để được ăn chơi, rồi trở thành sĩ quan Hải quân trên tàu chiến. Tôi cũng chỉ được gặp một lần khi cậu về thăm nhà vào năm 1973, và cũng chỉ về nhà được một buổi trưa. Năm 1975 cậu theo tàu Hải quân chạy luôn sang Mỹ.

Năm 1968 Mỹ đốt nhà tôi, cháy luôn tấm hình thờ duy nhất của ba tôi. Nhờ cậu Mười vẫn còn giữ được một tấm ảnh, theo cậu lưu lạc sang Mỹ. Hai mươi năm sau cậu gởi về nên bây giờ mới có ảnh để thờ.

Trong xóm có bà Giàu có con đi sĩ quan không quân ngụy, nên cứ mỗi lần có máy bay ném bom thì mấy người nói vui là do con bà Giàu ném. Còn khi có xe tăng đi càn hoặc có cây nông biển từ hạm đội 7 bắn lên thì lại đổ cho con của ông Giật (là ông ngoại của tôi).

Một hôm, mới sáng sớm nghe tiếng nổ "Ầm" rất to ở hướng cầu Giác (cầu Vinh Hiển – cách nhà tôi khoảng 1 cây số). Sau một hồi lâu có người chạy về nói:

- Ôi thôi! xe đồ bị nổ mìn. Người chết nhiều lắm.
- Nổ ở đâu thế?
- Bên trong cầu Giác
- Thôi rồi! xe đồ vương mìn của mấy ông du kích rồi.

Tôi và thằng Bé vội lấy xe đạp chạy vào xem. Đến nơi đã thấy có nhiều người đứng đó. Một cảnh tượng kinh hoàng. Chiếc xe móp méo sụm cả phía trước nhưng vẫn còn đứng trên đường. Gần 30 người trên xe đều chết sạch. Đó là loại xe Phi long - Tiến lực có 4 bánh, mũi nhọn phía trước cong dần lên trên mũi. Nhiều người chết vẫn còn ngồi yên trên xe, có một cặp vợ chồng chết ngồi trên ghế, tựa đầu vào nhau như đang ngủ. Ít thấy dấu máu, chết chủ yếu là do sức ép của thuốc nổ. Có một bàn chân bị đứt tiện ngang mắt cá rơi xuống đất

nhưng kì lạ là bàn chân vẫn ở thế đứng. Các giỏ xoài trên mũi văng xuống đổ tràn ra đầy đường. Đó là mìn của du kích gài xe cơ giới của địch, nhưng xe địch chưa chạy ra, mà chiếc xe đồ này từ Sài Gòn về sớm quá nên vướng phải.

Ôi! Chiến tranh tàn khốc quá! Chính những người dân vô tội lại là nạn nhân của cả hai bên.

Mấy tuần sau, tôi lại chứng kiến một cảnh tượng kinh hoàng khác vì nổ lựu đạn.

Khi tôi chạy về Vùng 5 - Phố Thuận để ở nhà ngoại tôi, thì nhà bác Hai tôi vẫn ở chỗ tản cư ngoài ngã tư Thạch Trụ. Anh Dưỡng con bác tôi mới có 13 tuổi nhưng hằng ngày ngoài giờ đến trường thì về nhà đan kềm thành những cái vĩ nướng cá để bán lấy tiền phụ với mẹ. Tôi vẫn thường ghé vô nhà bác rủ anh đi học hoặc phụ anh mở kềm gai, rồi các anh em còn hay chơi đánh trận giả nữa.

Hôm ấy anh chở tôi đi học xuống đến ngã tư. Một tên lính Biệt động mặc đồ gay, mặc bộ đồ rằn ri cầm trên tay một trái lựu đạn da láng (M26) hươ qua, hươ lại. Mọi người chạy tán loạn. Xe đạp tôi cũng vừa tới đó cách 5 m, không kịp quay lui. Một tiếng nổ chát chúa vang lên. Anh em tôi ném xe và sách vở chạy ngược lại, may mà không dính mảnh nào. Một lúc sau mọi người mới dám mon men lại gần. Tên lính phần trên toe toét, đen thui, một miếng thịt bay lên dính trên cây dầu lai kế đó. Thì ra tên lính vào quán uống rượu khá lâu đã say mèm, khi xong bà chủ quán hỏi tiền. Hắn liền lấy trái lựu đạn rút chốt, mọi người khiếp hồn chạy dạt ra xa. Hắn khệnh khạng bước ra, chẳng may vấp phải hòn đá trượt chân ngã xuống, bung trái lựu đạn làm chết chỉ có một mình hắn. Thật đáng đời cho những tên chỉ chuyên dùng vũ khí cướp bóc.

Lựu đạn khi ấy rơi vãi ở bờ ruộng, bờ mương khá nhiều. Có lẽ lính nguy khi hành quân mang quá nhiều nên bỏ bớt cho nhẹ. Một lần cũng tôi và anh Dưỡng về quê cũ, dắt trâu cho ông nội tôi cày. Anh

dắt trâu, ông tôi đi sau cầm cày, tôi thì đứng trên bờ chơi. Cày được một hồi, sao cái cày cứ trôi lên, ông cố ấn xuống nhưng khi trâu đi tới thì cái cày lại trôi lên. Ông dừng trâu lại và đỡ cày lên khỏi mặt đất thì hỡi ơi! Lưỡi cày xóc thẳng vào khoảng giữa cái mỏ vịt và thân lựu đạn. Tôi cùng anh Dưỡng ù té chạy. Nhưng ông tôi rất bình tĩnh hạ cày xuống, đưa tay cầm quả lựu đạn rút ra rồi đem bỏ vào bụi tre. Cái chốt đã bị cong lên, nếu ráng cày tí nữa thì ông tôi và đôi trâu chắc tiêu rồi.

Lựu đạn thế mà ít sợ hơn cối cá nhân M79. Hằng đêm nghe trong đồn kêu cái "tróc" là vội chui xuống hầm, một lát sau mới nổ "Ầm". Có rất nhiều khi chờ hoài mà không nghe nổ là quả đạn đã rơi ở đâu đó, chờ khi có người hoặc trâu bò động vào thì nó sẽ nổ.

Một buổi chiều tôi đang ngồi nấu cơm, thì nghe cái "Ầm" ngay trước nhà, rồi có tiếng la. Tôi vội chạy ra thì thấy mẹ hai ôm bà Sáu trên tay kêu la:

- Mẹ tôi chết rồi, bà con ơi! Mẹ ơi, mẹ có sao không?

Bà Sáu mặt đầy máu, mắt nhắm nghiền. Tôi vội chạy vào nhà lấy chai thuốc cầm máu chế lên mặt bà. Thuốc gì đấy mà chị tôi mang từ Sài gòn về, khi chế vào vết thương thì nó sủi bọt trắng xoá và cầm máu rất hữu hiệu. Sau đó đưa bà đi nhà thương Quảng Ngãi. Bà Sáu là em ruột ông nội của tôi và lại là em dâu của ông ngoại tôi. Hôm đó bà cuốc đất ở ao rau muống trước nhà thì trúng M79. Cũng may là quả đạn nằm phía trước lưỡi cuốc. Lưỡi cuốc bị bẻ cong, vong vẹo, bà Sáu bị thương nặng nhưng cũng thoát được lưỡi hái của tử thần.

Cách mấy tuần sau, mới sáng sớm anh Hồ và anh Đ đi chụp nôm. Anh Hồ mò vào trong nôm để bắt cá, bốc lên một quả "hột gà" vàng choé, anh vội ném qua một bên thì "Ầm" một tiếng. Mọi người trong xóm chạy ra thấy hai anh ngã xuống nước. Khiêng vào nhà thì anh Hồ đã chết, anh Đ bị thương nặng. Tôi chạy xuống thì anh Đ. đã chuyển đi nhà thương, anh Hồ được đặt trên bộ ván, người vẫn còn

súng nước, trên toàn thân đều khắp những mảnh nhỏ li ti. Cối cá nhân thường ít có mảnh lớn và bán kính sát thương chỉ từ 5 – 7m, khi đầu đạn bay ra khỏi nòng súng phải quay đủ vòng quay thì chạm vào mục tiêu nó mới nổ.

Cũng nhờ cái vòng quay của nó mà nhiều người thoát chết. Vào năm 1967 anh Đăng khi đó mới 12 tuổi, đi chăn trâu ngoài đồng thì gặp lính Mỹ đi càn. Chúng nhắm vào đàn trâu bắn một quả M79 ở cự li khoảng 50m. Chẳng may quả đạn trúng vào ngay trán của anh. Sức bay của đầu đạn làm bể xương trán, nhưng đạn không nổ, anh ngã xuống bất tỉnh. Bọn Mỹ gọi trực thăng tới đưa đi Chu Lai. Trưa hôm đó gia đình chạy lên tìm thì chỉ thấy còn đàn trâu. Nghi rằng anh đã chết, nên về lập bàn thờ. Hai tháng sau anh được Mỹ chở về Gò Hội và tìm về, thì gia đình mới biết anh còn sống. Bây giờ trán anh vẫn còn lỗ hõm sâu và lồi lõm lên xuống theo nhịp thở.

Còn biết bao nhiêu người dân quê tôi nữa cũng là nạn nhân của cối M79. Mười năm sau ngày giải phóng vẫn còn người chết vì loại "hột gà" nguy hiểm đó. Năm 1985 tôi lên đồi Chóp Vung vẫn thấy một đồng đầu đạn M79 mà ai đó đã gom lại, thế mà một năm sau có người đã tìm cách vô hiệu hoá lượng thuốc nổ bên trong và lấy vỏ nhôm bên ngoài để bán. Vì cuộc sống mà họ phải đùa giỡn với tử thần. Thật khủng khiếp!

Bấy giờ là năm 1971. Tôi vẫn đi học ở trường tiểu học Tiến Đức của nhà thờ Tin lành gần chân đồi núi Bé. Hằng ngày giờ ra chơi vẫn thấy lính ngụy đi lên xuống đồi. Có nhiều hôm kinh ngạc khi thấy những người lính mặc quần gù chỉ tới đầu gối, phía dưới xé ra te tua, áo thì không có tay, đầu thì cạo trọc lóc như thầy tu. Họ mang vác những thùng đạn, những cuộn kẽm gai đi lên xuống đồi. Sau nhiều lần như thế mới biết đó là lính "Lao công đào binh". Tức là những người lính đào ngũ bị bắt lại và đưa về từng đơn vị chiến đấu để bắt họ lao động khổ sai. Khi đi trận thì phải đi đầu để dò gỡ mìn. Thật là

tội nghiệp.

Một hôm đi học về thấy cây cối đổ ngổn ngang, làng xóm trống huơ, trống hoát. Đến đầu ngõ thì thấy tụi lính đang bắt người dân dùng dao, rựa phát dọn cây cối và rong những lá khoai mì. Hôm nay có tụi lính trong quận ra phát hoang. Tụi lính này hung dữ hơn lính Nghĩa quân ở đồn Quán Vịt. Đến gần trưa có một tên lính đầu đội mũ sắt, tay cầm một con gà còn nhỏ máu từ đằng sau bước sang vườn nhà ngoại tôi. Thấy mấy con gà chạy vào bụi chuối, hắn liền quì xuống.

- Phăng, phăng!

Hai phát súng nổ vang, một con gà tung lên rồi rơi xuống giãy đàn đạch. Hắn chạy lại xách tiếp con gà thứ hai rồi đem đi trước mặt nhiều người mà chẳng ai dám nói một tiếng nào. Bởi vậy những người dân từ trẻ em đến người già ở những vùng chiến sự hầu hết đều xem lính nguy và chính quyền nguy là một lũ giặc.

Ở trường, mỗi phòng học có một cái tủ để đựng hồ sơ. Một bữa nọ đến trường, thấy tụi bạn lục từ trong tủ ra một khung ảnh của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Hết đứa này đến đứa khác dùng tay thoi vào tấm ảnh đến khi rách te tua, gãy cả khung, chúng mới dừng và vội vàng giấu vào trong tủ vì sợ thầy đến bắt gặp.

Một buổi trưa, chị Hương từ dưới đồng chạy về báo tin: Chị Nường là chị kế của tôi theo trâu đã lọt xuống sông. Tôi và mẹ vội chạy xuống thì các cậu ngăn lại bảo: Người bị đuối nước khi thấy mặt người thân thì thường uất lên mà chết luôn. Nói rồi các cậu chạy xuống dưới đó thì đã có người vớt chị tôi lên bờ, nhưng đã chết vì thời gian chìm dưới nước đã gần nửa tiếng.

Đám tang của chị trong một ngày mưa sục sùi. Sau khi đặt chị vào trong quan tài và xếp quần áo của chị theo vẫn còn rộng lắm nên mọi người phải bó những lọn rơm xếp vào cho chặt quan tài, chứ không có trà để đổ vào như bây giờ. Bao nhiêu năm chạy bom đạn

không sao mà giờ đây phải chết sông, thật là đau xót.

Một hôm có người đến báo tin cho mẹ tôi.

- Thằng Hồng bị lính bắt rồi!

- Sao mà bị bắt? mà bắt ở đâu?

- Ở trên đường quốc lộ đấy.

Anh Hồng là anh trai kế chị cả của tôi. Sáng nay đi chăn trâu mà không biết sao lại bị bắt. Tôi và mẹ chạy lên thì thấy các anh chăn trâu đã bị đưa lên đứng trên một chiếc xe GMC. Trên xe có một viên sĩ quan ngự, dưới đường thì có mấy tên lính đang mang súng đứng gần đó.

Khi thấy mọi người chạy đến thì viên sĩ quan đưa hai tay nói phân bua.

- Bà con cứ yên tâm. Chiều nay là các em được về nhà thôi mà.

Nói rồi chiếc xe rồ máy chạy ngay, đàn trâu vẫn đang gặm cỏ gần đó. Mọi người đi đến lừa trâu của mình về nhà.

Đến chiều, chiếc xe chở anh tôi và các bạn chăn trâu về trả lại chỗ khi sáng. Về nhà anh kể lại chúng đưa các anh vào chi khu cho ăn một bữa cơm thịnh soạn, sau đó gạn hỏi từng người.

- Các em có thấy Việt Cộng hay về không?

- Việt Cộng về hay tiếp xúc với ai?

- Họ có bảo các em làm việc gì hay không? v.v...

Hằng đêm các anh ấy vẫn thấy Việt Cộng về họp dân, mít tinh, vẫn biết những ai thường tiếp xúc, che dấu cán bộ, du kích nhưng chẳng có anh nào chịu khai ra cho chúng biết cả, mà chỉ nói có thấy họ về đông lắm, rồi đi, chứ không biết họ làm gì.

Sau đợt đó, mẹ tôi lo lắng vì anh tôi cũng đã lớn. Nên ít tuần sau mẹ tôi gởi anh tôi vào Sài Gòn cho chị cả của tôi nuôi ăn học. Như vậy, ở nhà bây giờ chỉ còn hai mẹ con tôi lại sống tiếp tục những ngày máu lửa tàn khốc suốt quãng thời gian sau đó.

Bây giờ là những tháng cuối năm 1971. Hằng ngày lính ở đồn

Quán vịt vẫn rải ra bảo vệ từ cầu Nước Mặn vào đến cầu Vinh Hiển trên tuyến đường QL1 khoảng 2km. Thế nhưng vẫn không đảm bảo an ninh được cho tuyến đường.

Một hôm mẹ tôi đang dê lúa trước sân, tôi thì đang ở trong nhà thì nghe tiếng "cắc, xùm". Mẹ tôi bỗng la lên:

- Thôi rồi! Lính bị bắn bia, chạy nhanh lên!

Tôi vội vàng chạy theo mẹ lên đường quốc lộ để chạy ra Thạch Trụ. Lên tới đường cái, mẹ tôi nói:

- Trời ơi! Chết ghê quá!

- Ai chết đâu mẹ?

- Đó, nằm đó, thôi, chạy nhanh lên!

Tôi đưa mắt tìm xem thử mà chẳng thấy đâu, đảo mắt quay lại thì "Ồi trời ơi!" Ngay sát mép đường đất nơi chân tôi đang chạy tới, một người lính ngự nằm bất giữa vung hai chân tay ra giống như một người vừa mới bị xô ngã ngã ra, đầu queo một bên gần đụng mép ruộng còn hai chân thì ở trên cao xiên theo bờ đường quốc lộ. Thì ra, tôi cứ mãi nhìn ra xa không để ý trước mặt, nên đến sát bên mới trực thấy. Mọi người trong xóm cũng lo chạy đi chứ ở đó chúng ra bắt bớ tra khảo lôi thôi lắm.

Đến chiều chạy về mới biết người lính đó đi về phép, ngồi trên chiếc xe Ba lua bị du kích bắn tã rơi xuống đường. Xe Ba lua là loại xe tải lớn có thùng to đằng sau để chở hàng. Tôi thấy lính ngự về phép hay ngồi trên cái thùng phuy đặt trên mui của ca bin. Không biết vì ở ruộng lái có người ngồi rồi hay ngồi trên ấy cho mát mẻ mà họ lại đi làm mục tiêu cho những cây súng bắn tã.

Sáng hôm sau xác người lính được chính quyền liệm trong một cái hòm đặt ở trong một cái quán ven đường, bên trên hòm có một lá cờ vàng 3 sọc đỏ được phủ kín từ trên xuống dưới. Một lát sau có một người phụ nữ rất trẻ từ trên xe đồ bước xuống chạy lại ôm cái hòm khóc lóc thật thảm thiết.

Có hôm, chiếc xe đồ chở khách đi Sài Gòn chạy ngang qua gặp lúc hai bên đang giao chiến. Một viên đạn đã trúng ngay ngực người con gái trên xe. Khi dứt tiếng súng chúng tôi chạy lên thì thấy bà mẹ ôm đứa con gái trên tay gào khóc. Chiếc xe sau đó vẫn tiếp tục khởi hành, còn bà mẹ phải nhờ lính ngụy chặn xe hàng lại để đưa con gái về quê chôn cất. Ở những nơi khác trên những cung đường máu lửa như thế này chắc hằng ngày cũng có nhiều cái chết đến bất ngờ như thế.

Làng tôi, ban ngày là lính Quốc Gia kiểm soát. Lúc này ban đêm cán bộ và du kích về liên tục. Họ họp dân mít tinh, thu thuế nông nghiệp, kêu gọi thanh niên tòng quân v.v...

Có đêm về rất nhiều người lạ. Các chiến sĩ giải phóng (người Miền Nam) khi ấy đa số mặc quần đùi, áo màu xanh lam, lưng đeo thắt lưng có vài quả thủ pháo bằng lon cá hộp, vai khoác súng AK, chân đi dép cao su. Tôi thì rất thích khẩu súng AK, cứ đưa tay sờ mãi vào báng súng. Thấy thế, một anh giải phóng cười hỏi:

- Em có thích đi Giải Phóng không?
- Thích lắm! Anh cho em bắn thử một phát đi
- Ô! không được đâu. Súng nổ thì địch sẽ bắn cối ra ngay đấy. Ít năm nữa em đi Giải Phóng rồi tha hồ mà bắn.

Có hôm, có cả phụ nữ. Hôm ấy có một người phụ nữ đã lớn tuổi vào nhà nói chuyện với ông ngoại tôi rất lâu. Ông ngoại sai tôi nấu nước pha trà nên được ngồi nghe bà nói chuyện thời sự. Bà kể rằng ở đâu đó vừa qua quân ta thắng rất lớn. Tiêu diệt và bắt sống cả mấy ngàn tên địch.

Tôi nghe mà thầm chê rằng bà ta nói láo. Làm gì có chuyện tiêu diệt, bắt sống nhiều đến thế. Sau này xem sử sách mới biết người phụ nữ đó khi ấy nói về "Chiến thắng Đường 9 – Nam Lào" vào năm 1971.

Cũng năm 1971. Lần đầu tiên tôi được xem chiếu bóng. Chiều

hôm ấy những người lính Nghĩa quân nói:

- Bà con ơi! tối nay 6h vào Quán Vịt xem chiếu bóng nha

- Chiếu bóng là sao? Có thật không? Ở đâu về chiếu vậy? – Một số người hỏi

- Tụi Tâm lí chiến trong quận ra chiếu. Cứ đi xem rồi biết, hay lắm!

- Ô! nhưng mà ban đêm thì ai dám đi, lỡ gặp lính kích thì chết!

- Đêm nay chiếu bóng mà, không có lính nào đi phục kích đâu. Cứ yên tâm

Tối đó, tôi nằng nặc đòi mẹ phải cho đi xem chiếu bóng. Mẹ tôi phải chiều theo và cùng một số người trong xóm đi vào Quán Vịt từ khi trời vừa xẩm tối.

Chỗ chiếu bóng là một căn nhà rộng của một người dân. Trên vách có treo một màn hình bằng vải trắng. Chỉ có khoảng vài chục người đến xem. Máy chiếu phim chạy xè xè. Trên màn hình chiếu lên cảnh người đi lại. Mọi người khoái chí "Ồ" lên một tiếng. Câu chuyện trong phim đại khái là ở một xóm nọ, trong vùng kiểm soát của Quốc Gia. Một đêm ấy có 3 người đàn ông đi buôn, bị lỡ đường nên vào xin ngủ nhờ ở một ngôi nhà trong xóm. Người chủ nhà cho họ ngủ lại trên gác. Thấy nghi ngờ nên bà chủ nhà lên rình xem ba người kia làm gì. Đến nửa đêm thì thấy họ lấy trong túi xách ra mấy đôi dép râu, một số tài liệu. Bà chủ nhà kinh hoảng khi thấy họ lấy ra có cả cây súng ngắn. Bà chủ vội vàng gọi ông chồng dậy cùng lên xem. Sau đó ông chồng chạy đi báo với chính quyền. Lính Cộng Hòa ập đến bắt gọn 3 người khách trọ kia.

Phim chỉ chiếu khoảng 20 phút nhưng ai cũng khoái chí vì hầu hết đều lần đầu tiên mới biết thế nào là chiếu bóng, chỉ trừ một vài người lớn có dịp vào Sài Gòn mới biết trước mà thôi. Và mọi người ra về đêm ấy cũng bình yên.

Chỉ có một bữa ấy mới dám ra đường vào ban đêm, còn bình

thường tối đến thì phải ở trong nhà. Lúc này tui lính hay đi phục kích. Có người đi tháo nước ruộng ban đêm đã bị bắn chết. Thế nhưng ông ngoại tôi, là một nông dân chính hiệu lại thường hay đi ban đêm. Khi thì phải đi tháo nước ruộng (vào đêm mới có nước, vì ban ngày nhiều người tranh nhau tháo), khi thì đi giở sa vào hừng sáng. Sa là một loại để đơm cá, sa được kết lại thành từng tấm bằng những nan tre tròn như chiếc đĩa hoặc nhỏ hơn. Nhiều tấm sa đặt ở cuối dòng chảy của một con nước, phía trên rộng, phía dưới hẹp dần và tóm lại vào trong miệng của một cái giỏ ràng to. Cá theo con nước đi vào sa chui vào giỏ ràng có toa nên không ra được. Đến nơi chỉ cần gỡ giỏ ra khỏi sa để lấy cá, thời ấy cá nhiều lắm, có đêm giở mấy sa được cả gánh cá. Ông đem về sáng sớm để bà ngoại kịp mang ra chợ bán, nên cuộc sống của mẹ con tôi lúc này cũng đầy đủ.

Một sáng sớm, một tốp lính đi phục kích ở đầu xóm khi đêm kéo vô sân nhà tôi ngồi nghỉ. Thấy ông ngoại tôi, một người lính hỏi.

- Khi đêm, bác có đi trên đoạn đường phía trước ngõ xuống đồng không?

- Có! đúng là tôi có đi tháo nước ruộng

- Bác mặc đồ gì? có vác cái gì trên vai nữa phải không?

- Mặc đồ trắng, vác cái cuốc ấy mà

- Trời ơi, đúng rồi! đi cả hai lần. Khi đêm tôi giương súng lên mấy lần định bóp cò nhưng lại do dự hạ súng xuống vì thấy bác đi một mình lại mặc đồ trắng.

- Chỉ có dân mới mặc đồ trắng thôi. Mấy ổng đâu có ai mặc như vậy. Đừng bắn, tội nghiệp chết các chú ơi!

- Thật là may cho bác quá! Mà cũng may cho tôi, nếu không thì tôi phải ân hận suốt đời rồi.

Đúng là ông ngoại tôi gặp may. Thời đó giả sử những người lính có cố ý bắn ai rồi nói làm tướng phe địch là xong. Chuyện chết người như cơm bữa, chẳng hề có hồ sơ vụ án.

Sau đó, những người cần thiết phải ra khỏi nhà vào ban đêm thì luôn phải mặc đồ trắng và phải nói đại khái những câu:

- Ruộng mùa này sao lúa xấu dữ vậy ta?*
- Đêm nay không biết có tháo được nước vào ruộng không?*
- Lúa trổ đòng mà gặp trời mưa thế này thì lép hết*
- v.v...*

Và phải nói to suốt cả đoạn đường đi lẫn về mới an toàn được. Có người sợ quá còn phải bưng theo cả cái đèn hột vịt.

Phần 3

MÙA HÈ ĐỎ LỬA

*B*ây giờ đã bước sang năm 1972. Cũng như mọi năm, đêm giao thừa cũng đi cùng tiếng súng ở các đồn lính, rồi ở các vùng du kích bắn lên để chào một năm mới. Những người lính, những người dân ở vùng chiến sự cũng tự tìm cho mình những niềm vui nho nhỏ bằng cách bắn súng, đốt pháo như thế. Dù không ai có thể biết được rằng mình có còn được sống để đón tiếp những lần giao thừa của những năm sau hay không?

Tết năm nay nhiều nhà có người ở Sài Gòn về nên các nhà có thêm món hạt dưa. Nhà tôi cũng thế, ngày mừng 1 lại cũ quét nhà nên vỏ hạt dưa rơi vãi đầy nhà càng có thêm không khí ngày xuân.

Rồi những ngày tết thanh bình vui vẻ cũng qua đi. Mọi người trở lại công việc thường ngày và súng cũng bắt đầu nổ trở lại.

Năm nay du kích xã và bộ đội 219 của huyện Đức Phổ cũng về làng thường xuyên. Họ ở lại cả ban ngày để phong tỏa tuyến đường QL1 chạy ngang qua thôn Vùng 5 và đón đánh lính từ đồn Quán Vịt ra mở đường. Những lần như thế thì người dân trong xóm lại gồng gánh chạy vào Gò Da để tránh đạn. Gò Da là một cái gò đất rộng, trống trải, không có cây lớn ở cách đồn Quán Vịt khoảng 250m. Có nhiều người vào ở hẳn trong đó. Sáng sớm mọi người tản cư vô đó nhìn về làng qua một cánh đồng trống, ngồi xem hai bên đánh nhau.

Có một lần mọi người ngồi xem như thế. Lúc đầu thì pháo từ Gò Hội bắn tấp nập vào làng, những cột khói trùm lên những rặng tre, những mái nhà. Sau đó thì lính Nghĩa quân theo hàng dọc dưới mép đường QL tiến ra. Đến gần làng thì cối và đạn nhon trong ấy bắn nổ ran làm những người lính phải tháo chạy ngược lại. Cuối cùng họ

phải gọi lính Địa phương quân trong quận. Chừng nửa tiếng sau, mấy chiếc GMC đổ xuống Quán Vịt hai trung đội với đầy đủ súng trung liên, M72, cối cá nhân v.v.. Và họ bắt đầu chia làm hai cánh tiến về thôn Vùng 5. Một cánh đi dọc theo mép QL, một cánh tập trung ở Gò Da và bắt đầu lợi ruộng tiến ra.

Pháo lại bắn tấp nập vào làng, lính đến cách làng chừng 100m thì pháo dừng. Lúc này các cỡ súng của hai bên mới nổ như bấp rang. Súng AR-15 thì nổ nghe "tành tành", súng AK thì nổ nghe "cắt, cắt" chát chúa hơn nhiều, đạn M72 thì nổ kêu cái "Đùng" rất to, đạn M79 thì nổ "Ầm". Khói lửa trùm lên xóm nhỏ của tôi. Tụi nhỏ chúng tôi thì chỉ trở, bàn tán ra chiều khoái chí hơn cả xem phim bây giờ nhiều, người lớn thì đi đi, lại lại xuýt xoa lo lắng không biết nhà mình có bị đạn pháo làm sao không?

Trận đánh sắp kết thúc, súng nổ thưa dần thì bỗng nghe có tiếng la:

- Trời ơi! con tôi bị sao thế này?

- Sao thế? - Mọi người chạy dồn trở lại chỗ có tiếng la

Một người đàn ông bế đứa con gái trên tay khụy xuống. Máu từ ngực cô bé chảy ra đỏ lôm

- Cứu con tôi! nó bị đạn rồi bà con ơi!

Mọi người xúm lại đỡ cô bé lên thì cô bé đã tắt thở. Một viên đạn AK cuối tầm đã trúng ngay tim và còn nằm trong ngực, thật là oan nghiệt. Nhiều lần trước vẫn ngồi xem có sao đâu vì khoảng cách từ Gò Da đến xóm của tôi phải cỡ 1000m. Có lẽ viên đạn được bắn ra từ súng AKM (loại AK cải tiến) mới bay xa như vậy. Gia đình cô bé không phải là người dân xóm tôi mà là dân xã Phổ An tản cư lên ở Gò Da đã hơn một tháng nay.

Trận đánh đã kết thúc. Lính ngụy đã giải tỏa được đoạn đường QL. Mọi người gồng gánh trở về. Ngôi nhà ông tôi lỗ chỗ vết đạn. Mái tôn bị một quả M72 toác hoác. Tôi chạy ra trước ngõ thì thấy dưới

ruộng nước có một khẩu súng M72, loại súng M72 chỉ bắn một lần rồi bỏ. Tôi lội xuống ruộng, cầm lên xem, vỏ súng vẫn còn mới nguyên, với đầy đủ linh kiện. Dem vô nhà, lấy cửa sắt cửa ra lấy được rất nhiều thanh nhôm rất đẹp, tôi dùng làm thước đem đi học. Còn cái vỏ thân súng, sau này khi cửa ra có nhiều xơ, tôi bị một phen ngứa sần mình vì những cái xơ ấy.

Đến trưa tụi lính Địa phương quân lên xe rút về quận, mang theo 4 xác chết. Du kích chết hai người bị chúng đem bỏ phơi trên mép QL. Lính Nghĩa quân tiếp quản tuyến đường đã chiếm được. Một người lính nói với mẹ tôi:

- Chị có ăn thịt heo không?

- Heo ở đâu mà ăn?

- Heo mới bị bắn chết sáng nay, nằm trên đường QL đó

Tên lính cười ngặt nghẽo – Chợt hiểu ra, mẹ tôi bảo:

- Các chú đừng có nói như thế! tội lắm. Sống là thù, nhưng chết là bạn.

Tên lính bỏ đi và mẹ tôi cùng tôi lo dọn dẹp lại nhà cửa.

Thời gian tiếp sau đó, du kích liên tục ở lại xóm tôi vào ban ngày để phong tỏa tuyến đường và chặn đánh lính ra mở đường. Cứ chỉ 3 ngày là đánh nhau một lần. Ít có lần có bộ đội huyện tham gia như ở trên, mà đa số là du kích xã Phổ Thuận chặn đánh quấy rối địch nên trận đánh cũng nhỏ. Chạy tản cư hoài cũng ngán, rồi làm ăn gì được, nên sau đó mọi người quyết định ở lại và chui xuống hầm.

Hầm nhà ông ngoại tôi được làm bằng các tấm bông lù bằng sắt, cách nhà khoảng 10m. Bông lù của Mĩ dùng để làm cống thoát nước qua đường QL. Khi làm hầm thì lấy các tấm bông ghép nối tiếp nhau, tấm bông chế tạo có sóng để tăng độ cứng. Hầm giống như hầm của tướng Đờ Cát ở Điện Biên Phủ 1954, nhưng bên trên phủ một lớp đất dày hơn 1m. Hầm hình chữ Z, hai đầu chữ Z là hai cửa hầm, một cửa hướng vào nhà, một cửa hướng ra sau vườn, người vào trú ở đoạn

giữa nên đạn nhọn có lọt vào cũng không sao. Nhìn các hố pháo 105li nổ trên mặt đất thì độ sâu khoảng 50cm, nên hầm ông tôi rất chắc chắn, lỗ pháo bắn trúng thì cũng không sụp. Trong nhà còn có một cái hầm khác, cũng được làm bằng bông lù nhỏ hơn, và bên trên chất bao cát.

Tôi ngán nhất là hằng đêm, khi mới vừa sẩm tối là ông ngoại bắt tôi phải chui xuống hầm. Trong hầm không khí rất nóng nực và ngột ngạt. Đêm nào ông tôi cũng bó rơm chặt lại bằng bắp vế gọi là con cúi để un muối. Khi đốt thì con cúi không cháy được, mà ngún âm ỉ tạo thành khói. Quạt khói thật mạnh vào hầm để xua muối đi. Con cúi ngún được vài giờ rồi cũng tắt, muối lại vo ve trở lại thì lúc đó cũng bắt đầu ngủ quên rồi, hơn nữa đến nửa đêm thì muối cũng ít hơn khi chạng vạng tối. Trong hầm có sẵn cái đèn hột vịt và một cái máy lửa. Khi nào cần học bài thì mang vở sách vào, nằm dài dưới sàn ván để học và viết bài.

Có hôm, tôi nằm ngửa ra để đọc sách, ngủ quên, quờ tay làm đổ cái đèn hột vịt làm cháy vở. Choàng tỉnh dậy thì cái áo đã bị cháy một vạt ngay chỗ ngực.

Lúc này hai bên đánh nhau như cơm bữa nên mọi người không chạy tản cư nữa.

Mới mờ sáng hôm ấy đã thấy du kích và bộ đội huyện đến đây xóm. Có 3 người mang AK và B40 đến dừng lại quan sát, chỉ trở trước sân nhà tôi. Rồi họ đến bên gờ đất, chỗ mấy gốc dừa và lấy cuốc, xẻng ra đào hố chiến đấu. Thôi, lại chuẩn bị đánh nhau rồi! Tôi chạy lại xem thì thấy anh mang súng AK thì đào hố tròn, sâu cỡ ngang bụng, anh vác B40 thì gác súng trên bờ đất to, chỗ gốc dừa, ai cũng mặc quần đùi, bên hông có đeo nhiều lựu đạn và thủ pháo bằng lon cá hộp. Nhìn sang các nhà lân cận cũng thấy từng tổ 3 người và cũng đang chuẩn bị công sự như thế. Tất cả các loại súng đều hướng ra cánh đồng trước mặt. Đến khoảng hơn 8h sáng, nhìn qua cánh

đồng về hướng Gò Da đã thấy bóng lính ngự đứng lố nhố rất đông. Cuộc tấn công sắp bắt đầu.

Những lần trước tấn cư vào Gò Da, nơi xuất phát tấn công của lính ngự, tôi cố nhìn về làng xem thử có thấy mấy người du kích đang chốt tại gốc dừa nhà tôi hay không, nhưng không lần nào nhìn thấy, mà chỉ thấy rặng tre, cây dừa. Còn lần này đứng ở chốt phòng ngự thì lại thấy rõ mồn một từng tên lính bắt đầu bước xuống ruộng tiến ra.

Mẹ tôi gọi tôi nhanh chạy về hầm. Nhà bà Miên và bà Thừa kế bên cũng chạy qua cùng nhà tôi chui xuống hầm hơn 10 người. Qua chung một hầm để dựa hơi nhau mới cảm thấy yên tâm trong thời khắc này, và hơn nữa mọi người thấy cái hầm ông tôi chắc chắn hơn hầm của họ.

Lần đầu tiên ở lại trận địa như một người lính, nhưng mà người lính không hề có vũ khí và chỉ ngồi dưới hầm. Mặc dù đội đạn pháo đã nhiều lần nhưng lần này tôi cảm thấy rất hoảng sợ

Trước tiên, pháo 105 ở Gò Hội bắn tấp nập vào làng, Căn hầm rất chắc chắn nhưng vẫn rung lên bần bật. Bé Hoa, con của bà Thừa khóc ré lên. Mọi người la lối, bảo im đi mà nó cứ khóc to hơn. Bà Thừa nói:

- Lỡ pháo trúng hầm mình, nó có sụp không vậy trời?

- Mà im cái miệng mắt, miệng muối của mày lại! Toàn nói cái điều gở không – Ông tôi quát bà Thừa

Mọi người im re, bé Hoa cũng thôi khóc. Mỗi lần nghe tiếng đề pa thì ai cũng nhắm mắt và bịt tai lại đợi nghe tiếng nổ, nổ xong thì nghe "o,o,...". Trời ơi! Có những tiếng nổ rất gần, tôi nghĩ mấy người bộ đội ở bên ngoài chắc là tiêu rồi.

Dứt đợt pháo, thì các cỡ súng bộ binh bắt đầu nổ ran. Súng AK nổ chát chúa, đạn M72 nổ ùng nghe nhức óc. Đạn trúng vào mái tôn nghe rào rào. Ngồi trong hầm vẫn nghe rõ mồn một tiếng chân người

chạy thình thịch. Nghe cả tiếng nói:

- Những tên núp sau bờ đất đỏ!
- Bắn vào những tên đang chạy dưới đồng kìa!
- Chú ý! bên mé đường quốc lộ...

Pháo nổ gần như thế mà họ vẫn còn – Hay thật. Thấy thế mọi người trong hầm càng yên tâm hơn

Trận chiến kéo dài gần một tiếng, thì bỗng có tiếng tu huýt

- "Ruýt, Ruýt ..."

Thế là bộ đội đã rút quân khỏi trận địa. Lúc này các cỡ súng vẫn nổ liên tiếp vào làng. Một viên đạn chui tọt vào cửa hầm chạm vào gạch bê tông ở thành hầm lóe lửa sáng lòe, văng cát vào mặt mọi người rất rát. Ai cũng khiếp vía, né dạt sâu vô trong. Vì căn hầm là chữ Z nên đạn có chui vào cửa hầm cũng không sao. Tiếp đến là tiếng chân của lính đạp bờ rào tiến vào nghe rào rào

Mọi người nín thở chờ đợi sự việc tiếp theo. Tiếng chân đã đến sát cửa hầm. Một tiếng quát rất to:

- Ai ở trong hầm bước ra, không tôi ném lựu đạn vào!
- Ái! Người dân đây các chú ơi. Đừng ném, đừng ném!

Mọi người đều la lên và từ từ chui ra. Hai tên lính đội mũ sắt, mặt mày nám đen khói đạn, đứng hai bên miệng hầm tay lăm lăm cò súng, kiểm soát từng người bước lên. Khi đến hết người cuối cùng, một tên hỏi:

- Còn ai ở dưới đó nữa không?
- Không còn ai đâu
- Không có ai thì tôi ném lựu đạn vào
- Ấy chết! Không còn ai, nhưng có đồ đạc trong ấy, ném vào sụp hầm lấy gì tôi núp – Ông tôi nói

Tên lính nghiêng đầu nhìn vào miệng hầm rồi cùng tên kia đi sang các vườn phía sau, và mọi người cũng lo dọn dẹp lại nhà cửa, cây cối bị đạn pháo bắn trúng.

Những trận chiến sau đó cũng liên tục xảy ra và mọi người cũng chui vô hầm chờ kết thúc y như kịch bản những lần trước. Mỗi lần như vậy thường mỗi bên cũng chết vài mạng. Bên lính nguy chết nhiều hơn vì họ ở thế đánh tấn công vào trận địa từ ngoài hướng đồng trống.

Trong năm 1972, một sự kiện không thể bỏ qua. Đó là việc thành lập Đại đội nữ HỒNG GẤM của lực lượng vũ trang huyện Đức Phổ. Một đại đội bộ đội chính qui duy nhất ở Miền nam trong chiến tranh chống Mỹ mà từ đại đội trưởng, đại đội phó, chính trị viên, chiến sĩ, nuôi quân... đều là nữ.

Tại Hội nghị Quân chính đầu năm 1971 của quân khu 5 để chuẩn bị cho chiến dịch Xuân- hè năm 1972. Theo chỉ thị của quân khu và tỉnh đội Quảng Ngãi cho thành lập ĐẠI ĐỘI HỒNG GẤM vào ngày: 22 -02- 1972 tại dốc Ba Hầm, thuộc xã Ba Khâm, huyện Ba Tư (Nơi liệt sĩ Đặng Thùy Trâm hy sinh)

Lúc thành lập chỉ có một trung đội gồm 36 chị, được tuyển từ nữ du kích các xã và con em của huyện Đức Phổ, tuổi từ 16 đến 23. Sau một tháng tăng lên 60 người, chia thành 3 trung đội. Ban chỉ huy đại đội có 5 người, Vũ khí thì súng AK, AR-15, trung liên RPD, cối cá nhân M79, cối 60, lựu đạn M26 của Mỹ và thủ pháo bằng lon cá hộp. Quân trang mỗi năm được 1 bộ và được cha mẹ may cho thêm. Áo màu xám tro, quần dây thun màu đen. Khi đi đánh trận thường mặc quần đùi có dây thun rút ngang bắp đùi nên thường được gọi là: "đội nữ chiến đấu mặc quần xà lỏn". Đơn vị có một tháng huấn luyện trước khi vào chiến đấu.

Thời gian sau tết 1972, tôi vẫn nghe các mẹ, các chị trong xóm nói về các cô nữ Hồng Gấm đánh giặc gan lì và dũng cảm lắm. Dù chứng kiến nhiều trận đánh nhưng tôi chưa hề biết về các cô gái ấy.

Một hôm. Chị Kim là người gần nhà, hôm ấy chị đi công chuyện ở Đức Phổ về. Lúc đó nhà tôi có nhiều người đang ngồi chơi, chị tạt vào

nói:

- Trời ơi! thấy chuyện ghê quá!
- Chuyện gì thế?
- Một con nữ Hồng Gấm bị lính bắn bị thương, mà nó chửi lại nhiều lắm
- Ở đâu? - Mọi người lao nhao hỏi.
- Ở trong Lê Văn Duyệt, Mọi người xem đông lắm. Nó không sợ gì hết
- Rồi tụi lính không làm gì sao? Bị thương có nặng không, mà còn chửi được?
- Cũng nặng, ở đùi bê vết máu, tụi lính kéo xuống bên lề đường
- Ôi! Con gái mà dũng cảm thật.
- Rồi sau đó ra sao?
- Tôi sợ quá chạy về đây luôn.

Lê Văn Duyệt là tên một trường trung học bán công (từ lớp 6 đến lớp 9) ở xã Phổ Ninh khi ấy định gọi là xã Phổ Bình. Gần đó có một đồn lính. Chúng rào kẽm gai rộng ra chung quanh thành một ô, mỗi chiều vài trăm mét, bên trong vẫn có nhà dân, nên gọi là ô Lê Văn Duyệt. Đồn lính ở trong ô vẫn có nhiều lớp rào bao quanh. Làm thế quân ta đi trinh sát hay tổ chức tấn công cũng khó khăn hơn. Ở các đồn khác như đồn Quán Vịt, đồn An Sở cũng đều có ô như thế. Vùng bên ngoài lân cận ô Lê Văn Duyệt người ta cũng vẫn thường gọi là Lê Văn Duyệt.

Đến gần trưa, anh Cai là lính nghĩa quân ở đồn Quán Vịt đến nhà tôi chơi cũng kể lại chuyện ấy.

Anh Cai có nhà ở Đức Phổ, tối ấy anh được về nhà, sáng định trở ra đơn vị - Trung đội của anh hằng ngày vẫn ở làng tôi. Đến Lê Văn Duyệt thì gặp trận Hồng Gấm đánh nhau với lính sư đoàn 2, anh phải quay vô. Khi ngưng tiếng súng thì đi ra và chứng kiến chuyện ấy. Anh nói ở nhà tôi, có mấy người lính khác cùng nghe.

- Ôi! Con nhỏ Hồng Gấm sáng nay gan dạ thật!
- Mà có thấy sao? - Một anh lính khác hỏi
- Tao chứng kiến từ đầu đấy, có lính và dân cũng kéo tới xem. Nó không sợ gì tụi lính sư đoàn 2 cả. Hỏi nó câu gì nó bóp chát lại câu đó. Sau đó nó còn hô: "Hồ Chí Minh muôn năm!" Bị tụi sư đoàn 2 bắn chết rồi.

- Ôi khiếp quá! Tụi mình mà gặp Hồng Gấm thì lo chạy sớm!
Sau 39 năm. Hôm nay (24 -11- 2011), ngồi trước mặt tôi là chị Tùng, người trung đội trưởng Hồng Gấm năm xưa đã tham dự trận đánh ấy, tôi mới biết rõ từng chi tiết.

Chị Tùng sinh ra và lớn lên trên mảnh đất thôn Thanh Điền xã Phổ Thuận. Cha đi tập kết, Hai anh trai đi thoát li và đã hy sinh. Chị tham gia cách mạng từ năm 13 tuổi, làm liên lạc cho đội công tác. Khi chiến tranh ác liệt, mẹ và em gái tản cư xuống khu đồn ở Trà Câu, chị ở lại quê tham gia du kích xã, làm xã đội phó, sau đó lên huyện đội làm trợ lý quân báo. Ngày 22-02-1972 chị được Huyện điều về tuyển quân thành lập trung đội nữ Hồng Gấm và giữ chức trung đội trưởng. Trung đội Hồng Gấm lúc đó có 36 cô và được đặt trong biên chế của đại đội Quyết Chiến. Lúc đó Huyện Đức Phổ có 4 đại đội: 219 thành lập năm 1961, đầu năm 1972 có thêm 3 đại đội là: Quyết chiến, Quyết thắng và C120.

Sau khi thành lập và được huấn luyện các động tác cá nhân, bắn súng AK, RPD, ném lựu đạn và bắn cối 60 trong khoảng thời gian 1 tháng thì bắt đầu xuất kích.

Trận đầu tiên Hồng Gấm tham gia có sự phối hợp với C120 là trận phục kích tại Cống Ba Lù. Đón đánh địch từ đồn An Sở đi ra hướng cầu Vinh Hiển. Trận đó ta tiêu diệt được hơn 10 tên, thu được 2 súng AR-15, 1 M79 và bắt sống được 1 tên.

Hỏi về trận cô Hồng Gấm bị thương và bị bắn chết năm ấy. Chị bồi hồi nhớ lại:

Hôm ấy vào khoảng tháng 4 -1972 Hồng Gấm cũng phối hợp với C120 phục kích tại An Trường – Phổ Ninh để tiêu diệt tên thiếu tá Bửu Tương là quận trưởng Đức Phổ. Theo cơ sở báo và nhiều ngày theo dõi biết được mỗi sáng hắn thường đi xe Jeep từ quận ra các đồn An Sở và Quán Vịt để kiểm tra. Mờ sáng đơn vị đã ém quân ở xóm An Hòa, cách QL1 50m, cách ô Lê Văn Duyệt hơn 500m. Chẳng may hôm ấy lính trung đoàn 4- sư đoàn 2 đi đánh ở quận Sơn Tịnh về dưỡng quân ở hậu cứ E4 tại Gò Hội, và biết được kế hoạch của quân ta.

Từ sáng sớm, một cánh quân chúng đi bọc từ phía tây cách QL1 200m ém sẵn. Sau đó một cánh khác theo QL1 tiến ra. Đơn vị phát hỏa bắn thẳng vào tốp lính ở hướng QL thì tốp lính bọc hậu bắt đầu nã AR15, trung liên, M79 vào các chốt của ta dồn dập. Kế hoạch phục kích là chia thành 4 tổ. Hai tổ chính diện cách QL 50m dùng B40 và trung liên RPD bắn thẳng vào xe tên quận trưởng. Hai tổ khác ở hai bên cánh gà cách QL 7-80m bắn yểm trợ. Phía sau xa nữa là cối 60.

Chị Trung cùng hai anh nam C120 ở tổ yểm trợ. Khi nổ súng thì bị tụi lính bọc hậu đánh từ phía sau bắn vào tới tấp. Tổ chị đánh trả quyết liệt. Chị bị trúng đạn ngay đùi khuyu xuống, vẫn ôm súng cùng hai anh bắn mạnh vào tốp lính đang bò tới làm bọn địch không cách nào tiến lên được. Chúng bèn bắn một quả mìn cay, cả ba đều ngạt thở. Một anh vẫn ráng ôm súng bắn về phía địch và chạy thoát về cái xóm phía tây. Chúng tràn tới bắt sống chị Trung và anh Hoàng.

Chị Tùng ở tổ chính diện, cùng anh Tuôi là chính trị viên của C120 cùng với hai anh nữa. Chúng bắn dồn dập M79 vào tổ của chị làm hai người nam chết tại chỗ, anh Tuôi gãy chân. Chị Tùng bị thương ở trán máu chảy đầy mặt. Chị ném súng của các anh xuống ao gần đó và cõng anh Tuôi băng qua bờ rào của vườn bên cạnh. Tụi lính đã tiến lại gần. Anh Tuôi nói:

- Thôi! bỏ anh xuống, chạy đi chứ không kịp. Để anh ở đây chặn địch, nhanh lên!

- Em sẽ chiến đấu cùng anh!

- Không được! đằng nào thì anh cũng chết, nó tới rồi kìa!

Chị đặt anh Tuôi xuống. Lúc đó tụi lính đã nhìn thấy hai người. Chị chạy vào căn nhà của bà Lai một gia đình nông dân và chui luôn vô hầm. Trong hầm có 5 người đàn bà và 4 trẻ em. Chị nói:

- Chuyện của tui làm tui biết, chuyện của các chị, các chị biết. Các chị không được khai báo có cộng sản dưới hầm. Nếu khai báo thì mấy hôm sau cách mạng về sẽ bắt các chị đền tội ngay! Chúng có hỏi gì thì để tôi nói.

Mấy người trong hầm hoảng hốt, co ro nép vào nhau. Chị trốn ở đó cùng họ.

Lúc này anh Tuôi bắn làm một tên lính bị thương, chúng đã nổ súng giết anh. Một tên bước đến gần và nói:

- Còn một con nữ nữa nó chạy đâu mất rồi. Truy đuổi theo mau!

Tụi lính vội chạy tiếp về hướng tây để lùng sục. May quá! Ai ở trong hầm cũng đứng tim. Khi biết tụi lính đã đi xa, lúc này trận chiến đã kết thúc, chỉ còn vài loạt súng lẻ tẻ, chị dấu súng dưới sàn ván trong hầm và bò lên. Máy người phụ nữ đang đứng trên nhà mặt tái xanh, run lập cập. Chị bảo đứa con gái lớn của gia đình lấy cho chị một chiếc áo trắng, một cái quần đen láng Mĩ A (loại con gái hay mặc lúc đó) và một chiếc nón lá rồi cảm ơn cả nhà và đi ra. Vì ở lại đó sợ chúng quay lại.

Chị định đi xuống QL thì thấy tụi địch đã kéo lê chị Trung xuống đó rồi. Súng đã ngừng hẳn. Lúc này bọn địch bu quanh chị Trung rất đông. Trên QL đã thông xe, những người dân đi trên đường cũng đứng lại xem. Chị Tùng không dám xuống mà men theo đồng ruộng đến ô Lê Văn Duyệt. Gần đến Ô thì nghe tiếng nổ "phằng, phằng" ở chỗ chị Trung. Nhìn lại thấy mọi người la ó chạy tán loạn. Chị lặng

người đi. Thôi chết! Chúng đã bắn người bạn của chị rồi.

Chị gắng gượng đi tiếp vô một nhà cơ sở ở trong ô Lê Văn Duyệt và nấu ở đó đến tối mới dám mò ra rồi tìm đường về đơn vị. Mấy đêm sau, du kích xã Phổ Ninh đã tìm được đầy đủ vũ khí và chuyển lên cho chị. Đến các nhà cơ sở gặp những người chứng kiến sự việc của chị Trung được họ kể lại:

Chị Trung bị kéo lê từ tổ chốt xuống đường QL. Chúng bỏ chị ngồi bên vệ đường, một bên đùi bị bắn toét, máu chảy đầm đìa. Bọn địch bu lại khoái chí chỉ trở. Tên chỉ huy hỏi:

- Mày ở đơn vị nào?
- Đơn vị nào mày hỏi chị?
- Đại đội mày có ai đánh hay?
- Ai đánh cũng hay cả
- Có bao nhiêu đứa nữ anh hùng như mày?
- Còn nhiều người lắm.

Tên sĩ quan sư đoàn 2 ngồi xuống trêu chọc:

- Sao không chịu băng bó để sống? Em còn trẻ đẹp mà phải chết uổng lắm em ơi!

Chị chồm tới tát trúng mặt hấn một cái. Tên sĩ quan mặt đỏ bừng, giật khẩu súng trên tay của một tên lính đứng gần, lúc đó chị hô:

- Đả đảo đế quốc Mỹ! Việt Nam độc lập muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!

Mọi người la ó hoảng loạn bỏ chạy.

- Phăng, phăng!

Hai phát súng nổ vang, trúng vào ngực và cổ của chị. Máu loang đỏ cả một vạt dưới nền cỏ của vệ đường, mà nhiều hôm sau mọi người đi qua vẫn còn thấy.

Người dân Phổ Ninh ai cũng thương và cảm phục tấm lòng quả cảm của một người nữ Hồng Gấm đã sinh ra trên đất Phổ Ninh và đã hy sinh cho mảnh đất này khi vừa tròn 20 tuổi. Gia đình chị giờ cũng

chỉ còn một người em nhưng hơi thiếu năng trí tuệ, vẫn sống một mình. Cha mẹ mất khi chị còn nhỏ. Hai chị em được bà con nuôi nấng đến khi vừa lớn chị đã tham gia du kích mật rồi gia nhập Hồng Gấm từ những ngày đầu thành lập đến khi hy sinh.

Còn chị Tùng sau đó tham gia vài trận nữa rồi chị lên tỉnh học. Trước kia chị có người yêu là anh Tấn - xã đội trưởng Phổ Thuận, rồi anh Tấn hy sinh. Lần thứ hai đến anh Tuôi - người mà chị công trên vai trong trận này cũng hy sinh. Đến bây giờ chị vẫn ở vậy và nhận đứa cháu làm con nuôi. Cháu đã có gia đình được hai con. Cậu con trai nhỏ được mẹ cho về ở với chị cũng đỡ bớt quạnh hiu lúc tuổi già.

Căn hầm chị Tùng chui vào là nhà của bà Lai, một gia đình nông dân. Bà Lai nhớ lại:

Hôm ấy gia đình trốn trong hầm có mấy người đàn bà và vẫn có một người đàn ông là con rể của bà Lai (anh bị tàn tật), có cả anh Khanh là con trai của bà, lúc đó được 10 tuổi. Bà nói:

- Cô du kích lùi cái lưng vào trong hầm trước, súng vẫn chĩa ra ngoài. Sau đó mới rút súng dưới bộ phận trong hầm.

- Thế bà có đưa quần áo cho cô ấy để thay hay không? Tôi hỏi

- Có! Có đưa cho cô ấy một bộ quần áo của con gái lớn của tui và một cái liềm cùng một cái nón cời (nón lá đã cũ rách)

- Rồi sau đó ra sao?

Bà Lai kể tiếp: Cô du kích men theo đồng đi vô hướng nam. Lúc này bọn lính đã tiến xa lên các xóm trên để truy đuổi theo du kích, bà bèn gói súng chuyển qua nhà cơ sở gần bên để họ cất giấu, sợ tụi lính quay lại. Sau đó tụi lính quay lại thật. Một tên đến bên cái ao và nói:

- Khi này tao thấy nước ao trong, mà sao bây giờ lại đục?

Hắn liền lấy bồ cào cào lên được một cái dây thắt lưng đạn. Tìm tiếp vẫn không thấy gì, hắn nói:

- Nhất định trong hầm có vũ khí và con nhỏ Việt cộng trốn ở dưới.

Nói rồi hăn bắt bà Lai chui vô trước, hăn bò theo sau. Không tìm được gì, hăn nói:

- Bà phải nộp vũ khí ra đây, không tôi đốt nhà!

- Tụi tôi nghe súng bắn nhiều quá thì chui vô hầm chứ có thấy du kích hay súng đạn gì đâu.

Mấy tên lính hung hăn lấy máy lửa ra, thì có một tên sĩ quan đi tới và nói:

- Tụi bây tìm kiếm trong vườn dâu đó, chứ có gì mà phải đốt nhà người ta thế?

Nghe nói thế tụi lính mới thôi và sau đó đi xuống đường quốc lộ. Trận đó ta hy sinh 4 gồm 3 nam, 1 nữ là chị Trung và bị địch bắt sống một người là anh Hoàng. Địch cũng bị chết và bị thương vài tên.

Đêm nay ngồi đây viết những dòng này, tôi- một đứa em đã nghe sự hy sinh anh dũng của chị Trung từ 39 năm trước mà bây giờ mới có dịp ghi lại tỉ mỉ để thay một nén hương đặt lên mộ của chị.

Đầu năm 1972, ở vùng giáp ranh hai huyện Đức Phổ và Mộ Đức có phong trào rầm rộ đi buôn hàng cho cách mạng. Đi buôn gạo, vải vóc, thuốc tây, xăng dầu đều một vốn lời tới hai, ba lần. Không hiểu cách mạng tiền ở đâu mà tung ra mua nhiều thế? Người nào có vốn buôn đồ la thì lãi nhiều hơn nữa.

Thời gian này khi đi học tôi vẫn thường ghé lại nhà bác hai tôi tản cư ở ngã tư Thạch Trụ để chơi và hay ngủ lại để hôm sau đi học tiếp. Một đêm khoảng 3-4h sáng, nhiều tiếng động lao xao ngoài đường 5 (QL24) làm tôi thức giấc. Chạy ra xem thì thấy người đi buôn đông như đi xem hát. Kẻ thì gánh, người thì chở hàng trên xe đạp, người thì thồ mấy bao gạo. Vừa đi vừa nói chuyện ồn ào. Thường thì có cơ sở báo đêm ấy không có lính phục kích thì mới dám đi. Tuy nhiên, cũng có nhiều người bị bắn chết do gặp lính phục kích mà không biết.

Anh Dưỡng, con bác tôi, là một thiếu niên, cũng đi buôn gạo. Mỗi lần đi anh chở gạo bằng 2 bao cát Mĩ khoảng gần 40 kg. Anh kể rằng,

hàng được mấy người đi buôn đem đến một cái chợ nằm trong một rừng cây rậm rạp gần như không thấy ánh nắng mặt trời, nơi ấy có những người của cách mạng thu mua với giá rất cao, bao nhiêu hàng họ cũng mua hết. Chợ nằm ở cây số 10 (tại ngã tư Thạch Trụ là cây số 0 của đường 5). Nơi đó là vùng giải phóng, không có địch, chỉ sợ nhất là máy bay thôi. Đến chiều, mọi người đi về từng tốp, từng tốp đến ngã tư Thạch trụ đi ngang qua trước mặt những tên lính nghĩa quân. Chúng vẫn biết rõ là đi buôn hàng lên núi cho CM nhưng chẳng có cơ gì để bắt và rồi cũng quen với cảnh ấy nên chẳng thấy chúng tra xét gì.

Một hôm anh Dưỡng đi buôn gạo, đến chiều tối mới về mặt mày hớt hải kể lại rằng khi bán gạo đã xong, trên đường về thì gặp máy bay. Những người lớn họ đã kinh nghiệm lẫn vào các lùm cây trốn, còn anh thản nhiên cỡi xe đi trên đường. Chiếc máy bay hai thân quần lại rồi nã đại liên bắn anh. Bụi đất quanh mình mù mịt, nhưng chẳng có viên nào trúng. Rất may là chỗ ấy gần sát cái cầu Chùa Cháy. Anh vội vàng quăng xe, nhảy ùm xuống nước, bơi vào trong chân cầu. Chiếc hai thân quần lại bắn tiếp xuống cầu, nhưng anh đã vào trong vị trí an toàn. Vì lãi lớn nên vài hôm sau anh lại đi tiếp. Anh có rủ tôi đi mà tôi chẳng dám.

Người buôn đô la là lời nhất. Khi đi chỉ cần mang theo cái túi tiền Việt đem lên mua đô la của CM. về bán lại cho các tiệm vàng, hưởng chênh lệch rất cao, nhưng cũng rất nguy hiểm khi gặp phục kích, vì đó là đối tượng lính nguy chú tâm săn đuổi để kiếm tiền

Gần sát nhà tôi có chị Miên là người bị tật mất một tay nhưng cũng đi buôn. Chị buôn xăng, dầu trong những cái can. Hôm ấy vừa đi qua khỏi đường xe lửa thì gặp lính sư đoàn 2 phục kích. Chúng nổ súng, mọi người chạy tán loạn. Chị Miên và vài người chạy thoát, còn một số bị bắt cùng hàng hóa của họ và một đồng can xăng dầu của chị. Những người bị bắt được đưa về giam ở chi khu khai ra số

xăng dầu đó là của chị Miên.

Nhà chị có 3 mẹ con, mẹ chị thì đang ở tù ngoài Quảng Ngãi. Tối ấy không thấy chị về - Bé Hạnh - em gái của chị - khi ấy mới 6 tuổi khóc rấm rức. Tôi chạy qua dỗ dành và dẫn em qua nhà mình ăn cơm.

Sáng hôm sau, ông Bình là ấp trưởng thôn Vùng 5 cùng hai người lính đến nhà chị Miên. Thấy nhà không có ai, ông Bình bước qua nhà tôi và hỏi mẹ tôi:

- Chị có thấy con Miên đâu không?

- Qua nay không thấy, chắc nó đi Quảng Ngãi thăm má nó ở tù đấy mà

- Nó đi tiếp tế cho cộng sản chứ thăm má cái gì! Tôi đã thu được mấy can dầu của nó. Nó trốn rồi phải không? nó về, chị bảo nó ra trình diện với chính quyền nghe chưa?

Đêm sau chị Miên về nhà vào buổi tối thăm dò, nhờ mẹ tôi nói hộ với ông Bình, nếu không bị bắt thì mới dám ở nhà. Cách mấy ngày sau Ấp trưởng Bình đến nhà tôi và hỏi.

- Con Miên mấy hôm nay có về không?

- Nó về ban đêm nhưng không dám ở lại sợ chú bắt - Mẹ tôi nói

- Thôi, bảo nó về đi, tôi không bắt nó đâu

- Chú hứa với tôi đi, mẹ nó ở tù, kẹt tiền sinh sống, nó mới theo họ đi buôn kiếm ít đồng nuôi em, chứ có tiếp tế cho cộng sản gì đâu! Nó trốn, bỏ em nó bơ vơ một mình phải chạy sang ở với tui vậy thấy không? Nói đoạn mẹ tôi chỉ tay vào bé Hạnh đang đứng khép nép gần đó.

Ông Bình nhìn bé Hạnh ra chiều thông cảm, rồi nói.

- Thôi, bảo nó về lo cho em nó đi, tôi không làm khó dễ gì đâu.

- Chú hứa rồi đó nghe, nếu chú bắt nó thì cách mạng họ sẽ qui cho tôi là dụ nó về để quốc gia bắt, chừng đó họ sẽ bắt tôi thì chết.

Đêm ấy chị Miên mò về, được nghe mẹ tôi nói lại như vậy mừng

lắm. Nhưng sáng ra còn sợ nên vẫn trốn trong hầm suốt mấy ngày liền. Rồi sau đó cũng lên sống bình thường, không thấy ai làm khó dễ gì nữa.

Trong xóm cũng có một người đi buôn đô la, đó là bà Hy. Bà Hy có chồng chạy núi làm cán bộ huyện Đức Phổ nên đi buôn để tiện thăm và tiếp tế cho chồng. Lần đầu bị địch bắt tại trận khi trong xách có đô la. Chúng đưa ra nhà tù Quảng Ngãi tra tấn đánh đập rất dã man. Mấy tháng sau mới thả về với thân hình tàn tạ ốm nhom như một thầy ma. Thời gian sau khỏe mạnh dần, bà lại đi buôn đô la và bị bắt tiếp. Biết được bà Hy có chồng là cộng sản gộc nên tụi cai tù càng tra tấn dữ hơn. Chúng nhốt bà trong thùng phuy trong nhà tù nóng nực, vài tuần sau bà đã chết trong nhà lao, bỏ lại 4 đứa con trong một căn nhà tranh trống huơ, trống hoác.

Thời gian này các trận đánh nhau càng gia tăng. Mỗi tháng tôi chỉ đi học được chừng 15 hôm. Tuy nhiên những bài học thuộc lòng khi đó rất hay, mãi đến bây giờ cũng không quên được, như các bài:

- Em yêu cô giáo lớp 5
- Trâu ơi! ta bảo trâu này
- Gia đình êm ấm

.v.v...

GIA ĐÌNH ÊM ẤM

Đêm về dưới mái nhà tranh

Em cùng các chị các anh học bài

Bà ru bé ở võng ngoài

Ơi à hát khẽ mấy bài ca dao

Ông ngồi trên bộ ván cao

Ngâm thơ giọng rất ngọt ngào du dương

Mẹ em may áo bên giường

Cha ngồi nhẩm đọc mấy trang nhật trình

Hồi lâu mẹ lại dừng tay

Cùng cha bàn luận mai đây làm mùa

Ngoài kia mặc sức gió mưa

Nhà em êm ấm chẳng thua nhà nào!

Có nhà ai mà êm ấm thế? Tôi nằm trong hầm học bài này mà liên tưởng đến gia đình mình, đến mọi người chung quanh. Nhà ai cũng có người chết, nhà ai cũng chịu cảnh li tán vì bom đạn. Có thấy gia đình nào như trong bài học thuộc lòng này đâu? Khi nào mới hết chiến tranh? để cho người dân quê tôi mới hết khổ? Bây giờ chỉ cần khỏi phải ngủ hầm cũng là “êm ấm” lắm rồi!

Ở Miền trung thường xảy ra bão lũ hằng năm vào tháng 8 đến tháng 10 âm lịch, nhưng tháng 4 AL năm 1972 ở Quảng Ngãi có một trận bão kì lạ. Gió thổi từ nhẹ đến mạnh dần thành bão làm ngã đổ cây cối nhưng chẳng hề có một giọt mưa, người ta gọi đó là bão lửa. Đó là bão của thời tiết. Mọi người đâu biết rằng từ mùa hè năm đó đến cuối năm nhiều trận bão cuồng phong của bom đạn chụp xuống quê tôi liên tục.

Thôn vùng 5 xã Phổ Thuận có một vị trí rất thuận lợi cho trận địa phòng ngự. Thôn nằm hai bên đường QL1. Trước mặt thôn, ở hướng nam là thôn vùng 4 có cái đồn Quán Vịt cách nhau một cánh đồng trống. Phía bắc cũng cách đồn lính ở cầu Nước mặn một cánh đồng trống. Địch muốn tấn công từ hướng bắc thì phải đi qua cầu hoặc phải vượt qua con suối Nước Mặn (là ranh giới của 2 huyện Đức Phổ và Mộ Đức). Phía tây thì làng xóm trải dài lên đến đường xe lửa, qua Phổ Phong đều là vùng giải phóng. Từ ngày lính Mỹ rút đi thì đồi Chóp Vung và núi Xương Rồng cũng bỏ trống. Lính ngự không đủ quân để đóng trên ấy mà chỉ găng sức bảo vệ tuyến đường QL1. Phía đông thôn Vùng 5 thì làng xóm cũng trải dài đến xã Phổ An là vùng du kích. Bởi vậy các lực lượng vũ trang của huyện Đức Phổ liên tục tổ chức các trận đánh tại đây. Do đó mà người dân xóm tôi phải liên tục chui xuống hầm đội đạn pháo mỗi khi đánh nhau

Chiều nay một sắc lính mới lại kéo tới làng. Đó là một đơn vị biệt động quân. Lính biệt động quân mặc sắc phục và trang bị khác hẳn lính địa phương quân. Quân phục rằn ri loang lổ, trên vai áo có hình một cái đầu cọp nhe hai hàm răng đỏ lòm, trông thật khủng khiếp. Chúng đi từ đồng ruộng kéo vào làng rào rào. Lính thì đội mũ sắt mang ba lô, súng và bên hông đeo 4-5 quả lựu đạn, rất nhiều súng M72, vài khẩu trung liên và một khẩu đại liên. Tên đại đội trưởng thì chỉ mang súng ngắn, đầu đội mũ bê rê màu tiết dê, trên tay cầm cây gậy đi đi, lại lại chỉ trở phần công cho các trung đội. Một tên lính bung tới một thau nước và cầm cả một cái khăn mặt cho viên sĩ quan lau mặt. Vài tên lính lấy cây thọc mấy trái đu đủ hững trước nhà rồi dùng lưỡi lê gọt ăn ngòm ngoàm. Tôi đứng đó mà cảm thấy thèm thuồng, vì chẳng mấy khi được hái ăn như vậy, cây trái trong vườn thường được đem ra chợ bán để lấy tiền chi tiêu hằng ngày.

Vài tên lính thì hì hục đào một cái hố không sâu nhưng rất rộng ngay trong vườn nhà tôi để đặt khẩu đại liên. Tên lính người Thượng vừa loay hoay đặt khẩu đại liên, vừa nheo mắt cười đùa với tôi thì tên chỉ huy đi ngang qua chỉ tay và nói

- Ê! đ.m. mày không lo đào hố mà còn giỡn hả?

Tên lính Thượng tái mặt, cúi xuống tiếp tục ôm khẩu đại liên day qua day lại để chỉnh sửa. Đến giờ ăn, các tên lính lấy trong ba lô ra những túi gạo sấy, mở ra chế nước từ bi đông vào để làm cơm ăn với đồ hộp. Gạo sấy là gạo lúa mì Canada đã được sấy chín, đựng trong bao nilon, trên bao có một vạch đỏ và ghi rõ: "Đổ nước tới vạch này". Đổ nước lạnh thì chờ 5 phút, nếu nước sôi thì chỉ cần 1 phút là sẽ có cơm ăn.

Một người lính thấy tôi đứng gần đó liền vây lại và đưa cho tôi một bịch. Mừng quá, chạy vô nhà mở ra hốt ăn sống, mùi lúa mì thơm phức, nhai trong miệng giòn tan như ăn cơm.

Đêm ấy lính thì nằm ở các hố chiến đấu còn tên đại đội trưởng và

hai tên nữa thì ngủ trong nhà tôi, trên giường có mùng mền đầy đủ. Cả nhà tôi thì ngủ trong hầm. Sáng ra khi thức dậy thì bọn lính đã rút đi đâu mất rồi.

Hai ngày sau thì bộ đội và du kích lại kéo đến làng từ mờ sáng. Cũng đào hố chiến đấu cá nhân như mọi khi. Mọi người đã quen với chuyện này nên sáng ra vẫn làm công việc bình thường, chỉ khi nào thấy bóng lính nguy lộ nhố ở Gò Da thì mới chui vô hầm. Khoảng 8h bà Thừa chạy qua nhà tôi.

- Trời ơi! xe tăng bác ba ơi!

- Xe tăng đâu?

- Nó đi từ dưới đồng Ngâu lên Gò Da kìa!

Mọi người nhìn theo tay chỉ của bà thừa thì thấy từ xa lúc nhúc nhiều chiếc tăng M113 chạy khuất dưới ruộng lúa như cua bò. Nhìn ra phía trước bờ hào thì thấy các anh bộ đội khẩn trương đào sâu thêm các hố chiến đấu, có anh còn chạy bưng thêm các khúc cây, hòn đá đặt trước vị trí đặt súng trung liên và B40.

Tiếng ì. ì... của xe tăng vọng lại ngày càng rõ hơn. Các nhà lán giềng như gia đình bà Miến, bà Hội, bà Kiềm... cũng kéo nhau chạy qua.

- Chết mẹ rồi! Có xe tăng là đánh lớn lắm đó.

Mọi người chui tọt vào cái hầm "Đờ Cát" của ông ngoại tôi. Mãi hơn nửa tiếng sau trận đánh mới bắt đầu. Cũng như mọi khi, pháo dập rồi đạn nổ như bắp rang, nhưng lần này đạn M72, DKZ nổ dồn dập, tiếng đạn đại liên trên xe tăng nghe ùng, ùng, ò, ò... át hết cả tiếng đạn AR15 và AK. Gần một tiếng sau xe tăng mới vào tới làng. Nghe tiếng xe uỳnh uỳnh cán qua bờ rào tre gãy rộp rộp và tiếng la ó của bộ binh chạy theo mà mọi người ngồi trong hầm đều xanh mặt. Nhưng lần nào cũng thế, đến cái đoạn lính đến miệng hầm gọi lên là sợ nhất.

- Ai ở trong hầm bước lên!

Mọi người chỉ chờ cái câu nói đó và đồng thanh la lớn lên nói rằng đây là người dân, và cũng run sợ nhất là khi bước lên trước hai họng súng đã lên đạn lăm lăm trước cửa hầm. Chỉ cần một sự giật mình nào đó là súng nhả đạn, hoặc vì quá hoảng sợ vì thấy trước nhà có công sự của bộ đội còn đầy vỏ đạn mà một tên lính nào đó ném lựu đạn vào hầm thì tiêu đời như chơi. Nhưng may mắn chưa có lần nào xảy ra như vậy.

Nhớ hồi năm 1969, lính Mỹ tiến quân ra xóm 21 phía bên kia đường QL thì bị nổ một quả mìn chết hết 4-5 tên. Chúng tiến vào làng lần theo đường dây điện đến một căn nhà trong xóm. Biết được du kích đã ở nhà này bấp mìn nên chúng bắt hết dân các nhà lân cận tập trung lại rồi nã súng bắn chết 11 người. Còn bây giờ là lính nguy, dù sao cũng cùng dòng máu da vàng của người Việt, nên chuyện ấy không xảy ra.

Mọi người bước lên đứng khếp nép trước miệng hầm. Súng đại liên trên xe tăng gần đó vẫn nổ ầm ầm. Một tên lính đi tới chỉ vào dì Thời nói:

- Chị kia! cho xem thẻ căn cước?

Dì Thời lấy trong người ra tấm thẻ căn cước đưa cho hắn xem. Hắn cầm tấm thẻ lật qua, lật lại rồi nhìn chăm chăm vào mặt Dì. Bỗng đâu một tên sĩ quan đi xộc xộc tới hỏi.

- ĐM. Cái thằng kia! sao mày bỏ vị trí đi làm gì đây?

- Em ...em... thấy nghi ngờ nên hỏi giấy.

- Ai bảo mày?

Nói đoạn hắn quơ một cây củ mì gần đó quất xối xả lên đầu tên lính, gãy cả cây cháy mì bung lên trước mặt mọi người. Tên lính vùng bỏ chạy, rớt cái mũ sắt xuống đất lăn lông lốc. Hắn cúi xuống lượm vôi vàng rồi ôm mũ chạy tiếp. Ai cũng trở mắt nhìn theo, muốn phì cười mà không dám. Tên sĩ quan ra oai xong cũng bỏ đi.

Bỗng từ phía xe tăng thấy một đám lính bu quanh, khiêng một

người lính bị thương đi tới. Một người lính vội chạy vào bộ phận nhà tôi vác ra một tấm ván, đặt một đầu trên hè, một đầu dưới sân tạo thành một mặt phẳng nghiêng. Mấy người lính đặt người bị thương nằm xuống đó. Tôi chạy lại xem thì được nghe mấy tên lính nói với nhau. Lúc súng nổ thì người lính đó đang đứng trên xe. Một viên đạn nhọn xuyên qua vai làm anh ta lao đảo, chẳng may khi ấy chiếc xe đang đứng gần cái giếng của nhà tôi. Thành giếng được làm bằng 2 tấm bộng lù quây tròn lại. Tên lính ngã xuống va sườn vào tấm bộng nên bất tỉnh. Các người lính lảng xảng hô hấp nhân tạo, và cứu chữa vết thương, một lát sau thì anh ta tỉnh hẳn. Thế mà tên chỉ huy chạy tới ri rô:

- ĐM.! Cái đồ ăn hại. Tao đã bảo ngồi xuống mà phách lối đứng lên để lãnh đạn. Cho mày chết!

- Chết thì chết! Tôi chả cần sống nữa đâu – người lính bị thương nói bằng một giọng bất cần đời.

Tên sĩ quan đưa chân đá 2 cái vào chân người lính bị thương, rồi bỏ đi. Tôi đứng trố mắt kinh ngạc vì thái độ phát xít của tên chỉ huy và tự nhiên thấy thương người lính kia vô cùng. Quay nhìn ra phía trước, thấy một đám lính bu quanh và chỉ trỏ cái gì đó. Tôi chạy tới xem thì ...Ồi trời ơi! Một người bộ đội chết gục trên bờ công sự, mình mẩy nám đen vì quả đạn M72 nổ quá gần, trên bờ hố cá nhân vỏ đạn AK vung vãi đầy mặt đất. Sáng nay thấy mấy anh hì hục đào công sự, mà bây giờ còn một mình anh nằm lại, đồng đội không kịp mang đi. Ôi! chiến tranh đau thương quá!

Trận chiến đã kết thúc từ lâu, Một số lính ngồi xuống giở bi đông ra uống nước, ăn cơm gạo sấy, mà không hiểu sao trên mấy chiếc xe tăng đạn đại liên vẫn cứ nổ chát chúa về hướng tây nghe điếc cả tai. Từng tốp đạn (các tút- vỏ đạn) gần bằng ngón chân cái, vàng chóc văng lên tung tóe rơi vãi đầy đất. Một lát sau thì súng cũng im, những tên lính khom lưng trên xe và dưới đất dùa tốp đạn vào từng

bao, từng bao. Đến chiều thì thấy mây bà mua đồng tới mua hết mấy bao tốp đạn và chở đi bằng xe đạp. Thì ra chúng cố nổ súng thật lâu để bán đồng lấy tiền tiêu.

Có lần khi trận chiến căng thẳng thì địch bắn mù cay vào làng. Lúc đầu nghe cái mùi hăng hắc, rồi càng ngày mùi càng nặng. Chết rồi! sao thở không được.

- Mẹ ơi, thở không được!

- Tức ngực quá, cay quá! nghẹt thở quá – Trời ơi chắc chết mất!

Mọi người trong hầm nhốn nháo. Toàn thân nhú nhú như kim châm, giống như một đàn kiến lửa đang bò lên mặt mình tha hồ cắn.

- Có nước không? -Có ai đó la lên

- Có!

- Chế ra khăn, nhanh lên!

Những người lớn chế vội nước ra khăn, mền, quần áo, xoa lên mặt trẻ em, xoa lên mặt mọi người và ụp mặt vào đó cũng đỡ bớt phần nào. Cũng may là chỉ nghẹt thở trong vòng 1 phút rồi sau đó dễ chịu dần và thở được.

Mù cay là loại vũ khí hóa học để làm ngạt thở đối phương, nó là loại vũ khí mà Liên Hiệp Quốc cấm sử dụng. Nhưng thỉnh thoảng địch vẫn sử dụng những lúc không giải quyết được mục tiêu nhưng chỉ bắn hạn chế vì chúng cũng sợ chết ngạt cả người dân thì sẽ bị Quốc tế lên án. Suốt cuộc chiến tôi cũng bị vài lần nghẹt thở trong vòng 1 phút vì mù cay thôi. Khi trái mù cay nổ sẽ tung ra một cụm khói màu da cam hung đỏ lan nhanh trong không khí gây ngạt thở, còn quả mù khói thì chỉ có khói trắng có tác dụng che mắt đối phương.

Ngày nào đánh nhau thì chui vô hầm, ngày nào bình yên lại ôm sách vở đi học. Thời gian này là cuối tháng 9-1972. Trên đường đến trường, từ ngã tư Thạch Trụ đến chợ Mộ Đức chính quyền ngụy dán đầy tranh ảnh, áp phích tuyên truyền cho việc chúng tái chiếm cố

thành Quảng Trị. Tôi ghé lại xem thì thấy hàng trăm bức ảnh chụp cảnh đổ nát của thị xã Quảng Trị và cảnh bộ đội Bắc Việt chết la liệt nằm đủ mọi tư thế. Có người nằm bật ngửa vắt qua một vách tường, có người thì nằm chúi đầu vào đồng gạch, có đồng 5-6 người nằm lộn nhào đủ kiểu. Trang phục chính qui có hai túi áo ngực, mang giày vải, nhìn trong ảnh rất giống áo quần của lính sư đoàn 2, chứ không giống bộ đội huyện Đức phổ hay mặc quần đùi, mang dép cao su như tôi thường gặp.

Xem qua những tấm ảnh ấy tôi mới thấy ở Quảng Trị chiến tranh ác liệt hơn ở quê tôi nhiều.

Sáng nay cũng vẫn cái điệp khúc nằm trong hầm chờ đánh nhau. Lần này không có xe tăng M113 mà là hai chiếc xe tăng Đầu Bò. Tăng Đầu Bò là loại tăng có 4 bánh cao su to, chỉ chạy trên đường, không có lợi ruộng được. Vỏ xe bằng sắt mỏng hơn xe M113, trên xe có đại liên, thành xe có các ô cửa kính nhỏ để nhìn ra được hai bên khi ngồi trong xe.

Khi thấy hai chiếc xuất hiện ở gần đồn Quán Vịt là mọi người bắt đầu chui vô hầm. Rồi cũng đến cái đoạn bị lính gọi lên khỏi hầm. Nhưng lần này một tên lính quát:

- Tất cả mọi người lên đây xem cộng sản chết!

Tên lính kia mặc áo giáp, một tay cầm súng, tay kia cầm một cái cây. Ông tôi đi chậm, tên lính quát một cây vào vai và quát:

- Đi nhanh lên!

- Đi đâu đây cậu?

- Lên quốc lộ coi cộng sản chết!

Khoảng hơn hai chục người gồm phụ nữ, trẻ em và ông già bị lừa đi lên quốc lộ. Súng ở QL vẫn đang nổ rầm rừ. Những tên lính nằm cả một hàng dài núp bên mép đường bắn lên xóm 21 ở phía tây đường. Hai chiếc xe tăng đầu bò thì đang đứng trên lộ bắn đại liên ùng ùng. Mọi người cúi xuống núp ở mép đường. Một tên cầm

khẩu trung liên có hai cái chân hươu sừng lên quất.

- Bước lên đường cái mau!

Đạn bay chiu chiu trên đầu, ai cũng sợ, nhưng ai cũng phải bò lên nằm giữa đường.

- Tản hàng một ra!

Nhìn hàng chục họng súng chĩa vào nhóm dân làng, ai cũng kinh hoàng, hoảng loạn. Thôi rồi! Chúng bắt lên đây để bắn. Trong hàng ré lên tiếng khóc la dấy đất.

- Chú ơi, đừng bắn!

- Đây là dân mà chú ơi! Không phải cộng sản đâu

- Mẹ ơi! Chết rồi mẹ ơi!

Tôi cũng nằm chúi mặt xuống đường lộ giữa trời trưa nóng bỏng khóc la, hoảng loạn, hai tay ôm bịt lấy đầu, chờ súng nổ vào mình, nhưng sao chẳng thấy. Đạn nổ rộ lên từ tụi lính dưới mép đường bay rào rào qua đầu. Một tên lính bò từ dưới mép lộ lên gần mọi người rồi quất:

- Mấy bà này xuống mép ruộng bên kia khiêng thùng cộng sản chết lên đây!

Hắn vừa bò sau lưng vừa chỉ vào mẹ tôi, bà Miên, bà Hội và bà Thừa. Bốn người phụ nữ bò xuống mép ruộng lúa nước phía tây đường và hì hục khiêng lên. Tôi và mọi người hé mắt nhìn thử thì Trời ơi! không phải cộng sản mà là một tên lính ngụy chết tái ngắt. Mẹ tôi và bà Miên níu hai cái tay, hai người kia khiêng hai cái chân còn mang đầy đủ đôi giày đinh. Tên lính nặng quá hay sao mà 4 người kéo lê, cái lưng còng xuống mép cỏ lè đường lộ, nước trên người hắn vẫn nhỏ xuống ròng ròng.

Khi thấy tên lính chết dưới ruộng nước được kéo lên thì mọi người mới chợt hiểu ra là mình bị bắt làm bia đỡ đạn. Rất may là trên xóm 21, bộ đội đã thấy dân làng nên không bắn vào hướng ấy. Một tên lính hung hăng đã dám vượt qua QL1 và bị trúng đạn ngã nhào

xuống ruộng nước, không một tên nào dám bò qua để lấy xác, nên chúng xuống xóm tôi lừa dân lên nằm giữa lộ che chắn và lấy xác cho chúng.

Bốn người phụ nữ đã khiêng tên lính chết gần đến mép phía đông QL thì bỗng “Ầm!”. Một tiếng nổ của quả đạn B40 trúng ngay chỗ khẩu đại liên trên chiếc xe tăng đang đứng bắn, chỉ cách chỗ dân làng chừng 10m. Tiếng nổ nghe không lớn lắm vì bị át trong tiếng súng các cỡ cũng đang nổ ran, nhưng thấy một cột khói trùm lên nóc xe. 4 người phụ nữ ném tên lính cái “bịch” xuống đường, chạy nhào xuống mép lộ. Hai tên lính trong xe vọt ra, máu me đầy trên mặt. Một tên la lên.

- Chết rồi mấy chị ơi!

Cả 4 người phụ nữ và 2 tên lính chạy chui vào cái cống gần đó (Cống số 2 trong hình). Bọn lính dưới mép lộ hoảng loạn nhốn nháo, bỗng một tên vùng bỏ chạy thì tiếp theo cả đám chạy rào rào theo sau hướng về đồn Quán Vịt. Tôi và bà con cũng bỏ chạy xuống mép lộ phía đông và chui vào cái cống ngay ngã ba đường rẽ xuống xóm (cống số 1 trong hình). Ở cống số 2, hai tên lính bị thương cũng chui ra cùng chạy theo đồng bọn. Mẹ tôi và 3 người kia cũng chui ra chạy ngược lại về cống số 1, nơi mọi người đang núp. Trên đường QL bỏ lại tên lính chết nằm bơ vơ cùng với hai chiếc tăng đầu bò.

Súng đã ngừng nổ. Mọi người ngồi trong cống khá lâu giữa chiến trường trời trưa im lìm vắng vẻ, rồi có một người nói.

- Bây giờ mình đi đâu đây, chứ chẳng lẽ ngồi đây hoài?

- Đúng rồi! ngồi đây xiu nữa bọn lính kéo ra đánh nhau tiếp thì chết.

- Pháo sẽ đập ra bây giờ, chạy vào Gò Da thôi, nhanh lên!

Mọi người vùng dậy chạy rào rào theo quốc lộ về hướng đồn Quán Vịt. Khi ngang qua 2 chiếc tăng thấy đạn vung vãi ngổn ngang. Dù rất hoảng sợ nhưng nhiều người vẫn tranh thủ lượm thùng đạn xách

chạy theo. Tôi và mấy người chạy sau không còn thùng trống, phải mở các thùng đạn đại liên còn nguyên, vàng chóa, đổ ào ra đường để lấy cái thùng không. Thùng đạn kích thước khoảng 30x20x20 (cm) có cả ron cao su dưới nắp, dùng để đựng bánh tét là tuyệt nhất. Nhiều người sau đó dùng để đựng vật quý giá rồi ném xuống giếng mỗi khi chạy tản cư, nhiều tháng sau vớt lên nước vẫn không vào được.

Một con chim Đồng độc từ dưới xóm bay lên theo đoàn người, nó đậu trên thành cổng miệng kêu "Chiếp, chiếp!". Tôi chạy lại đưa tay ra bắt lấy. Đúng là con chim của thằng Sương rồi! Hôm ấy thằng Sương đi thả trâu sớm nên không có mặt trong đám dân làng bị bắt. Con chim rất khôn, tự đi ăn rồi bay về chuồng. Mỗi khi chủ huýt gió gọi là nó bay đến đậu trên vai. Hằng ngày tôi vẫn chơi ở nhà thằng Sương, cũng huýt gió và đưa tay ra bắt thử nhưng chẳng khi nào con chim để cho tôi bắt được.

Thế mà hôm nay con chim lại tự sổ lồng bay theo dân làng và nó đứng yên để cho tôi nắm lấy. Ôi! bom đạn chiến tranh làm cho cả loài chim cũng phải hoảng sợ.

Một tay tôi xách cái thùng đạn, một tay tôi cầm con chim chạy theo mọi người. Khi tốp dân làng chạy vào đến Quán Vịt thì một số người dân ở đó chạy ra hỏi thăm xem có ai bị sao không? Rồi mọi người chia về trú ở vài nhà xung quanh đó. Gia đình tôi và một số người trú ở tại nhà bà Phúc. Nhìn con chim trên tay tôi, thằng nhỏ trong nhà đó thích lắm. Thấy vậy mẹ tôi nói:

- Cho nó con chim đi! Chạy tản cư mà còn nuôi chim.
- Con chim khôn lắm, để con đem về trả lại cho thằng Sương
- Không được! đưa ngay đi, không tao ném nó bây giờ!

Dù rất tiếc nhưng tôi vẫn phải đưa cho thằng nhỏ con chim, vì chẳng lẽ cầm hoài trên tay.

Chiều dần xuống, nhìn ra hướng Vùng 5 vẫn im lìm, hai chiếc xe

Tối đó bà Phúc nấu cơm cho mấy người tản cư ăn, vì ai nấy khi chạy đi cũng chỉ có một bộ đồ trên người chứ có mang được gạo cháo gì đâu. Đến đêm súng lại nổ rộ lên ầm ầm ở đồn Quán Vịt, mọi người vội vã chui xuống hầm. Pháo 105 từ Gò Hội lại bắt đầu bắn dồn dập quanh Gò Da, Quán Vịt. Hơn 20 người nhét trong cái hầm ngột ngạt, mỗi lần pháo nổ là căn hầm rung rinh, đất từ trên nóc hầm rơi xuống đầy đầu. Hầm này không kiên cố bằng cái hầm "Đờ Cát" của ông tôi. Thời gian này chúng lại hay bắn pháo lùi, hay còn gọi là pháo chuột, tức là trái pháo khi chạm đất thì chui xuống 1-2m mới nổ, nên lại càng sợ hơn. Còn ban ngày thì chúng lại hay bắn pháo chụp, pháo chụp là loại pháo khi đến cách mặt đất vài mét thì nổ trên không trung, các mảnh pháo văng bủa xuống như một cái nôm chụp cá, gây sát thương rất lớn.

[illegible]

<http://tieulun.hopto.org>

Tiếng la to, giọng bắc trọ trẹ vang từ bên ngoài, cố tình cho bọn lính trong đồn nghe thấy.

- Thôi rồi! Hôm nay có cả bộ đội bắc Việt bao vây đồn Quán Vịt, chắc là đánh lớn lắm rồi.

Khi ấy tôi chưa biết B41 là súng gì, chắc có lẽ là loại súng có sức công phá ghê gớm lắm thì người bộ đội mới la to như thế để uy hiếp tinh thần của địch. Nghĩ thế lại càng sợ hơn. Trong hầm thì ngột ngạt hơi người, ai cũng mồ hôi chảy ròng ròng. Tiếng pháo vừa dứt được một hồi, ai cũng cố len lỏi ra ngoài gần miệng hầm để được hưởng chút khí trời.

Một vài người đàn ông chui ra ngoài đi tiểu. Tôi cố nhòai người ra miệng hầm, mẹ tôi kéo tay lại

- Không được ra! pháo bắn tiếp thì chạy sao kịp?

- Con mắc tiểu quá rồi! pháo hết bắn rồi mà, ra tiểu cái rồi vô liền.

- Ráng nín lại!

Bỗng “Ầm!” Một quả pháo nổ chát chúa ở rất gần, mảnh đạn bay rào rào vào mái tôn. Mấy người đàn ông chạy dạt vào miệng hầm.

- Có sao không? Có sao không?. Mọi người lao nhao hỏi.

- Bị mảnh sọt qua ống chân, ai có bông băng đó không? - Một người thở hổn hển nói

- Có đây! bị có nặng không?

- Không sao! bị nhẹ thôi mà.

Mọi người đưa bông băng và dầu Miên cho người bị thương băng lại vết thương. Rất may là chỉ bị thương nhẹ ở phần mềm của chân. Pháo địch vẫn bắn cầm canh một lúc nữa rồi mới thôi hẳn. Đợi yên hẳn thật lâu, lúc đó nhiều người mới dám mò lên xả “bầu tâm sự” và hít một chút khí trời, ôi! nó khỏe khoắn làm sao. Sau đó ai cũng lo vào hầm và ngủ ngồi vật vờ đến sáng.

Từ mờ sáng mọi người lại ồ ạt kéo nhau đi tản cư. Kẻ lừa bò, người gồng gánh đi về hướng nam. Một loạt đạn “tành thành, thành” từ trong

đồn bắn ra chiu chiu trên đầu, mọi người vẫn đi. Một quả cối M79 nổ "Ầm!" ngay trước đầu con bò, trúng chỗ ruộng nước văng lên tung tóe. Con bò nhảy ngược trở lại, ai cũng kinh hoàng la oai oái. Lính trong đồn muốn chặn người dân lại để dựa hơi. Mọi người đứng khựng và không biết đi đâu thì một người nói.

- Nó bắn dọa đấy, cứ đi thôi!

Lùa mấy con bò đi trước rồi đoàn người cũng ùn ùn theo sau. Địch cũng thôi bắn, và đoàn người chia thành nhiều hướng đi về những nơi không có chiến sự. Gia đình tôi và một số người không biết đi đâu xa, bèn đi đến cầu Vinh Hiển. Bà Bích chữa, cái ruột to thè lè cũng gắng bước theo, và nhóm người chui xuống trốn dưới gầm cầu. Cầu Vinh Hiển cách đồn Quán Vịt khoảng 300m nên cũng an tâm.

Lúc này bộ đội đang vây đồn Quán Vịt, lính vẫn ở trong đồn, hai bên vẫn không thấy đánh nhau, không gian vẫn im ắng lạ thường.

Ngồi dưới gầm cầu Vinh Hiển từ sáng mãi đến xế trưa vẫn không thấy động tĩnh gì. Bụng đã đói cồn cào, mọi người quyết định đi về nhà, ai về nhà nấy. Về nhà vẫn có hầm và có ăn, chứ ngồi mãi ở đây để nhịn đói sao?

Tôi chạy theo ông bà ngoại và mẹ trên QL1 đi ngược trở ra Vùng 5. Khi đi ngang qua đồn Quán Vịt thì bỗng giật mình thấy xác một người bộ đội nằm chết ụp mặt xuống đất trước cái lô cốt gần đường. Người bộ đội mặc một bộ ka ki màu nâu xám, trên lưng vẫn còn mang cái ba lô căng phồng, không hiểu đựng cái gì trong ấy mà nhiều thế! Màu vải ba lô cũng giống như màu quần áo, trên chiếc ba lô có vắt một cái rựa, còn súng ống đâu chả thấy, không biết có phải địch đã nhảy ra thu súng rồi chẳng?. Đồng đội thì đang ngồi trong các bờ bụi bên ngoài, còn anh thì nằm đây một mình trước sân đồn giữa trời trưa vắng lặng. Có lẽ khi đêm anh không xác định được chỗ đó có lô cốt nên ngang nhiên đi trước họng súng kẻ thù, mà lại mặt bộ đồ màu sáng như thế? Lúc này tôi cũng đang đi qua cái lỗ châu mai đen

ngòm ấy mà cảm thấy lạnh toát cả người, biết đâu một loạt súng bắn ra là tiêu đời, vì lính ngự vẫn đang nằm trong ấy. Tôi nhìn thử vào lô cốt nhưng không thấy được gì.

Đi qua khỏi đồn Quán Vịt được khoảng 100m thì thấy bộ đội Bắc Việt ngồi đầy dưới cống. Một người mang súng AK, sau lưng mang một cái vòng ngự trang gắn đầy các nhành lá, tay đang lần theo đường dây hữu tuyến đi ra hướng thôn Vùng 5. Có lẽ ban chỉ huy đại đội hay tiểu đoàn ở ngoài ấy.

Về đến nhà, mẹ tôi liền lấy gạo ra nấu cơm, ai cũng đói quá rồi. Cơm chín rồi, dọn ra chỉ ăn với nước mắm. Đang ăn cơm thì nghe có tiếng máy bay Hai thân bay rè rè trên đầu. Chiếc máy bay bay vòng mấy tua để quan sát, rồi “Bụp”. Một cột khói trắng bốc lên ở dãy gò mả sau xóm.

- Chết rồi! chúng bắn mù để ném bom – Một người la lên

Hai chiếc phản lực đến tức thì ngay sau đó.

- Phản lực đến kìa, nó chuẩn bị ném bom, chui vào hầm mau!

Cũng vẫn là những gia đình lân cận chạy qua, mười mấy người, tất cả đều chui xuống một hầm của nhà tôi. Mọi người cần phải dựa hơi nhau trong cái giờ phút nghiêm trọng này.

Tiếng gầm rú của chiếc máy may nghe lộng óc, tiếp sau là tiếng nổ rền của 2 quả bom làm rung rinh, chao đảo cả căn hầm. Mỗi lần nghe tiếng máy bay ré lên là ai cũng nhắm mắt, đưa hai tay bịt tai lại và khóc la chờ chết, khi tiếng bom nổ xong thì vui mừng khi thấy mình vẫn còn sống.

Trước đây cũng từng thấy máy bay ném bom ở nơi khác, nhưng bây giờ là bom ném thẳng vào đầu mình chưa lần nào thấy hoảng loạn như thế. Cứ mỗi lần nghe tiếng rú của phản lực là tôi lại tưởng tượng ra hai trái bom đen trĩu lao xuống chỗ mình. Tôi níu vào tay mẹ vừa khóc vừa nói.

- Mẹ ơi! Bây giờ làm sao đây?

- Đành vậy thôi! Sau này con cháu nó về quật ra chôn chứ biết làm sao.

Nhiều năm qua chạy bom đạn biết bao nhiêu lần, chưa lần nào sợ đến mức phải khóc, nhưng hai ngày qua, tôi phải hoảng sợ khóc la 2 lần. Sáng hôm qua khi bị bắt làm bia đỡ đạn trên đường QL và chiều nay đang hứng chịu trận bom này. Có điều lạ là tiếng rú của chiếc phản lực mỗi khi chúi xuống trút bom nghe to hơn cả tiếng bom nổ sau đó, chỉ tiếng gầm rú của nó thôi cũng làm những ai chứng kiến lần đầu cũng kinh hồn bạt vía. Thế mà mỗi khi máy bay chúi xuống ném bom thì lại nghe tiếng súng phòng không bắn lên. "Đừng, đừng, đừng"

- Ủa! bộ đội họ núp chỗ nào mà dám bắn lên thế? Họ không sợ nó sao?

- Sợ thì làm sao mà đi đánh giặc?

Máy bay cứ ném bom, súng bên dưới cứ bắn lên ùng ùng như thế suốt gần hai tiếng đồng hồ. Có người nói.

- Tức quá đi! Sao mấy ông không thôi, để cho nó bay đi cho rồi mà cứ bắn lên chọc tức nó hoài thế?

Tôi cũng thầm mong tiếng súng phòng không đó đừng bắn nữa, để chúng ngừng ném bom thì may ra mình mới thoát chết, chứ liên tục thế này thì phải trúng hầm thôi.

Rồi tiếng bom cũng dứt, tiếng máy bay nghe xa dần, không gian trở nên im lìm. Thoát chết rồi! mừng quá! Mọi người trong hầm bàn tán:

- Chúng ngưng ném bom rồi, chạy nhanh thôi!

- Đúng rồi! chúng bay về lấy bom, chạy nhanh, không nó sẽ quay lại thì chết!

Mọi người chui ra khỏi hầm. Mẹ tôi quơ một ít đồ đạc, vài cái xoong, nồi và xúc một mớ gạo bỏ vào đôi gánh. Tôi thì ôm theo một chiếc chiếu và bưng một cái đèn hột vịt chạy đi theo đoàn người. Lúc

này trời đã tối hẳn. Đêm ấy trăng sáng lơ nhờ cũng đủ nhìn thấy những bóng người hối hả đi qua bên cạnh những hố bom sâu hoắm to hơn cả những cái ao trong làng. Mọi người chạy lên QL và đi về hướng cầu Nước Mặn.

Lên đến QL gặp một số người đi ra hướng bắc, có người hỏi.

- Ủa! Mấy bà sao đi ra hướng đó. Gặp lính ở cầu Nước mặn rồi sao?

- Chúng nó bỏ chạy lúc ném bom rồi!

- Vậy thì đi nhanh khỏi đây, ra đó rồi hãy tính.

Đoàn người đi đến cách cầu Nước Mặn 100m thì gặp rất đông bộ đội và du kích từ hướng tây, trên đường xe lửa đi xuống. Họ đi thành hàng dọc vội vã về hướng đường QL rồi đi về hướng nam, mỗi người đều mang nhiều súng đạn, có cả cái ruột ghé gạo vắt qua vai. Ở đây là khu vực đồng trống, có một số căn nhà tạm bợ che bằng tranh rá của người dân các nơi chạy tản cư dựng lên bên bờ mương, ở để tránh đạn bom. Gia đình tôi vào ở trong một túp lều của một người quen. Mọi người lấy chiếu trải ra dưới đất để nằm nghỉ qua đêm.

Tối ấy mọi người bàn tán không biết đánh lớn mọi nơi như vậy rồi thì mình sẽ chạy đi đâu, khi nào mới về nhà. Tôi nói:

- Đừng có về! Khi nào lính (Quốc gia) ra thì mình mới về.

Bỗng có tiếng "hú" của một cô gái nằm bên cạnh. Mẹ tôi đưa tay kêu tôi ra hiệu bảo im, tôi mới biết mình đã lỡ lời buông ra câu ấy, bèn nín thinh, nói thế có nghĩa là mình chạy theo địch. Mọi người, hầu hết đều không có cảm tình với lính Quốc gia, nên khi nghe tôi nói vậy cô ấy mới "hú" lên như thế. Tôi ngại quá, rồi nằm im ngủ quên lúc nào không hay.

Sáng hôm sau thức giấc thì nghe mọi người bàn tán xôn xao.

- Giải phóng rồi bà con ơi!

- Mau đi về nhà thôi!

- Lính ở Quán Vịt đã bỏ chạy vào Đức Phổ hết rồi

- Ngoài Mộ Đức thì sao?

- Chúng cũng bỏ chạy hết ra Đồng Cát (Thị Trấn huyện Mộ Đức)

Tôi cùng mẹ và ông bà mang đồ đạc đi xuống đường để về nhà. Dưới đường đã thấy du kích nam nữ khoát súng đi giữa ban ngày trên QL1, nhiều người dân cũng quảy gánh, dắt bò đi đầy đường, gương mặt ai cũng hồ hởi, vui vẻ. Thế là từ nay quê hương mình đã được giải phóng, Vui quá!

Tôi về nhà, chui vào hầm ôm hết sách vở, chần chiếu lên trên đem đi giặt, sướng nhất là tối hôm nay không phải ngủ hầm. Đêm đó, một đêm thanh bình đầu tiên được nằm tự do trên nhà, không hề phải lo lắng bom đạn, thật thoải mái làm sao! Mọi người trò chuyện rôm rả, phán đoán về tình hình chiến sự sắp đến và ai cũng mơ cuộc chiến sẽ sắp kết thúc từ đây, dù có phải ăn hột muối cũng cảm thấy sung sướng lắm rồi.

Sau một đêm ngủ thoải mái, tôi lại lấy xe đạp đi dạo chơi khắp làng. Bây giờ mới thấy rõ sự hủy diệt ghê gớm của bom. Những hố bom to, đường kính mười mấy mét sâu hoắm, đất đá văng đê sập cả căn nhà sát bên, dưới hố bom, nước mạch đã nhả ra thành một cái ao to. Rất may là trận bom ấy không trúng căn hầm nào. Chỉ vài người bị thương do sức ép vì bom nổ quá gần, hơn nữa dân cư cũng thưa thớt nên bom cũng khó trúng. Bộ đội thì chắc là thiệt hại nặng. Tôi cưỡi xe theo QL về gần đồn Quán Vịt thì không đi được vì vướng mấy hố bom to dùng chắn ngang đường. Bom nổ lật tung cả một đoạn đường nhựa vụn vẹo như đồi dốc, mà chỉ có người đi bộ mới qua được.

Thôi rồi! bom trúng ngay cái cống mà hôm trước mà tôi đã gặp nhiều anh bộ đội đang núp dưới đó. Cũng phải mười mấy người đã bị vùi lấp. Sau đó vài tuần thì thanh niên, du kích có sang sửa lại đoạn đường đó rồi tôi cũng không biết họ có lấy được xác các anh lên không.

Đêm ấy tôi cùng thằng Bé, thằng Ánh đi chơi khắp nơi. Mọi người đổ ra đường như đi hội, đi đâu cũng thấy họp mít tinh, chỗ mít tinh để một cái bàn ở ngã ba đường, trên bàn có ảnh Bác Hồ, phía sau lá cờ mặt trận được căn bằng hai thanh tre và có cán bộ giải phóng đến nói chuyện thời sự, bên dưới ngồi nghe là một khóm người dân nơi xóm đó.

Nhiều đêm sau cũng vẫn thấy họp mít tinh. Sau mít tinh là văn nghệ. Các anh chị du kích hay nữ Hồng Gấm khi ấy hay hát các bài hát điệu dân ca bài chòi nói về quê hương Quảng Ngãi. Điệu dân ca bài chòi rất phù hợp cho những bài hát nói lên sự đau thương tang tóc hay khơi gợi lòng căm thù giặc. Từ đó và mãi sau này đến năm 1975 tôi cũng hay hát những bài ấy, nên bây giờ vẫn thuộc lòng.

Ngày đêm rầm rập tiếng chân người, đi đâu cũng thấy họp hành, nghe hát những bài ca ngợi quê hương đất nước. Tiêu biểu là các bài:

1. GHÉ VỀ THĂM LẠI VÙNG ĐÔNG

Ghé về thăm lại vùng đông
Nghe tình đất mẹ thấm trong tim này
Bước đi hơn chín ngàn ngày
Quê ta đó đã dạn dày nắng mưa
Sa Huỳnh(1) vẫn mát bóng dừa
Biển xanh thuyền lại sớm trưa đi về
Qua sông Trường nhớ làng quê
Hải Môn, Tân Tự(2) ghé về Phố Quang
Đẹp sao cứ mỗi tên làng
Mỗi con sông nhỏ ngõ ngàng chiến công

.....

(1), (2): Các địa danh của huyện Đức Phổ.

2. BA TỚ QUÊ MẸ ANH HÙNG

Nhớ từ lúc buổi núi rừng, mẹ tiễn con ra bắc
Suốt mấy năm dài dằng dặc xa quê

Mỗi khi nghe Miền nam chiến thắng báo tin về
Thì lòng con đây lại nhớ đến miền quê cũ
Mẹ ơi! Con đã thấy sông Re(1) dâng trào nước lũ, con đã nghe
rừng quê ta vang khúc hát anh ... hùng
Quê ta trăm núi ngàn sông
Ngọn cờ cách mạng vẫn in trong tim này
Cờ Việt Minh tung bay trên đỉnh cột
Kinh Thượng vùng lên phá bót diệt đồn
Nhật hàng, Pháp cũng chạy luôn
Người vui dưới bể trên nguồn gặp nhau
Tám mươi năm làm kiếp ngựa trâu
Có Đảng về ta lại ngẩng đầu đứng lên
Khỏi lam chiều vọng tiếng chiêng
Bấp nưng lại ngọt, con cá niên(2) lại bùi

.....

Nhớ khi vượt thác sông Re
Chén cơm với gói muối mè mẹ trao tay
Mẹ nhìn con nước mắt tràn đầy
Cụ Hồ đã cho chúng con về đây giữ làng
Bập bùng bếp lửa nhà sàn
Tù tin chiến thắng ca vang núi rừng

.....

Nhớ anh Kiệt, nhớ anh Đôn(3)
Trong đồn du kích áo sờn hai vai

.....

Chiều nay trên đỉnh dốc Ui
Đôi nương bãi săn ngọt bùi chia nhau
Dù cho ghềnh thác hiểm nghèo
Vẫn theo cách mạng vẫn theo Bác Hồ

.....

(1) : Một con sông ở huyện Ba Tơ

(2) : Một loài cá đặc sản chỉ có ở sông Re

(3) : Trung tướng Phạm Kiệt và trung tướng Nguyễn Đôn –
Nguyên là các cán bộ của Đội du kích Ba Tơ

3. CÔ GÁI BA TƠ DƯỚI CỜ GIẢI PHÓNG

Em được lớn lên trong chiếc nôi cách mạng

Đuốc xà nu thấp thoáng dưới cờ

Nhưng theo dấu chân anh chưa mờ, khi rừng núi Ba Tơ đưa đoàn
quân kịp giờ ra trận

Em đã thấy nước sông Re cau mày căm giận, Khi núi Cao Muôn
vẫn ngẩng cao... đầu

Đánh cho Mĩ cút ngụy nhào

Câu thơ Bác dạy dạt dào niềm tin

Nở từ màu tím hoa sim

Đưa em bay bổng cánh chim đại bàng

.....

Bàn chày liên với tầm vông

Đôi bờ bãi đá hăm chông nối liền

Đẹp sao cánh én giao liên

Thương sao Cô gái dịu hiền Ba tơ

.....

Chòi cao bếp lửa bập bùng

Lửa hồng căm giận lửa hồng thiêu thiêu

Theo anh vượt suối băng đèo

Ngày mai ra trận lửa reo đầu thù

Em theo anh về Ba Dung, Ba Ngạn

Sống mái thuyền vượt thác sông Re

Nghe giọng hò làm tan đám mây che

Đánh xong giặc Mĩ anh lại về Ba Tơ

.....

Thời gian này trường học nào cũng tạm nghỉ, bạn bè, thầy cô tứ tán về quê mỗi người. Tôi và lũ bạn cùng xóm cưỡi xe đạp đi chơi lòng vòng cả ngày lẫn đêm. Khi đi đến chỗ đầu đường Cái Mới giáp với QL1 đã thấy một trạm gác bằng tôn được dựng lên bên cạnh cái hố bom còn nham nhở, bên trong luôn có một người du kích đứng gác, cạnh bên là cái khẩu hiệu:

Chào mừng xã Phổ Thuận được giải phóng!

được viết rất to bằng sơn màu đỏ trên tấm băng rôn màu trắng, bên trên dòng chữ nhỏ hơn:

Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền nam Việt nam

Miền Trung trung bộ

Lúc này trên đường QL thấy nhiều người gồng gánh, khiêng vác đồ đạc đi về làng cũ. Ông nội tôi cũng dỡ nhà chỗ tản cư ở cống Ba Lù ven đường QL1 để về quê thôn Thiệp Sơn, bác Hai cùng 4 người con cũng chuyển đồ về làm lại mái nhà tranh ở Gò Dinh quê ngoại gần đường Cái Mới. Thằng Sương cứ hỏi mãi tôi về con chim Đồng độc của nó. Mọi người đều vui vẻ trong không khí của ngày quê hương mới giải phóng, còn nó thì lại rất buồn vì bị mất con chim khôn. Rồi vài hôm sau nó với gia đình, cùng với những người tản cư lên đây cũng dọn về quê cũ ở xã Phổ An. Còn tôi và mẹ thì vẫn ở lại với nhà ông ngoại ở thôn Vùng 5, vì nhà ông cũng chẳng còn ai.

Hằng ngày tôi vẫn đi trên đường Cái Mới, chạy qua lại giữa quê nội và quê ngoại, gặp cán bộ và du kích từng tốp nam, nữ đi trên đường. Có người cụt cả cánh tay, có một người sao thấy chẳng còn vành tai. Khủng khiếp quá! Khi đó những người dù là thương binh thì vẫn phải tiếp tục cầm súng, chứ nào được giải ngũ về nhà như sau này. Vì giải ngũ thì biết về đâu? Tôi hỏi thăm mấy người thì được biết người bị lẻo mất tai đó là ông Dư. Ông Dư là an ninh xã Phổ Thuận. Trong một trận chống càn, bị thương và bị tội lính Biệt động quân bắt sống, chúng lẻo một vành tai và dùng báng súng đánh đập

đến bất tỉnh rồi đem bỏ vào nhà thương Đức Phổ. Đến đêm ông tỉnh dậy và được một chị cơ sở ở đó cõng chạy trốn ra vùng giải phóng. Sau khi bình phục ông vẫn tiếp tục làm công tác an ninh của xã và thời gian sau đó tôi vẫn thấy ông hay nói chuyện ở các cuộc mít tinh chào mừng quê hương giải phóng. Ông Dư thì chỉ bị cắt một vành tai bên trái, còn ông Hai Chút bị bắt trong trận Gò Bệu ở thôn Vùng 5 thì bị tội cảnh sát quận cắt cả 2 tai. Đó là những nhân chứng sống để minh chứng cho tội ác của bọn ngụy quân, ngụy quyền!

Một hôm đang cưỡi xe trên đường thì gặp một chiếc trực thăng bay tới. Máy người du kích vội ngồi xuống cầm lá ngụy trang, che trên đầu. Tôi cũng vội quăng xe, nhưng làm sao có lá để che, đoạn đường trống lỗng, hai bên toàn đồng ruộng. Bỏ vội mấy cành lá tú quí tí xiu ven đường và cũng bắt chước mấy anh du kích, ngồi xuống và che lên. Chiếc máy bay bay qua rất chậm và thấp lắm, chắc nó thấy rất rõ từng người bên dưới, nhưng sao chúng chẳng nổ súng. Nếu chúng bắn thì khó mà thoát được. Thật hú vía!

Lúc này được mở radio nghe thoải mái cả đài Hà Nội, đài Sài Gòn và đài phát thanh của Mặt trận dân tộc giải phóng Miền nam Việt Nam. Đài của Mặt trận DTGPMNVN thường mở đầu bằng câu:

“Đây là đài phát thanh giải phóng. Tiếng nói của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng Hòa Miền nam Việt Nam”

Cả ba đài đều phát đi những tin tức thời sự nóng bỏng về các trận đánh ở khắp nơi. Đài Hà Nội mạnh lắm, nghe âm thanh rất trong và rõ. Tôi nhớ hồi đó đài này phát đi bản tin: “...quân ta đã giải phóng hoàn toàn hai huyện Đức Phổ và Mộ Đức”. Nhưng thực tế không phải vậy! Ở Đức Phổ quân địch vẫn làm chủ từ ô Lê Văn Duyệt trở vào thị trấn trên tuyến đường QL khoảng 2km. Ở Mộ Đức thì chúng vẫn giữ được thị trấn Đồng Cát. Ngày trước, hằng đêm ở trong hầm, tôi và mẹ cũng thường lên nghe đài Hà Nội. Mở thật nhỏ và lấy cái mền trùm lên sao cho vừa đủ nghe, vì sợ lính đi phục kích bên ngoài

nghe thấy. Có người đã bị tịch thu radio khi mở đài Hà Nội. Vậy mà có lúc lò mò trong bóng tối để rà sóng chọn đài thì lại mò trúng cái Volume làm nó phát to lên oang oang, giật mình thót tim, vội vã mò tìm contact để tắt đài.

Một hôm tôi cùng anh Chánh, con bác tôi đi vào đồn Quán Vịt để kiểm đồ về chơi. Bây giờ tôi mới có điều kiện quan sát cách bố trí của một đồn lính nghĩa quân. Các hầm quây lại thành hình vòng cung trong bán kính khoảng 15m bao quanh cái sân đất, ở chính giữa sân có một cái cột cờ. Các hầm được làm bằng các thanh sắt và nhiều tấm ri sắt, bên trên chất nhiều bao cát hoặc đắp đất dày lên, bên ngoài là 5, 6 lớp rào kẽm gai gồm bờ rào thẳng và hàng rào bùng nhùng, chỉ chứa một cái cổng ra vào. Các hầm trong đồn thấy cũng chẳng kiên cố gì hơn so với cái hầm của nhà tôi. Nếu bộ đội huyện Đức Phổ muốn tập trung lực lượng lại để nhổ cái đồn này thì cũng không phải là chuyện khó, nhưng quan trọng là hôm sau ta có đủ lực lượng để giữ nổi không? Bởi vậy cái đồn nó vẫn tồn tại đến năm 1972 là thế. Vì năm nay ta mở chiến dịch lớn nên mới chiếm được.

Chúng tôi dạo khắp đồn mà chẳng tìm được cái gì đáng giá. Anh Chánh thì tìm được cái ống nghe còn cả cái dây xoắn lò xo của máy thông tin, tôi thì tìm được cái bao da súng ngắn đem về mang chơi. Hằng đêm nằm văng ở ngoài sân, cầm cái ống nghe giả bộ gọi máy bay đến, một lát sau thấy một chiếc máy bay có đèn nhấp nháy bay từ xa thì chúng tôi lại cười ồ vì cho rằng máy bay đã nghe tiếng gọi của mình. Đâu đó vẫn nghe những tiếng nổ ì ì ù ù, nhưng ở rất xa tận mãi nơi thị trấn cách cả 10 cây số, còn quê tôi trong thời điểm này thì thực sự đã thành vùng giải phóng, không còn thấy cảnh bom đạn nữa.

Trước đây, hàng ngày mọi người vẫn ăn cá biển từ Sa Huỳnh chở ra bán ở các chợ, còn bây giờ ở thị trấn Đức Phổ, địch vẫn còn chiếm giữ nên không có cá từ Sa Huỳnh ra. Lúc đầu thì còn nước mắt để

ăn, sau đó hết nước mắm thì bắt đầu ăn muối trắng với cơm. Nhưng dù có ăn muối thì mọi người vẫn vui vẻ vì khỏi phải chịu bom đạn, khỏi phải ngủ hầm là sướng lắm rồi.

Thời gian sống trong thanh bình đâu được hai tháng thì tiếng đạn pháo bắt đầu nổ rộ từ hướng thị trấn lan dần ra đến quê tôi. Bọn địch đã bắt đầu phản công!

Thời gian này những người dân quê tôi đều có một ấn tượng khó phai trong lòng, đó là hình ảnh của những người bộ đội Bắc Việt. Ở đâu cũng nghe dân chúng kể về anh bộ đội với những lời lẽ thân thương nhất, mà lớp bộ đội sau này không có được. Họ kể về việc các anh đóng quân trong làng mà chẳng hề đụng đến một cọng rau, một trái ớt của dân. Ở nhà dân thì luôn quét dọn, ngăn nắp sạch sẽ. Khi cần thứ gì thì bao giờ cũng hỏi mua và trả tiền sòng phẳng, nói năng lễ phép, dịu dàng. Chả bù cho lính ngụy thì chuyện bắt gà, bẻ bí là chuyện thường xuyên.

Hôm ấy có 3 người bộ đội đến nhà tôi, hai người đi tay không, còn một người quấy một đôi thúng để hỏi mua rau muống. Anh nuôi quấy thúng mặc bộ đồ bạc màu rộng thùng thình, áo bỏ vào trong, quần thì cao lên gần cái ống quyển, thắt cái dây nịt Trung Quốc eo lại ở giữa rất nhỏ giống như một con ếch. Gương mặt thì quá thật thà và hiền từ.

Mẹ tôi chỉ ao rau muống trước nhà, bảo anh xuống đó cắt bao nhiêu cũng được. Hai anh kia thì đứng ở sân nói chuyện với ông Sáu – người bà con của tôi.

- Các chú quê ở đâu?

- Cháu ở Ninh Bình ạ!

- Còn cháu thì ở Nghệ An!

- Có ai ở Hải Phòng không?

- Dạ! Ở đơn vị cháu cũng có mấy người ở Hải Phòng. Ủa! Thế bác cũng biết Hải Phòng à?

- Hồi trước, tôi cũng hay đi buôn ở Hải phòng. Các chú đi vậy thì có liên lạc gì về nhà không?

- Dạ, mấy năm rồi ở nhà cũng chẳng biết tin tức gì đâu.

Tôi đứng nghe mà hình dung ra quê của các anh xa lắm, vì khi học địa lí, tôi vẫn hay vẽ bản đồ, các tỉnh ở Miền bắc đều biết rõ. Giờ này các bà mẹ ở nơi xa ấy có biết được con của mình vẫn còn sống và đang ở đây không? Hay là lại nghe đài “Mẹ Việt Nam” báo tin con mình đã chết như tôi vẫn nghe những cái tên của những người con đã sinh tại Miền Bắc và phải chết ở Miền Nam trong những danh sách dài dằng dặc mà đài này thường đọc hằng đêm.

Cắt xong, người anh nuôi gánh rau muống lên sân, đặt xuống và nói với mẹ tôi.

- Cho cháu xin gỏi tiền rau ạ!

- Không tiền bạc gì đâu, cho các chú ấy mà!

- Cô cho cháu gỏi tiền, cháu không dám xin đâu ạ!

- Thôi, có bao nhiêu đâu mà lấy tiền các chú. Hôm sau cứ xuống đây cắt về ăn

- Cô không lấy thì chỉ huy sẽ khiển trách cháu đấy

Hai anh bộ đội kia cũng bảo mẹ tôi lấy tiền, nhưng mẹ tôi vẫn không nhận. Cuối cùng rồi các anh cũng chỉ biết cảm ơn và đi về đơn vị. Ấn tượng về những người bộ đội thật thà lễ độ với nhân dân như thế vẫn lưu lại trong tôi mãi đến bây giờ. Thật xứng danh là bộ đội Cụ Hồ.

Tiếng súng của địch phản công mỗi ngày nghe càng gần. Sáng hôm ấy mọi người bàn tán là nghe tin lính ngụy đã giải tỏa ra đến Trà Câu. Mọi người lại bắt đầu gồng gánh đi tản cư. Ông bà ngoại tôi thì ở lại nhà, tôi và mẹ cùng một số người chạy ra hướng Mộ Đức. Vừa đến gần cầu Nước mặn thì pháo 105 li từ Gò Hội bắn tấp nập vào hai bên quốc lộ 1. Mảnh pháo bay rào rào, mọi người chạy tứ tung. Tôi chạy theo mẹ ngược lên hướng thôn An Định rồi chạy lên tới đường

tàu lửa. Tại cánh đồng ven đường tàu có những xóm nhà tranh tạm bợ mà người dân trong xóm chạy ra dựng lên ở để tránh bom đạn. Trong cái xóm giữa đồng ấy thấy có nhiều bộ đội Bắc Việt cũng đang nai nịt súng đạn chuẩn bị xuất kích.

Chạy theo đường tàu một hồi đã đến thôn Thiệp Sơn quê nội của tôi. Tại một cái nhà ven đường tàu thấy có nhiều bộ đội xúm quanh một người bị thương nằm úp. Anh y tá đưa cái panh vào cố gắp cái mảnh pháo ở vùng trên thắt lưng, còn anh bộ đội bị thương thì kêu la thảm thiết, có lẽ chẳng có thuốc tê gì nên mỗi lần đưa panh vào là anh lại kêu la, mấy người kia thì cố giữ tay chân không cho anh thương binh giẫy dụa. Anh vừa trúng mảnh pháo trong loạt pháo đầu tiên sáng nay. Tôi đứng nhìn mà thấy thương anh quá, chắc là đau lắm! Mẹ tôi thì giục tôi phải đi, không biết rồi sau đó anh có qua được hay không?

Về đến nhà ông nội tôi thì đã gần trưa, thấy ông tôi đang cuốc đất đắp thêm vào căn hầm. Từ năm 1969 sau vụ Mỹ đốt nhà đuổi đi thì mọi người tản cư đi tứ tán. Đến khi giải phóng vào mùa thu 1972 vừa qua thì một số rất ít gia đình mới trở về dựng tạm nhà, trong đó có nhà của ông tôi. Ngoài vườn vẫn còn tranh cỏ ngút ngàn, chạy vào vườn cũ của tôi khi xưa, vẫn còn đó cái nền nhà cháy, vài cây chuối vàng úa đứng rũ lá dưới nắng, mấy cây dừa xơ xác đứng im lìm. Nhìn ra xa các khu vườn hoang vắng lân cận, chỉ nghe âm thanh của tiếng cu gù thật buồn thảm. Trời đã về chiều lại nghe thêm nhiều tiếng con chim kêu "Bắt cô trói cột" mà mọi người hay dịch là "Ba cô hổ cụt, nước Nam khổ cực" làm cho khung cảnh càng thêm hoang vắng.

Mọi người ăn cơm trước khi trời tối. Nhìn lên đường tàu thấy một đoàn bộ đội đông lắm, mang đầy lá ngụy trang, đi hàng dọc về hướng nam. Các anh đi lẫn trong bóng hoàng hôn của buổi chiều vắng lặng giữa một không gian mà không khí ác liệt của cuộc chiến đã đến thật

gần. Hình ảnh đoàn quân ra trận của buổi chiều tà hôm ấy nó in đậm một cảm xúc khó tả mãi trong lòng tôi về sau này. Nó không hề giống cái khí thế:

- Đường ra trận mùa này đẹp lắm

Trong bài thơ “Trường sơn đông, trường sơn tây” của nhà thơ Phạm Tiến Duật

Mà cũng chẳng giống 4 câu thơ nổi tiếng của Tố Hữu trong bài thơ “Lên Tây bắc”

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều

Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo

Núi không đè nổi vai vươn tới

Lá ngụy trang bay với gió đèo

Cả hai bài thơ trên đều rất hay nhưng không khí của nó rất vui tươi, còn chiều nay tôi nhìn theo đoàn quân mà cảm xúc buồn man mác vì nghĩ rằng sự chết chóc sẽ sắp đến với những người lính ấy.

Đang suy nghĩ miên man thì bỗng: “Đùng-Ầm”. Một tiếng nổ chát chúa sáng lòa chỗ bụi tre. Mọi người chạy vội chui vào hầm. Tiếp theo là “đùng-ầm” liên tiếp, quanh đấy sáng lòa hắt vào miệng hầm, chỉ cách hầm khoảng 20m, căn hầm rung rinh. Hầm ông nội tôi làm bằng đường ray và máng sắt tàu lửa, rồi đắp đất lên nhưng cũng không kiên cố bằng căn hầm Đờ Cát của ông ngoại tôi, và hôm nay đựng pháo 203 li, nên tôi càng sợ hơn. Đúng là pháo 203 (gọi là cây nông biển) từ hạm đội 7 của Mỹ bắn lên rồi! Khủng khiếp hơn pháo 105 từ Gò Hội, vì mọi khi vẫn nghe trước tiếng đề pa thì khoảng 5s sau mới nổ, mình vẫn kịp chạy vô hầm. Còn cây nông biển thì tiếng đề pa và tiếng nổ gần như cùng một lúc.

- Thôi, tiêu tan hai con trâu rồi! Mọi người nói

Đúng rồi! Hai con trâu khi chiều ông tôi cột chỗ bụi tre ấy, có lẽ là banh xác ra từng mảnh rồi. Đợt pháo chừng 15 phút thì dứt. Đợi thật im ắng rồi mọi người mới chạy vội ra chỗ đôi trâu. Ớ kìa! kỳ lạ

thay, hai con trâu vẫn còn nguyên, vẫn đứng ở bụi tre, dây cột vẫn còn nguyên như có bàn tay thần linh nào che chở. Sáng ra thấy 2 hố pháo chỉ cách chỗ cột trâu 5-10m. Chuyện thật là khó tin!

Đến tầm 9h thì pháo ở Gò Hội lại nổ tấp nập về đồi Chóp Vung, mọi người trong xóm lại gồng gánh đi tản cư tiếp. Ra đến đường Cái Mới thì thấy pháo vẫn nổ từng cụm trên đồi. Đồi Chóp Vung hình chóp nón, trên đỉnh rộng khoảng 80m² nên chẳng có trái pháo nào rơi trúng ngay đỉnh. Nếu có chốt trên đó thì pháo có đập tới mai cũng chẳng trúng, mà có bộ đội nào đóng trên đó đâu mà chúng bắn dữ thế? Khi dự định tiến quân đến đâu là chúng nã pháo đến đó chứ chắc địch chẳng có điều kiện mà đi trinh sát trước.

Bây giờ chỗ nào cũng bị bắn pháo hết thì biết chạy đi đâu? Mọi người đi về hướng QL1 rồi tỏa đi các nơi. Gia đình Ông nội tôi thì chạy vào trú ở nhà bác tôi ở Gò Dinh, tôi và mẹ chạy lại về Vùng 5 trú vào cái hầm Đờ Cát của ông ngoại cho chắc ăn. Ở Vùng 4 nơi vùng đồn Quán Vịt thì có bộ đội tổ chức phòng ngự còn ở Vùng 5 cách 800m về hướng bắc thì chẳng thấy có lực lượng nào. Hay là họ phòng ngự bên trên QL mà tôi không biết. Chiều đó hai bên đụng độ nhau dữ dội ở vùng 4, tiếng súng đạn nổ suốt từ chiều đến tối. Sáng ra lính biệt động quân đã làm chủ thôn Vùng 4 và bắt đầu tổ chức tấn công ra thôn Vùng 5.

Cũng như mọi lần cả nhà tôi chui vào hầm chịu trận. Không thấy có bộ đội phòng ngự trước nhà như mọi khi nhưng có lẽ do trước đây địch đã đụng độ nhiều lần nên cứ nghĩ có lực lượng lớn bộ đội phòng ngự tại đây. Bắt đầu là một trận pháo như mưa rồi tiếp đến là hàng chục chiếc xe bọc thép M113 dàn hàng ngang trên đồng tiến ra. Tiếng đại liên nổ chát chúa như bắp rang. Ủa! sao hàng tiếng đồng hồ rồi mà chẳng thấy chúng vào làng, cứ đứng giữa đồng nã đạn pháo vào. Thêm 30 phút nữa súng vẫn nổ như thế, nhưng bắn tập trung vào từng vùng, bắn vào xóm dưới dứt rồi tập trung bắn vào

xóm giữa của tôi rồi sau đó không bắn nữa mà quay sang bắn tập trung vào xóm 21 bên kia QL. Mọi người trong hầm không hiểu chuyện gì, suốt 2 tiếng đồng hồ như thế mà không dứt. Ông tôi nói:

- Bây giờ phải chạy ra thôi!

- Chạy ra là chết! Mọi người phản đối

- Ở đây nó bắn hoài trúng hầm thì cũng chết – Lợi dụng lúc nó bắn về hướng khác mình chạy ra đồng

- Không được đâu! ra ngoài là chết ngay

Nói thêm về ông ngoại của tôi.

Ông ngoại tôi trước đây là một gia đình địa chủ. Năm 1945 ông làm chức Hương kiểm trong làng của chính quyền thuộc địa. Cách mạng tháng tám khởi nghĩa giành chính quyền, những người địa chủ tàn ác, các lí trưởng, Hội Đồng, nhiều người bị cách mạng chặt đầu nhưng ông vẫn bình an, vì khi làm Hương kiểm ông có tính thương người, hay giúp đỡ những người nghèo khó, không bắt bớ hay đánh đập ai. Và sau đó ông vẫn là người nông dân có nhiều ruộng đất, nhưng cái máu địa chủ vẫn còn trong người ông.

Tính tình ông rất nóng nảy và gia trưởng. Mỗi bữa ăn đều phải dọn riêng cho ông một mâm cơm thơm tất và một mình ông ăn trước, sau đó cả nhà mới ăn. Nhiều lần thiếu thức ăn hoặc lỡ cơm khê hay sống là ông bùng nguyên cái mâm hắt ra sân. Lúc đó bà ngoại sợ hãi lo dọn dẹp và nấu lại bữa ăn mà chẳng dám than vãn tiếng nào. Bởi vậy lúc nào lời nói của ông cũng như một mệnh lệnh.

Khi loạt đạn ở xóm tôi vừa dứt và chúng quay súng nổ vào xóm dưới thì ông nói:

- Chạy theo tao!

Ông vọt ra khỏi hầm thì bà ngoại, mẹ tôi và tôi cũng phải chạy ra theo. Ông mặc nguyên bộ đồ trắng, tôi cũng mặc áo trắng nên cũng hy vọng là lính trên xe tăng cũng không bắn mình. Trước nhà là cánh đồng nên chạy ra là tới đồng ruộng ngay. Bà ngoại tôi còn gánh theo

đôi suyền để sẵn đồ dùng cần thiết khi tản cư, chạy sụp lên sụp xuống trên bờ ruộng. Súng vẫn nổ điếc tai, cả nhà chạy theo ông về hướng mấy chiếc M113 đang đứng nã đạn ngoài đồng. Chạy đến gần một chiếc thì các người lính trên xe đều chĩa súng về chúng tôi.

- Mấy người đi đâu đó? một người lính quát

- Đạn nổ nhiều quá, tôi sợ quá phải chạy ra đây – ông tôi nói

- Vậy thì bác chạy ra phía sau đi – Một người lính có vẻ là chỉ huy nói và vẫy tay ra hiệu bảo đi ra phía sau.

Cả nhà lại tiếp tục chạy ra phía sau xe đi về hướng mấy cái nhà ở giữa đồng phía dưới xóm Gò Da. Bà ngoại tôi bị té mấy lần ngã xuống ruộng, đôi suyền bung ra, văng cả cái nôi và chén đũa ra ngoài. Thật tội nghiệp!

Nhà ông tôi có một đôi suyền mà trước đây do ông tự đan mấy tháng trời. Suyền là vật dụng đan bằng tre rất công phu. Mỗi chiếc suyền có 3 ngăn, trên mỗi ngăn có hoa văn rất đẹp được đan bằng những nan tre nhỏ, to xen kẽ khá công phu. Đôi suyền được dùng để gánh cau trầu, lễ vật trong dịp cưới hỏi rước dâu, giống như bưng quả bây giờ. Hồi đó cả xã mới có được vài đôi suyền. Những người tổ chức đám cưới cho con hay đến nhà ông tôi để mượn suyền. Khi xong việc bao giờ cũng lại quả nong heo, bánh tét. Đôi suyền là một tài sản quý giá, nên đi tản cư bà tôi luôn gánh theo, trong đó không phải đựng các lễ vật cầu hôn mà để đựng gạo mằm, chén đũa dùng cho cái ăn hằng ngày.

Thực chất cuộc nổ súng không tiếc đạn và kéo dài cả buổi sáng nay của lính xe tăng là vì một phần dùng tiếng nổ để gây áp lực cho đối phương, mặt khác là để lấy được nhiều tốp đạn bán cho các bà buôn đồng kiếm tiền tiêu. Tôi vẫn thấy nhiều trận trước cũng thế. Khi chiếm được mục tiêu rồi mà súng đại liên trên xe tăng vẫn nổ mãi gần cả tiếng sau đó.

Cả nhà tôi chạy đến nhà bà Thì ở giữa đồng Ngâu. Bà Thì là dân

Phổ An chạy lên một bờ nương đủ rộng làm nhà cho một gia đình bà để tránh bom đạn. Mẹ tôi nấu ăn bữa trưa ở đó. Chiều đến ông ngoại lại dẫn cả nhà chạy vòng theo đồng về Gò Dài. Tên là Gò Dài nhưng thực chất là một đụn cát bé tí tẹo chưa đầy 100m² hình lum lum giống quả đồi, nằm giữa đồng cách ở phía đông xóm của tôi 300m. Mấy ngày trước ông tôi đã chuẩn bị vài tấm tôn và một ít cây tre giấu sẵn ở đó. Khi đến nơi liền dựng lên thành một cái trại để trú tạm và nấu cơm chiều ăn. Một chiếc chiếu cũng đã để sẵn ở đó, mền thì đã đem theo trong đôi suyễn. Thế là cũng tạm để nằm ngủ qua đêm. Những gia đình khác khi súng nổ thì trụ trong hầm hoặc cũng chạy loạn tứ tung mỗi người một nơi như thế.

Chiều đó thấy nhiều cột khói bốc lên từ trong xóm. Có lẽ lính tăng và bộ binh đi kèm đã vào đóng quân trong ấy và tổ chức nấu ăn. Hai ngày sau thấy có người dân trong xóm đi ra đồng thì mới biết tụi lính đã rút đi. Cả nhà liền vội vã đi về làng. Khi về đến sân thì hoảng kinh khi thấy có rất nhiều vết máu chảy dài từ sân vào nhà. Chạy vào trong nhà thì thấy 5 cái đầu heo cùng chân, cẳng, xoong nồi văng tứ tung. Tụi lính đã làm thịt cả 5 con heo trong chuồng, nhưng chỉ ăn ở khúc giữa thôi, đầu, chân đều bỏ hết. Khi ấy thì thịt heo đã bốc mùi hôi thúi, không thể tận dụng được, bèn dọn dẹp đem đi chôn.

Trong xóm có một người đặc biệt không rời khỏi nhà khi có trận đánh. Đó là ông Chín Hùng. Năm 1969 vào một đêm ông bị trúng đạn đại liên của Mỹ vào đầu do từ trên đồi Chóp Vung bắn xuống. Nhờ đưa ra Chu Lai và cũng do Mỹ chạy chữa nên vẫn sống nhưng liệt một bên người. Hằng ngày ông vẫn ngồi trên ghế trước hè, người nhà đặt tô cơm trước mặt, ông vẫn dùng một tay còn lại để xúc ăn. Mỗi lần chạy giặc thì ông vẫn ngồi đó, không thể xuống hầm được. Lần này chạy đi 3 ngày, với đạn nổ dày đặc và dai dẳng như thế thì ai cũng nghĩ chắc là ông sẽ trúng đạn hoặc đói mà chết mất rồi. Khi mọi người chạy về làng thì lạ thay, ông vẫn ngồi đó, trong khi quanh

nhà lỗ chỗ các vết đạn. Trước mặt ông là một thau cơm có cả thịt heo, chắc là cơm của những người lính tăng xúc cho và thịt heo là thịt từ 5 con heo của nhà tôi. Và cuộc chiến tranh cứ tiếp diễn nhưng ông vẫn sống đến ngày hòa bình mới mất.

Lúc này lính sư đoàn 2 và biệt động quân đã khai thông QL1 trên suốt chiều dài huyện Đức Phổ. Từ ngày Mỹ rút đi thì đồi Chóp Vung bỏ trống. Bây giờ lính sư 2 bắt đầu đưa quân lên chốt giữ ở đó. Mọi người cũng trở về nhà lo dọn dẹp lại nhà cửa, sân vườn bị đạn cày xới. Sáng hôm sau tôi cưỡi xe theo đường cái Mới về nhà nội, đến đoạn thôn Vùng 4 thì thấy một đồng lù lù. Đến gần thì mới thấy xác một người bộ đội nằm chết bên mép đường, toàn thân nằm hẳn trên mép nhựa, ruột gan lòi cả ra ngoài, dòi bọ lúc nhúc. Xác chết đã gần cả tuần nay, đến kỳ phân hủy nên đã bốc mùi hôi thối. Xóm này chỉ lác đác vài ngôi nhà của dân, và họ cũng mới trở về nhà nên chẳng có ai chôn. Một vài người đứng xem họ nói rằng trong hầm nhà ông Khâm cách đó vài chục mét cũng có vài xác bộ đội bị chết trong hầm do bị ném lựu đạn nhưng xác đã phân hủy hôi thối quá nên họ lấp luôn căn hầm làm mồ chung. Có lẽ những người bộ đội này vì xa lạ địa hình nên không biết đường rút chạy. Vài hôm sau tôi đi ngang qua thì đã thấy người dân đắp đất lên thành một ngôi mộ nhỏ cho người bộ đội chết ở mép đường ấy.

Lúc này đã gần tết năm 1973. Suốt gần cả tháng nay mọi người thường bàn tán về Hiệp Định Pari, nghe nói rằng khi Hiệp Định đã kí kết thì các bên sẽ ngừng bắn, Mỹ sẽ rút hết quân khỏi Miền Nam, hòa hợp, hòa giải dân tộc, chấm dứt chiến tranh, mọi người sẽ được sống trong hòa bình.

Ai cũng hồ hởi chờ đợi cái Hiệp Định Pari ấy. Ngày hòa bình thì sẽ vui sướng biết bao, như mong ước bấy lâu nay của người Việt Nam, mà trong lời một bài hát lúc đó người ta vẫn thường hát.

"Hòa bình ơi! Chờ trông nhau như con chờ mẹ

Chờ trông nhau như gió mùa hè
Chờ trông nhau nắng đẹp tình quê
Hòa bình ơi! Ơi hòa bình Ơi!
Ba mươi năm trời thoát từ vành nôi
Ba mươi năm trường khổ đau nhiều rồi
Về đây hỡi người ơi!”

Người ta nói khi đã kí hiệp định thì bên nào sẽ ở bên đó, phần đất cắm cờ của bên nào là của bên đó. Có người còn nói:

- Bên Quốc Gia khi ấy sẽ cho máy bay phóng cờ xuống vùng giải phóng để chiếm đất

- Bốn bên kí hiệp định và khi Mỹ rút quân thì người Việt Nam mình sẽ không bắn giết nhau nữa.

- Chỉ có Quốc Gia với Giải Phóng chứ bên nào mà tới 4 bên?

- Bên Miền bắc, Mặt trận Giải phóng, bên Quốc Gia và Mỹ – Một người có vẻ am hiểu nói

- Còn bên lực lượng thứ 3 chi?

- Lực lượng thứ 3 là lực lượng nào?

- Là lực lượng trung lập, không theo Cách mạng mà chẳng theo Quốc gia.

Thôi thì mỗi người đều bàn tán mỗi kiểu theo sự hiểu biết của mình, nhưng ai cũng biết rằng Mỹ sẽ rút quân và luôn mong chờ đến ngày ngừng bắn. Nhưng càng đến ngày ngừng bắn thì súng lại càng nổ nhiều hơn. Có lẽ lính nguy cố gắng chiếm lại các vùng đất đã mất trước khi ngừng bắn.

Lúc này khoảng ngoài hai mươi tết âm lịch. Những ngày này thì tâm trạng đứa trẻ nào cũng háo hức được đi chợ tết, tôi cũng thế. Đi chợ tết để được mua vài món đồ chơi bằng nhựa, mua con heo đất... Nhưng chủ yếu là được đi ra chợ xem họ trưng bày hàng hóa tết, xem cái không khí nô nức chuẩn bị cho ngày xuân. Tôi hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! Cho con tiền để đi chợ tết đi.

- Ủa! Mày muốn chết hay sao mà đòi đi chợ tết?
- Qua nay đâu có nghe súng nổ gì đâu?
- Ngoài Mộ Đức bộ đội còn đầy ngoài đó – Chuẩn bị đánh nhau to mà đòi đi chợ!

Tôi thì nằng nặc đòi đi, nhưng mẹ tôi kiên quyết không cho. Mẹ tôi bưng ra một thùng nếp đã rang và bắt tôi ở nhà lượm thóc để đóng bánh nổ.

Sáng hôm sau hàng đàn xe tăng lội đồng đi ra. Trên QL1 thì nhiều chiếc xe GMC chở đầy lính biệt động từ Đức Phổ chạy ra và đổ quân xuống thôn Vùng 5. Thôn vùng 5 ở đầu phía bắc huyện Đức Phổ giáp với huyện Mộ Đức, ranh giới hai huyện là con suối Nước mặn, và một cánh đồng trống. Sở dĩ có tên là suối Nước mặn vì nó xuất phát từ con suối nước nóng tự nhiên ở phía tây Thạch Trụ. Nhân dân trong vùng gọi là Vũng nước sôi, chỗ ấy tự nhiên có nước sôi từ dưới đất trồi lên giống như một nồi cháo đang sôi. Mấy năm trước, khi đi ở tản cư ngoài Thạch Trụ, anh em tôi mỗi chiều vẫn đi tắm ở chỗ ấy. Tắm thật thú vị vào những ngày đông giá lạnh, nhiều người còn khiêng heo ra gần đó để lấy nước cạo lông làm thịt. Hiện nay ở đây người ta xây một khu nhà nghỉ có tên là “Khu nghỉ dưỡng suối nước nóng Quê Hương”. Mỗi lần tắm nước nóng trong bồn tắm nằm, ở trong phòng chỉ mất 7000đ, nhưng ở quê nghèo thấy chẳng mấy người vào phòng mà đa số tắm miễn phí ở ngoài Vũng sôi tự nhiên.

Ngã tư Thạch Trụ cách cầu Nước mặn 300m về hướng bắc. Phía đông Thạch Trụ có con sông Cái chảy từ bắc xuống nam, và nơi đây có đường lộ 5 (bây giờ là QL24) chạy lên 7km là tới dãy Trường sơn, bắt đầu thuộc miền núi, nơi ấy là vùng căn cứ cách mạng chạy dài lên tới Ba Tơ, Công Tum. Bởi vậy bộ đội đã chọn nơi đây làm nơi quyết chiến với địch để thực hiện việc giữ đất, giành dân trong hiệp định Pari.

Súng bắt đầu nổ rộ lên từ ngày 26-01-1973 ở hướng cầu Nước

mặn. Tiếng pháo 105 từ Gò Hội bắn ra, từ Đồng Cát bắn vào âm âm suốt cả buổi sáng, đến trưa thì có mấy chiếc phản lực đến ném bom. Tất cả bom đạn đều trút xuống chung quanh cái khu vực ngã tư bé tí, mỗi chiều chừng 500m.

Sáng ngày 27-01-1973 là ngày có hiệu lực ngừng bắn theo hiệp định Pari. Ai cũng hồ hởi chuẩn bị đón cái giây phút lịch sử đó, thế nhưng sáng nay sao lạ thế? Súng lại nổ to hơn. Thế là hiệu lực ngừng bắn chỉ là trên giấy, mọi người ngán ngẩm, không còn hy vọng gì đến hai tiếng "Hòa bình" nữa. Tiếng đại liên từ trên các xe tăng nghe ò ò, dồn dập như bắp rang. Lính sư đoàn 2, lính biệt động đổ quân ào ào xuống làng tôi, số thì theo QL1, số thì lội theo đồng, tất cả đều dồn về hướng Thạch Trụ và trận chiến kéo dài đến chiều ngày 28-01-1973 mới kết thúc. Lính biệt động quân đã làm chủ được ngã tư. Cả hai bên đều thiệt hại nặng nề, lính ngụy thì xác bỏ vào từng chiếc poncho chất đầy lên từng chiếc xe GMC chở về thị trấn. Bộ đội thì bỏ lại rất nhiều xác chết và được nhân dân bỏ chung xuống những hố bom để chôn.

Hai ngày sau khi trận đánh kết thúc, tôi mới dám ra xem nơi bãi chiến trường tàn khốc ấy. Thật là một cảnh tượng kinh hoàng. Toàn bộ những nhà tường chung quanh ngã tư hoặc đổ sập, hoặc lỗ chỗ hàng trăm vết đạn, giống y hệt cảnh của thị xã Quảng Trị hay An Lộc trong mùa hè đỏ lửa 1972. Trên vách tường cao loang lổ, gần như chỉ còn lại cái khung dầm của căn nhà 2 tầng cao nhất có một dòng chữ lớn, viết bằng vôi.

- Chào mừng tiểu đoàn 39 Biệt động quân tái chiếm Mộ Đức

Chắc đây là chữ viết của lính ngụy sau khi tái chiếm. Còn dưới hầu hết các nhà ven đường ở đâu cũng thấy dòng chữ của bộ đội viết bằng gạch.

- Hy sinh vì tổ quốc, quyết giải phóng Mộ Đức.

Vẫn còn thấy rất nhiều cái mũ cối, bông băng dính máu ở giữa

những tường gạch ngã đổ. Có cả một cây súng trung liên có hai cái chân và cái hộp tiếp đạn tròn gãy cả báng súng nằm chỏng chơ bên cái thành giếng xi măng của một ngôi nhà ven đường. Nhân dân chạy loạn cũng đã trở về lo dọn dẹp gạch vỡ, cây cối bị đạn ngã đổ, và họ vẫn ở tiếp trong những ngôi nhà trống hoác nhiều lỗ đạn như thế.

Trong thời điểm hiệp định Pari được kí kết, hai bên có qui định một điểm trao trả tù binh tại xã Phổ Phong là vùng giải phóng tiếp giáp với xã Phổ Thuận. Huyện ủy Đức Phổ đã cho làm lán trại có thể tiếp đón cả nghìn người. Hôm ấy có máy bay của ủy ban giám sát quốc tế hạ xuống Phổ Phong. Những người dân chạy tới kêu khóc và phản ánh với quốc tế là súng vẫn nổ tiếp tục và dữ dội hơn sau ngày có lệnh ngừng bắn, họ yêu cầu ban giám sát quốc tế phải làm sao đem lại hòa bình cho dân tộc Việt Nam. Và nghe nói trong đợt trao trả tù binh này phía VNCH đã đánh tráo trao trả tù chính trị bằng tù thường phạm, nên phía cách mạng không đồng ý. Vì những việc lộn xộn đó nên công việc trao trả tù binh ở đây đã bị bãi bỏ và chuyển hết về Lộc Ninh.

Thời gian này các nơi cũng đều đã im tiếng súng. Kết thúc một cái mùa hè đỏ lửa kinh hoàng kéo dài từ mùa hè cho đến những ngày cận tết, và người dân lại lo sắm sửa một ít bánh trái để cúng ông bà trong năm mới. Một mùa xuân nữa lại đến.

Phần 4

SAU HIỆP ĐỊNH PARI

ĐÓN XUÂN 1973.

Đón xuân này tôi nhớ xuân xưa
Hẹn gặp nhau khi pháo giao thừa
Em đứng chờ tôi trước song thưa
Tôi đi qua đầu ngõ
Hỏi nhau thăm xuân đã về chưa?

Tiếng hát từ một chiếc radio của một ngôi nhà nào đó văng vẳng từ mùa xuân năm 1973 khói lửa ấy cho đến tận bây giờ khi nghe lại ca khúc này vẫn phù hợp với hiện tại, và tôi vẫn thấy nao nao xúc động để nhớ về những cái tết tiếp nối đi qua trong chiến tranh được đánh mốc bằng những đêm giao thừa âm vang tiếng pháo xen lẫn với nhiều tiếng súng. Để rồi những người thân lại vui mừng có dịp gặp nhau trong mùa xuân mới với đôi mắt nhòa lệ sau những ngày dài li tán.

28 tết, một đại đội lính sư đoàn 2 đã kéo vào làng tôi và đón xuân tại đây. Những người lính họ ăn gạo sấy và đồ hộp chứ không có nấu cơm. Có một người chỉ huy tên là Hạnh hay nói chuyện với ông tôi và hay mượn các đồ dùng như rửa, cuốc... để cho lính đào công sự quanh vườn. Lúc này hai mẹ con tôi đã có một căn nhà riêng bằng tranh bé tí kề bên nhà ông ngoại. Dì Thời là chị em cô cậu với mẹ cũng chạy loạn từ Phổ Văn lên tá túc tại nhà tôi. Đêm 30, mẹ tôi và bà ngoại bắc 3 ông táo bằng gạch giữa nhà để nấu bánh tét. Mọi người ngồi quanh bếp lửa để nói chuyện tết, có cả anh Hạnh là trung đội trưởng lính sư đoàn 2 và hai người lính khác. Mọi khi chiến sự nổ ra, gặp lính Sư 2 là sợ chết khiếp với những cảnh bắt gà, bẻ bí, đánh

đập những người tình nghi... Nhưng hôm nay là tết, nên thấy họ cũng vui vẻ, nói chuyện cởi mở, chủ yếu là chuyện chiến tranh.

Mấy người lính cũng tỏ ra quá ngán ngẫm với cuộc chiến mà không biết bao giờ mới kết thúc. Họ chẳng biết chừng nào mới trút bỏ được bộ đồ lính trên người để trở về nhà. Anh Hạnh thì kể rằng khi đánh trận ở Quảng Nam ở cái núi gì đó mà rần rần vô kể. Khi bị đánh bật chốt thì cả đại đội bỏ chạy, ông đại đội trưởng không chạy nổi trong rừng nhiều gai nên dẫn đơn vị chạy ra ngoài trảng trống bị du kích bắt sống cả đại đội, sau đó máy bay đến bắn giải vây...

Trước giờ giao thừa khoảng 30 phút thì tiếng pháo, tiếng súng bắt đầu nổ. Lúc 11h50 là lúc nổ rộ nhất. Máy năm nay đồi Chóp Vung không có lính đóng quân, nhưng năm nay lính sư 2 đã đưa quân lên chiếm đóng lại, nên trên ấy là súng nổ nhiều nhất. Từng chùm đạn lửa vút lên trời đỏ lòm như pháo hoa cộng với hỏa châu sáng rực như đêm hội, thỉnh thoảng lại nghe tiếng "Ầm" của khối chất nổ sáng lòe. Ở các vùng du kích như An Định, Kim Giao, Phổ An các anh du kích cũng thi nhau bắn súng lên trời dì dè, nhân dân cũng đốt nhiều pháo nhưng bị át đi bởi các tiếng súng. Cả hai bên đều thi nhau bắn lên để chào đón giao thừa, để tiễn đưa năm cũ và đồng thời cũng để cho bên kia biết rằng lực lượng mình hãy còn mạnh lắm.

Anh Hạnh xách súng chạy ra sân làm một tràng lên trời điếc cả tai, tốp đạn bay ra tứ phía. Tôi đứng đó khoái quá liền nói:

- Anh cho em bắn một phát đi!
- Mày bắn được không?
- Được mà!

Anh Hạnh bèn khóa súng an toàn rồi đặt báng súng vào vai tôi, bảo tôi nắm chặt tay trái vào ốp che tay, tay phải nắm tay cầm và đặt ngón trỏ vào cò súng. Anh đẩy súng chống lên trời rồi mở khóa an toàn và bảo "Bóp cò đi!". Tôi hồi hộp, tim đập thình thịch, đưa ngón tay siết mạnh cò. Một tràng đạn vang lên, báng súng giật vào

vai làm người tôi và nòng súng day sang bên phải. Anh Hạnh cười và bảo:

- Bắn súng có sướng không?

- Sướng quá!

- Ít năm nữa đi lính rồi mày tha hồ mà bắn, lúc đó thì sẽ biết sướng hay khổ, tao mong cho mày đừng bao giờ phải cầm cây súng như tao.

Nghe súng đạn nổ từ khi mở mắt chào đời, nhưng lần đầu tiên trong đời được bắn súng AR-15. Súng giật nhẹ và êm chứ không mạnh như tôi nghĩ, sau này được bắn súng AK thấy nó giật mạnh hơn. Tôi đòi bắn tiếp nhưng anh Hạnh không cho. Hai người lính kia thì vẫn ngồi trong nhà, chẳng màng gì đến chuyện bắn súng đón giao thừa. Lúc này đã quá 12h nhưng súng đạn vẫn nổ rợp trời tạo thành một dàn đồng ca đặc trưng của đêm giao thừa trong thời chiến mà âm vang của cái không khí ấy thật khó quên trong đời.

Anh Hạnh mấy đêm trước vẫn ngủ trong nhà của tôi, còn các người lính thì vẫn nằm ngoài công sự, nhưng đêm nay anh Hạnh và hai người lính xách súng ra ngoài công sự. Chắc có lẽ họ ngại có mặt sáng mai mồng 1 tết ở trong nhà. Sáng hôm sau khi tôi thức dậy thì các người lính đã rút đi đâu mất rồi. Tự nhiên tôi thấy nhớ anh Hạnh và hai người lính ấy. Lần đầu tiên tôi có ấn tượng tốt đẹp về những người lính ngũ.

Tết năm ấy trong radio thường hát nhiều ca khúc về lính như: Xuân này con không về, Rừng lá thấp, Thư xuân trên rừng cao.v.v... Đặc biệt, bài hát: "Xuân này con không về" tôi đã biết từ năm 1970. Khi ấy, có lẽ bài hát mới ra đời nên được nhiều người chào đón nồng nhiệt. Nó phản ánh rất đúng tâm trạng của người lính xa nhà trong dịp xuân mới

Con biết bây giờ mẹ chờ tin con

Khi thấy mai đào nở vàng bên nương

Năm trước con hẹn đầu xuân sẽ về

Nay én bay đầy trước ngõ

Mà tin con vẫn xa ngàn xa

Dù biết rằng bài hát do một nhạc sĩ của chính quyền Sài Gòn sáng tác, và phải hiểu người lính trong bài hát là lính ngụy nhưng lời hát hay quá mà mãi đến bây giờ ai cũng biết. Vì xúc động trước một nhạc phẩm hay mà ai cũng hát chứ không hẳn là hát lên để ca ngợi lính ngụy. Bây giờ trong các đám cưới, nhiều người và cả tôi cũng vẫn thường hát bài đó. Còn những bài nhạc trẻ bây giờ chẳng thấy mấy người hát cả.

Những ngày tết nắng vàng rất đẹp, không gian im ắng không hề có tiếng súng. Mọi người vui vẻ đón xuân trong những căn nhà lổ chỗ vết đạn. Cũng có nhà vẫn trồng được bông vạn thọ và mào gà, ở ngã tư Thạch trụ bên cạnh những căn nhà đổ nát vẫn có vài ba hội xóc bầu cua. Tôi cũng cười xe đạp ra đó chơi vài ván, lúc đầu thì ăn được nhiều tiền, rồi ham hố chơi tiếp cuối cùng sạch cả vốn. Mấy đứa bạn khác cũng giống y tình trạng như vậy. Tụi tôi quay về nhà nghĩ ra cái trò khác là gài mìn.

Lấy một lon sữa bò đã dùng, cột 2 bên 2 thanh tre bằng dây cao su, giữa 2 thanh tre quàng qua khoảng 5-6 dây cao su đeo tay. Lấy 1 tốp đạn AR-15 đặt vào trong các dây cao su rồi quay cho quẩn lại nhiều vòng. Khi thả tay ra thì tốp đạn quay vòng sẽ va vào mặt lon sữa kêu reng reng. Cố định cái lon trong bụi ven đường, khi quay tốp đạn cho se dây cao su lại thì xỏ 1 cái que vào lỗ của tốp đạn, que sẽ ganh lên mặt lon giữ cho tốp đạn khỏi quay tròn. Đầu que được nối với một sợi dây cước dăng ngang qua đường cột vào bụi cây bên kia đường. Khi có người đi qua vướng dây sút que ra là mìn nổ reng reng. Loại mìn này thường để làm giật mình mấy bà già thôi.

Dù trong khói lửa chiến tranh nhưng đến ngày tết, mấy cô, mấy bà vẫn diện những bộ áo dài đi chơi tết. Có một trò chơi quái ác mà

tụi nhỏ chúng tôi thường làm là đặt trái pháo vào bãi phân bò cạnh đường, khi thấy các cô các bà chưng diện quần áo đẹp đi qua là lại mò ra đốt pháo. Pháo nổ làm văng phân bò tung tóe đầy người của khách đi đường, nhưng chỉ dám nghịch những khách lạ. Những lần như vậy thì cả bọn cười nghiêng ngửa rồi cùng nhau chạy trốn.

Tết năm nay tôi được mẹ dẫn đi thăm bà con tản cư ở trại định cư Trà Câu. Những người dân từ các vùng chiến sự ác liệt chạy về đây làm những căn nhà nhỏ bằng rạ san sát nhau. Ngày tết trước nhà cũng có trồng bông vạn thọ. Trong nhà thường treo một mảnh ván sát vách để làm bàn thờ cúng ông bà. Khách đến chơi thì ngồi trên giường hoặc trên một cái bàn. Mọi người ăn bánh ngọt và hàn huyên lại những biến cố đau thương do chiến tranh gây ra suốt một năm qua.

Qua mồng 5 tết thì chị Ánh của tôi ở Sài Gòn cũng về thăm gia đình, chị đem về rất nhiều bánh kẹo và hạt dưa. Nhà tôi vui nhộn hẳn lên vì ngày nào cũng có các anh lính nghĩa quân hay lính sư đoàn 2 đến chơi, ăn hạt dưa xả đầy nhà. Lính nghĩa quân mà gặp lính sư đoàn thì thường tránh đi chỗ khác. Trung đội lính nghĩa quân về đóng đồn Quán Vịt đã thay nhiều lính mới. Những tên lính mới thì thường rất hung hăng nhưng gặp lính sư 2 thì cũng lảng xa. Lính sư 2 thì chỉ đóng quân vài hôm rồi rút đi nơi khác, chỉ còn lính nghĩa quân là ở một đồn cố định.

Một buổi sáng cả nhà tôi ra đồng đi gặt sớm. Mẹ tôi nhốt một con vịt trong giỏ để dưới sân và dặn tôi sáng nay đem về nội ăn giỗ. Một tên lính từ đâu đi tới, tay cầm súng, đầu đội cái mũ vải sụp, thấy con vịt trong giỏ liền thò tay vào bắt. Tôi chạy lại nói:

- Con vịt để tôi đem đi ăn giỗ mà sao anh bắt?

Tên lính chẳng nói chẳng rằng cứ xách con vịt đi. Tôi chạy theo la lớn.

- Trả con vịt lại đây cho tôi!

Tên lính cứ xăm xăm đi, những người hàng xóm đều ló ra nhìn nhưng chẳng ai dám nói tiếng nào. Tôi chạy theo một đoạn rồi thôi vì thấy cũng chẳng đòi lại được. Hôm ấy bức mình quá cũng chẳng thèm đi về nội ăn giỗ nữa.

Có chị tôi về, nhiều người lính đến làm quen và có nhiều người gọi mẹ tôi là “Má”. Sau một thời gian thì có anh Nam xin được làm con nuôi, mẹ tôi đồng ý. Các anh Cai, anh Tiền cũng thường hay gọi mẹ tôi là “má”. Các anh ấy đều là lính nghĩa quân đóng ở đồn Quán Vịt, hằng ngày vẫn ra ở xóm tôi làm nhiệm vụ giữ an ninh cho đoạn đường QL1 từ cầu Vinh Hiến đến cầu Nước mặn. Từ ngày đến chơi và quen với gia đình thì lính nghĩa quân cũng không còn hung hăng nữa. Tôi cố nhớ lại thủ tên nào bắt con vịt của tôi mà không nhớ được là ai, vì khi ấy hấn kéo cái mũ sụp xuống che bớt mặt nên tôi không biết rõ gương mặt hấn như thế nào

Không hiểu những người lính gọi mẹ tôi bằng “má” ấy là vì thấy chị tôi đẹp hay là muốn làm quen thân để lỡ có bị cách mạng bắt thì cũng có người nói giúp. Chắc có lẽ là vì cả hai lí do trên. Mẹ tôi thì chấp nhận làm má nuôi vì thấy cũng chẳng mất mát gì. Chấp nhận quen thân để cho tụi lính bớt hung hăng và cũng phòng khi có chuyện gì cũng đỡ. Nói chung là cả hai bên đều muốn dựa hơi vào nhau trong cái hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh thời bấy giờ

Sáng hôm nay, nhà ông bà ngoại tôi có tổ chức một cái tiệc nho nhỏ là đúc bánh xèo để ăn với thịt heo luộc. Có cả anh Cai là lính nghĩa quân quen biết từ năm 1972 – người mà hay gọi mẹ tôi là má – Anh Cai dẫn theo anh bạn lính tên là Tiến. Anh Tiến là lính biệt kích mới xin chuyển về làm lính nghĩa quân ở đồn Quán Vịt hơn một tuần nay. Anh Tiến kể rằng khi làm lính biệt kích, hay đi với lính Mĩ trong rừng sâu để trinh sát hay tiêu diệt các toán quân giải phóng nhỏ lẻ trên rừng Trường Sơn.

Anh kể có lần đang đi thì thấy dưới hố có một cái vũng có người

nằm dưới một lùm cây. Lính Mĩ triển khai bao vây khu vực và tiến lại gần. Một tên bắn một phát M79 gần cái vũng để đánh động nhưng sao chẳng thấy phản ứng gì. Cả toán biệt kích áp sát lại đầu vũng rồi chụp bắt sống người nằm trong vũng thì hỡi ơi! Người bộ đội nằm trong vũng đã chết từ đời nào rồi! Anh ấy bị sốt rét, nằm ngủ để rồi không bao giờ dậy nữa, bên cạnh vũng còn một khẩu AK mới cáu. Sau này tôi cũng nghe nhiều người đi thoát ly về kể lại, khi đi trên các tuyến đường Trường Sơn cũng thấy những trường hợp như vậy. Nghe kể mà xúc động quá. Có lẽ, anh mệt quá nằm ngủ một tí mà không biết rằng mình sẽ ngủ luôn, cũng có thể trước khi chết vẫn biết được nhưng rồi biết trăng trời cùng ai? Đồng đội thì thấy mất tích, có khi lại nghĩ rằng đã B quay hoặc chiêu hồi.

Trong khi mọi người đang ăn thì từng loạt pháo từ Gò Hội bắn tấp nập xuống địa bàn xã Phổ An, sau đó có hai chiếc phản lực lộn nhào xuống ném bom. Từng đàn xe thiết giáp càn qua ruộng lúa tiến về hướng ấy. Nhìn từ xa những trái bom đen trũi lao xuống, những cột khói đen bốc lên trùm cả xóm làng. Những người dân nơi ấy chắc cũng cực kỳ hoảng loạn, giống như tôi trong lần đội bom hồi năm ngoái. Lính ngụy đang thực hiện công cuộc lấn đất, giành dân sau hiệp định Pari.

Chiều hôm đó từng đoàn người dân ở Phổ An gồng gánh chạy tản cư lên xóm tôi. Thằng Sương, thằng Sâm, thằng Ánh, con Thúy, con Vinh ... Các bạn bè cũ của tôi ở xóm tản cư, mới chạy về quê hơn hai tháng nay cũng theo gia đình chạy lên. Những người dân tản cư lại tiếp tục mua tre, mua rạ dựng lại những căn nhà bé tí trên mảnh đất bỏ hoang cạnh vườn nhà tôi để trú ngụ.

Chị tôi về chơi tết một thời gian rồi trở vào Sài Gòn bằng chuyến xe Miền Trung. Sau đó vài tuần mẹ dẫn tôi ra thị xã Quảng Ngãi để mua vé máy bay vào chơi Sài Gòn. Thời chiến mà ở Quảng Ngãi vẫn có máy bay chở khách vào Sài Gòn nhưng bây giờ lại không có. Trước

đây năm 1968 tôi và mẹ cũng bị Mĩ bắt, chở trên chiếc máy bay trực thăng CH-47 vào Gò Hội, nhưng ngồi trên trực thăng nhìn thấy rõ cảnh vật bên dưới. Còn lần này Khi máy bay vút lên cao rồi, nhìn qua ô cửa chỉ thấy mây bay bồng bênh. Khó chịu nhất là những lần máy bay giảm độ cao đột ngột thì người thấy nôn nao giống như trạng thái khi đi thang máy từ trên lầu cao xuống đất. Sau hai tiếng đồng hồ thì đến phi trường Tân Sơn Nhất.

Lần đầu tiên đặt chân đến thành phố, cái gì cũng mới mẻ. Những tòa nhà cao, đường phố tấp nập người qua lại. Những giao lộ đông đúc có người cảnh sát mặc đồ trắng đứng trên cái bục gỗ đưa tay thổi còi điều khiển giao thông. Tại những công viên thường hay có các tượng đài gồm 3 người lính VNCH đội mũ sắt, tay cầm súng. Trên phố thì hay thấy trụ sở của Tín Nghĩa Ngân Hàng với hình ảnh một ông thần tài Tín Nghĩa miệng cười toe toét đưa hai tay dang ngang, mỗi tay là một chuỗi nhiều đồng tiền kẽm.

Điểm chị tôi dẫn đến đầu tiên là nhà Cô thứ năm của tôi. Cô Năm vào Sài Gòn trú ngụ ở gần trường đua Phú Thọ, cô cất nhà trên một cái ao rau muống. Mỗi khi vào nhà phải lội nước một đoạn. Chị em, cô cháu gặp nhau sao bao năm, mừng mừng, tủi tủi. Hỏi thăm về quê nhà chiến tranh ra sao, ai còn ai mất?, hỏi thăm về bà con chạy loạn vào Sài Gòn làm ăn thế nào? Năm 1967 dựng Năm là du kích xã Phổ Thuận, trong một trận chống càn đã hy sinh ở Bình Mỹ, năm 1969 sau vụ bị lính Mĩ đốt nhà đuổi đi, cô bồng bế 3 đứa con vào Sài Gòn để lánh nạn. Giữa chốn lạ quê người, cô phải đi phụ hồ để kiếm tiền nuôi con, một công việc rất cực nhọc, hằng ngày phải bê gạch, trộn hồ, ôm cả bao xi măng leo lên lầu. Nhiều khi không có công việc, nhà hết gạo phải chạy đi vay mượn qua ngày.

Trên tường nhà của cô có treo một tấm ảnh một người lính biệt động mặc đồ rằn ri, đầu đội bê rê. Hỏi xem là ai thì được biết đó là Dựng Năm mới. Dựng Năm mới là lính biệt động tham gia trận

Đường 9 – Nam Lào năm 1971, bị thương do sức ép của pháo và đã giải ngũ về Sài Gòn đi làm hồ và gặp cô gái nghĩa vợ chồng. Trên gác, cô vẫn lập bàn thờ để thờ người chồng trước. Chiều đến Dương Năm mới về nhà cũng rất là niềm nở hỏi han. Nhưng nghe các em con cô kể lại là mỗi khi mẹ và bố dương nó cãi vã là ông ấy hay nói: "Ăn cơm Quốc Gia mà thờ ma Cộng Sản".

Vài hôm sau lại đến nhà dì thứ 8 ở Gò Vấp. Dì chạy vào Sài Gòn và làm ở Trang Hai Dược Viện, sở làm của một ông chủ tư bản. Hiện nay là Xí nghiệp Dược phẩm số 4, nằm ở đường Ngô Thời Nhậm – Q3. Chị tôi cũng xin vào làm ở đó. Nghe nói ông chủ Trang Hai hay khoái gọi những đứa con gái nhân viên có sắc đẹp lên đấm lưng, nhổ râu. Mỗi lần như thế thì các cô đều sợ bị dê, nhưng muốn có việc làm thì đành chịu thôi. Dì Tám trốn chạy một cuộc hôn nhân do ông ngoại ép buộc, đã vào Sài Gòn từ năm 1965 nên tích lũy được một số vốn, chưa có chồng mới nhưng làm được nhà lầu, sắm được cái xe màu đen, có bộ máy ở bánh trước, xe Velo Solex. Hồi ấy anh tôi chạy thử xe, chạy một đoạn không biết dừng, bèn nhảy xuống cầm tay lái nhấc bánh trước lên. Dì tôi phải chạy ra tắt máy.

Nhà Dì ở xóm đối diện với Quân y viện Cộng Hòa, nay là Bệnh viện Quân Y 115- ở đường Nguyễn Oanh. Khi ấy xóm nhà còn cảnh nông thôn với lũy tre và đường làng rộng rãi, thấy cả những con tắc kè trong lùm cây ven đường. Tối đến, Dì Tám nói với mẹ tôi:

- Tối nay tôi sẽ dẫn chị đi xem nhảy sexy

- Nhảy sexy là gì?

- Là vũ nữ nhảy múa theo tiếng nhạc xập xình và lần lượt rơi các mảnh vải trên người, cuối cùng là trần truồng như nhộng và màn cũng hạ xuống và trên sân khấu đèn cũng tắt

- Coi cái gì vậy mà coi

- Kệ nó, đi xem cho biết.

Tôi nghe thế lạ quá, háo hức để tối được đi xem thử thế nào. Nhưng đêm ấy mẹ tôi không đi nên cũng chẳng được thấy nhảy sexy ra làm sao. Dì Tám còn kể cho mẹ tôi nghe những cô nào ngày xưa ở quê chạy vào đây bán bar cho Mỹ. Bán bar thì có nhiều loại, có thể là bán coca, bia rượu ở các quầy bar, có thể là làm bồi phòng hoặc làm gái gọi phục vụ cho Mỹ. Nhưng gọi là gái bán bar lúc ấy thì người ta thường hiểu là việc làm nhơ bẩn, không đàng hoàng.

Thời gian tiếp theo, lại đi bằng xe lửa ra Biên Hòa thăm cô thứ sáu, lúc này vẫn có tuyến xe lửa chạy Sài Gòn – Biên Hòa. Nhà tôi ở quê gần đường tàu nhưng đến bây giờ mới thấy được tàu lửa và mới hiểu được tàu lửa chạy trên đường ray như thế nào. Rồi sau đó đi thăm hầu hết những bà con ở quê hương chạy loạn vào Sài Gòn. Đến thăm nhà cô Sa, cô có ông chồng Phi Luật Tân đen thui, to lớn dềnh dàng với cái đầu tóc quăn tít nhưng rất hiền, ông ta không biết nói tiếng Việt cứ nhìn tôi cười cười. Đến thăm nhà ông Đắc, rất đông người chạy vào đây làm nghề xích lô...

Ở Sài Gòn lần đầu tiên tôi được ăn kem, ăn bánh mì Ốp la, uống nước Coca cola thỏa mái, Tối đến còn được đi đến rạp xem cải lương và lần đầu tiên biết cái ti vi. Truyền hình lúc đó hay chiếu những phim cải lương tuồng cổ như là: Phạm Công-Cúc Hoa, Đắc Kỷ- Trụ Vương... Giữa chừng phim cũng hay xen vào bản tin tức như: "Ngày ... ở tại ... QLVNCH tiêu diệt được bao nhiêu Cộng quân, thu được bao nhiêu AK-47 v.v..." Bản tin thời sự xen vào để bắt người ta xem giống như quảng cáo bây giờ nhưng thời lượng ít hơn. Đối với suy nghĩ của tôi, thành phố Sài Gòn lúc ấy rất thanh bình, không có chiến tranh, với đêm về người xe tấp nập, muôn ánh đèn màu nhấp nháy. Cuộc sống nơi đô thành sung sướng quá!

Một tháng sau đó chị tôi lại dẫn tôi đi về quê của chị Bảy ở Mỹ Tho. Chị Bảy là người làm chung sở với chị tôi. Đến Châu Thành – Mỹ Tho là quê của chị, phải lội bộ cả cây số từ ngoài đường vào sâu trong

ruộng mới đến nhà.. Nhà cửa ở Miền Tây ngộ ghê! Nhà làm bằng lá dừa nước rất đơn giản, nền nhà ẩm thấp, gồ ghề cũng chẳng thêm ban cho bằng phẳng, gà vịt thì nhẩy ỉa đầy trên bàn, nước tắm giặt, rửa bát đều dùng nước ao đục sền. Vài chục năm sau này trở lại thấy người dân vẫn sinh sống như thế. Trên đường vào làng còn nhìn thấy những ngôi đình, ngôi nhà lỗ chỗ vết đạn, đến gần nhà còn thấy một nắm mồ mới chôn của một người lính VNCH, bên trên có một lá cờ 3 sọc to phủ trùm lên cả ngôi mộ. Ô! quê của chị chiến tranh cũng ác liệt quá! Thời ấy hầu hết những vùng quê nào ở Miền nam cũng đều có nhiều dấu tích của chiến tranh để lại. Chị Bảy cũng hay kể về những trận đánh, xóm làng bị đạn pháo tan hoang, những lần bộ đội về đóng quân ở làng... Ôi! quê hương của chị cũng đau thương tan tóc chẳng khác gì quê hương của tôi.

Hơn một tháng du ngoạn ở Sài Gòn, tôi và mẹ chuẩn bị về quê. Chị gái và các cô của tôi đều khuyên mẹ ở hẳn trong này. Ở lại Sài Gòn kiếm một việc gì đó làm vẫn đủ sống nhưng cái chính là tránh được đạn bom. Nhưng như là duyên kiếp bắt tôi và mẹ phải về.

Ngày mai tôi sẽ lên đường về Miền trung gió cát, nơi có quê hương Quảng Ngãi mịt mù thuốc súng. Nhưng tôi vẫn về, về để tiếp tục chứng kiến cảnh máu lửa trên quê hương vào hai năm cuối của cuộc chiến tranh tàn khốc này.

Chuyến xe Miền Trung từ từ lăn bánh rời bến xe nơi Sài thành đông đúc. Tôi đưa tay vẫy chào những người ở lại, các chị của tôi chạy theo mãi, mẹ tôi ngồi trên xe đôi mắt nhòa lệ, vì có ai biết chắc rằng trong hoàn cảnh chiến tranh này thì mình sẽ được gặp lại người thân nữa hay không?.

Ra khỏi nội đô, chiếc xe rô máy lao nhanh qua những làng xóm, thị trấn xác xơ vì bom đạn, với những người nông dân lam lũ với công việc trên đồng. Xe chạy qua vùng Ninh Thuận nắng gió với những bầy cừu, bầy dê đang ăn trên cánh đồng cỏ cháy khô. Cả một

vùng trảng rộng với những đám cây cần cỗi chỉ cao không quá 4m. Thỉnh thoảng mới gặp vài xóm nhà lưa thưa với những dãy chuồng bò, chuồng dê được quây lại bằng các thân cây rừng mà bên trên chẳng hề có mái che nắng che mưa. Đến chiều thì về đến bến xe của thành phố Nha Trang, mọi người xuống xe vào nghỉ đêm tại nhà trọ tập thể. Thời chiến xe không dám chạy ban đêm.

Sáng hôm sau các xe khách lại tiếp tục lên đường. Xe bắt đầu bò lên Đèo Cả thì mọi người ồ lên trước cảnh đẹp hùng vĩ của thiên nhiên, một bên là vách núi, một bên dưới vực sâu là biển cả mênh mông. Nhiều người sợ hãi nhắm mắt lại không dám nhìn. Xe cứ chạy loanh quanh trên con đường ngoằn ngoèo giữa lưng chừng núi và vực sâu suốt hơn 45 phút mới bắt đầu xỏ dốc để ra khỏi đèo. Mọi người, đa số là mới đi Sài Gòn lần đầu nên nhiều phen thót tim vì những khúc cua gấp giò gà trên đỉnh đèo. Đèo Cả thời ấy là nơi thường xảy ra tai nạn lật xe xuống vực, vì khi ấy đường hẹp, không có biển báo giao thông và cũng không có đường cứu nạn như bây giờ. Trước khi lên đèo chỉ thấy có một biển báo duy nhất: "Đoạn đường đèo nguy hiểm, lái xe cẩn thận".

Khi xe xỏ dốc đèo mọi người ồ lên vì thấy một hình ảnh lạ. Một anh du kích mang dép cao su, thắt lưng có nhiều lựu đạn, vai khoác một khẩu súng AK đi trên đường giữa ban ngày. Thời chiến tranh thì ai cũng thấy du kích cả, nhưng đi trên đường Quốc lộ 1 giữa ban ngày thì hơi lạ. Chắc có lẽ chính quyền VNCH không kiểm soát được vùng này. Sau này đọc sử sách mới biết rõ đây là vùng Vũng Rô, nơi tiếp giáp giữa hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên, nơi có chuyến tàu không số chở vũ khí chi viện cho chiến trường Miền Nam bị địch phát hiện và bắn cháy, tạo nên cái "sự kiện Vũng Rô". Xe lại chạy tiếp qua Phú Yên, Bình Định lại thấy rải rác có nhiều chiếc xe nhà binh bị trúng mìn hay bị bắn cháy nằm ngả nghiêng bên lề đường.

Trên đường từ đèo Cả trở ra có nhiều cảnh núi non, sông biển thật

là đẹp. Dãy Trường sơn chạy song song với biển, ở giữa là vùng đồng bằng nhỏ hẹp. Một chuyến đi xa đã mở rộng tầm mắt cho tôi nhiều điều kì thú.

Trở về quê hương. Hôm sau tôi lại ôm vở đến trường xin học lại. Trường đã mở cửa học lại hơn hai tháng nay mà tôi đi Sài Gòn không học được. Nếu tính từ khi biến cố “Mùa hè đỏ lửa” thì tôi đã nghỉ học nửa năm rồi. Thầy Phổ thấy đã gần hết năm học bèn nói:

- Thôi, sang năm em vào học lại lớp 4 chứ bây giờ em vào thì theo sao kịp?

Tôi phân vân không biết làm sao, có nên ở lại hay không? Bạn bè cũ vẫn đang ngồi trong lớp mà bây giờ mình trượt lại thì buồn quá. Suy nghĩ một hồi rồi nói:

- Thầy cho em vào học đi, nếu ở lại thì chắc em nghỉ học thôi
- Em có theo kịp không?
- Em sẽ cố gắng thầy ạ!

Thế là tôi được vào học lại. Lúc này ngôi trường Tiến Đức đã bị pháo đánh sập, chưa kịp xây lại. Lớp học phải học tạm trong nhà thờ Tin Lành. Bữa đầu tiên nghe thầy giảng bài mà như vẹt nghe sấm. Những bài toán về phân số, các bài toán đồ về chuyển động của xe, tính thời gian, vận tốc.v.v... tôi đều mù tịt. Tháng đầu tiên tôi được xếp hạng vị thứ 64/65. Sau đó nhờ các bạn bè trong lớp chỉ dẫn thêm, cộng với sự cố gắng của bản thân mà tôi vẫn được lên lớp. Đến cuối năm tiểu học tôi được xếp hạng thứ 8/61 và thi đậu vào trường trung học công lập.

Sự học ngày ấy nó đơn giản và nhẹ nhàng. Sách giáo khoa thì chỉ có mấy quyển gồm: Toán, Việt văn, Sử địa và Khoa học thường thức, chứ không phải cả một gánh sách như bây giờ. Chẳng hạn như lớp 1 hiện nay phải có tất cả 16 quyển sách các loại, chưa kể các sách tham khảo nâng cao. Lớp 1 là lớp mới bắt đầu tập đánh vần, viết chữ và làm quen với các con số, thế thì các em làm sao có khái niệm về

các từ: Tự nhiên, Xã hội, Khoa học, Đạo đức... Thế mà vẫn có sách giáo khoa: Tự nhiên – Xã hội lớp 1, sách đạo đức lớp 1. Thực chất những vấn đề đó sẽ được thông qua các bài giảng về các danh nhân, bài giảng về cảnh đẹp của quê hương đất nước trong sách Tập đọc, sách Việt văn là đủ rồi, chẳng cần phải in ra nhiều sách để đè nặng lên vai trẻ thơ như thế.

Ngày ấy đi học, tôi cũng như các bạn đều phải tự lo. Không có thước thì chẻ tre để làm thước, làm thủ công vót đôi đũa cũng phải tự làm, đến tết Trung thu cũng tự làm lồng đèn, thiếu hồ dán phải quấy bột mì... Dán lồng đèn ngôi sao hay bánh ú đem phơi nắng cho giấy màu căng lên, lỡ để lâu ngoài nắng nó nổ cái “bụp” rồi lại phải gỡ ra dán lại. Nhờ thế mà cũng rèn luyện cho mình có một số kỹ năng trong cuộc sống, chứ cha mẹ chẳng hề làm thay hay thúc ép phải đạt danh hiệu này nọ, miễn cuối năm lên lớp là được. Còn bây giờ thì thấy đa số các phụ huynh, ai cũng ép con em mình phải vào Đại học, ai cũng muốn con mình trở thành thần đồng, nên tội nhỏ bức xô là phải.

Một hôm trong giờ ra chơi, tôi thấy tại bạn bu quanh xem cái gì đó ở gần bờ rào. Tôi chạy đến thì thấy một đứa cầm lên một cái mũ cối bộ đội đã móp méo, chúng nó cố gắng đọc trên vành vải bao quanh mũ cái dòng chữ đã mờ nhạt và sờn rách đi phần nhiều nhưng cuối cùng cũng dịch ra là:

- Hy sinh vì Tổ quốc – Quyết giải phóng Mộ Đức!

Đúng là cái câu khẩu hiệu lúc đó vẫn còn nhan nhản trên các tường nhà ở khu vực Thạch Trụ này được các anh bộ đội viết bằng gạch và bằng than. Chiếc mũ này chắc là của một anh bộ đội nào đó đã chết trong mùa hè đỏ lửa vừa qua. Nhìn chiếc mũ móp méo mà tôi cứ tưởng tượng ra một người lính ở Miền Bắc hiền từ mà tôi đã gặp, bây giờ đã hy sinh, thân thể bị bom đạn vùi lấp ở đâu gần đây. Thương các anh quá!

Bởi vậy lúc này tôi hay vẽ cảnh chiến tranh cho các bạn cùng lớp

xem. Có năng khiếu vẽ đẹp nhưng vì vóc dáng nhỏ con nên các bạn đặt cho tôi cái tên là: "Họa sĩ Tí hon"

Một hôm vào giờ giáo lý, cô Luận đang giảng về sự kiện chúa Jesu bị đóng đinh lên thập tự giá. Tôi ngồi ở dưới không nghe giảng bài mà chăm chú vẽ cảnh chiến tranh. Vẽ cảnh đạn pháo nổ bèn nghĩ cách đưa ngòi viết Pilot vào gần trang giấy rồi thổi mạnh. Cô Luận thấy tôi không nghe giảng mà lo phì phò thổi nhiều lần như thế bèn đi xuống chỗ tôi và nói:

- Ngồi làm việc riêng gì thế? Đưa vở đây cho tôi kiểm tra xem nào!

Tôi tái mặt, vội gấp nhanh quyển vở lại, vì tôi đã vẽ vào trong quyển vở học Giáo lý cảnh bộ đội đang chiến đấu ở Thạch Trụ với câu khẩu hiệu: "Hy sinh vì Tổ quốc – Quyết giải phóng Mộ Đức". Bây giờ làm sao đây? Cô Luận là chủ nhà thờ Tin Lành do Mĩ bảo trợ. Để cho cô thấy cái này thì chết. Tôi vẫn đặt tay lên quyển vở giữ chặt, trống ngực đập thình thình.

Cô Luận giật quyển vở lên giở ra xem, thấy hình vẽ cô nhìn rất lâu rồi đưa tay xé toẹt liền mấy tờ có hình vò viên lại và ném xuống đất rồi nói:

- Ngồi trong lớp không chịu ghi bài nghe giảng mà vẽ bậy lung tung

- Vở học không chịu giữ sạch sẽ mà như tờ giấy lộn thế này? Hôm sau về thay vở mới nghe chưa?

Tôi chỉ biết líu ríu "Dạ, vâng". May quá! Cô không nói gì về những hình vẽ ấy.

Chính vì vẽ đẹp mà tôi lại gặp rắc rối hoài. Năm sau học lớp 5, Cô Dung cho về nhà vẽ bản đồ các tỉnh bắc phần (từ Ninh Bình trở ra) theo hình vẽ trong sách Địa lí. Tôi vẽ công phu bằng cách chia ô bằng bút chì, vẽ xong thì xóa ô đi, nên khá giống. Phần bờ biển của vịnh Bắc bộ thì lấy viết mực xanh tô đậm từng đoạn ngắn rồi đưa tay Xẹt ngang ra hướng biển tạo ranh giới của đất liền và vùng biển. Hình vẽ

chỉ một màu mực, không có thêm một màu sơn nào khác, nhưng khá đẹp.

Hôm sau nộp lên cho cô chấm điểm. Khi phát bài xuống, thấy các bạn đa số trên điểm trung bình mà tôi chỉ có 4 điểm. Xem bản đồ của thằng Gân là đứa ngồi bên cạnh thì ôi thôi! Bản đồ của nó vẽ như mèo cào, xấu lắm, không đúng tỉ lệ gì cả. Thế mà vẫn được 5 điểm. Tức mình quá, tôi cầm hai hình vẽ lên kiện.

- Thưa cô! Sao của em đẹp thế này mà có 4 điểm, còn hình này mà lại được 5?

- Ô hay! Cho ai mấy điểm là quyền của tôi chứ, sao em lại kiện thưa?

Vì khi ấy còn nhỏ thường sợ thầy cô nên tôi chẳng biết nói thêm gì, bèn đi về chỗ ngồi mà trong lòng rất áy náy, không hiểu được vì lí do gì mà cô lại áp chế mình như thế?. Vài năm sau này tôi mới hiểu ra lí do là khi ấy cô cứ nghĩ rằng bản đồ đó là do tôi nhờ người lớn vẽ. Cô không tin rằng tôi có thể vẽ được như thế.

Một hôm trong giờ ra chơi tôi lên bảng lấy phấn vẽ một cô giáo mặc áo dài và thầy giáo đeo kính nắm tay nhau dưới sự cổ vũ của bạn bè trong lớp. Vẽ xong thì có mấy đứa nữa lên vẽ thêm râu ria vào, còn tôi thì chạy ra sân sau để chơi với tụi khác. Vui chơi say mê đến khi trống vào lớp mà chẳng hay, sau đó chạy ùa vào lớp thì cô Dung cũng vừa bước vào. Nhìn lên bảng thì ôi thôi! Hình vẽ vẫn còn đó nhưng bên dưới có đứa nào điền thêm một câu:

- Cô Dung yêu Thầy Phép

Đúng là xem hình ấy ai cũng biết đó là Cô Dung và Thầy Phép, vì trong trường chỉ có một cô giáo trẻ là cô Dung dạy lớp 5, còn chỉ có một thầy đeo kính là thầy Phép dạy lớp 4. Cô Dung mặt đỏ bừng khi nhìn hình vẽ, rồi cô hỏi:

- Ai vẽ bức hình này?

Cả lớp im thin thít. Cô bắt lớp trưởng phải chỉ ra người vẽ, lớp

trưởng buộc phải nói tên tôi. Tôi bèn nói:

- Thưa cô! Đúng là em vẽ nhưng chữ viết không phải của em

Cô lại tiếp tục điều tra các bạn gái phải chỉ ra xem ai viết. Hình vẽ thì ai cũng biết là của tôi vì trong lớp không ai vẽ được, còn chữ viết thì khi ấy các bạn bu quanh nên chỉ một vài đứa biết thủ phạm nhưng tụi nó không nói. Cuối cùng chỉ một mình tôi lãnh đủ một trận dũa te tua của cô giáo chủ nhiệm. Thời ấy học sinh sợ thầy cô lắm. Nếu nghịch ngợm hay không thuộc bài là bị đánh đòn hoặc bắt quì cả tiếng, mà có khi quì trên xơ mít có gai hoặc quì trên trái dương (trái của cây phi lao) mới ê ẩm chứ.

Khi ấy đi học thì thường đem theo trống để giờ ra chơi là đánh trống (đánh khăng). Trống là một đoạn tre bằng ngón chân cái dài cỡ 40cm, có một cái trống con nhỏ hơn, dài khoảng 15cm. Khi chơi thì cầm cây trống dũi xuống đất cho có rãnh xiên. Đặt cây trống con vào đó cho một đầu hích lên trên, cầm cây trống gõ xuống đầu cây trống con cho bung lên rồi đưa cây trống vào nẩy nhẹ cho trống con văng lên xuống nhiều lần nhưng không được rơi xuống đất. Cuối cùng quất một cái thật mạnh cho trống con bay xa hết cỡ. Ai quất xa ít nhất hay bị rớt trống con là chịu bị hăm. Người bị hăm phải đi lượm trống con do mấy người kia quất để đem về cho người kế tiếp quất. Khi nào ai bị quất hụt trống con thì phải vào thay cho người bị hăm.

Ngoài trò đánh trống thì chơi bắn bi hăm hoặc chia phe ra để chơi đá lộn. Đá lộn là trò chơi rất nguy hiểm, có đứa bị đá trúng chỗ nghiêm trọng nằm bất tỉnh một hồi luôn.

Ở trường thì chơi thế, còn về nhà thì thường chơi tổ đất lộn. Chia phe ra và lượm những cục đất cày bằng ngón chân cái để tổ nhau. Có khi cũng bị u đầu chảy máu vì những cục đất quá cứng. Thời gian này cũng tương đối bình yên. Những đêm tối sáng trăng lũ trẻ chúng tôi vẫn tụ tập chơi u tù hoặc đá lộn thỏa thuê. Ban ngày thì đi bắt tổ

chim, tìm chim con về nuôi, thường thì bắt chim đồng độc hay làm tổ trên ngọn tre. Chim đồng độc lớn hơn chim sẻ một tí, lông lốm đốm vàng, loại này nuôi rất khôn. Bây giờ sao không thấy loại chim này nữa.

Chơi chim đã rồi chơi cá. Chạy ra đồng thấy chỗ nào có bọt trắng cỡ vài phân thì đó là tổ cá lia thia, be bờ quây tròn chỉ chứa một cửa vào, vài giờ sau quay lại đập trống rồi tát nước là sẽ bắt được cá. Cá lia thia có vằn rất đẹp, cho 2 con vào một chai để chúng đá với nhau xem thích thú lắm. Còn những cái thú khác dưới đồng nữa là đi cắm câu, thả lờ, và đi bắt cá xốc. Ruộng chuẩn bị cấy lúa thì phải cày, bừa và cuối cùng là xốc. Xốc là dùng trâu bò kéo cái bừa xốc để trang cho mặt ruộng bằng phẳng, lúc đó nước trong ruộng chỉ còn lấp xấp. Một người đi xốc là cả 9-10 người đi theo bắt cá, sau cái bừa xốc cá nổi lên, mọi người chạy lại chụp vui lắm. Cầm một cái gàu thủng đít để bắt cá xốc là hữu hiệu nhất, vì khi nước tràn trở lại thì cá đã ở trong gàu không chạy ra được. Khi ấy cá nhiều lắm. Những con cá trê to vàng chóc, đem về khứa ra rồi nướng trên bếp lửa cho chín và dầm vào nước mắm tỏi là món thức ăn tuyệt ngon mà hiện nay rất khó kiếm vì bây giờ chỉ toàn là cá trê nuôi, ăn thức ăn cám tổng hợp nên không thơm ngon như cá tự nhiên.

Những trò chơi dân dã hay những thú vui đồng quê của tôi ngày xưa chỉ còn trong kỉ niệm. Bây giờ muốn cho con cái mình hưởng thụ những điều ấy để phong phú thêm tâm hồn, để chúng có thêm tình cảm gắn bó với quê hương nhưng không thể thực hiện được. Vì môi trường và hoàn cảnh sống đã đổi thay.

Bây giờ đã là mùa hè năm 1973. Hằng ngày buổi sáng đến trường, buổi chiều tôi vẫn thường chạy về quê cũ thôn Thiệp Sơn để tham gia trồng củ, tía đậu với nhà ông nội. Mùa hè ở Miền Trung với cái nắng gay gắt từ ngay những ngày sau tết. Lúc này lính sư đoàn 2 đã chiếm đóng lại cứ điểm trên đồi Chóp Vung. Từng chiếc xe GMC chở lính,

chở súng đạn, vật liệu bê tông, sắt thép, kẽm gai... chạy lên xuống đường Cái Mới liên tục làm tung lên những đám bụi mịt mù

Lại nói về nấm mồ của người bộ đội Bắc Việt chết trên mép đường Cái Mới ở thôn Vùng 4, khi quân ngụy tái chiếm xã Phổ Thuận trước Hiệp định Pari. Vì người dân chạy loạn gần 10 ngày sau mới trở về nên xác chết đã phân rã bốc mùi hôi thối lắm, nên họ đành cuốc đất đắp thẳng lên tạo thành một nấm mồ trên mép đường. Xe nhà binh chạy qua lại làm cho nấm mồ sệ dần. Lúc đầu thì thấy lộ ra những ống xương tay, xương chân, rồi tiếp đến là cái sọ bung lên. Từ mùa xuân cho tới mùa thu, khi những cơn mưa đầu mùa bắt đầu rơi nhiều và ngày càng nặng hạt, đất trên mộ đã trôi dần để lộ ra những mảng tóc đen dính với thịt xương dán xuống mặt đường, thấy cả những chiếc răng trơ ra. Một chiếc vồng bung lên, lúc đầu là một cục, sau đó vết bánh xe nhà binh cán qua cán lại bung ra thành một miếng vải nhăn nhúm, chiếc vồng cũng thấm với máu thịt người chết tạo thành màu nâu sẫm loang lổ. Ai đi ngang qua cũng dừng lại một tí để xem và thương xót cho một người lính Miền Bắc đã hy sinh vì Miền Nam ruột thịt.

Vài hôm sau đi qua, tôi không còn thấy chiếc vồng nữa nhưng cái sọ và vài khúc xương vẫn còn văng vào bên lề. Đặc biệt là vài mảng tóc vẫn còn dính sát dưới mặt đường, mặc dù nấm mồ bây giờ gần như xóa sạch hoàn toàn bởi vết xe và những cơn mưa lớn. Chỗ này là trảng trống, nhà dân cách vài trăm mét, nên rồi chẳng có ai quan tâm gom góp chôn lại một nấm mồ khác.

Khi tôi đang viết những dòng này thì ngẫu nhiên nghe trong tivi, đài VTV2 trong mục “Nhắn tìm đồng đội” đọc họ tên của những người lính đã hy sinh ở Miền Nam, biết đâu trong số ấy có cả tên của anh. Và tôi chợt nhớ tới một đoạn trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng.

"Rải rác biên cương mồ viễn xứ

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

Người lính Tây Tiến năm xưa nằm xuống nơi biên giới Việt Lào heo hút vẫn còn có nấm mồ. Còn anh nằm đây mồ chẳng có mà thịt xương cũng tan nát mỗi nơi. Rồi mẹ anh hằng ngày vẫn nhắn tin trên VTV2 để tìm phần mộ, nhưng còn mộ đâu mà tìm và những dòng nhắn đó không biết đến bao giờ thì người ta sẽ ngưng. Ôi, chiến tranh tàn khốc quá!

Một hôm về nhà nội chơi, tôi ghé vào nhà ông Cố Tư. Ông Cố Tư là chú của ông nội tôi, bà mất sớm, ông không có con vẫn ở vậy một mình. Ngày lính Mỹ đến bắt cả xóm lên trực thăng Sâu Róm CH-47 để chở vào Gò Hội, ông sợ quá bèn giả cách đái đầy ra nhà rồi lấy lá khoai lang vò với lọ nồi sôi đầy lên mặt giả bộ đau nặng nằm đắp mền rên hi hi. Lính Mỹ vào nhà thấy vậy và nghe hơi thối, tưởng thật và sợ đưa lên máy bay sẽ lây bệnh nên ông không bị bắt đi. Những năm tản cư ông chạy theo mọi người ra Thạch Trụ làm nghề gánh nước thuê sống qua ngày. Sau cái Mùa hè đỏ lửa năm 1972 ông cũng trở về quê và dựng một căn chòi phía trước nhà ông nội của tôi.

Tôi vào nhà thì ông đang lọ mọ nấu cơm dưới bếp. Nhà ông hôm nay sao khác khác, chợt nhìn thấy chiếc võng nhàn nheo màu nâu loang lổ. Nghĩ đến chiếc võng của người bộ đội chết ở thôn Vùng Tư tôi chợt giật mình lạnh toát cả sống lưng và chạy xuống bếp hỏi.

*- Ông Cố! Chiếc võng ở đâu mà ông có trong nhà thế?
- Võng của tao mua ngày xưa ở Mộ Đức đấy mà
- Sao lâu nay con không thấy?
- Lâu nay nhà chật, không có chỗ cột võng nên cất trong xách, mấy hôm nay mới vừa dọn dẹp và chống thêm trụ bên ngoài mới dám cột võng đó.*

Tôi không tin lời ông nói, nhưng không dám hỏi han gì thêm. Nếu

võng của ông mua thì không thể nhàu nát loang lỗ sậm màu như vậy. Mà lâu nay ngoài chợ cũng chẳng thấy bán loại võng như thế. Mấy hôm sau tôi trở lại nhà ông Cố Tư thì gặp các anh Dưỡng, anh Chánh cũng ở đó, còn ông Cố Tư đi xới củ phía sau vườn. Tôi hỏi về chiếc võng ấy thì được biết đó chính là chiếc võng của người bộ đội chết ở Vùng Tư. Ông đi qua thấy chiếc võng vẫn còn lành lặn và có đủ cả dây dù nên tiếc quá bèn lấy về giặt xà phòng thật sạch để nằm. Dù đã giặt nhiều lần nhưng máu thịt đã thấm lâu vào vải nên vẫn thấy còn loang lỗ từng vết nâu sậm.

Lúc đầu tôi chẳng hề dám đụng tay vào chiếc võng, thời gian sau thấy các anh tôi vào nhà nằm hẳn trong võng, tôi cũng đụng chạm lần và cũng nằm vào luôn. Chiếc võng tuy loang lỗ nhưng còn khá chắc, vải võng khá dày, dây mắc võng hai đầu vẫn còn nguyên. Đó là chiếc võng Trung Quốc dùng trang bị cho bộ đội thời ấy. Sau đó tôi có hỏi ông Cố Tư.

- Ông Cố, ông nằm một mình trên võng ban đêm ông không sợ sao?
- Có gì đâu mà sợ, tao đã xin lại của người chết rồi
- Có khi nào ông thấy ông bộ đội ấy không?
- Chưa thấy lần nào cả

Thật tôi nghiệp ông cố, Cả đời nghèo khổ chưa bao giờ đủ tiền mua cái võng để nằm, đành phải nằm chung với người chết.

Bình yên một thời gian rồi súng lại nổ. Nhiều đêm nghe súng nổ ran ở phía xa xa, kèm theo là những ánh chớp sáng lòa ở một góc chân trời. Một buổi sáng sớm nhìn lên QL1 tôi thấy một đồng lúa lù lù gồm tre gai và kẽm gai bùng bùng, Phía bên kia đường ở xóm 21 một lá cờ mặt trận được cắm trên một ngọn cây cao đang bay phấp phật in rõ trên nền trời. Thôi rồi, mấy ông Du kích lại về rào đường và chuẩn bị đánh nhau đây. Lính Nghĩa quân trong đồn thì chẳng dám ra mở đường và gọi lính Địa phương quân từ trong quận ra.

Mọi người cũng chui vào hầm như mọi khi. Vài loạt đạn nhọn và

cối cá nhân nổ đi dùng trên QL thì lính cũng ra đến nơi, vì Du kích chỉ rào đường cản xe cơ giới chứ không ở lại tham chiến. Mọi người dưới hầm cũng chui lên và một lúc sau thì có vài tên lính đi xuống. Một tên nói:

- Mấy người chứa chấp Cộng sản đem qua về đây để rào đường thì bây giờ phải lên dỡ

- Mấy ông rào hồi khuya có ai biết đâu, sáng ra mới thấy – Mọi người lao nhao phản đối

Một tên lính dí súng vào người mẹ tôi và nói:

- Bà kia! lên đường cái kéo bờ rào ra dọn đường!

- Thôi chết! lỡ có mìn trong đó nó nổ thì sao?

- Đi ngay! Các bà để Cộng sản rào đường thì phải dọn

Tôi sợ quá chạy lại kéo lấy tay mẹ và nói:

- Mẹ ơi, đừng đi! Đi là chết ngay

Mẹ tôi nói:

- Tôi không đi đó! Lên đó chết thì mấy ông có chịu không?

- Các cậu ơi! Sao lại bắt dân vào chỗ chết như thế? Đã có người chết vì kéo vi rào đường đó. Các ông làm sao thì làm chứ tụi tôi không đi đâu hết! - Ông tôi cũng nói xen vào.

Mọi người lao nhao phản đối quyết liệt, tên lính bèn bỏ đi đến các nhà khác. Đi đâu người dân cũng phản đối khi hắn bắt họ lên dỡ bờ rào. Cuối cùng chúng đành phải cột dây thật dài vào những cây tre, vào đoạn kềm gai trên bờ rào và đứng từ xa để kéo. May thay, không có mìn hay lựu đạn cài trong ấy.

Những năm trước, hằng đêm Du kích vẫn về và tổ chức chặt tre, bỏ rơm rạ ngang qua QL và cài mìn trong ấy để rào đường chặn xe cơ giới của địch. Bà Hồng là một nạn nhân khi bị bắt đi phá dỡ hàng rào.

Hôm ấy có rào đường. Ông Hồng thấy bờ rào trên QL ngay trước nhà mình liền vội đánh trâu ra đồng để lánh đi, thì gặp tụi lính

ngoài cầu Vinh Hiển đi vào và kêu lại, ông đành phải quay trở vô, đến gần nhà thì chúng bắt ông vào kéo bờ rào, ông đã kéo hai cây tre và không chịu kéo nữa. Đang giằng co với tụi lính thì bà Hồng chạy ra. Vì ông là đàn ông nên bà sợ chúng đánh đập bèn nói.

- Ông nhà tui đang bị bệnh, xin các cậu cho ổng nghỉ, còn gì ngoài đó thì để tôi dọn cho.

Nói rồi bà bước ra đường nằm lộn rạ kéo đi. Một tiếng nổ “Ầm!” chát chúa vang lên, bà Hồng bật ngửa ra đường, máu me đầy mình, tụi lính hoảng loạn nằm rạp xuống ven lề đường. Sau một hồi không thấy động tĩnh gì, mọi người mới chạy ra và đưa bà Hồng đi nhà thương Quảng Ngãi. Không biết là loại chất nổ gì nhưng bận đó bà Hồng nằm viện 6 tháng, cũng may là còn giữ được mạng sống đến ngày hôm nay và hiện giờ chân vẫn còn đi cà nhấc. Thời gian đó cũng có vài người chết vì phải đi kéo bờ rào, đến năm 1973 trở về sau thì Du kích vẫn rào đường liên tục nhưng sợ người dân lãnh nạn nên không có cài chất nổ trong ấy nữa.

Sau Hiệp định Pari thì có sự kiện lấn đất giành dân của hai bên. Bên Giải phóng thì gọi là giữ đất giữ dân, bên ngụy thì ra sức chiếm đất và giành dân. Những cuộc hành quân liên tiếp bằng xe tăng M113 của lính ngụy đi về các xã Phổ An, Phổ Phong là hai xã vùng biển và vùng núi tiếp giáp với xã Phổ Thuận là phải hứng chịu nhiều nhất các đợt càn quét này. Từng đoàn người ở các nơi ấy lũ lượt bồng bế nhau chạy tản cư lên các vùng ven QL1 để tránh bom pháo. Còn người dân Phổ Thuận quê tôi thì cũng có nhiều người méo mặt vì ruộng lúa bị xe bọc thép quần nát, nhiều khi một đám ruộng mà bị 3 đường xe tăng dẫm nát. Có lúc khi hành quân trở về mà chúng vẫn chạy nhiều đường khác nhau, kẻ nhau, làm cho nát bét cả đồng lúa đang sắp đến kì thu hoạch. Hồi ấy có loại xe bọc thép gì mà có cái thùng phía sau rất lớn, Khi đi càn trở về thì thấy chở trên ấy nào là lúa gạo, tôn rạ, giường tủ, heo gà... Các vật dụng mà chúng cướp

được của người dân ở vùng ấy, chúng tôi thường gọi là xe tăng chở lúa.

Nghe mọi người nói là lính nguy thực hiện chính sách 3 trắng (3 không) ở các vùng chúng cần quét. Đó là: Trắng dân, trắng cây cối và trắng Cộng sản

Những lần cần quét như thế, từ trên đồng nhìn xuống xã Phổ An thấy nhà cửa bị đốt cháy khói bay lên nghi ngút. Làm như thế để chúng tách dân ra khỏi Cách mạng, Cách mạng sẽ không có người tiếp tế và chúng sẽ dễ dàng bắn pháo xuống làng mỗi khi cần thiết.

Một thời gian sau có mấy người quê ở Phổ An bỗng bế đến ở với bà con tại xóm tản cư sát nhà tôi. Họ nói rằng bị mấy anh Du kích khi đêm đến chặt cột nhà ở khu đồn Trà Câu buộc họ phải về làng

- Du kích mà sao hành động như lính nguy thế? - Một số người hỏi

- Họ bảo phải về quê, cách xa đồn địch để Cách mạng bắn cối vào đồn khỏi vạ lây – Người kia nói.

- Về quê chúng xuống đốt nhà, đánh đập thì các ông ấy có bảo vệ được không? – Một người khác nói.

Có phải là lệnh từ trên của Cách mạng hay không thì tôi không biết. Nhưng ở xóm tản cư sát nhà tôi cũng toàn là dân Phổ An chạy lên, tôi không hề thấy có chuyện đó. Có lẽ đó là do ham thành tích của một số Du kích trong chủ trương vận động bà con về làng của cấp trên. Vận động không được thì bèn quay ra dùng vũ lực. Mà chạy về làng thì bị lính nguy cần quét đốt phá nên một số người ấy mới chạy đến chỗ xóm tản cư này.

Người dân nằm kẹt giữa hai làn đạn thật khổ sở vô cùng.

Sáng hôm ấy Tôi đang thả trâu ở Gò Da thì nghe một loạt súng nổ ở hướng An Sở. Chuyện súng nổ thì như cơm bữa nên cũng chẳng quan tâm làm gì. Một lúc sau thì nghe hàng loạt pháo 105 li từ Gò Hội bắn ra bay về hướng xã Phổ Phong. Có chuyện gì thế nhỉ? Mọi hôm thường không có bắn pháo vào giờ gần trưa như thế này. Tối

hôm ấy về nhà nghe mấy người bàn tán râm ran về việc du kích xã Phổ Thuận đã đóng giả lính ngụy và cướp thành công chiếc xe Jeep, mà nhân vật chính trong vụ này là anh Bình, lúc đó là lính thuộc trung đoàn 1 – sư đoàn 2 ngụy

Sự việc cướp xe Jeep hồi đó tôi nghe người dân, du kích rồi cả lính nghĩa quân đến nhà tôi cũng có kể lại với nhiều chi tiết không giống nhau. Mãi đến hôm nay khi được tiếp xúc với nhân vật chính của câu chuyện này tôi mới rõ từng chi tiết. Khi đến “phỏng vấn” tôi cũng nói rõ mục đích của tôi là viết lại hồi kí “Tuổi thơ máu lửa” của bản thân tôi đối với những sự kiện mà mình có ít nhiều chứng kiến, chứ tôi không phải là nhà báo viết bài cho một tờ báo nào, hoặc viết để báo cáo thành tích cho anh hay cho xã Phổ Thuận. Do đó tôi mong anh hãy kể hết sự thật, không nên tô hồng lên. Anh Bình vui vẻ và đồng ý với quan điểm đó.

Anh Bình là cơ sở của Ban an ninh xã Phổ Thuận từ năm 1967, năm 1969 thoát li lên Ban an ninh xã và được bố trí hoạt động ở phía trước, tức là có nhiệm vụ diệt ác trừ gian. Năm 1971 được tổ chức phân công nhiệm vụ hoạt động ở thị trấn Đức Phổ, chẳng may hôm ấy bị địch chặn lại khám xét và bắt tại trận với một khẩu col45 trong người. Địch tra hỏi về tổ chức nhưng anh chỉ khai là thanh niên khi ngẫu nhiên lượm được khẩu súng ngoài đồng thì thích mang chơi chứ chẳng hề có ý bắn ai. Đồng thời mẹ anh đi vận động lo lót vàng bạc nên anh chỉ bị bắt bỏ tù một thời gian. Sau đó được sự đồng ý của tổ chức, mẹ anh lại lo lót để anh được đưa ra đăng kí nhập ngũ vào trung đoàn 2, sư đoàn 1 ngụy, sau đó xin chuyển về trung đoàn 1 của sư đoàn 2 là đơn vị đứng chân ở địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để có điều kiện hoạt động cho địa phương. Thời gian tại ngũ anh đăng kí đi học lái xe và khi đó anh vẫn thường về quê Phổ Thuận ghé vào nhà cô T. là cơ sở, dưới danh nghĩa là bồ của anh. Cô T. sẽ chuyển các tin tức quan trọng mà anh cung cấp cho tổ chức. Có khi anh cũng ở lại đêm

để họp với Ban an ninh xã.

Thời gian này tổ chức giao cho anh nhiệm vụ là lên kế hoạch làm sao diệt được địch để gây tiếng vang. Sau nhiều tháng nghiên cứu nhưng vẫn chưa thực hiện được. Khi thì địch đi quá đông, khi thì xin đi nhờ xe nhưng chúng không dùng xe lại. Sau khi nghiên cứu kỹ cách thức đi lại bằng xe Jeep của tụi sĩ quan ngự ở thị xã Quảng Ngãi, anh báo với tổ chức là ngày mai phải quyết tâm lấy được xe.

Hôm ấy là ngày 10 – 12 – 1973. Năm người du kích xã Phổ Thuận đóng vai lính ngự nằm chờ sẵn gần đường 5 (QL24) cách ngã tư Thạch Trụ 1km. Anh Bình thì đóng lon thiếu úy ngồi sẵn ở một quán café ở thị xã Quảng Ngãi để đón lõng bắt xe. Khi ấy có một chiếc xe Jeep chở hai tên lính và một đại úy quân y nhưng không có vũ khí, cũng vào quán uống cafe. Khi ra xe anh Bình hỏi tên đại úy đi về đâu, hắn bảo đi về sân bay Quảng Ngãi, anh liền xin quá giang đi và lên xe ngồi ở ghế sau. Đi được một đoạn, anh rút 2 súng, hai tay dí vào lưng tên lái xe và tên Đại úy rồi bảo.

- Cho xe quay về Đức Phổ! Ngồi im, không được quay đầu lại! Không tuân lệnh tôi sẽ nổ súng!

Tên đại úy bất ngờ há hốc mồm ngồi yên ở ghế trước run cập cập, tên lái xe thì mặt không còn chút máu, đành phải riu ga cho xe chậm lại và quay xe về hướng nam. Ra khỏi nội thị anh Bình thúc cho xe đi nhanh, cầm súng và luôn quan sát động tĩnh của 3 tên địch, đồng thời hăm dọa nếu hắn có hành động gì thì sẽ bị bắn ngay lập tức. Xe chạy qua nhiều đồn bót, trạm gác nhưng thấy trên xe có đại úy và thiếu úy nên chẳng bị dò xét gì.

Xe chạy đến ngã tư Thạch Trụ thì buộc phải quay lên đường 5. Đến địa điểm hẹn trước thì anh Bình ra lệnh dừng lại. Các anh du kích chạy ra, bắt 3 tên ngự xuống và 5 người du kích đã đóng giả lên xe chạy tiếp vào thị trấn Đức phổ. Trên xe lúc này có anh Nguyễn Văn Tròn (được tuyên dương AHLLVT năm 1978) đóng vai đại úy,

anh Bình lên vị trí lái xe, mọi người trang bị súng ống đầy đủ.

Xe chạy vào tới thị trấn thì hôm đó ở chi khu lính tráng khá đông, thấy hành động lúc này không thể thoát được, các anh bèn quay ra. Đến Trà Câu, các anh tiêu diệt tên Dinh là cuộc trưởng cảnh sát Trà Câu, ra đến An Sở tiêu diệt tiếp ông Công là phó đại diện xã Phổ Long (Phổ Thuận). Lúc đó tụi lính ở đồn An Sở mới phát hiện và nổ súng chỉ thiên nhiều loạt, khi ấy xe đã chạy đến cầu Nước mặn. Tên lính gác cầu ra hiệu xe dừng lại, hắn nói:

- Có chuyện gì mà súng nổ báo động trong kia, mấy anh cho xem giấy tờ

- ĐM. Mà không thấy xe sĩ quan đi công vụ sao mà còn dám chặn lại?

Nói rồi anh Bình chồm ra khỏi xe quờ tay tát tên lính gác, tên lính né tránh và tái mặt khi thấy trên xe có cả đại úy và nhiều lính tráng rần rần với súng ống lăm lăm nên chẳng dám ho he. Xe chạy tiếp ra ngã tư Thạch trụ thì gặp hai tên lính sư đoàn 2 đóng tiền đồn ở cây số 2 đang đi chợ về xin quá giang. Các anh vẫn ngừng lại và cho lên xe, đến Tiền đồn thì dừng lại và cho xuống. Một tên nói:

- Các anh quay xuống đi, trên đó có cộng sản đấy!

- Đi công vụ mà!

Chiếc xe chạy tiếp về hướng tây trước sự ngỡ ngàng của hai tên lính nuôi quân. Chạy lên đến cầu Chùa cháy (cây số 4) thì pháo địch nổ theo tấp nập hai bên đường 5. Đến đây đã là vùng giải phóng, xe chạy tiếp lên cây số 9 thì rẽ vào rừng. Mọi người đều an toàn. Chiếc xe sau đó được tháo rời ra và chuyển theo đường Trường sơn đi ra bắc rồi tổ chức triển lãm ở Nghệ An là tỉnh kết nghĩa với Quảng Ngãi khi ấy.

Trong chiến công rực rỡ ấy có vai trò chính yếu là của anh Bình. Với lòng dũng cảm sẵn sàng hy sinh khi có tình huống xấu nhất xảy ra là tên lái xe chạy thẳng vào đồn lính. Nhưng mãi đến hôm nay

anh vẫn còn canh cánh trong lòng một nỗi buồn là ta đã bắn làm một cán bộ nội tuyến.

Ông Công bị bắn hôm ấy là cơ sở nội tuyến của ta cài vào lòng địch làm chức đại diện phó xã Phổ Long. Để giữ bí mật chuyện này, gia đình ông Công cũng không được biết, chỉ có ông Gặp lúc đó là bí thư đảng ủy xã Phổ Thuận là người giao nhiệm vụ cho ông Công và vài cán bộ chủ chốt của huyện Đức Phổ biết. Đội diệt ác hôm ấy không một ai được biết. Hôm ấy ông Công đi lên thôn Kim Giao gặp gỡ với ông Gặp, khi trở về đến An Sở thì ngẫu nhiên gặp chiếc xe Jeep ấy rồi bị bắn chết. Có lẽ trước khi chết ông cũng không hiểu được rằng mình bị bắn.

Còn một điều đau xót nữa là đến mãi bây giờ do sự mâu thuẫn sao đó giữa những nhân chứng mà ông Công vẫn chưa được công nhận là liệt sĩ. Nhưng một thực tế đã chứng minh là trong quyết định khen tặng huy chương cho anh Bình (Nguyễn Thanh B) lúc đó chỉ ghi là tiêu diệt: 01 đại úy bác sĩ, 01 cục trưởng cảnh sát và 02 lính ngục mà không hề có ghi tên ông Công. Thế mà giờ này vẫn chưa trả lại được nỗi oan cho một cán bộ điệp báo. Việc bắn nhầm này rất ít người được biết, và tôi hôm nay mới biết là do anh Bình kể lại. Chiến tranh xảy ra nhiều điều đau xót quá!

Trung đội lính nghĩa quân ở đồn Quán Vịt chỉ khoảng mười mấy người. Trung đội trưởng Hạt là một người tầm thước nhưng chắc nịch, lúc nào cũng khoác cái áo giáp trên người, vẻ mặt nghiêm nghị với cặp môi dày làm cho người khác rất khó gần gũi. Mỗi lần có sự đụng độ với du kích thì ông ta điều hành lính chạy rầm rập, những người lính dưới quyền đều tỏ vẻ sợ ông ta.

Một hôm tên Hạt dẫn lính đi phục kích sớm và bắt được ông D. là cán bộ nằm vùng - người ở thôn Vùng 5 -- đang trốn dưới hầm và bắn chết đem bỏ xác trên QL1. Sau vụ cướp xe Jeep, lính ngục tỏ ra hốt hoảng và bớt hung hăng hơn. Hạt sợ bị trả thù nên chuyển đi nơi

khác. Đến ngày giải phóng (tháng 3 -1975) tên Hát bị bắt, hôm ấy anh em của ông D. đánh hấn lộn nhào như một trái banh, may lúc ấy có ông Gặp là bí thư đảng ủy xã Phổ Thuận đến can ngăn kịp thời, ông Gặp nói:

- Bây giờ đã giải phóng, những tên có nợ máu thì sẽ được giao lên trên để cách mạng trừng trị, mọi người không được tự ý trả thù cá nhân.

Nhờ thế mà tên Hát mới thoát chết.

Sau khi tên Hát chuyển đi nơi khác thì ông Lang lên thay chức trung đội trưởng. Ông Lang là người có tính tình hiền lành nên những người lính trong trung đội nghĩa quân khi ấy chẳng thấy ai hung dữ với dân. Hằng ngày trung đội làm nhiệm vụ giữ an ninh trên đoạn đường khoảng 2km, từ cầu Vinh Hiển ra đến Cầu Nước Mặn, tối rút về đồn Quán Vịt.. Lính nghĩa quân trang bị vũ khí rất là đơn giản, toàn trung đội chỉ có một khẩu M79, còn lại là AR15, nên khi gặp du kích tổ chức rào đường hay đánh nhau thì lính ở đồn Quán Vịt không bao giờ tham chiến, mà gọi lính địa phương quân từ trong quận ra giải quyết.

Một hôm đang ngồi chơi nói chuyện thời sự với ông Lang trung đội trưởng thì mẹ tôi hỏi:

- Chú có học tiểu sử ông Hồ Chí Minh không?
- Hồi nhỏ đi học có học nhiều chứ
- Chú thấy sao? Ông Hồ có tiểu sử xuất sắc và tài giỏi quá phải không?
- Tiểu sử của ông Hồ thì rất là hấp dẫn rồi. Tài năng ông Hồ thì các ông Diệm, Thiệu, làm sao mà bì kịp. Cho nên phe ông Hồ có nhiều người theo là thế.

Nói đến đây rồi mẹ tôi và ông Lang cũng chẳng nói gì thêm. Hồi đó khi nói về Hồ Chí Minh thì ngay cả những tên ác ôn tôi thấy cũng chẳng bao giờ có lời lẽ xấu láo. Bác Hồ là niềm tin yêu với mọi người

dân Việt Nam.

Ngày nào cũng có những người lính nghĩa quân đến nhà cho nên cả trung đội lính nghĩa quân ở đồn Quán vịt đa số là những người quen biết với gia đình tôi. Trong trung đội, mỗi người mỗi cá tính. Ông Luật thì ít nói, người hơi già, nhỏ con nhưng lại vác M79, trên mình luôn khoác cái áo mang đạn với một hàng đạn M79 trước bụng. Anh Nam người nhận làm con nuôi của mẹ tôi thì hay kể chuyện về gái gú, kể về các con đĩ ở Đức phổ và Quảng Ngãi. Anh Nam mang máy truyền tin, mỗi lần bắt sóng hay gọi đi đâu thì luôn dùng tiếng lóng để nói chuyện, qua nhiều lần nghe gọi tôi đã biết được cái từ “con cái” trong khi gọi, ví dụ câu: “Anh cho con cái nó đến ngay đi” tức là: “Anh cho lính tráng nó đến ngay đi”. Phụ trách máy vô tuyến thì giữ súng ngắn và luôn theo sát trung đội trưởng.

Anh Cai là người quen biết với nhà tôi cũng từ lâu và cũng hay gọi mẹ tôi là má, anh có tướng mã rất đẹp trai giống như nghệ sĩ, đầu tóc hay để dài và quần áo thường ủi hồ thẳng nếp. Anh kể rằng khi chưa đi lính anh thích bắn chim, mượn cây súng của anh lính kia mà không được nên đã đăng lính để được tha hồ bắn súng, bây giờ ngán ngẫm quá, muốn trút bỏ bộ đồ lính mà chẳng biết làm sao.

Một buổi tối các ông giải phóng về tổ chức mít tinh ở xóm tôi, có bắt loa hát những bài hát địch vận vào đồn Quán Vịt. Sáng ra anh Cai đến nhà và hỏi mẹ tôi.

- Hồi hôm ở ngoài này mít ting hả má? Họ nói gì thế?

- Họ mít tinh nói chuyện thời sự ấy mà, mà họ có hỏi thăm mày nữa đấy

- Ủa! Họ nói gì về con? mà có nói ai nữa không?

- Họ nói bà nhận thằng Cai làm con nuôi mà sao nó hung hăng bắt gà, bẻ bí của dân?

Anh Cai tái mặt lắp bắp nói:

- Họ nói thế à?

- Ồ! Họ hăm rồi đấy, mày đừng làm thế nữa

Thật tình là buổi mit tinh hôm đó không ai nói gì, nhưng mẹ tôi biết được anh Cai có bắt gà của ai đó ở xóm ngoài nên nói lên như vậy, ai dè đánh trúng ngay tim đen làm anh ta tái mặt. Cũng từ đó anh ta trở nên hiền khô, không nghe ai nói bắt gà, bẻ bí nữa. Quen thân với lính mới dám nói như thế và làm công tác địch vận đã có kết quả rõ rệt.

Một hôm, thấy anh Cai đến nhà với cái đầu 3 phân trọc lốc. Tôi nói.

- Ồ! Anh Cai hôm nay có cái đầu đẹp quá ta

Mấy anh lính khác cười ầm lên, anh Cai thì lặng lẽ bỏ đi đến nhà khác. Tôi hỏi mấy anh khác sao nay anh Cai lại hớt tóc như thế, thì anh Nam nói.

- Hôm qua trung đội nghĩa quân bị quận trưởng Đức Phổ Đoàn Hiếu về kiểm tra và thằng Cai bị quận trưởng đánh 10 hèo vì tội để tóc dài đấy.

Tôi đã thấy chỉ huy lính sư đoàn 2 đánh lính nhiều rồi, nhưng hôm nay mới nghe quận trưởng đánh lính. Mà đúng rồi, quận trưởng khi ấy là thiếu tá trưởng chi khu, lính trong quận là quân của quận trưởng nên việc đánh lính sau này nghe thường xuyên. Trong quân chủ lực ngụy, những người lính ở chiến trường ngủ quên hay hút thuốc trong khi gác.v.v... mà gặp tên chỉ huy hung bạo thì bị đánh đập tàn khốc như những tù nhân trong tù. Thật là một đạo quân phát xít! Còn ông Lang thì tôi chẳng thấy ông đánh lính bao giờ, những người lính được cho về nhà ở thị trấn có khi ra đơn vị trễ một hai ngày cũng chẳng nghe bị kỉ luật. Có lẽ ông đi lính cũng vì sự bắt buộc mà thôi.

Một bữa nọ tôi nghe một người lính nghĩa quân hát bài hát:

Ghé về thăm lại vùng đông

Nghe tình đất mẹ thấm trong tim này

Bước đi hơn chín ngàn ngày
Quê ta đó đã dạn dày nắng mưa
Sa Huỳnh vẫn mát bóng dừa
Biển xanh thuyền lại sớm trưa đi về
Qua sông Trường nhớ làng quê
Hải Môn, Tân Tự ghé về Phố Quang
Đẹp sao cứ mỗi tên làng
Mỗi con sông nhỏ ngỡ ngàng chiến công

.....

Tôi nói:

- Anh hát bài hát giải phóng nhé!
- Bây giờ hòa bình rồi mà
- Hòa bình rồi mà sao anh không về với vợ con mà còn cầm súng?

Anh lính đó cười to và nói với người lính kia.

- Thằng nhỏ nó bảo tao sao không bỏ súng về với vợ con mà còn đi lính kia

- Thì anh nói hòa bình rồi mà?

Hai người lính chỉ cười mà không nói gì nữa. Hai tiếng “Hòa bình” là một âm thanh triu mến, là niềm mong đợi khát khao của những người lính, của mọi người dân khi ấy.

Hôm ấy đi học về đến nhà thấy ở nhà có nhiều lính và cả những người mặt đồ sovín. Một người đàn ông cỡ 40 tuổi với thân hình gầy nhom đang ngồi trên một chiếc ghế đẩu ngoài sân. Tôi chạy vào nhà hỏi bà ngoại tôi.

- Sao hôm nay có chuyện gì vậy ngoại?
- Ông Bình ấp trưởng đã bị ám sát – Bà ghé vào tai tôi nói thầm
- Bắt chết ở đâu? Ai bắt?
- Ở xóm ngoài, ai mà biết!

Tôi hỏi người đàn ông ngồi ghế ấy là ai thì được bà cho biết đây là ông Do, người ở xóm ngoài, ông Bình ấp trưởng thôn Vùng 5 bị bắt

chết ngay trước ngõ nhà ông Do, nên ông bị bắt vào đây để thẩm tra. Tôi nhìn mà ái ngại và lo lắng cho số phận của ông Do quá. Có lẽ những người mặc đồ sovín đang ngồi trong nhà ông tôi là cảnh sát quận, và chắc đã thẩm vấn xong rồi nên tôi thấy không có ai hỏi gì nữa. Một lúc sau thấy có một người lính sư đoàn 2 đi tới, tôi chợt nhận ra đó là anh Hạnh, người trung đội trưởng đã ở nhà tôi những ngày giáp tết 1973, là người đã cho tôi bắn súng AR15 để chào đón giao thừa đêm ấy. Có lẽ người nhà ông Do cũng quen biết anh Hạnh nên đã chạy ra Mộ Đức tìm nơi đóng quân của anh và nhờ anh can thiệp. Anh Hạnh vào nhà nói gì đó với các tên cảnh sát một hồi lâu và mọi người bước ra. Mẹ tôi khi ấy cũng bước lại và nói thêm vào là ông Do lâu nay là người dân lo làm ăn chứ chẳng tham gia bên nào. Sau đó vì không có chứng cứ gì nên ông Do cũng được thả ra.

Thực ra việc ám sát ấp trưởng Bình là do một học sinh được du kích trao súng Colt45 và đã hạ sát ông ta bằng hai hai phát đạn ở cự li rất gần. Mọi người lớn đều biết chuyện ấy, nhưng bọn địch chẳng thể điều tra ra vì lòng dân đã hướng về cách mạng, hơn nữa tội cảnh sát chỉ thẩm vấn trong diện hẹp những nhà gần đó chứ không dám đi sâu vào những xóm xa hơn nên không thể tìm ra thủ phạm.

Những sĩ quan nguy biệt phái đi dạy ở các trường trung học hay những thầy giáo tham gia làm mật vụ cho địch cũng là những đối tượng bị học sinh ám sát.

Sáng hôm ấy ở trường Bán công Lê Văn Duyệt xảy ra một vụ nổ lactic, toàn trường bị một phen hoảng loạn. Chất nổ tự tạo có hẹn giờ thường gọi là lactic (chất nổ dẻo plastic). Hôm đó thầy Đ. hết giờ dạy ra xe Honda để đi về, ra đến sân trường thầy quên cái gì đó ở trong lớp bèn quay vào lấy, thì một tiếng nổ ầm vang cả yên xe. Cả trường nhốn nháo mạnh ai nấy chạy. Quả lactic đó là do một học sinh đã lén đặt dưới yên xe vào giờ ra chơi, và thầy Đ. đã thoát chết trong gang tấc.

Từ ngày có vụ cướp xe Jeep, đặt lactic, rồi ông Bình bị ám sát thì bọn nguy quân và nguy quyền càng sợ hãi hơn. Những tên ác ôn, xã trưởng, ấp trưởng chỉ dám về xã Phổ Thuận vào buổi sáng, sau khi lính ở các đồn đã mở đường xong, đến trưa là lo về quận, chẳng khi nào dám ở lại đến 3h chiều.

Một buổi sáng tôi và mẹ đi đến Hội đồng xã để làm lại giấy khai sinh cho tôi. Hội đồng xã nằm ven QL1 ở thôn Vùng 4 gần đồn Quán Vịt. Trước nhà Hội đồng là một cái lô cốt bằng bê tông có lỗ châu mai đen ngòm. Vào phòng làm việc thì cũng có một vài người đến chứng giấy tờ gì đó. Trước mặt tôi bây giờ là 2 hung thần của xã Phổ Long (Phổ Thuận), một là xã trưởng Lương Hoàng, một là tên ác ôn Dương Giỏi, người đã bắn chết Dì Bằng của tôi vào năm 1971. Tôi cảm thấy sợ hãi và nhỏ bé trước hai con người to lớn ấy. Lương Hoàng thì cái mặt đỏ gay như gà đá, cầm lá đơn đọc xong rồi kí một chữ kí dài như cái lò xo rất đẹp gần hết trang giấy, tên Giỏi thì tướng người cao lớn có bộ râu dê, nhìn mẹ tôi cười cười và nói.

- Chị đi làm giấy nhỏ tuổi cho thằng này để lâu tới tuổi đi lính phải không?

- Chừng nó đủ tuổi đi lính thì chắc hết chiến tranh rồi.

Mẹ tôi nói thế chứ khi ấy có ai biết được khi nào mới hết chiến tranh, nhưng đó là niềm hy vọng của mọi người, không biết những người có nợ máu như Dương Giỏi có mong đến ngày hòa bình không nhỉ?

Sau hiệp định Pari thì chiến sự trên quê tôi cũng không còn khốc liệt như hồi năm 1972. Đặc biệt là thời gian này trở về sau không hề thấy cảnh máy bay ném bom nữa. Có lẽ Mỹ đã rút quân và cắt viện trợ nên không đủ bom để thả như trước kia. Tuy nhiên, việc rào đường, du kích tổ chức chặn đánh địch vẫn diễn ra thường xuyên. Những lần như thế thì cũng đi tản cư, đến trưa lại về. Nếu đi tản cư thì thường là lúc 5h sáng mọi người gồng gánh, dắt bò đi rào rào cười

nói vui vẻ trên đường QL như đi xem hát.

Do nhiều lần bị rào đường chặn đánh nên lính biệt động và lính sư đoàn 2 thỉnh thoảng vẫn đi phục kích vào ban đêm, nhiều người dân đi tháo nước ruộng sớm là nạn nhân của những vụ phục kích này.

Một buổi sáng sớm, chú Mười của tôi đi xe đạp từ đâu chạy đến dừng ngoài ngõ báo tin cho mẹ tôi.

- Chị Ba ơi! cha bị bắn chết rồi!

Nói xong chú vội quay xe đi ngay. Nghe tin tôi và mẹ rụng rời cả hai tay, ông nội tôi đã chết rồi sao? Tôi vội vàng lấy xe chở mẹ chạy về ngay thôn Thiệp Sơn. Đến nơi thì mới biết người chết không phải ông của tôi mà là ông Giật nhà gần đó. Chú tôi khi đêm ở nhà bà con dưới An Sở về đến đầu thôn nghe người ta báo nhảm nên quay xe xuống báo nhảm tiếp cho mẹ tôi. Tôi chạy vào nhà ông Giật xem sao thì cũng có đông người ở đấy. Xác ông được để trên chiếc giường tre, cái đầu bị bắn toác loác đổ ra một đồng não được mọi người hốt đem về để sát bên. Lúc ấy có anh Chánh là con bác tôi cũng đến thăm. Anh kể lại.

Khi mờ sáng anh nghe mấy tràng súng rộ lên ở bìa xóm, tên chỉ huy ở tại nhà anh bắt máy truyền tin.

- Báo cáo anh! Em vừa mới tiêu diệt được một tên Việt cộng

- Để yên đó! Gài lựu đạn dưới xác, chờ tụi nó đến lấy xác.

- Dạ!

Một hồi lâu sau, khi trời đã sáng rõ, anh lại nghe thấy đối đáp giữa tên lính phục kích và tên chỉ huy.

- Báo cáo anh! Một ông già đi dạo ruộng chứ không phải VC

- Đồ ngu! Sao mày không quan sát gì hết vậy? Người dân đi ruộng mà mày đui rồi sao? Chết rồi! Thôi rút lẹ lên!

Hôm ấy ông Giật đi sớm để tháo nước ruộng, khi đi ông vẫn mặc đồ trắng đường hoàng nhưng tên lính ngủ gật, giật mình sao đó mà nã cả tràng súng vào người ông. Bà Giật thì ôm xác chồng khóc lóc

thảm thiết rồi chuẩn bị mai táng, chứ khi ấy thì chẳng biết thừa kiện ai.

Một lần vào sáng sớm, mấy người đàn bà đi gặt tụ tập đến nhà tôi bàn tán.

- Hồi hôm, bà C. bị lính sư đoàn 2 hiếp dâm

- Bà C. ở xóm 21 phải không?

- Đúng rồi!

Rồi một người kể tiếp. Hôm ấy lính sư đoàn 2 đi kích, nửa đêm một tên quàng tấm nilon vào gõ cửa nhà bà C. rồi nói.

- Mở cửa mau!

- Ai đó? Bà C. hỏi

- Quân giải phóng đây! Có tên ngụy trốn trong nhà bà phải không?

- Đâu có ai ở đây đâu?

Bà C. nghi ngờ và sợ hãi nhưng phải đành ra mở cửa để xem thử chuyện gì. Khi cửa đã mở ra thì hắn nói.

- Các đồng chí ra ngoài cảnh giới lính nghe chưa!

Nói xong, hắn kéo người đàn bà vào nhà rồi hãm hiếp. Nhà bà C. chỉ có 2 đứa con nhỏ đang ngủ say nên chẳng phản ứng được gì, nhưng khi bị cưỡng hiếp bà vẫn nhận ra bộ đồ trên người hắn là lính sư 2. Khi xong chuyện, hắn bỏ đi thì mấy người hàng xóm mới dám chạy qua. Dù biết rõ đơn vị lính hôm ấy nhưng chẳng biết tên nào để mà đi tố cáo. Vả lại, tố cáo thì cũng sợ chúng trả thù, vì chuyện lính ngụy hiếp dâm vẫn hay xảy ra ở những vùng chiến sự nhưng thấy có tên nào bị ra tòa án binh đâu.

Đến trưa khi lính nghĩa quân đã ra mở đường rồi kéo đến nhà tôi cũng bàn tán sôi nổi về chuyện đó. Ông Lang trung đội trưởng nghe ai trên ấy kể lại và nói:

- Khi nó lột quần áo, bà C. không biết làm sao, bèn bắt chéo hai chân lên nhau như là bắt đố, hắn liền đưa tay véo vào hai bắp đùi, đau quá, cuối cùng bà đành thả chân ra cho hắn làm sao thì làm.

Thời gian này tại lính sư đoàn 2 và Biệt động quân có những trận đánh nảy lửa với đại đội nữ Hồng Gấm ở Bình Mỹ, Phổ Ninh... mà sau này tôi mới được biết, cho nên lúc này lính sư đoàn 2 hay đi phục kích đêm. Bây giờ là mùa đông, trời lạnh lắm, thường sáng mẹ tôi vẫn dậy sớm để nấu cháo heo. Tôi cũng hay dậy sớm để vào bếp lửa ngồi ấm. Một sáng sớm, mẹ tôi đang ngồi chụm lửa thì một tên lính ở đâu xộc tới, ngồi xuống đưa tay quàng qua vai. Mẹ tôi hốt hoảng la lên.

- Á! Cái chú này làm cái gì thế?

Rồi vùng tung ra, đứng dậy, khi đó nghe tiếng la tôi cũng trên nhà chạy xuống. Tên lính bị hốt, nhìn phía sau cứ tưởng là một cô gái nhưng bây giờ mới thấy mẹ tôi đã lớn tuổi. Lúc này bà Chín, nhà gần bên cũng chạy qua. Tên lính quê độ quá đi ra sau, nghĩ sao quay vô rồi giả lã nói.

- Bà kia! Cái mũ của tôi đâu? Cái mũ của tôi đâu?

- Tôi có biết cái mũ nào của chú đâu? -Mẹ tôi nói.

Tên lính vừa nói vừa đưa chân đá mấy cái vào người mẹ tôi rồi bỏ đi. Thật là một tên lính hung hăng và ngu ngốc!. Hồi đó gặp lính sư đoàn 2 Trung đoàn 4 thì ai cũng ớn, kể cả lính Nghĩa quân và lính Xây dựng nông thôn.

Lính Xây dựng nông thôn thường mang khẩu Cacbin và mặc bộ đồ đen. Mỗi thôn có một người đứng cánh có nhiệm vụ phổ biến các kế hoạch xây dựng nông thôn như làm trường học, đưa về phổ biến các giống lúa mới. Ông Đức là người lính Xây dựng nông thôn đứng cánh ở thôn vùng 5, Ông đã 40 tuổi, hằng ngày mỗi buổi sáng khoảng 9h khi lính Nghĩa quân đã mở đường xong xuôi thì ông Đức mới cưỡi xe đạp ra.

Hôm ấy, ông Đức đến nhà của tôi vào giờ trưa và đứng ngoài sân gọi vào:

- Có ai ở nhà không?

- Có ai ở nhà không?

Chẳng may khi ấy có mấy tên lính sư đoàn 2 đang ngủ trong nhà. Một tên chạy ra và nói:

- Thằng nào la lối om sòm đó? phá giấc ngủ của tao hả?

- À! Tôi gọi gia đình chứ phá gì ai?

Ông Đức vội dắt xe đi, tên lính sư đoàn 2 chạy theo và đưa tay đánh “bốp, bốp” vào mặt ông Đức làm rơi cả mũ. Đánh xong hất bỏ vào nhà, ông Đức không dám nói lại tiếng nào, lượm mũ lên rồi dắt xe đạp đi. Có súng trong tay như ông Đức mà tụi lính còn hành hung, huống hồ chi là người dân, không có một tắc sắt trong tay thì sợ tụi nó biết chừng nào.

Khi tụi lính sư đoàn 2 rút đi thì tụi lính Biệt động quân lại kéo đến. Hai sắc lính này không bao giờ thấy đóng quân gần nhau, nếu đóng quân chung địa bàn thì sẽ đánh lộn nhau to, vì cả hai loại đều hung dữ. Đặc biệt khi đi hành quân, dù dài ngày cũng chẳng thấy có người anh nuôi nấu cơm mà chỉ ăn cơm gạo sấy với đồ hộp. Lính sư 2 đóng quân ở chốt thì ban đêm hay bắn cối vô tội vạ ra chung quanh, khi ấy thì người dân sẽ lãnh đủ.

Một buổi sáng có một mình tôi ở nhà thì có ai đó từ ngoài ngõ báo tin:

- Nhà Bác mày bị cối bắn trúng đêm qua bị thương hết cả nhà rồi!

Tôi vội vàng lấy xe đạp chạy về nhà bác xem sao, đến vùng 4 thì gặp chiếc xe Lambreta chở cả nhà bác tôi chạy xuống. Trên xe có 2 ca nằm trên võng, bác tôi và chị Nga vẫn ngồi trên xe nhưng mặt vẫn còn dính dấu máu. Tôi thả xe đạp xuống kêu: “Bác hai, bác hai!” Nhưng không ai nghe thấy, rồi chiếc xe chạy đi ra hướng thị xã Quảng Ngãi. Tôi đứng đó khóc ròng, lo lắng cho các anh chị của tôi, không biết như thế nào mà có hai người nằm trên võng. Sau đó tôi tiếp tục chạy lên nhà bác. Đến nơi đã thấy có nhiều người hàng xóm chạy đến. Nhìn vào nhà, tôn trên mái bị một lỗ trống hoác bởi sức nổ

của quả đạn M79 do lính trên đồi Chóp Vung bắn xuống. Khi ấy mọi người đang ngủ trên nhà. Chị Hai Đào bị một mảnh đạn vào trong sọ, anh Chánh khi ấy nằm quay lưng về hướng nổ nên bị một mảnh đạn vào lưng, nếu nằm quay hướng ngược lại thì chắc anh đã chết rồi. Bác Hai và chị Nga thì chỉ bị thương nhẹ.

Anh Chánh thì sau đó được bác sĩ gấp mảnh đạn ở lưng ra, chị Đào sau một tháng nằm viện cũng trở về nhưng mảnh đạn vẫn còn ở trong sọ không lấy ra được. Những năm đầu thì cũng bình thường, càng ngày mảnh đạn càng đi sâu vào não gây nên những cơn co giật. Từ năm 1979 chị nằm liệt giường, Bác tôi phải đút ăn và đổ cứt đái hằng ngày thật là vất vả. Suốt 8 năm như thế và chị đã mất vào năm 1987.

Tết năm ấy (1974) chị Ánh của tôi cũng từ Sài Gòn về. Căn nhà nhỏ của tôi lại thêm niềm vui, có nhiều bánh kẹo Sài Gòn, Các anh lính lúc nào cũng đến chơi. Trong số đó có anh Thạnh là lính nghĩa quân ở đồn Quán Vịt, đã biết chị tôi từ năm trước và có viết thư qua lại thăm hỏi. Mẹ tôi bảo chị đưa thư anh Thạnh gửi để xem. Tôi cũng có xem, qua thư thì anh Thạnh đã tỏ tình với chị. Hai người đang thời gian tìm hiểu nhau. Còn các anh Nam, anh Cai vẫn hay gọi mẹ tôi là má thì đã có vợ con. Hết tết thì chị cũng trở vô Sài Gòn, anh Thạnh và anh Cai sau đó cũng đổi đi đơn vị khác ở xã Phổ Tân (Phổ Minh). Mấy tháng sau anh Cai trở lại thăm gia đình và báo tin anh Thạnh đã tử nạn trong một trận đánh với du kích nơi ấy. anh Cai nói hôm ấy trung đội bị phục kích bất ngờ khi đang đi vào xóm, anh Thạnh bị trúng đạn AK từ loạt đạn đầu tiên, anh phải vác xác anh Thạnh trên vai và vừa bắn vừa chạy.

Hè năm đó chị tôi có về thăm nhà, được biết anh Thạnh đã chết, chị có dẫn tôi vào tìm thăm gia đình anh. Nhà anh ở xã Phổ Đại (Phổ Hòa), vào đây mới được biết hoàn cảnh của anh cũng giống gia đình tôi. Cũng nếp nhà tranh, cha anh bị pháo Mĩ bắn chết từ năm 1967.

Nhà chỉ có mẹ già và mấy người em gái, anh là con trai đầu bị bắt đi quân dịch được 2 năm nay. Khi nghe giới thiệu tên tuổi thì người mẹ ngã đầu vào vai chị tôi khóc nức nở, có lẽ bà đã nghe anh Thanh nói nhiều về chị của tôi. Qua những năm dài trong chiến tranh với những gì mình đã chứng kiến thì thật lòng tôi chẳng ưa gì lính ngự, nhưng anh Thanh cũng như nhiều anh lính nghĩa quân khác rất hiền lành nên tôi vẫn dành cho nhiều tình cảm. Vì hoàn cảnh bắt buộc mà họ phải cầm súng và khoác áo lính mà thôi. Nhớ một lần chị Ánh và tôi lên quốc lộ đón xe vào thị trấn Đức Phổ chơi, chờ hoài mà chẳng có xe thì có một chiếc xe Jeep ngừng lại rất lâu. Người sĩ quan trên xe cứ bảo hai chị em lên xe cho đi nhờ, chị tôi cũng bảo lên xe nhưng tôi kiên quyết từ chối. Chiều về chị kể lại cho mẹ tôi nghe chuyện ấy, mẹ tôi bảo.

- Nó nghĩ vậy mà đúng đấy, lỡ trên đường mấy ông du kích bắn vào xe thì chết

Tôi thì lúc ấy không hề nghĩ là ngồi trên xe nhà binh sẽ dễ bị ăn đạn mà thực tình là tôi không ưa lính ngự nên không thèm đi quá giang xe mà thôi.

Thời gian sau tết năm 1974 trên quê tôi không thấy những trận đánh lớn mà thường xuyên là những trận du kích rào đường, quấy phá vào buổi sáng để làm gián đoạn sự chuyển quân của địch bằng cơ giới trên QL1. Buổi tối thì hầu như đêm nào mấy ông giải phóng cũng về tổ chức mittinh rồi bắc loa phát vào đồn Quán Vịt để làm công tác binh vận. Khi ấy thường hát 2 bài như thế này.

Bài 1: Hát theo làn điệu dân ca Bài chòi (Không còn nhớ đầu đề)

Đêm khuya vắng bóng trăng tà nghiêng đỉnh núi

Chim vịt sâu gọi bạn suốt thâu canh

Suốt mấy năm trường em mãi nghĩ đến anh

Khi nghe tiếng súng tổng tấn công toàn Miền nam nổi dậy

Anh ơi! Em viết lá thư này để gửi gắm niềm tâm sự, gửi đến người

chồng thân yêu

xa cách mấy năm ... trường.

Vì ai chia cắt tình thương

Chim quyên lẻ bạn, em buồn lẻ anh

Ai làm mất cả tuổi xanh

Tình duyên dang dở, nhớ anh em mỗi mòn

Theo thù anh phản bội non sông

Cam tâm anh bán rẻ tuổi xanh cho quân thù

Đêm về dưới ngọn đèn lu

Em còn nhớ lại ngày nào ta quen nhau

Nhớ khi gặp gỡ ban đầu

Anh còn đi học, em hái rau nuôi mẹ già

Khăn hồng vừa mới trao tay

Chim non rung cảm, tình ta dạt dào

Mấy lời thề hải minh sơn

Là bao mái tóc tơ hồng không phai

Chiều chiều, em ẵm (mà) con thơ

Nghẹn ngào nó hỏi bây giờ ba đâu?

.....

Sa trường sương phủ mặt mù

Ba con đứng gác súng thù nặng vai

Má con sống kiếp đọa đày

Thân con phải chịu đắng cay tủi hờn

.....

Bài 2: Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường

Nhạc và lời của Trương Quang Lục

Bài hát hiện nay được chọn làm nhạc hiệu cho đài phát thanh truyền hình Quảng Ngãi

Lời bài hát:

Anh từng nói với em về Quảng Ngãi. Đất anh hùng sinh du kích Ba

Tơ, trong kháng chiến từ núi rừng sông bãi, Không cho quân giặc chiếm bao giờ.

Như ngàn tiếng hát ru từ thửa nhỏ. Sóng Sông Trà âm vang mãi tìm ta. Luôn thôi thúc trả mối thù Sơn Mỹ. Ta ghi sâu nợ máu không nhòa.

Lời 1: Quảng Ngãi ơi! Còn nhớ chẳng những ngày thu rực rỡ, tỏa bóng cờ từ An Tân đến Sa Huỳnh lộng gió.

Quảng Ngãi ta đó! Đất mẹ bao thân thương, tiếng hát bờ xe ven sông Trà Khúc, tiếng hát quật khởi đêm ngày không dứt. Mùa cá chuồn dậy bến, Diên Niên nổi sóng, những con thuyền trông ngóng đón chờ anh

Rầm rập như sóng (là hò hồi lơ).

Đoàn quân giải phóng (là hò hồi lơ, hồi lơ hò lơ). Các anh về đây quê hương chào đón.

Ngọn cờ chiến thắng (là hồi hò lơ). Vờn bay trong nắng (là hồi hò lơ, hò lơ hò lơ ơ hồi lơ).

Vang câu ca ta chào quê hương (ơ) trăm mến ngàn thương. Núi Ấn Sông Trà mai này sẽ nở hoa, sông núi anh hùng sáng ngời trong lòng ta....ta

Lời 2: Quảng Ngãi ơi! Lòng sắt son, dầu nhà tan cửa nát, lòng vững bền một niềm tin đến cách mạng ngời sáng. Quảng Ngãi ta đó, sống ngày đêm kiên gan, vang khắp Bình Sơn lan vô Mộ Đức. Tiếng trống đồng khởi vang về bốn phía. Mùa nắng vàng đẹp lắm, khơi trong mặt mía. Đón anh về hợp sức giữ làng quê.

Rầm rập như sóng (là hò hồi lơ)

Đoàn quân giải phóng (là hò hồi lơ, hồi lơ hò lơ) Các anh về đây quê hương chào đón.

Ngọn cờ chiến thắng (là hồi hò lơ) Vờn bay trong nắng (là hồi hò lơ, hò lơ hò lơ ơ hồi lơ)

Vang câu ca, ta chào quê hương (ơ) trăm mến ngàn thương. Núi

Ấn Sông Trà mai này sẽ nở hoa, Quảng Ngãi anh hùng sáng ngời trong lòng ta....ta

Những lần mittinh như thế cũng tổ chức chào cờ Mặt Trận. Tôi nghe các anh du kích hát bài quốc ca của chính phủ CMLTCHMNVN nhiều lần nên thuộc lâu, và cũng thường đứng nghiêm rồi hát theo khi chào cờ. Có hôm trong cùng một ngày thứ 2, buổi sáng đi học tôi lại phải chào cờ vàng 3 sọc đỏ và hát quốc ca của VNCH, tối về dự mittinh lại chào cờ Mặt Trận và hát quốc ca của MTDTGPMNVN.

Và một điều đặc biệt nữa mà sau này tôi mới biết, đó là cả 2 bài quốc ca đều do cùng một nhạc sĩ sáng tác, đó là nhạc sĩ Lưu Hữu Phước.

Bài 1: Giải phóng Miền Nam

Bài 2 Tiếng gọi thanh niên

Trong bài "Tiếng gọi thanh niên" nhạc sĩ Lưu Hữu Phước viết năm 1941 với câu mở đầu là:

"Này anh em ơi, tiến lên dưới cờ giải phóng", nhưng Chính quyền Sài Gòn sửa lại là: "Này công dân ơi Quốc gia đến ngày giải phóng..."

Những lần cách mạng tổ chức Mittinh và bắt loa bình vận như thế, lúc đầu thì địch cũng có bắn M79 ra, nhưng chẳng trúng vào đâu vì cái loa được đặt ở xa chỗ mittinh. Sau này chúng chỉ nằm im trong đồn để nghe hát chứ chẳng bắn ra viên đạn nào.

Ngoài những đêm Mittinh thì có lần tôi còn được xem văn nghệ của đoàn văn công giải phóng. Tối hôm ấy, mới vừa chạng vạng mà đã thấy mấy anh du kích xuất hiện. Anh Cu là du kích xã Phổ Thuận đến nhà tôi nói.

- Tối nay bà con mình đi xem văn công giải phóng biểu diễn

- Biểu diễn ở đâu? Rủi như gặp lính kích đánh nhau thì làm sao? –

Tôi hỏi lại

- Không có đâu! Anh em du kích đã gác hết bên ngoài rồi, ra xóm sau mà xem, hay lắm.

Tôi háo hức đòi mẹ cho đi. Lần đầu tiên đi xem biểu diễn văn nghệ thử nó như thế nào. Tối hôm ấy anh Cu dẫn tôi và Dì Thời cùng đi xem.

Dì Thời là người bà con, lâu nay vẫn chạy tản cư lên trú ngụ ở nhà tôi. Một hôm tôi vô tình kéo chiếc chiếu chỗ dì nằm thì thấy bật lên một xấp thư. Tôi tò mò cầm lên xem thì ra đây là những lá thư của một anh lính dù. Những bức thư đã ố vàng nhưng nét chữ trong thư viết nghiêng rất đẹp và rõ ràng. Các lá thư được gửi từ nơi chiến trường Quảng Trị nóng bỏng của mùa hè đỏ lửa 1972. Trong thư, với những câu văn tả cảnh vật, không gian vắng vẻ nơi núi rừng vào những buổi chiều, cảnh cô đơn của người lính ngồi gác dưới trời mưa rả rích trong bóng đêm với ánh hỏa châu và pháo sáng lập lòe. Tả cảnh lính chui rúc trong công sự vì những đợt pháo kích suốt cả ngày... Nói chung anh lính này có tài văn chương, cộng với hoàn cảnh nơi chiến trường nên đã viết những lá thư tình rất hay, rất xúc động. Tôi ngồi suốt một buổi để đọc hết các bức thư ấy.

Vài ngày sau, khi nói chuyện với dì, tôi vẫn hay nói vài câu trong những lá thư ấy. Dì Thời trố mắt nhìn tôi và nói.

- Mà xem trộm thư của tao à?

- Đâu có! Vô tình cháu quét nhà thì thấy rơi ra. À! Mà bây giờ anh lính ấy ở đâu vậy dì?

- Anh ấy chết rồi!

- Ủa? Mới chết đây hả dì?

- Chết vì pháo kích ở Quảng Trị năm 72

Nói xong, dì cúi xuống đôi mắt đượm buồn nhìn về phía xa xăm. Tôi đã vô tình gợi lại nỗi đau về mối tình đầu của dì trong thời li loạn. Hai năm sau ở nhà tôi, dì lại tiếp xúc và làm quen với anh Cu trong những đêm anh về Mĩtinh, hoạt động ở làng.

Tối hôm đó anh Cu dẫn tôi và dì Thời đến nơi diễn văn nghệ ở xóm sau, cách nhà 500m. Địa điểm tổ chức là cái sân nhà bà Mẫn. Nền

sân khấu được làm bằng những tấm ván gác lên những cái thùng phuy, bên trên khung sân khấu làm bằng những cây tre, có treo màn xanh đỏ, chính giữa treo một ngọn đèn Măng sông. Mọi người đã đến rất đông và đang xem các diễn viên sơn sơn, phết phết phấn son lên mặt. Các diễn viên đều mặc áo màu xanh da trời (loại áo mà du kích lúc ấy hay dùng), nữ thì quần vải ta màu đen, nam thì quần tây màu sẫm. Trên sân khấu có hai cái micro được treo lơ lửng ngang đầu người.

Đêm ấy biểu diễn nhiều tiết mục, có đàn Ghi ta, có cả đàn phong cầm giống như cái lò xo do một người mang trước ngực kéo ra, đẩy vào kêu ò e. Mở màn chương trình văn nghệ là một anh nam và tốp nữ hát bài "Quảng Ngãi đất mẹ kiên cường". Đó là bài hát mà tôi vẫn thích lâu nay. Trong đêm ấy ngoài bài này, tôi vẫn nhớ nhất là vở kịch "Giải phóng Ba Tơ" (Huyện Ba tơ đã được giải phóng hoàn toàn từ năm 1972 và sau này không hề bị chiếm lại) diễn lại cảnh quân ngụy tháo chạy và quân giải phóng cắm cờ trên huyện lỵ Ba Tơ. Và tiết mục dân ca bài chòi hát đối đáp của đôi nam nữ trước khi người con trai lên đường đi tòng quân đánh Mỹ.

Tựa đề bài hát thì không còn nhớ, nhưng lời ca thì nhớ rất rõ vì trước đó và sau này tôi vẫn hay hát.

.....

Đã nghe tiếng gọi vang xa

Đã nghe tổ quốc giục ta lên đường

Hỡi người con của quê hương

Hãy mau cất bước lên đường... Lên đường tòng quân./.

Mọi người đứng im phăng phắc nghe bài hát mà như giục giã trong lòng, muốn lên đường tòng quân ngay. Phải công nhận văn nghệ có sức mạnh ghê gớm. Khi đã hạ màn kết thúc mà chưa thấy ai ra về vì đa số đều mới biết xem văn nghệ lần đầu và xúc động quá.

Khi ra về, tôi đi trước một quãng để cho anh Cu và Dì Thời đi sau

tâm sự. Nhưng rồi số dì cũng long đong, khi tình yêu lần hai đã bị mẹ của dì phản đối kịch liệt. Bà Bảy, mẹ của dì là em ruột ông ngoại tôi. Anh Cu mồ côi cha mẹ từ nhỏ nên đi ở mướn chăn trâu cho nhà ông ngoại tôi, sau đó tham gia du kích, rồi bị địch bắt bỏ tù ở Phú quốc 3 năm. Ra tù anh lại về tham gia du kích tiếp tục đến bây giờ. Nhà ông ngoại tôi là gia đình địa chủ khi xưa, nên bà Bảy cũng có quan niệm "chủ, tớ" không muốn gả con cho người từng đi ở cho nhà mình. Cuối cùng sau giải phóng anh Cu cũng đi lấy vợ, còn Dì Thời vẫn lẻ thì đến hơn 40 tuổi mới gặp một ông chồng già và không có con. Bây giờ dì sống với đứa con nuôi đã có cháu ở Đà Lạt. Đó là niềm an ủi của dì khi tuổi đời đã xế bóng.

Thời gian sau hiệp định Pari, lúc đầu quân VNCH còn tổ chức phản công rầm rộ để chiếm lại những phần đất đã mất, nhưng sau đó lại mất tiếp những phần đất đã chiếm được. Lúc này đạn dược bị Mỹ cắt viện trợ nên pháo bắn cũng rất hạn chế. Nhiều vụ ám sát nổ ra giữa ban ngày cho nên tội ác ôn không còn hung hăng như trước nữa. Đặc biệt quân giải phóng lúc này hay dùng chiến thuật đặc công để đánh đồn.

Một hôm trên đường đi học, gần tới cầu Nước Mặn, thấy một số người đứng xem cái gì đó. Tới nơi tôi thấy hai xác người đen thui đang nằm chết bên lề đường. Đó là hai thanh niên, người mập tròn quay, người nào mình mẩy cũng đen thui. Màu đen là do sơn lên người giống như lọ nồi bôi lên chứ không phải đen cháy do thuốc nổ. Đặc biệt có một người nằm trần truồng, không một mảnh quần áo che thân. Có ai đó túm lên chỗ kín của anh bằng một miếng vải bằng bàn tay. Có lẽ khi địch kéo xác từ bên ngoài đồn lên lề đường thì cái quần đùi đã bị móc vào hàng rào kẽm gai nên tuột mất. Mọi người nhìn cái xác trần truồng đều thương cảm cho anh. Một người nói.

- Sao phải bôi mình mẩy đen thui thế nhỉ?

- Lính đặc công mà! Phải bôi đen như thế để khi mò vào đồn mới

khó bị phát hiện.

Những lần sau ở Cầu Nước Mặn lại liên tiếp thấy những xác của các chiến sĩ đặc công bị bắn chết bỏ bên ven đường. Khi thì một người, khi thì 2 người, khi thì người sơn đen, khi thì sơn xanh. Tất cả đều là thanh niên lứa tuổi đôi mươi, người nào cũng mập mạp tròn quay, không giống các ông giải phóng bị giật hằm trong các trận càn thì người nào cũng gầy nhom, mặt mày hốc hác vì thuốc nổ. Nhìn sang bên ngoài đồn ở Cầu Nước mặn tôi thấy rất là trống trải, chỉ vài bụi cỏ tranh lưa thưa bên những lớp rào bùng nhùng, rào vướng chân nằm sát mặt đất. Đứng trên đường QL còn thấy cả những trái mìn Claymo được gắn trên 3 chân quay bễ lòi ra ngoài. Thế thì làm sao những người đặc công có thể cắt được mấy lớp rào đầy mìn bẫy như thế để vào đồn, nên chưa có lần nào đặc công tiêu diệt được đồn Nước Mặn. Cây Cầu này do một trung đội lính người Thượng trấn giữ, có mang theo cả vợ con ở trong đồn. Hằng ngày vẫn thấy những người vợ lính mặc chăn (cà tu) đi bắt cá, bắt những con nòng nọc, ếch nhái ở cánh đồng ven đồn để về ăn.

Có một lần đặc công mò được vào đồi Núi Thụ - cách cầu Nước Mặn hơn 1km về hướng bắc- bắt sống được toàn bộ trung đội nguy, mười mấy tên, nhưng tiếc thay, tên đồn trưởng Lin là ác ôn đêm ấy đi sang đồi Núi Bé để đánh bài nên thoát chết.

Một hôm ông Thìn bị lính bắt đi chôn những người đặc công, khi về ông lấy cho mọi người xem một tờ bạc 500đ có dính nhiều máu. Ông nói rằng những lần đi chôn xác thì đều thấy trong người của các chiến sĩ có một tờ bạc như thế. Có lẽ đó là tài sản duy nhất mà người lính mang theo để lỡ khi chạy lạc vào vùng địch thì vẫn có tiền để sống tạm vài ngày.

Song song với việc tấn công nhau bằng súng đạn, thì cả hai bên cũng đều ra sức tuyên truyền bằng chiến tranh tâm lí. Phía Cách mạng lúc này cũng thấy có truyền đơn được đánh máy trên giấy

poluya bằng nửa trang giấy học trò và rải trên QL, nhưng rất ít. Còn công tác mittinh, gọi loa thì nhiều. Phía VNCH thì sau hiệp định Pari nhà nào có mái tôn cũng đều bị vẽ lên lá cờ ba sọc, vẽ cả lên những bức tường. Còn truyền đơn thì nhiều vô kể.

Một hôm ông ngoại tôi đi làm đồng về đưa cho tôi một mảnh giấy và bảo tôi đọc lên nghe. Tôi cầm lên xem thì đúng là tờ truyền đơn mà tôi đã đọc nhiều lần. Trong tờ truyền đơn là một bài thơ của một người lính Bắc Việt gửi cho một người mẹ. Từ 1970 đến giờ máy bay đã rải nhiều lần bài thơ này, rải trắng cả đồng. Mặt trước của tờ truyền đơn vẽ hình ảnh người mẹ già với đôi mắt buồn nhớ con, bên cạnh là cảnh chiều quê với xóm nhỏ có con trâu về chuồng, có giàn mướp. Mặt sau vẽ cảnh người chiến sĩ ngồi bệt dưới đất, chân duỗi ra, đầu cúi xuống, gương mặt buồn bã. Hôm ấy tôi đọc bài thơ cũng có nhiều người đứng xem, ai cũng khen bài thơ hay quá. Có lẽ tác giả đúng là một người lính Bắc Việt mới có những cảm xúc rất thật như thế. Nhưng tiếc rằng đoạn sau tác giả lại nhìn nhận không đúng về mục tiêu chiến đấu giải phóng Miền nam của mình. Bây giờ nhắc lại thì chẳng ai thuộc hết bài thơ, riêng tôi thì vẫn hay nhắm đọc lại, nên vẫn còn nhớ đầy đủ từng chữ, từng câu, từng hình ảnh của tờ truyền đơn khi ấy.

Ở đoạn trước tác giả tả cảnh gian khổ của người lính trên đường vào nam chiến đấu, với nỗi nhớ quê hương da diết

“Mấy tháng trời đêm nghỉ, ngày đi
Giày vệt gót, áo sờn vai thấm lạnh
Có những chiều Trường sơn núi rừng hiu quạnh
Mẹ hiền ơi, con chợt nhớ đến quê mình
Khói lam chiều giàn mướp lá lên xanh
Con bướm nhỏ, mái đình xưa nhớ quá”
Nhưng sự gian khổ ấy không làm nhụt chí nam nhi:
“Tuổi thanh xuân cuộc đời như hoa nở

Vì hòa bình đâu có ngại bước gian nguy”

Đoạn đầu đã thể hiện lí tưởng của lớp thanh niên lên đường đánh Mĩ khi ấy. Nhưng đoạn sau tác giả lại rơi vào sai lầm khi viết:

“Con nhìn ra nào giải phóng vì đâu?”

Khát vọng thống nhất, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ nước Việt nam là khát vọng của cả dân tộc. Vì nước Việt nam là một, dân tộc Việt nam là một, không ai có thể chia cắt được. Nhưng Đế Quốc Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã bội ước hiệp định Giơ ne vơ, nên mới có cuộc chiến tranh kéo dài mãi đến bây giờ.

Bài thơ tuy có hạn chế như trên, nhưng đã để lại trong tôi một cảm xúc đặc biệt về một thời chiến tranh khói lửa, và tôi đã ghi lại trong tuyển tập những bài thơ hay cho riêng mình.

Thời gian này tôi đã vào trường Trung học Mộ Đức, ở thị trấn Đồng Cát. Một buổi sáng đến trường thì không học như mọi khi mà nhà trường gọi tập hợp học sinh lại, ngồi sắp hàng dưới sân để chờ đợi một cái gì đó. Một lát sau có một chiếc xe JEEP chạy vào trường, trên xe có cả lính và vài người mặc đồ dân sự. Thầy hiệu trưởng giới thiệu vị thiếu tá quận trưởng lên nói chuyện. Vị thiếu tá lên trước bục giới thiệu: “Hôm nay có một người bộ đội Bắc Việt đã hồi chánh về với Chính nghĩa Quốc Gia, sẽ lên nói chuyện với toàn trường”. Gần cả nghìn cặp mắt đổ dồn về một người đàn ông mặc đồ dân thường, cỡ 30 tuổi đang bước lên bục. Anh ta nói tiếng Bắc, cũng có giới thiệu tên nhưng tôi cũng không còn nhớ. Anh ta kể nhiều chuyện, nhưng tôi chỉ nhớ đại khái là ở nông thôn Miền bắc thì mọi người đều phải vào hợp tác xã. Mọi tài sản đều là của tập thể, đi làm theo tiếng kèn và ăn theo công điểm rất là đói khổ. Ngày lễ thì không được nghỉ mà phải làm việc bằng 2, bằng 3, hội hè đều bỏ hết ... Ở Miền nam thì thấy cuộc sống rất no ấm cho nên anh ta quyết định chạy về với Quốc gia ...

Không biết anh ta có phải đúng là lính Bắc chiêu hồi hay là dân di

cư, và anh ta kể sao thì hay vậy chứ cả trường cũng chẳng có ai biết đúng, sai như thế nào.

Vài tuần sau thì tôi lại chứng kiến tiếp một vụ hoàn toàn tương phản với vụ này. Đó là việc một người lính sư đoàn 2 bỏ ngũ chạy ra vùng giải phóng.

Hằng ngày tôi vẫn về quê nội ở Thiệp Sơn để trông củ, tĩa đậu ... Bà nội tôi vẫn hay nấu củ lang, củ mì, tới mùa thì nấu đậu phộng để ăn chiều. Những lần như thế thì cũng thường gặp các người lính sư đoàn 2 đóng quân trên đồi Chóp Vung đi xuống xóm lấy nước và được mọi người mời cùng ăn. Ăn xong thì các anh lính đó đổ nước đầy vào các ống đạn, mỗi ống cỡ vài chục kí, rồi vác lên đồi. Khi trước ở đây do lính thuộc trung đoàn 4 đóng quân, lính trung đoàn 4 đa số là dân Miền trung và rất hung dữ. Thời gian này lính trung đoàn 5 đổi về đóng ở đồi Chóp Vung, đa số là dân Miền nam, nói tiếng Nam bộ rất dễ nghe và ai cũng rất hiền.

Một buổi chiều, mọi người đang ăn củ mì thì có một người lính đi tới. Mọi người ngạc nhiên sao hôm nay chỉ có một người. Ông tôi mời anh ăn củ nhưng anh không ăn mà nói.

- Bác có biết giải phóng họ ở chỗ nào không?
- Ủa làm sao tôi biết được họ ở đâu? Ông tôi nói.
- Nói thật với bác là cháu muốn chạy qua bên giải phóng để tìm đường về quê, mấy năm rồi không được về nhà. Cháu ngán ngấm cái đời lính này quá rồi

Thật ra ai cũng biết vùng có du kích gần đây lắm, nhưng ai biết anh ta nói thật hay lừa mình để bắt bớ đây? Ai cũng bảo không biết ở đâu có du kích, nhưng anh ta cứ năn nỉ mãi. Ông tôi nói.

- Quê của chú ở đâu vậy?
- Ở Cần Thơ, nhà cháu hiện giờ ở trong vùng giải phóng. Người nào dẫn giùm tui ra gặp mấy ông giải phóng đi?

Lúc này thì ai cũng cũng cảm nhận rằng anh ta nói thật lòng

mình, nhưng dẫn đi thì chẳng ai dám. Mọi người mới nói rằng thấy du kích hay ở dưới xóm kia, rồi ai cũng đưa tay chỉ về hướng thôn Mỹ Thuận (là nơi du kích xã Phổ Thuận ở), chỉ cách đây một cây số đi qua một cánh đồng. Anh lính liền cảm ơn rồi xăm xăm bước vội về hướng ấy như sợ để chậm sẽ bị bắt trở lại. Sau đó cũng chẳng biết số phận của người lính ấy ra sao nữa.

Cuối bậc tiểu học thời ấy vẫn tổ chức thi để cấp chứng chỉ gọi là **CHỨNG CHỈ HỌC TRÌNH**. Tiếp sau đó là đợt thi tuyển vào trường trung học công lập. Ai không đậu thì học trường bán công hoặc trường tư thực, giống như tuyển sinh vào PTTH hiện nay. Nộp đơn thi thì cũng chẳng thấy xét lí lịch gì, làm bài thi vẫn cắt phách và ngồi theo số báo danh. Trong phòng thi thì tôi vẫn thấy có cô giáo giám thị đưa tài liệu cho thí sinh quen biết, giống như bây giờ.

Hằng ngày đạp xe đến trường đi về 20km rất mệt nhọc, nhưng cũng rất vui, vì được biết thêm nhiều thầy cô và bạn bè mới, biết thêm được cuộc sống của người dân ven QL ở địa bàn huyện Mộ Đức. Những nơi này cũng giống như quê tôi, thỉnh thoảng vẫn thấy những trận đánh vào cả ban ngày ở những nơi xa xa, súng đạn nổ rền, nhà cháy khói bay lên nghi ngút. Lâu lâu cũng thấy xác của các ông giải phóng bỏ nằm ven đường.

Trong lớp học những đứa lớn tuổi cũng hay kể chuyện thời sự, kể chuyện các trận đánh xảy ra ở chỗ này, chỗ kia. Rồi cũng thường hay đùa giỡn là: “Chán học thì tao nhảy núi”. “Nhảy núi” là cái từ để chỉ những người thoát ly đi theo cách mạng (Vì cách mạng thường trú ẩn ở trên núi). Cũng có nhiều lần tranh luận giữa những đứa là con em gia đình cách mạng với những đứa con của ngụy quân, ngụy quyền về các vụ bắn giết trong các trận chiến đã xảy ra. Nhưng thường những đứa theo phe cách mạng đông hơn nhiều lần những đứa kia.

Vào trung học (Lớp 6 đến lớp 12) thì nữ sinh phải mặc áo dài

trắng, nam sinh thì vẫn quần xanh áo trắng có biển tên. Những đứa mất trật tự hoặc không thuộc bài là bị thầy cô cầm cây đánh thẳng tay. Sợ nhất là giờ thầy S. dạy toán. Thầy dạy rất hay, dễ hiểu, nhưng đánh cũng rất dữ. Có những đứa con gái mặc áo dài lên bảng không thuộc bài bị thầy quất 4-5 cây phải hẩy cái mông tới trước cho bớt đau, mặt mày thì nhăn nhó trông thật tội nghiệp. Nghe các anh lớp trên kể lại rằng vào mấy năm trước, trong một giờ giảng, thầy S. thấy một học sinh nam cũng lớn xác ngồi ngủ trong lớp, thầy gọi học sinh đó đứng lên và nói.

- Ê, thằng kia! Hồi hôm mày đi phá vi hay sao giờ này lại ngủ trong lớp?

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ thì nhân dân có phong trào phá tung hết các ấp chiến lược để về quê cũ, gọi là phá vi (bờ vi: hàng rào ấp chiến lược) Phá vi thường là đêm khuya, hầu hết mọi người, từ cụ già đến các em học sinh đều tham gia, và bờ vi lần lượt bị đốt cháy tan tành. Thầy S. có lẽ vô tình nói đùa như thế chứ chẳng phải bài xích gì chuyện phá vi. Nhưng sau đó, em học sinh kia về nói lại với du kích. Vài đêm sau, các anh du kích đến nhà mời thầy lên núi học tập 3 tháng mới cho về. Cũng có những thầy hay tuyên truyền về cách mạng cho học sinh thì cũng bị chuyển đi nơi khác. Sau đó hầu hết các thầy giáo cũng chỉ dạy những điều chuyên môn trên lớp chứ chẳng thấy khi nào nói đến vấn đề chính trị với học sinh. Kể cả các thầy giáo dạy sử cũng chỉ nói những điều trong sách giáo khoa chứ chẳng dám nhận xét gì về tình hình chiến sự đang nổ ra hằng ngày. Có những đứa học sinh bỏ học “nhảy núi” theo cách mạng vì lí tưởng, nhưng cũng có đứa vì lười học bị quở mắng, thậm chí chận đánh thầy rồi “nhảy núi”.

Thời gian này anh Nhơn là con cậu tôi cũng đang học lớp 12 ngoài thị xã Quảng Ngãi. Khi ấy đang học trung học thì có thể học sinh và tạm hoãn quân dịch. Hằng tuần anh vẫn cưỡi xe đạp về quê và đem

theo những quyển sách dày cộm, Khi nghỉ hè thì mang về cả thùng sách. Bởi vậy tôi có điều kiện đọc được nhiều sách giáo khoa thời ấy. Sách lịch sử thì chỉ nói chung chung về khởi nghĩa tháng 8 – 1945 giành chính quyền, về quân kháng chiến Việt Nam thắng quân Pháp ở Điện Biên Phủ, mà không hề nói ai là người lãnh đạo làm nên các chiến thắng đó. Giai đoạn chiến tranh sau 1954 không thấy nói đến.

Về Văn học thì thấy học chỉ toàn các tác phẩm văn học lãng mạn của nhóm Tự lực Văn Đoàn như các tiểu thuyết: Đoạn tuyệt, Hồn bướm mơ tiên, Nửa chừng xuân, Anh phải sống, Đời mưa gió ... của các nhà văn Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam ... Trong các tác phẩm này chủ yếu là kể chuyện tình yêu nam nữ, đôi khi cũng có đả phá các hủ tục lạc hậu của chế độ phong kiến, nhưng rất nhẹ nhàng, mờ nhạt. Cũng có một vài nhân vật trong các tác phẩm ấy nói là đi làm cách mạng, nhưng chẳng nói rõ là làm gì? theo tổ chức nào? và làm cách mạng để đánh đổ cái gì?

Sau này được học về văn học sử tôi mới biết rằng thời kỳ trước năm 1945 ở nước ta có 3 dòng văn học:

- Dòng văn học Cách mạng: Thơ văn của Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh ...

- Dòng văn học Hiện thực phê phán: Các tác phẩm Tắt Đèn của Ngô Tất Tố, Chí Phèo của Nam Cao, Bước đường cùng của Nguyễn Công Hoan ...

- Dòng văn học Lãng mạn: Các tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn ...

Tất nhiên Văn thơ của Bác Hồ và Tố Hữu thì không thể có trong sách GK của VNCH rồi, nhưng các tác phẩm yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, hay dòng văn học Hiện thực phê phán mà không thấy đưa vào nhà trường là một điều thiếu sót lớn của SGK thời ấy. Có thể là tôi chưa học đến lớp đó trong thời ấy, nên có nhận xét chưa hoàn chỉnh. Mong các bạn nào học tú tài thời ấy sẽ bổ sung

thêm.

Về văn nghệ thì lúc ấy thì học sinh hay hát các bài hát yêu đương như bài: Nhớ người yêu, Căn nhà màu tím, Căn nhà ngoại ô ... và một số bài về lính như: Rừng lá thấp, Sương trắng miền quê ngoại, Người em xóm đạo ... Thỉnh thoảng ở trường cũng có tổ chức sinh hoạt ngoài trời, văn nghệ ca hát. Những lần như thế tôi thấy một anh lớp 11 hay hát bài “Những đôi hoa sim” và hát hay lắm. Sau đó thấy rất nhiều người cũng thường hát bài này. Sau này khi biết bài thơ: “Màu tím hoa sim” của Hữu Loan tôi mới biết bài hát này của DZững Chinh đã viết từ cảm xúc về bài thơ của Hữu Loan. Cả bài thơ và bài hát đều thật tuyệt

Suốt thời kỳ chiến tranh ác liệt 7-8 năm qua thì toàn xã Phổ Thuận không hề có một cái trường tiểu học nào. Sau Hiệp định Pari thì có hai nơi mở lớp học tự phát. Đó là ở chùa Ông Hạnh – thôn Vùng 4, do một số người trốn lính khoác áo thầy tu mở vài lớp trong chùa để dạy trẻ học, thứ hai là lớp học của thầy Hoàn ở thôn Thiệp Sơn. Cả hai nơi đều chỉ dạy lớp 1, 2, 3. Lớp 4,5 thì phải đi xuống Trà Câu hay ra Mộ Đức cách xa 5-6 cây số.

Thời gian này ở thôn Thiệp Sơn quê cũ của tôi cũng bình yên. Thôn nằm dưới chân đồi Chóp Vung, trước mặt là đồng trống nên du kích chẳng dám tổ chức đánh địch ở đây, vì không có đường rút. Tuy vậy dân chúng về ở vẫn còn khá thưa thớt, đa số vẫn còn ở nơi tản cư ngoài Mộ Đức, hay Trà Câu ven quốc lộ để tránh đạn pháo, chỉ về làng vào ban ngày để làm ruộng. Mỗi lần về nhà nội, tôi vẫn thường chạy qua xem lớp học ở đây.

Ông Hoàn là người dân trong thôn chứ chẳng phải gốc thầy giáo. Vợ chết trong lần đi biểu tình ngày mùng 1 tết năm 1968 ở Trà Câu, ông vẫn ở vậy nuôi 3 đứa con cùng với một mẹ già. Thấy tội nhỏ không biết học chữ ở đâu nên ông mới mở lớp tại nhà. Trường học là một cái trại làm bằng tre, lợp tranh, bàn ghế cũng làm bằng các

miếng tre, chân bàn và chân ghế là những đoạn tre đóng cố định xuống đất. Cả ba lớp 1,2,3 được tất cả mười mấy học sinh và đều học chung một buổi - giống như ở vùng núi hiện nay mà ta gọi là lớp ghép – Các học sinh đa phần là trẻ học 3 – 4 năm so với tuổi. Trước lớp học để một cái vò nước lạnh, có một cái gáo dừa để học sinh uống nước.

Thầy Hoàn cũng đã già, người gầy nhom đang cho gà vịt ăn, thì tụi học sinh đến. Tới giờ dạy rồi mà thầy vẫn tiếp tục cho vịt ăn, vì còn chờ những đứa khác tới cho đông đủ. Khi nào học sinh đến sớm thì thầy dạy sớm, đến trễ thì thầy dạy trễ. Cuối tháng thì cũng xếp vị thứ và nhờ ấp trưởng thôn Thiệp sơn là ông Bộ đóng dấu vào bảng danh dự để phát cho các học sinh đứng nhất, nhì trong lớp.

Lúc học sinh đã vào đông đủ thì thầy mới rửa tay và vào nhà cầm vài quyển sách ra dạy. Những đứa nhỏ lớp 1 thì ngồi ở bàn trên, những đứa lớp 2 ngồi giữa và bàn cuối cùng thì dành cho 4 đứa lớp 3. Thầy cầm phấn chia cái bảng ra làm 3 phần. Đầu tiên thầy ghi lên bảng vài bài toán cho tụi lớp 2 và 3 làm, rồi thầy mới ghi vào phần bảng còn lại vài từ vựng cho các em lớp 1 và hướng dẫn chúng đánh vần. Trong khi tụi nhóc đánh vần ê, a thì có vài đứa con gái lớn phía sau lấy lá giang và bịch muối lặn trong lưng quần ra ăn. Lá giang chưa làm cái mặt chúng nhăn riết và cười rúc rích. Thầy Hoàn vẫn thấy hết mọi chuyện nhưng có lẽ vì bận rộn cầm tay luyện viết cho tụi nhóc và chuyện ăn me hoặc lá giang chắc xảy ra hằng ngày, nên thầy cũng chẳng nói gì. Hướng dẫn hết lượt lớp 1, rồi thầy quay qua giải mấy bài toán cho tụi lớp 2, 3. Dưới lớp có đứa loay hoay ghi chép, có đứa thò tay chụp mấy con gà con chạy lung tung trong lớp, Con gà mẹ thấy con kêu liền chạy xồ từ ngoài vào kêu quang quác. Lũ học sinh cười ré lên, tạo thành một âm thanh hỗn độn thật nực cười. Thầy Hoàn phải dừng giảng bài, đi xuống đuổi gà ra, la rầy những đứa nghịch ngợm và ổn định lại lớp học.

Giờ ra chơi, tụi học trò ủa ra sân bắn bi hoặc nhảy dây. Có đứa

khát nước thì múc một gáo dừa nước lạnh trong lu tu ừng ực, có đưa lại múc nước đó để rửa những đôi chân trần mốc thích. Có hôm trong giờ học có đưa lại la to.

- Thúi cứt heo quá thầy ơi!

Đúng là cạnh lớp học có cái chuồng heo của nhà thầy, nên đôi khi gió chướng hắt vào vẫn nghe mùi khó chịu và thỉnh thoảng bầy heo vẫn la “en ét” vang vào lớp học.

Chúng kiến một buổi học với bao vất vả của thầy Hoàn mới thấy được hết công lao của thầy. Những đứa học trò tinh nghịch, vô tình như thế chắc sau này sẽ nghĩ lại càng nhớ ơn thầy. Nếu không có cái lớp học xập xệ, thúi phen heo ấy thì trẻ con ở cái làng heo hút này có mấy đứa sẽ theo được con chữ.

Khi học sinh ra về hết thì hoàng hôn cũng dần buông xuống. Mọi người trên rẫy, dưới đồng thì ai cũng lo về nhà nấy, trâu bò cho vào chuồng sớm, chúng đứng im, miệng con nào cũng nhai nhai lại thức ăn, mỗi nhà lại cách xa nhau hàng trăm thước, nên chẳng qua lại gì nhau. Xóm làng lại vắng ngắt, buồn tẻ, chỉ có tiếng kêu “qua, qua” của bầy quạ trở về tổ trong ánh chiều tà nhập nhoạng. Ông nội tôi thì lo rút rơm, un muối cho mấy con trâu, bà nội thì bận nấu cơm tối, cô Dư còn bé nên chẳng biết chơi cùng ai. Có tôi ở lại đêm thì cô vui lắm, lần nào cũng đem dây su ra sân và bảo tôi ở lại để cùng nhảy dây. Còn tôi thì chẳng mấy khi muốn ở lại với cái không gian buồn bã ấy.

Thời gian này ở thôn Vùng 5, chính quyền bắt đầu xây một ngôi trường tiểu học. Địa điểm nằm sát đường QL1. Ông Đức là lính Xây dựng nông thôn phụ trách chuyện này. Hàng ngày ông mặc bộ đồ đen, khoát khẩu súng cacbin, cưỡi xe đạp chạy lăng xăng để đón đốc những người thợ xây. Những đứa trẻ con thì phấn khởi vì chúng sắp được học gần nhà, khỏi phải đi bộ mấy cây số để ra Mộ Đức học. Sau một thời gian xây dựng thì ngôi trường cũng đã hình thành, có 3

phòng quét vôi trắng toát, bên trên lợp ngói, chuẩn bị khánh thành.

Tối hôm ấy, mọi người giật mình bởi hai tiếng nổ khá lớn trên hướng QL1. Thôi! Chắc là xe nhà binh chạy ban đêm bị đánh mìn. Ai cũng nghĩ bọn lính trên xe chắc là tiêu đời hết rồi nên không hề nghe một tiếng súng đánh trả nào hết. Sáng hôm sau tôi chạy lên đường cái để xem thử thì thấy không phải xe bị giật mìn mà ngôi trường mới bị nổ mìn cả 3 phòng học tan tành thành đồng gạch vụn. Cả một đoạn đường QL trắng xóa những hình vẽ và các khẩu hiệu được viết bằng vôi lấy từ mấy thùng vôi quét tường. Những câu khẩu hiệu như:

- Đả đảo Đế quốc Mỹ

- Đả đảo Nguyễn Văn Thiệu và bè lũ tay sai ...

Viết rất to trên mặt lộ

Lúc ấy đã thấy có nhiều lính và viên chức chính quyền ngay đã đứng ở đó. Một người lính đứng trên chiếc xe Lambreta 3 bánh từ trong quân ra, xe vừa chạy chậm lại, anh ta liền vọt xuống. Chẳng may chân vừa chạm xuống đường đụng phải chỗ vôi còn ướt, làm anh ta trượt chân quay lộn mấy vòng trên mặt đường, mọi người đứng đó đều cười ồ lên. Vôi trắng dính khắp mặt mũi, quần áo anh ta như một hình nộm. Ai cũng không hiểu tại sao du kích lại giật sập trường học để làm gì?

Tối hôm ấy du kích xã Phổ Thuận về rất đông. Mọi người đều lao nhao hỏi về vụ nổ mìn đêm qua:

- Sao trường để trẻ em học, mà mấy ông lại giật mìn?

- Nếu xây trường dạy học thì quý quá. Nhưng để ngôi trường thì địch sẽ xây tiếp một cái đồn nơi đây và chúng sẽ cắt đứt con đường qua lại nối 2 vùng đông, tây QL1 thì làm sao cách mạng hoạt động được?

Nghe các anh du kích giải thích cũng có lí, nhưng rồi ai cũng tiếc ngôi trường, và lũ trẻ phải tiếp tục đi học ở xa.

Việc học hành thì như thế, còn việc sản xuất nông nghiệp thì lúc

này người dân có một giống lúa mới năng suất cao hơn hẳn các loại trước đây, đó là giống lúa Thần nông. Trước đây người dân cấy các loại lúa như: Bông rinh, An cựu... Cây lúa rất cao, thời gian sinh trưởng dài ngày, nhưng năng suất thấp. Cây lúa Thần nông thì thân lùn, thời gian thu hoạch ngắn mà năng suất lại cao. Khi thu hoạch, người dân vẫn cắt lúa ôm lại từng đống rồi đập lúa vào một cái bồ. Lần đầu tiên nhà ông ngoại tôi đóng được cái máy suốt lúa chạy bằng máy Koler. Khi đem ra đồng sử dụng, ai cũng tới xem và trầm trồ khen ngợi, rồi nhiều người tới thuê để đem về gặt ruộng nhà mình. Sau giải phóng, xăng rất hiếm nên người ta thay máy nổ bởi cái bàn đạp để đạp quay cái guồng suốt lúa. Rồi gần 10 năm trở lại đây thì toàn bộ máy suốt đã được gắn máy nổ trở lại, và cái máy suốt lúa như thế vẫn dùng ở hầu hết các tỉnh đồng bằng ven biển Miền trung hiện nay.

Sáng chủ nhật hôm ấy, nhà ông tôi rất đông người, vì có ông bà Dư và các cậu, dì từ thị xã Quảng Ngãi về. Ông Dư là em của ông ngoại tôi, thời chiến tranh ác liệt đã chạy ra Quảng Ngãi và sinh sống ngoài đó, nhưng vẫn về làm ruộng ở quê và nhờ ông tôi trông coi. Sáng nay cả nhà về thăm chơi và thu hoạch lúa. Các cậu thì mang giày, các dì thì mặc những bộ đồ rất đẹp, rất sang trọng và đem theo nhiều thịt cá để nấu ăn trưa nay. Những người đi gặt thì thuê ở trong xóm và đã xuống ruộng từ sớm.

Đến nửa buổi chiều thì đã gặt xong mấy đám ruộng được mười mấy bao lúa. Mọi người đang ngồi ngoài đồng ăn chiều bằng thức ăn bánh tráng cuốn với cá biển và rau muống thì có hai người du kích từ xa đi tới. Một người mang cái túi xách, người kia thì mang khẩu AK. Đến nơi thì người mang túi xách nói:

- Gia đình ông Dư làm ruộng mấy mùa qua nhưng chưa có đóng thuế, vậy hôm nay chúng tôi đến để thu thuế cho cách mạng

Đúng là bà Dư mấy mùa qua, khi gặt xong là chở lúa về Quảng

Ngãi, nên cách mạng chẳng thu thuế được gì. Hôm nay biết được ngày gặt nên họ ra thẳng ngoài đồng để thu. Gia đình mọi người ở đây mỗi mùa cũng đều đóng thuế (thường là bằng tiền) vào những đêm họp mittinh để ban kinh tài của xã chuyển lên trên mua gạo, thuốc tây cho bộ đội và du kích. Sau vài phút ngỡ ngàng bà Dư bèn nói.

- Tôi ở Quảng Ngãi, không biết đóng thuế ở đâu, nên chưa đóng. Máy ông cho tôi nộp thuế vụ này thôi, còn các vụ kia, để lại mùa sau được không?

- Không được đâu! Cách mạng đang thiếu gạo, bà phải nộp hết các vụ vừa qua – Người mang túi xách nói.

Rồi hai người du kích bợ riêng ra 5 bao lúa để trưng thu. Họ lấy viết ra ghi vào tên người nộp lúa và số lượng lúa chứ chẳng có giấy biên nhận gì. Mọi người thồ số lúa còn lại về nhà ông tôi, còn bà Dư thì mặt buồn tui nghỉu.

Thời gian trước đó tôi cũng hay thấy những tờ truyền đơn của nguy tuyên truyền xuyên tạc, vẽ cảnh Việt cộng ra thu lúa của dân ngoài đồng, nhưng thực chất là thu của những người ở vùng địch mà nhiều năm không chịu nộp thuế. Còn người dân ở quê tôi thì ai cũng tự giác đóng góp đầy đủ thì đâu có chuyện xảy ra như vừa rồi.

Cùng với việc trồng lúa, người dân còn trồng các loại hoa màu khác như khoai mì, khoai lang, đậu phộng và bây giờ bắt đầu trồng lại cả cây mía để sản xuất đường. Đất Quảng Ngãi rất phù hợp cho cây mía, trừ những nơi thấp thì làm ruộng, còn nơi nào cũng trồng được mía. Ngày trước xóm nào cũng có lò che để ép đường. Chiến tranh tràn qua khốc liệt, các lò che cũng bị cháy hết, cây mía cũng cháy theo. Thay vào đó là người dân trồng củ mì, củ lang để thu hoạch hơn. Bây giờ tình hình cũng tương đối yên ổn, nên có nơi người dân đã trồng mía và mở lại các lò che để ép đường. Nhìn mọi người cười đùa vui vẻ, kẻ thì đánh trâu đi vòng quanh, làm quay các ông

che để người khác đút mía cho che ăn nghe rào rào bên cạnh các chảo đường nghi ngút khói tạo cho ta có cảm giác cuộc sống rất thanh bình no ấm như không hề có chiến tranh ở nơi đây. Hình ảnh đó làm cho tôi liên tưởng đến 2 bài học thuộc lòng nói về quê hương rất hay mà mình đã học hồi lớp 5.

QUÊ TÔI

*Quê tôi sông nước thanh bình
Quê tôi mái cỏ lều tranh nghèo nàn
Quê tôi có dải cát vàng
Có con sông nhỏ bắc ngang nhịp cầu
Trước làng có mấy hàng cau
Cuối làng có mấy vườn dâu xanh rờn
Những chiều ráng đỏ như son
Có buồm căng gió bon bon chạy về
Có tôm cá chắt đầy ghe
Mặn nồng nghe ý tình quê dạt dào*

QUÊ XƯA

*Từ ngày li biệt quê hương
Ra đi để sống trên đường tự do
Nhớ bao kỉ niệm năm xưa
Bình minh nắng phủ bóng dừa vàng hoe
Nhà nông vác cuốc đi về
Thanh bình chim hót bóng tre vươn mình
Bóng đa cao ngất từng xanh
Hàng cây nghiêng ngả ẩn mình trong mơ
Mái tranh ẩn hiện xa mờ
Từng đàn mục tử trở về cô thôn
Xa xa những bóng nâu non
Chợ chiều thôi họp hoàng hôn nhuộm vàng
Trẻ thơ đón mẹ cổng làng*

Được quà về chợ reo vang vui cười

THANH TỊNH

Cuối năm 1974 thì các lực lượng vũ trang giải phóng của tỉnh Quảng Ngãi đã làm chủ cả vùng rộng lớn phía tây của tỉnh và cả những vùng ven biển ở phía đông QL1. Lính ngụy chỉ giữ được con đường QL1 mà đã chật vật lắm rồi. Ngọn núi Định Cương thuộc huyện Nghĩa Hành nhưng chỉ cách QL1 khoảng 4km. Quân giải phóng đã chiếm giữ trên núi. Suốt mấy tuần liền lính sư đoàn 2 tổ chức tấn công mà vẫn không chiếm được. Hằng ngày đi học ở thị trấn Đồng cát tôi và lũ bạn vẫn đứng trên QL nhìn lên ấy thấy những cụm khói bốc lên do đạn pháo 105 nổ. Có hôm chạy lên sân vận động Đức Tân thấy máy bay trực thăng HU-1A chở thương binh về nườm nượp, nằm la liệt khắp trên bãi cỏ. Sau đó lính ngụy bỏ hẳn núi Định Cương, không dám tấn công lên nữa.

Khoảng thời gian này chi khu quân sự ở thị trấn Đức Phổ cũng bị quân Giải phóng pháo kích liên tục. Nhưng rất ít khi nào trúng vào chi khu. Những trái đạn 105 li xuất phát từ các ngọn núi ở phía tây chỉ cách vài km, nhưng địch không đủ sức để hành quân lên phong tỏa nơi bắn pháo. Sau ngày giải phóng hỏi lại mấy anh bộ đội huyện mới biết là lúc đó không hề có một khẩu pháo nào trên các ngọn núi ấy, mà những quả đạn này gọi là pháo mồi. Tức là đặt quả đạn 105 nằm xiên trên mặt đất, dùng thuốc mồi sao đó mà kích được một lần 2 trái bay đi. Bởi vậy rất khó trúng vào mục tiêu. Một số người dân đã chết vì những trái pháo lạc như thế. Lợi dụng điều ấy ngụy quyền bắt học sinh các trường học đi biểu tình và hô khẩu hiệu “Đả đảo CS”.

Anh C. lúc ấy là một lớp trưởng bị buộc phải hô khẩu hiệu cho cả lớp hô theo. Sau ngày giải phóng anh trở thành giáo viên và phấn đấu trở thành một Đảng viên rồi giữ chức vụ hiệu trưởng của một trường cấp 2. Sau này một người láng giềng với anh, do có mâu

thuần về việc tranh chấp đất đai, đã viết đơn tố cáo chuyện anh hô khẩu hiệu ngày trước. Huyện ủy cho người đi xác minh điều đó ở những người bạn học cùng lớp với anh ngày xưa, thì đúng là có điều ấy, và ai cũng hiểu đó là trong tình thế bị bắt buộc mà một người lớp trưởng như anh phải làm thế. Nhưng sau đó anh vẫn bị khai trừ khỏi Đảng và cách chức hiệu trưởng. Anh buồn chí, rồi xin chuyển công tác lên Gia Lai từ ấy đến giờ.

Ở các xã thì công tác địch vận được đẩy lên cao bằng các hình thức gọi loa, hát các bài hát phản chiến, kêu gọi hòa bình... để tác động vào các binh sĩ trong đồn. Nhiều bà má đã nói thẳng với lính nghĩa quân:

“Quân giải phóng đã làm chủ khắp nơi, hòa bình sắp đến rồi. Tụi bây lo trốn về nhà, chứ đi lính làm gì nữa”

Quân địch khắp nơi đều hoang mang lo lắng, những tên ác ôn thì co vòi lại, ở hẩn trong quận, ít khi thấy về xã. Thời gian này cũng không thấy các vụ bắt bớ, đánh đập người tình nghi như những năm trước. Lính nghĩa quân thì ban đêm vẫn nằm im trong đồn không bắn ra một tiếng súng nào, mặc cho bên ngoài bắc loa ca hát các bài hát cách mạng và người dân gõ mõ rầm trời cổ vũ theo tiếng loa. Đó là một điểm báo hiệu cho một làn sóng mới, một trận triều dâng cuốn phăng đi các bót đồn để người dân quê tôi không còn cái cảnh bị bom đạn chà đi xát lại như trong cái mùa hè đỏ lửa.

Trong khi lính nghĩa quân và ngụy quyền ở địa phương tỏ vẻ lo sợ trước khí thế của cách mạng thì tụi lính sư đoàn 2 lại tỏ vẻ hung hăng. Chúng thường xuyên đi phục kích và tổ chức những đợt tấn công vào vùng du kích. Thôn Mỹ Thuận ở phía nam đường Cái Mới và nằm phía tây QL1. Thôn cách 2 trục đường này mỗi chiều chừng 1km qua 2 cánh đồng trống, là vùng trụ bám của du kích xã Phố Thuận lâu nay, trong thôn cây cối ùm tùm, đầy mìn bẫy.

Tôi cũng có đôi lần đứng từ đường Cái Mới để xem lính sư đoàn 2

tấn công vào thôn. Những người lính chạy lúp xúp dưới ruộng bắn những trái M72 vào xóm nghe nổ ã ðùng nhưng thấy cũng chẳng có tác dụng gì vì trong ấy có những lũy tre dày cản trở. Còn việc bắn pháo chuẩn bị trước khi tấn công thì cũng rất hạn chế vì lúc này đạn dược của quân nguy không có dồi dào như xưa. Ngược lại du kích trong thôn thì lại thấy rất rõ đối phương nên cuối cùng không có lần nào lính nguy vào được mục tiêu mà phải kéo lê những xác chết và những người bị thương trở ra đường Cái Mới.

Một hôm anh Sửu là du kích đang ngồi ăn cơm trong nhà vừa bước ra sân thì thấy một người thanh niên lạ bước vào. Chạm mặt nhau khá bất ngờ thì cả hai bên cũng vừa nhận ra là kẻ địch. Hai người lao vào vật lộn với nhau thì một tên khác từ phía sau lao tới tiếp sức và nổ súng bắn chết anh Sửu rồi bỏ chạy ra đồng. Thì ra hai tên này là lính sư đoàn 2 mặc đồ sơvin giả dạng dân đi làm đồng đã đến tận trong xóm mà không ai hay biết. Khi du kích biết được thì chúng đã chạy xa mất rồi.

Một buổi sáng nọ tôi đang cưỡi xe đạp trên đường Cái Mới để về thôn Thiệp Sơn, đến cách đường xe lửa khoảng 500m thì thấy một tốp lính sư 2 đang đứng trên đường cùng 2 người du kích bị trói tay ra phía sau. Có lẽ chúng vừa mới phục kích bắt được đêm qua. Một chiếc xe Jeep từ trên đồi Chóp Vung chạy xuống thẳng cái “két” rồi dừng lại. Tên sĩ quan bước xuống rồi đưa tay đẩy một người du kích và nói.

- Bước xuống lễ đường mau!

Người kia lừng chừng thì hắn đưa tay rút súng, tay kia xô mạnh làm cho người du kích ngã chúi từ trên mép đường nhựa cao xuống tận mép ruộng. Tôi và lũ trẻ đứng gần đấy kinh hoàng, sợ quá bèn quay xe bỏ chạy lùi ra một quãng xa hồi hộp đứng nhìn. Hai phát súng ngắn từ tay tên sĩ quan nổ chát chúa, mọi người nhắm mắt đưa hai tay bịt lỗ tai một lúc lâu mà vẫn chưa dám mở mắt ra nhìn. Kinh

khiếp quá!

Bắn xong hắn đẩy người du kích kia lên xe chở đi thẳng hướng QL1 mất dạng, còn tụi lính thì vác súng đi bộ lên đồi Chóp Vung. Đợi cho bọn lính đi được một quãng mọi người mới chạy lại xem. Người du kích bị bắn từ sau lưng ra trước ngực, nằm gục chết trên mép ruộng, máu thấm đỏ quạch cả một vạt cỏ, một màu đỏ bầm ghê rợn. Ai cũng xót xa trước cái chết của anh và thầm rửa tên ác ôn giết một người tù binh mà không chút ghê tay!

Thời gian này những hoạt động rào đường, chặn đánh địch ở QL1 ít hơn hẳn trước kia, thỉnh thoảng mới có một vụ. Mỗi lần xảy ra như vậy thì từ sáng sớm bà con lại quây gánh đi rào rào trên QL, tản cư ra Mộ Đức và lính nghĩa quân ở đồn Quán Vịt lại cầu cứu lính địa phương quân trong quân ra giải tỏa.

Một hôm mới sáng sớm thì thấy lính sư đoàn 2 xuất hiện ở trong xóm. Một người lính kêu mẹ tôi lại để hỏi giấy căn cước, mẹ tôi vội chạy vào nhà cầm ra đưa cho hắn xem. Hắn hạch sách sao hình trong thẻ không giống, có phải giấy giả không...? Tôi nhìn lên nhà bà Thừa, thì cũng thấy có hai tên lính đang hỏi giấy bà. Có chuyện gì mà sao ai cũng bị hỏi giấy thế? Những khi lính sư 2 đi phục kích vào làng thì thường là đi đông người và trang bị súng đạn nhiều lắm, nào là M.72, trung liên, lựu đạn, bi đông nước.v.v... trông rất là hùng hậu. Còn lần này sao chỉ có vài người và chỉ mang AR-15 và chỉ có 1 khẩu M79. Mặc dù người nào trên vai áo vẫn có phù hiệu là số 2, chân vẫn mang giày lính, nhưng tôi vẫn nghi ngờ đó không phải là lính sư 2 thật sự, và mẹ tôi cũng nghi ngờ như thế, nhưng cũng không hiểu như thế nào.

Mặc dù nghi ngờ, nhưng đến giờ rồi, tôi phải đi học thôi. Cưỡi xe đạp đi ra khoảng 1 cây số thì bỗng nghe ở phía làng mình rộ lên tiếng còi và súng tiểu liên nổ đi từng loạt một khoảnh khắc ngắn rồi im bặt. Thôi rồi! Đúng là mấy người lính sư 2 hồi sáng là do du kích giả

dạng. Thế nào cũng sẽ có người chết và tôi rất lo lắng cho nhà mình, không biết ông bà và mẹ tôi có kịp chạy xuống hầm hay không? Trưa hôm ấy, sau khi học xong tôi đạp xe nhanh về nhà thì thấy mấy người lính nghĩa quân và mọi người vẫn còn bàn tán xôn xao về vụ nổ súng vừa rồi. Như thường lệ, buổi sáng, lính nghĩa quân bắt đầu đi từ đồn Quán Vịt ra mở đường. Hôm nay dân không đi tản cư, có nghĩa là không có du kích ở làng. Khi người lính đi đầu cách xóm chừng 20m thì mấy người du kích mới nổ súng và bắn M.79 vào đội hình hàng dọc của lính, nhưng do mất bình tĩnh hay sao mà chẳng có ai thương vong, chỉ có một người lính bị thương do mảnh đạn M.79.

Vài tuần sau vụ giả dạng lính sư 2 thì một vụ tiếp theo cũng làm cho chính quyền ngụy ở xã Phổ Long (Phổ Thuận) kinh hoàng. Đó là vụ ám sát một ấp trưởng. Ông Bộ là ấp trưởng thôn Thiệp Sơn từ năm 1967 đến nay. Thật tình mà nói thì trước đây, khi còn lính Mỹ thì ông ta rất hung hăng. Hắn đã từng ngồi trên máy bay trực thăng để phát loa kêu gọi đồng bào không được tiếp tế cho Cộng sản, mà phải di tản đến các trại định cư của Quốc gia để cách li với Cách mạng. Nhiều người còn nhớ cái câu ông ta thường nói:

-“Thằng Mỹ không dễ gì nó chịu thua. Nếu yếu thế thì sẽ có lực lượng Đồng minh của nó nhảy vào, chứ chẳng bao giờ nó chịu bỏ Miền Nam đâu!”

Từ ngày giặc Mỹ rút quân thì ông ta cũng bắt đầu xuống nước và hiền từ hơn. Hằng ngày tôi vẫn hay gặp ông mặc bộ đồ đen, đi xe đạp trên đường Cái Mới để về thôn Thiệp sơn làm công việc như nắm tình hình, kê khai dân số, thực hiện các chính sách về xây dựng nông thôn.v.v...

Hôm ấy ông Bộ đang đi xe đạp trên đường Cái Mới, phía sau có chở một bao củ lang để trở về nhà ở thị trấn. Đến ngang xóm 28 thì gặp một người thanh niên học sinh mặc áo trắng đứng bên lề vẫy lại

và nói.

- Bác ơi, bác có máy lửa cho con mỗi điều thuốc?

Ông Bộ dừng lại vẫn ngồi trên xe đạp và móc túi lấy máy lửa, thì người thanh niên rút súng bắn hai phát đạn vào ngay ngực làm ông ta và chiếc xe ngã chúi xuống mép đường trước sự kinh hoàng của một tốp học sinh đi học cũng vừa về đến đó. Bắn xong, người thanh niên dứt súng vào túi quần và băng đồng chạy thẳng ra hướng thôn An Định, đó là vùng của du kích. Mọi người trong xóm chạy ra xem thì thấy viên đạn trúng vào ngay tim làm văng cái hộp đựng con dấu trong túi áo ra ngoài, bao củ lang khô đổ ra rơi vung vãi đầy trên mép cỏ. Mọi người xem một tí rồi lo chạy vội về nhà, không dám ở đó lâu vì sợ mang họa. Một lát sau lính sư đoàn 2 chạy từ trên đồi xuống và cũng có dọa hỏi mấy đứa thiếu niên trong xóm nhưng đứa nào cũng nói là “Không biết gì”. Thực chất có rất nhiều người biết rõ người bắn súng hôm ấy cũng là một học sinh trung học, nhưng chẳng có ai khai ra cả. Mà nếu có ai đó muốn khai thì cũng chẳng dám, nếu không muốn mình cũng sẽ lãnh 1 phát đạn giống như thế. Thời buổi này mọi người luôn thực hiện khẩu hiệu 3 không: “Không nghe, không thấy, không biết” là tốt nhất. Đây là vụ ám sát ấp trưởng lần thứ 2 ở xã Phổ Long, lần trước là ông Bình - ấp trưởng thôn vùng 5.

Cả tháng, sau vụ ám sát thì hầu như chẳng nghe vụ nổ súng nào nữa. Cuộc sống thanh bình thật là dễ chịu. Mùa đông lạnh lẽo đã đi qua, Bầu trời có nhiều nắng ấm. Mọi người hồ hởi chuẩn bị đón chào một mùa xuân mới.

Phần 5

NGÀY ĐOÀN TỤ

Xuân 1975, có lẽ là một mùa xuân vui vẻ và thanh bình nhất trong các mùa xuân đã đi qua thời chiến tranh ở quê tôi. Trước tết và sau tết cả tháng trời mà không khí vẫn yên bình. Năm nay, ngoài cây bông vạn thọ mà hầu như nhà nào cũng có trồng, còn có thêm các loại hoa khác như mào gà, hướng dương, bông giấy... Nhiều nhà còn gặng chạy đi xa để xin một nhánh mai về cắm lên bàn thờ cho không khí những ngày xuân thêm ấm cúng.

Ngoài chợ thì không có bán hoa như bây giờ, nhưng bày bán đủ loại thực phẩm cũng như vật dụng phục vụ cho ngày tết. Năm nay có bán cả những loại nhang khoanh tròn treo trước bàn thờ cháy cả đêm. Trẻ em được cha mẹ sắm cho những bộ đồ, những đôi giày mới, có em gái còn được đánh phấn và thoa son lên môi, cột hai bím tóc nhổng sang hai bên, tay thì cầm nhiều bong bóng xanh đỏ đi chơi xuân bên người lớn, mặt mày vui tươi hơn hở, đôi má đỏ lên trong nắng xuân hồng làm cho ta có cảm giác là các em chỉ biết có khung cảnh thanh bình mà chưa hề thấy chiến tranh bao giờ.

Đêm giao thừa thì cũng pháo và súng nổ rầm trời nhưng tiếng súng nghe vui chứ không khiếp sợ như giao thừa mọi năm. Chiều mùng 1 tết, tôi và mấy đứa bạn đi xem văn nghệ ở chùa Ông Hạnh tại thôn Vùng 4. Đây là một ngôi chùa có vài lớp học dạy trong chùa. Học sinh mặc đồ phật tử lên biểu diễn những bài hát ngợi ca tình yêu quê hương đất nước, như bài: Lối về xóm nhỏ, Hòa bình ơi ... rồi đến cái đoạn múa bướm. Những bé gái đóng giả những con bướm, phía sau mỗi em mang một đôi cánh bướm bằng giấy. Khi co tay làm động tác thì những cánh bướm vẫy vẫy trông thật đẹp mắt. Đoạn cuối

buổi văn nghệ có sự tham gia của các anh lính sư đoàn 2 đóng trên đồi Chóp Vung bằng một vở hài kịch “Hớt tóc”. Một người ngồi trên ghế, người kia cầm cái kéo (bằng giấy) dài gần cả thước, xách cái lược bằng cái bồ cào, rồi lấy cái vá múc canh để ngoáy tai... Làm cho mọi người một phen cười nghiêng ngả.

Trên đài phát thanh Sài Gòn thì phát đi phát lại bài hát “Cám ơn”- Một bài hát khá hay, do ca sĩ Duy Khánh thể hiện. Lũ thiếu niên như tụi tôi thì mấy ngày tết chỉ thích bắn bi và chơi bầu cua ăn tiền hơn là đi chơi xuân. Buổi tối mới đi chơi ở các nhà hàng xóm tới khuya mới về. Một cái tết thanh bình hiếm có từ trước đến giờ.

Sau tết, cuộc sống thanh bình như thế cứ tiếp tục. Ai cũng ngạc nhiên sao bình yên kéo dài lâu thế? Nhưng mọi người đâu có biết rằng cuối tháng giêng năm ấy một đòn sấm sét của quân giải phóng đã giáng xuống Ban Mê Thuột (10-3-1975) và sau đó địch đã tháo chạy khỏi Tây nguyên. Nhiều người dân không biết, nhưng lính ở đồn Quán Vịt và lính sư 2 đóng trên đồi Chóp Vung đều biết sự kiện ấy.

Sáng hôm đó tôi về nhà nội ở Thiệp Sơn để ăn chạp. Ngày ấy giỗ chạp cũng nấu nướng đơn giản, có thịt gà, cá kho, và gỏi đu đủ, ăn với cơm và canh, bánh gói (bánh dày) là loại bánh không thể thiếu trong các ngày giỗ khi bình yên. Thức ăn được đựng trong những cái đĩa chút xíu và canh thì đựng trong cái tô loe ra giống như cái loa nhưng cũng chỉ được hơn một chén canh. Ngày giỗ thì mới được ăn cơm trong những cái chén màu trắng gọi là chén mỏng và những đôi đũa bằng gỗ mun màu đen, đó là những vật quý giá. Ngày thường thì chỉ dùng chén đất màu sẫm và đôi đũa tre. Mọi người ăn uống vui vẻ và bàn luận về cảnh thanh bình lâu dài trong thời gian qua mà tôi đâu biết rằng chiều đó mình bị một trận pháo kinh hoàng sém chết.

Chiều hôm ấy tôi chơi đến 5h mới ra về cùng hai anh con bác là anh Dưỡng và anh Chánh. Anh Dưỡng đi 1 xe đạp, anh Chánh chở tôi trên 1 xe. Khi về đến xóm 28, định quay vô nhà các anh ở lại đêm

thì nghe tiếng loa ở đó phát ra thật to.

- Hỡi anh em binh sĩ VNCH! Mặt trận giải phóng đã làm chủ khắp nơi, mọi người hãy buông súng trở về với nhân dân. Toàn Miền nam đã nổi dậy. Hỡi anh em binh sĩ ...

Tiếng loa chỉ nói được vài lần thì từng tràng đại liên trên đồi Chóp vung nã đạn chiu chiu xuống hai bên mép đường. Anh em tôi hoảng quá cưỡi xe chạy thẳng xuống Vùng 4. Khi này ra đến đường Cái Mới, tôi vẫn thấy một người lính sư đoàn 2 đang xách nước tắm ở một cái giếng nơi nhà dân, còn ban ngày mà mấy ông giải phóng đã tập trung quanh đây rồi sao? Bỗng "Ầm, ầm!" pháo 105 từ thị trấn Đồng Cát bắn vào tới tấp. Chúng tôi đạp xe chạy nhanh, một quả đạn nổ chát chúa sáng lòà trước mặt, chỉ cách chúng tôi 7m, mảnh đạn bay rào rào vào mái tôn, nhưng kì lạ thay cả 3 anh em chúng tôi không hề hấn gì, còn xe đạp thì sau này xem lại bị mấy lỗ. Cả ba chúng tôi bỏ xe đạp chạy bộ, tôi và anh Chánh chạy dạt vào một cái nhà ven đường, những trái pháo khác nổ tới tấp chung quanh, tiếng nổ rung chuyển mặt đất làm một cái giỏ chiên (bằng tre) bay lên cao mấy mét. Hai chúng tôi chạy quanh nhà để kiếm miếng hầm. Kiếm được miếng hầm của nhà đó và chui vào thì đã thấy đông nghẹt người núp trong ấy. Anh Dưỡng thì chạy lạc đâu mất. Tôi lo quá, chắc anh đã trúng pháo chết rồi.

Bị pháo nhiều lần, nhưng lần này vẫn sợ xanh mặt. Vì đó là một căn hầm lạ, đơn sơ hơn nhiều so với căn hầm Đờ Cát của ông ngoại tôi. Mỗi lần pháo nổ gần là đất trên nóc hầm lại rơi xuống rào rào. Một người đàn bà ngồi cúi đầu chấp tay trước ngực run rẩy nguyện cầu mà mọi người đều nghe rõ.

- Xin Cậu Trạng hãy độ trì cứu giúp, hãy lái những trái đạn ra xa căn hầm để cứu mọi người.

Khi có quả pháo nổ rất gần, thì bà lại nói.

- Xin Cậu! Cho nó nổ xịch ra một xiu nữa đi. Cậu Trạng ơi, hãy

cứu mọi người.

Sau này tôi mới biết người đàn bà đó là bà Tư. Bà Tư có đứa con trai tên là Trọng đã chết từ bé. Trước đó hơn 1 năm, tự nhiên nghe đồn rằng cậu Trọng đã nhập vào xác bà Tư nói linh thiêng lắm. Người dân trong vùng thường hay đến xin Cậu Trọng ứng lên để hỏi về gia sự, các cô gái thì hay đến để hỏi về đường tình duyên và Bà Tư cũng hành nghề “Lên đồng” từ đó. Tôi cũng nghe nói nhiều chứ chưa gặp bà bao giờ. Hôm nay có bà trong hầm, nhiều người cảm thấy yên tâm hơn. Nhưng sao Bà Tư lại cầu cho trái đạn nổ xịch ra một chút. Xịch ra một chút nữa thì hầm mình an toàn nhưng sẽ trúng vào hầm của những nhà hàng xóm thì sao? Lúc này pháo vẫn bắn ầm ầm. Nhớ lại khi học tiểu học ở trường TIN LÀNH, cô Luận dạy giáo lí có giảng nhiều lần về việc ta cầu nguyện Đức chúa Trời để được che chở khi gặp những hoạn nạn trong đời. Dù không mấy tin tưởng vào Chúa, nhưng lúc này sợ quá, tôi cũng chấp tay lên trán và lầm rầm đọc những câu nguyện cầu: “xin Chúa che chở cho con”.

Đợt pháo bắn khoảng 30 phút thì chấm dứt, nhưng mọi người chưa ai dám chui ra khỏi hầm, vì sợ nó bắn tiếp. Chờ một thời gian lâu nữa vẫn không thấy gì, lúc đó mọi người mới chui ra, ra ngoài không khí dễ chịu làm sao. Lúc này trời đã tối hẳn, tôi và anh Chánh chạy nhanh ra đường để tìm anh Dưỡng. Vừa chạy vừa kêu tên anh, chạy rộng ra những nhà hai bên đường thì gặp anh cũng vừa ở căn hầm nhà ông Quảng chui ra và đang chạy tìm kiếm hai đứa tôi. Khi pháo nổ tấp nập thì tôi và anh Chánh chạy dạt vào phía nam, còn anh chạy ra hướng bắc của đường Cái Mới. Ba anh em gặp nhau mừng quá và về lại nhà ông Quảng, ngồi lại đây chờ cho trời sáng.

Đêm ấy - mà hơn một tháng sau tôi mới biết đó là đêm cuối cùng của cuộc chiến - Một đêm dài như vô tận, một đêm mà lần đầu tiên trong đời tôi thức trắng. Hai vợ chồng ông chủ nhà cũng thức trắng cùng 3 chúng tôi. Mọi người lo sợ không biết nó còn bắn pháo nữa

hay không? Không ai có đồng hồ nên sau một lúc thật lâu thì không biết lúc này là mấy giờ. Nhìn chân trời phía đông có màu đỏ đỏ cứ nghĩ rằng bình minh sắp ló dạng, vài lần như vậy mà trời vẫn chưa sáng. Sao mà trời lâu sáng thế nhỉ? Cuối cùng thì trời cũng sáng hẳn, nghe bên ngoài đường có nhiều tiếng người đi lại, chúng tôi chạy ra đường thì nghe nhiều người nói.

- Lính đã bỏ chạy hết rồi!

- Lính ở đồn Quán Vịt chạy rồi à? Đồi Chóp Vung vẫn còn lính trên ấy chứ?

- Chạy hết rồi!

Chiều hôm qua tôi vẫn còn thấy một người lính sư đoàn 2 đang đi tắm ở dưới xóm và đêm qua, sau đợt pháo thì chẳng nghe đánh đấm gì nữa. Qua một đêm mà sao thay đổi nhanh thế? Chúng tôi đi ngược lại chỗ quãng xe đạp hồi hôm thì hai chiếc xe vẫn nằm đó, một chiếc bị mấy mảnh đạn vào sườn xe, quả pháo nổ chỉ cách 5-7m bay một vật bên mép đường nhựa tạo thành cái hố nhỏ như chiếc mủng con. Thật là hú vía. Đêm cuối cùng của cuộc chiến mà chết thì thật là oan uổng lắm. Dựng xe lên để đi về nhà thì thấy một đoàn người đi tới. Ô! lính sư đoàn 2, người thì ở trần, người thì mặc quần đùi, người thì mặc áo lính có số 2 trên vai, đi sau là hai người du kích áp tải. Hỏi thăm mấy người dân đi sau thì họ kể rằng đêm qua trên đồi Chóp Vung lính đã bỏ chốt, mạnh ai nấy chạy. Đa số là cởi bỏ hết quần áo lính, bỏ hết súng đạn, chạy loạn xạ băng đồng mỗi tốp 5 – 7 người. Một số thì bị du kích bắt, một số thì đang chạy lạc trốn trong dân.

Trên đường về nhà, từ đường Cái Mới đến QL1, người dân đổ ra đường rất đông, gương mặt ai cũng hồ hởi, vui vẻ nói cười kể lại chuyện tháo chạy của lính ngày đêm qua. Chiều hôm ấy lại nghe tiếp tin ở thị trấn Đức Phổ và thị xã Quảng Ngãi quân ngày cũng rã ngũ hoàn toàn. Đêm ấy, đêm đầu tiên của ngày giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Ngãi (24-3-1975) mọi người đổ ra đường QL1 như một

đám hát. Từng tốp, từng tốp người đi qua đi lại trên đường, từng nhóm, từng nhóm người từ trẻ em, phụ nữ đến cả những cụ già cũng ra ngồi giữa đường lộ bàn luận rào rào chuyện thời sự. Vài ba đêm sau, trên đường QL1 người ta vẫn ngồi chơi đông nghịt như thế. Tôi cùng vài đứa bạn trong xóm lấy xe đạp chạy đi chơi. Lần đầu tiên đi xe đạp ban đêm. Ô! trời tối thui mà vẫn cười xe được. Ra tới Mộ Đức, rồi vòng vào Trà Câu, ở đâu cũng thấy nhiều người đi chơi ngoài đường. Một vài điểm có đông dân cư thì tổ chức mittinh mừng ngày giải phóng, cũng có cái bàn với ảnh Bác Hồ và lá cờ Mặt trận với một người cán bộ giải phóng nói chuyện, quang cảnh nhộn nhịp hơn hồi giải phóng năm 1972.

Vài ngày sau, vào một buổi trưa, Tôi đang đi xe đạp đến ngã ba QL1 và đường Cái Mới thì thấy có đông người đang đứng bàn tán chuyện gì đó. Dừng lại thì nghe họ nói du kích vừa bắn chết Đỗ Cận ở trong cầu Vinh Hiển. Tôi chạy vào xem thì xác chết đã được khiêng đi đâu mất rồi.

Trước đó hơn 1 năm, có một vụ án làm xôn xao cả huyện Đức Phổ. Ở cầu Bàu thuộc xã Phổ Cường, những người đi làm đồng phát hiện ra một cái bao bố to, đựng vật gì mà cột miệng nổi dật dờ dưới chân cầu, mở ra xem thử thì tá hỏa khi thấy có cái xác của một người con gái nằm trong bao. Cảnh sát ngay mở cuộc điều tra và đã tìm ra thủ phạm là Đỗ Cận. Vào khoảng những năm 1966 -1967, khi vùng giải phóng được mở rộng, cách mạng đã lấy một số ruộng công điền của chính quyền ngay để cho du kích xã canh tác lấy lương thực nuôi quân. Tên Cận lúc đó đã làm tay sai cho giặc. Khi đến kỳ thu hoạch, hắn thuê người lên gặt lúa ở một số ruộng ấy. Sau đó du kích ban đêm đã đột nhập vào nhà và bắt hắn. Đợt đó ngoài tên Cận ra cũng có bắt được vài tên lính dân vệ cùng đem lên giam giữ tại Bình Mỹ. Sáng hôm ấy, các tù binh phải mài rửa để chiều chuyển lên cú trên núi đi lao động cải tạo. Trưa đó, các tên lính dân vệ đều bị trói tay,

tên Đỗ Cận cũng đã có tuổi và không phải là lính cho nên không phải trói. Mấy người cán bộ khác thì bận đi công tác một lúc, chỉ có một mình anh Sửu là du kích xã cầm súng canh gác. Do chủ quan và bị sốt rét nên anh Sửu nằm gác tay lên trán lim dim. Tên Cận thấy thế liền quơ ngay cây rựa bổ từ trên xuống, lưỡi rựa mới mài bén quá nên cánh tay bị đứt lìa, phạm xuống tới mặt. Anh Sửu rú lên và do quá bất ngờ, những tên lính bị trói tay cũng kinh hoàng, la ó lên inh ỏi. Tên Cận cầm rựa lao ra chạy thẳng một mạch xuống tới QL1, chạy vào trong quận báo cáo thành tích rồi ở luôn trong đó, chẳng dám về xã. Mọi người lao đến thì hắn đã chạy xa.

Ông Sửu (nhà ông ở thôn Thiệp Sơn) bây giờ ít muốn nói về sự kiện kinh hoàng ngày ấy và muốn giấu cái tay cụt.

Năm 1968, bộ đội tấn công vào thị trấn bị thất bại. Hai người bộ đội kéo thương binh và xác của đồng đội lạc vào vườn nhà hắn ở sát chi khu, thấy thế hắn ném lựu đạn ra làm những người còn sống cũng chết luôn. Sáng hôm sau hắn vào quận lý báo công vợ cả thành tích về cho mình. Đợt đó hắn được thưởng huân chương “Anh dũng bội tinh”. Từ ngày có huân chương hắn lại càng thêm tự đắc, xem thường luật pháp, tay càng thêm nhúng vào máu. Vài năm sau, tên Cận có một người con gái đã có chồng là một sĩ quan ngục và ở chung nhà với hắn. Trong nhà còn có cô cháu bên vợ của hắn ở trọ. Thấy cô cháu gái trẻ đẹp, nên người con rể ấy cứ theo quan tâm săn đón. Sợ rằng thằng rể theo cô kia mà bỏ rơi con gái mình, nên vào một đêm, tên Cận đã giết chết cô cháu gái bằng một mảnh ván chẹn ngang cổ cho nghẹt thở. Hành sự xong, hắn cho vào bao bố chở đi thật xa, ném xuống cầu để cho dòng nước trôi ra biển, nhưng rủi thay gặp chỗ nước xoáy, cái bao bố xác người ấy quần trở lại và bị phát hiện, cộng thêm việc tên sĩ quan con rể bị mất tích người tình, nên cũng đâm ra tố cáo hắn, rồi hắn bị cảnh sát bắt ra tòa án và chịu án tù ngoài nhà lao Quảng Ngãi. Ngày giải phóng, an ninh huyện đã ra tận nhà lao

để bắt hắn về.

Mặt dù đã biết có chính sách khoan hồng của cách mạng, nhưng cùng ngày hôm ấy du kích xã Phổ Thuận đã tử hình tên Đỗ Cận ở tại cầu Vinh Hiến và tên Dương Giỏi tại cầu Chợ Chiểu vì hai tên này có quá nhiều nợ máu với nhân dân. Còn tên xã trưởng Lương Hoàng cũng có nợ máu, nhưng ít hơn nên chỉ đi học tập cải tạo một thời gian rồi về. Năm 78 - 79, trên đường đi học tôi vẫn đi ngang qua nhà ông Lương Hoàng, không thể nào nhận ra ông ấy được. Từ một người to lớn, mặt lúc nào cũng đỏ gay, hét ra lửa, mà bây giờ như một gã xì ke, hằng ngày đứng xay bột cho vợ tráng bánh. Vài năm sau do thói chí và mặc cảm tội lỗi nên ông cũng mất sớm. Còn hiện nay, những lần đi họp gia đình liệt sĩ tôi vẫn gặp bà X.. Lúc đầu nghe mấy người nói đó là vợ của ông Dương Giỏi, tôi rất ngạc nhiên.

- Ủa! Vợ của tên ác ôn Dương Giỏi mà sao lại đi họp và lãnh tiền phụ cấp liệt sĩ?

Thì ra đây là bà vợ sau của ông Giỏi và có hai con trai với ông ta. Bà X. đời chồng trước có một cô con gái tham gia du kích và đã hy sinh nên bây giờ bà vẫn hưởng trợ cấp của người con liệt sĩ ấy.

Vài ngày sau cái đêm kinh hoàng cuối cùng của cuộc chiến tranh trên quê hương, tôi nghe trên đài phát thanh và nhiều người bàn tán về những tin chiến sự ác liệt ở Đà Nẵng. Rồi Đà Nẵng cũng được giải phóng (29-3-1975).

Khoảng một tuần sau thì xe ô tô của quân giải phóng ở trên đường Trường Sơn bắt đầu đổ xuống QL1 nườm nượp. Xe ô tô, xe pháo, xe tăng đủ loại, xe nào cũng đầy nhóc bộ đội, trên xe cắm thật nhiều cây lá ngụy trang. Ô kìa! lạ thay, xe nào cũng chỉ có 1 con mắt (1 đèn pha). Nhiều khi cuời xe đạp đi ban đêm cũng sợ bị xe một mắt này tông, vì cứ nghĩ cái con mắt đang sáng ấy là ở phía gần bên mình nên chỉ đi cách nó khoảng 1-2m. Sau này tôi mới hiểu là trên tuyến đường Trường sơn bị địch đánh phá ác liệt nên chẳng có xe nào còn

đủ hai mắt cả. Dòng xe trên QL1 hầu như chỉ có một chiều xuôi về nam.

Hàng ngày trên đài Hà Nội và Sài Gòn, Đài phát thanh Giải phóng, Đài BBC liên tục đưa những tin tức nóng hổi về chiến sự, nghe cả một bài diễn văn dài của Tổng thống Nguyễn văn Thiệu từ chức với lời lẽ uất ức kết tội đồng minh Hoa Kỳ đã bỏ rơi VNCH. Tin quân Giải Phóng đã làm chủ Qui Nhơn, Tuy Hòa, Cam Ranh ...

Khoảng giữa tháng 4 – 1975 thì trên đường QL1 xuất hiện nhiều chiếc xe rất dài, mỗi chiếc xe chỉ chở một trái hỏa tiễn to khủng khiếp. Ai nhìn cũng lo sợ cho một trận chiến tàn khốc ở Sài Gòn. Mẹ tôi nhìn những trái đạn khổng lồ ấy thì cứ chép miệng lo lắng cho số phận của chị tôi và bà con trong ấy. Ở Sài Gòn không có hầm hào thì khi đạn pháo nổ biết chạy trốn ở đâu?

Một buổi trưa, nghe nhiều người la lên.

- Sài Gòn đã giải phóng rồi!

- Nghe tin ở đâu thế?

- Tổng thống Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng trên đài phát thanh

Tin tức giải phóng Sài gòn cứ thế lan truyền hết người này đến người khác. Mọi người chạy đến nhà nhau để báo tin, cùng bàn luận sôi nổi. Những nhà có radio thì vặn hết cỡ cho mọi người cùng nghe tin tức từ Sài Gòn. Từ em bé đến các cụ già, gương mặt ai cũng ngời ngời phấn khởi. Hòa bình đã đến vĩnh viễn rồi, không còn sợ cảnh bom đạn nữa rồi. Vui quá! Chưa có một ngày nào vui hơn hôm nay! Ngày 30-4-1975 lịch sử.

Chiều tối ngày hôm đó và suốt mấy ngày hôm sau đài Hà Nội liên tục phát đi bài hát "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng" và bài hát "Bão nổi lên rồi". Lời nhạc của hai bài hát bừng bừng khí thế của ngày vui giải phóng, một ngày vui thống nhất mà phải trải qua 30 năm máu lửa, hôm nay mới có được.

Hòa bình rồi, nhưng trên đường QL1 từng đoàn xe quân sự vẫn chở bộ đội xuôi vào nam suốt cả tháng sau đó. Tháng sau thì từng đoàn xe đồ chạy ngược lại từ nam ra bắc, trên trần xe chở đủ thứ, nào là bàn ghế, giường tủ... của những người dân hồi hương về quê quán. Chị tôi và các cô cũng đã về, Mợ Chín và các em từ Pleiku cũng trở về nhà ông ngoại tôi. Mợ kể lại cảnh tượng kinh hoàng trên đoạn đường Pleiku – Phú Bổn trong cuộc triệt thoái khỏi Tây nguyên của quân đoàn 2 ngụy. Cảnh xe tăng cán nhào cả lên xe jeep, xe nhà binh cán bừa cả lên người dân để tháo chạy. Một mình mợ với 4 đứa con sợ quá đành quay lại. Nếu hồi đó chạy tiếp thì mấy đứa nhỏ có khi đến bây giờ vẫn còn mất tích. Còn cậu Chín là sĩ quan thiết giáp lúc đó đang đi học ở Đà Lạt, không biết bây giờ ra sao. Một người cậu Út của tôi là sĩ quan Hải quân cũng chẳng biết tin tức gì.

Mấy ngày sau, mẹ và các anh chị em tôi dọn nhà trở về quê nội ở thôn Thiệp Sơn. Về đây trước tiên là che một mái tranh để nghỉ tạm, dấy cỏ tranh xung quanh bắt đầu một cuộc sống mới. Nhiều người từ Sài Gòn cũng đã chuyển đồ đạc về trên nền nhà cũ với cỏ tranh ngút ngàn. Từ đây tôi đã thấy những cuộc đoàn viên đầy cảm động.

Cô Dòm, từ trên núi trở về với một bộ đồ bộ đội và một cái ba lô để gặp lại người mẹ già. Sau 6 năm cô bật tin, mọi người tưởng cô đã chết rồi. Những người từ Miền bắc cũng lần lượt trở về, lần đầu tiên tôi mới biết được cái từ "Tập kết". Ông Sáu nhà ở kế bên vườn nhà tôi, trở về sau 21 năm và đã gặp lại anh Thuởng là người con trai đầu với người vợ trước. Mẹ của anh đã mất trong chiến tranh. Bao năm cô cút rồi đi theo du kích xã, bây giờ anh đã gặp cha. Cha anh mang về thêm sáu người em cùng bà mẹ kế. Thời gian đầu bà Sáu lên rẫy thường mang đứa con út trên vai, làng xóm ai cũng nhìn bà chăm chăm, nức cười khi thấy cái hình ảnh như vậy. Trước khi về nam, gia đình ông Sáu ở Tuần Giáo – Lai Châu cho nên có tục lệ giống phong tục của người Thượng ở miền tây Quảng Ngãi. Sau đó

thấy hơi khác người ở đây nên bà Sáu không địu con trên lưng nữa.

Trưa hôm đó, có một người đàn ông đội nón cối, mặc áo trắng, mang túi xách, chân đi đôi dép giống như dép cao su nhưng bằng nhựa, tìm đến nhà ông nội của tôi. Ông bà tôi ngỡ ngàng, cố nhớ lại xem thử là ai.

- Cậu mợ không nhận ra con sao?

- Thằng Ba Càí đó phải không?

- Dạ! Cậu mợ vẫn mạnh giỏi, Các chú, các cô thế nào hả cậu?

- Trời ơi! 21 năm rồi, tao tưởng chẳng khi nào gặp lại tụi bây

Ông tôi nắm chặt tay người cháu – Người anh con bà cô của ba tôi, mà bây giờ tôi mới được biết - Giọng ông nghẹn ngào, không nói nên lời, kéo tay bác Ba Càí ngồi xuống thêm nhà và kể lại chuyện chiến tranh máu lửa ở quê hương trong 21 năm qua, kể lại chuyện cái chết đau đớn của ba tôi và bác Hai tôi. Kể lại chuyện gia đình của bác bị bắt chụp hình li khai với cộng sản, trong chiến dịch “Tố cộng” của Mỹ - Diệm. Kể lại chuyện chị ruột của bác Ba là cô Lược bị chết trong hầm do giặc Mỹ ném lựu đạn, mà suốt 4 ngày sau khi Mỹ rút đi, mọi người mới về khai hầm ra chôn vùi vàng trong tiếng pháo âm ỉ, khi cái xác đã phân hủy. Kể đến đây thì cô Sáu – em ruột của bác Ba Càí – nghe tin người anh trai về, đã chạy từ đồng về nhà nhào vô ôm lấy bác Ba khóc nức nở. Hai anh em gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, rồi bác lại nghẹn ngào khi hay tin người mẹ của mình đã chết từ năm 1971. Mấy ngày trước, mỗi khi ăn cơm cô Sáu cũng thường hay khóc vì người chồng lính ngụy chạy loạn ở Đà Nẵng đến bây giờ vẫn bất tin. Hôm nay cô lại khóc vì vui mừng được gặp lại người anh trai sau 21 năm dài dang dở.

Thời gian này ở trên khắp Miền nam có biết bao nhiêu cảnh đoàn tụ trong nước mắt như thế. Có nhà thì được đoàn tụ sum vầy sau nhiều năm li loạn bởi chiến tranh, cũng có nhà thì li tán, mất tích do chạy loạn khi quân giải phóng mở cuộc tổng tấn công. Nhưng dù

trong mất mát riêng của mỗi gia đình thì ai cũng xem đây là ngày đoàn tụ, một ngày đoàn tụ lớn của cả dân tộc, nam bắc đã một nhà, núi sông đã liền một dải. Một ngày vui thống nhất sau 30 năm.

Quang cảnh những ngày đầu mới giải phóng trên quê hương Phổ Thuận.

Ngày đoàn tụ là ngày vui lớn nhưng cũng có khi lại gặp những nghịch cảnh éo le. Có trường hợp người vợ nghe tin người chồng đi thoát ly của mình đã chết, sau đó gả nghĩa với người chồng mới là lính ngụy. Ngày thống nhất, người chồng cũ trở về thì trên danh nghĩa cả hai người đều là chồng. Trường hợp này thì thật là khó xử. Bộ phim “Về nơi gió cát” khởi chiếu những năm đầu sau giải phóng đã phản ánh đúng những tình huống trở trêu có thật trong ngày đoàn tụ ở Miền nam cũng như ngay trên quê hương của tôi.

Hôm ấy là một buổi liên hoan mừng ngày gặp lại của gia đình bác Ba Cài. Anh chị em chạy loạn chiến tranh ở Sài Gòn cũng đã hồi hương đầy đủ. Những người bà con nội ngoại cũng được mời đến khá đông. Từ sáng sớm những người phụ nữ đã lo đi chợ, nấu nướng, Bác Ba thì lấy mực viết trên tấm vải trắng dòng chữ:

- Mẹ ơi! Chúng con đã trở về.

Rồi cột lên đầu một cây nêu (đoạn tre dài có lá) đem cắm lên phần mộ của người mẹ đã mất trong chiến tranh. Người vợ cũ của Bác hôm ấy xách theo một xách bún cũng về dự họp mặt. Vừa vào đến nhà thì mọi người niềm nở chạy ra mời chào.

- Ô! Chị Ba mới về

Bác Ba gái mới cũng mới từ Hà Nội về hôm trước, đang ngồi trong nhà thấy thế liền nổi cơn ghen lên rồi nói:

- Chị Ba gì mà năm (lắm) chị Ba thế?

Nói rồi goe nguẩy đứng dậy, mặt đỏ bừng bỏ đi một mạch sang nhà hàng xóm nằm nghỉ. Mọi người chạy theo khuyên giải thế nào

bác cũng chẳng thèm ra dự đám tiệc. Bác Ba cũ thì ở lại dự tiệc nhưng cũng chẳng vui vẻ gì. Chỉ có Bác Ba trai là kẻ đứng giữa nên khó phân xử nhất. Thôi thì mọi chuyện éo le này có ai gây ra đâu, tất cả đều do chiến tranh gây ra cả. Qua cuộc chiến mà còn sống để gặp lại nhau dù chỉ một lần thì cũng là điều đáng quý lắm rồi.

Mùa hè năm 1975, một mùa hè hòa bình thật sự vĩnh viễn trên toàn cõi đất nước Việt Nam. Giờ đây hầu hết mọi người đã về quê cũ và cùng nhau bắt tay xây dựng lại quê hương sau những năm dài bị chiến tranh tàn phá. Hòa theo không khí đó, ở xã Phổ Thuận quê tôi cũng bắt đầu hồi sinh từ những làng quê hoang tàn đổ nát. Dưới trời nắng như đổ lửa của mùa hè, nhiều người đang khuân vác những vật dụng như bàn ghế, giường tủ từ trên xe đò xuống. Một số người đi tập kết, đi thoát ly cũng đã về, những anh lính ngự rũ ngũ ở các nơi cũng tìm về quê và được chính quyền gọi đi học tập 1-2 tuần tại xã.

Công việc đầu tiên là mọi người “đi núi”. Tức là lên dãy Trường sơn chặt những cây to về làm nhà. Nhà ai cũng làm một kiểu giống nhau, sườn chống đỡ toàn bộ căn nhà là cái giàn xương phượng. Giàn xương phượng là một cái khung như hình hộp chữ nhật, gồm 4 cây cột, 2 cây trính, 2 cây xiên gắn cố định với nhau bằng lỗ mộng. Trên giàn xương phượng là các bộ kèo, đòn tay, tạo ra 4 mái để lợp tranh hoặc lợp tôn. Bên ngoài bao quanh nhà người ta dựng những cây gỗ nhỏ lớn hơn ngón chân cái gọi là cây mầm để chống đỡ các đầu kèo, nối các cây mầm vòng quanh nhà là các cây trỉ bằng miếng tre chẻ nhỏ tạo lưới ca rô để trét đất lên ấy làm vách tường.

Mỗi đêm trăng sáng, mọi người trong xóm đi gánh đất ruộng về cho một nhà để làm đất trét. Đất ruộng dẻo trộn với rơm ngâm nước, lừa trâu bò đi vòng quanh đạp cho lộn nhào thật nhuyễn rồi mới trét lên giàn mầm trỉ tạo thành vách nhà, trét xong thì dùng đất bột ướm để tô bên ngoài cho láng, thế là ta có một vách tường kín đáo mà sạch sẽ. Nó ưu điểm hơn vách lá của căn nhà ở Nam bộ vì ăn trộm không

thể qua tường vào nhà. Vách đất như thế rất nhẹ, chỉ có tác dụng che kín ngôi nhà, thế nhưng do không hiểu biết kết cấu về lực mà nhà nào cũng sợ xuống vách nên ban đêm thường đi gánh trộm đá của đường xe lửa về đầm xuống móng trước khi làm vách đất. Việc làm cái giàn xương phương thì chỉ tốn vài công thợ mộc, các công việc còn lại thì các nhà vẫn công lẫn nhau nên làm được một căn nhà như thế cũng không tốn là bao.

Lúc này các đoàn thể cũng đã được thành lập, trước tiên là đoàn thanh niên của thôn, sau đó đội thiếu niên tiên phong, hội nông dân, hội phụ nữ...

Tối hôm ấy, khi trời vừa tối thì ở đình làng, ai đó đã đánh lên một hồi kèn, sau đó đánh tiếp nhiều hồi nữa. Hôm nay là cuộc họp đầu tiên của toàn thể nhân dân thôn Thiệp Sơn. Ai cũng hồ hởi đi ra đình làng để họp. Đình làng khi xưa bằng ngói uy nghi với những cây cột tròn bằng gạch rất to, hai bên cổng có hai con sư tử nhe răng, trước sân có mấy tượng thần đội mũ mang gươm trông thật dữ tợn. Nhưng giờ đây đình làng chỉ còn là đồng gạch vụn. Mọi người đi họp rất sớm, tìm gặp lại người quen, ngồi trên những đồng gạch để hàn huyên tâm sự sau những năm dài xa cách.

Từng tốp người ngồi ở từng góc trên khắp sân đình hút thuốc, nói chuyện rào rào. Ở một góc nọ thì nghe anh Việt là lính dù đang kể oang oang về những ngày cuối tháng 4 tiểu đoàn anh bị đánh tan tác ở Dầu Giây, mọi người chạy tứ tán, anh chạy lạc vào trốn trong nhà một bà già và nhờ bà đưa ra trình diện với quân giải phóng. Ở chỗ kia thì nghe các anh du kích kể lại chuyện đánh lính Mỹ, lính Biệt động mỗi khi chúng đi càn. Đêm nay tôi mới được biết mặt chú Bách – Người xã đội trưởng, người bí thư đảng ủy – Trong những năm chiến tranh đã tổ chức gài mìn phục kích trên đường Cái Mới, trên QL1 làm vài chục tên lính Mỹ thiệt mạng. Tôi cũng được biết chú Cống là trưởng ban an ninh xã Phổ Thuận, người bị lính Mỹ bắn hụt

ở khoảng cách 10m, người có nhiều sáng tạo trong cách đào hầm bí mật. Chú kể rằng ngoài cách bố trí hầm bí mật thông thường còn có cách bố trí cửa hầm ở dưới lòng sông. Đặc biệt là cách bố trí hầm bí mật dưới giếng đã cứu chú thoát chết trong gang tấc.

Thông thường khi vào trốn dưới hầm bí mật là phải có người ở trên nguy trang, nhưng hầm bí mật có miệng hầm ở dưới sông hoặc dưới giếng thì người trốn tự nguy trang. Giếng nước thường được xây bằng những tảng đá. Bố trí miệng hầm bởi hai tảng đá sát mép nước. Khi gặp địch rượt đuổi cấp bách thì leo xuống giếng, đẩy 2 tảng đá vô trong để chui vào. Vào bên trong xong thì đẩy 2 tảng đá trở về chỗ cũ. Địch có nghi ngờ nhìn xuống giếng cũng không thể nghĩ ra tình huống đó, vì các tảng đá vẫn xếp ngay ngắn như các tảng đá khác dưới giếng. Nếu chúng có thả lựu đạn xuống thì vẫn an toàn.

Chuyện trò rôm rả mãi đến gần 8h tối mới đi vào cuộc họp. Ông cán bộ Mặt trận của xã trước tiên tóm tắt những thắng lợi của quân và dân ta cuộc tổng tiến công vừa qua, sau đó kêu gọi mọi người nếu có giữ các loại súng đạn thì hãy giao nộp cho chính quyền cách mạng. Công việc tiếp theo là giao cho tổ chức thanh niên của thôn phải dựng ngay một ngôi trường 2 phòng bằng tranh cho các em có chỗ học sắp tới, đồng thời tập dượt văn nghệ để chuẩn bị cho hội diễn của toàn xã chào mừng quê hương giải phóng.

Vài hôm sau một ngôi trường với 2 phòng lợp tranh vách đất được dựng lên ngay trên nền cũ của đình làng bằng chính sức lao động của chi đoàn thanh niên và người dân trong thôn. Một cuộc họp thiếu niên nhi đồng được tổ chức ngay trong phòng, hôm ấy là lần đầu các bạn ở mọi nơi theo cha mẹ hồi hương nên ai cũng lạ lẫm. Đến phần văn nghệ, tôi xung phong đầu tiên lên hát bài "Cô gái Ba Tơ dưới cờ giải phóng". Thấy tôi dạn dĩ nên chị Lan phụ trách chọn tôi làm chi đội trưởng chi đội thiếu niên tiên phong của thôn. Lúc đầu thì chị Lan điều khiển cuộc họp, sau đó thì tôi tự động tổ chức và điều khiển,

không cần anh chị phụ trách nữa.

Việc đầu tiên của thanh thiếu niên là tham gia phong trào “Bình dân học vụ”, đi dạy cho những người chưa biết làm toán và xóa mù cho những người chưa biết chữ.

Tôi và hai bạn nữa được phân công dạy cho chị Lỗi là người mù chữ. Hằng đêm ăn cơm tối xong là đi đến nhà chị để dạy. Chị Lỗi đã có chồng và 2 đứa con, trong thời chiến tranh ác liệt, chị ở xã Phổ Phong không có trường học nên chưa biết chữ. Chị cũng tích cực học, nhưng do lớn tuổi nên tiếp thu rất chậm, học đánh vần mà mồ hôi tứa ra đầy mặt trông thật vất vả, và chúng tôi cũng rất mệt nhọc. Những đứa dạy những người đã biết chữ thì khỏe hơn. Sau vài tháng thì chị cũng đã biết đọc, biết viết. Ngoài phong trào Bình dân học vụ, tôi còn tổ chức cho đội đi gánh đất đổ nền nhà để gây quỹ, dùng tiền đó để mua quà tặng các anh thanh niên lên đường đi bộ đội, tổ chức các buổi hái hoa dân chủ, đi cắm trại.v.v...

Những đêm họp thanh niên, tôi phải cưỡi xe đi các xóm triệu tập từ chiều, tối đến mình phải bưng cái đèn hột vịt ra trường Đình từ sớm để đánh kẻng thúc giục các bạn. Đèn, dầu, bút viết là tự sắm chứ chẳng hề đựng một xu vào tiền quỹ của đội. Chi đoàn thanh niên thì họp hành, sinh hoạt phong phú hơn đội thanh niên. Đêm nào cũng vậy, khi trời vừa sập tối thì chiếc kẻng trên đình làng lại vang lên thúc giục mọi người. Những bài ca cách mạng có nhịp điệu hùng mạnh như các bài: Kết đoàn, Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân, Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng, Tiếng chày trên sóc Bom Bo ..., cho đến những bài hát êm dịu tha thiết hơn như các bài: Trường sơn đông Trường sơn tây, Qua sông, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thanh niên nhi đồng.v.v... đều được mọi người đón nhận và hát nhiều nhất. Về thơ thì có một bài duy nhất mà nhiều người hay ngâm (hoặc đọc) là bài “Quê hương” của nhà thơ Giang Nam

Trong sinh hoạt thì hát “Xì điện” là vui nhất. Tức là một người lên

hát hết bài hoặc hát cuối một đoạn thì nói tên người tiếp theo mà mình muốn yêu cầu họ hát. Người đó nếu không muốn hát thì hô tên của người khác, cứ thế hô dây chuyền như dòng điện, dòng điện chạy đến người nào mà giật mình ứ ở hô chậm thì người đó phải hát. Nhiều khi một người đang hát, mọi người đang nghe say sưa không để ý, đến khi xì đến tên mình mà vẫn không hay biết. Hát xong rồi đến nhảy sạp. Nhảy sạp là một hình thức múa tập thể rất vui tươi sinh động. Sạp là 2 cây gỗ cố định đặt dưới đất cách nhau khoảng 2m, Có 3 hoặc 5 cặp, mỗi cặp ngồi xỏm, 2 tay cầm 2 thanh gỗ gõ xuống cây gỗ dưới đất theo nhịp 1,1,2. Đến nhịp 2 thì 2 thanh gỗ đưa lên nhập lại nhau. Mọi người lần lượt nhảy chân vào những khoảng giữa của cái thanh gỗ và nhảy dần từ đầu này qua đầu kia rồi ra ngoài. Nếu nhảy không quen ta sẽ dễ bị kẹp chân khi 2 thanh gỗ nhập lại. Nếu bị kẹp chân thì phải ra ngồi gỗ cho người khác vào nhảy.

Những ngày tháng hòa bình đầu tiên ấy khí thế thật sôi nổi, ai ai cũng phấn khởi nhiệt tình trong công tác dù không hề được hưởng một đồng phụ cấp nào. Anh Sửu khi họp thanh niên lúc nào cũng đến sớm, mỗi khi hát tập thể thì anh đưa cái tay cút ra đánh qua đánh lại bắt nhịp cho thanh niên trông thật ngộ. Anh On là thương binh đi cà lĩa đã có vợ 2 con nhưng vẫn tham gia vào đội cơ động (du kích) đi tuần tra hàng đêm để giữ gìn an ninh thôn xóm. Những buổi sinh hoạt anh thường ngồi cầm khẩu súng AR-15, cái mũ cối luôn úp trên nòng súng, thế mà lại rất nhanh, anh chẳng bao giờ bị "xì điện" trúng. Bà Lượng, bà Thủy tuy đã 45 tuổi nhưng những buổi thanh niên tập văn nghệ hai bà luôn có mặt để xem và góp ý.

Năm học đầu tiên sau ngày giải phóng đã được khai giảng. Bây giờ trường Tiểu học Tiến Đức đã được tách ra khỏi nhà thờ Tin Lành và trở thành trường cấp 2. Chúng tôi được về học gần nhà, ai muốn vào học lớp nào thì đăng kí vào lớp đó, không cần có học bạ gì cả. Các

thầy cô thì một số ít là thầy cũ, còn đa số là sinh viên mới học khóa sư phạm cấp tốc và giáo viên từ Miền Bắc tăng viện vào. Lần đầu tiếp xúc với thầy cô mới từ miền Bắc, thấy hơi lạ là thầy hay cô nào cũng đều mặc quần ka ki ống túm và cao tít trên ống quyển, mà chúng tôi hay gọi là "Ống quần chó táp 7 ngày không tới". Khi đó thanh niên miền Nam thì modern là quần ống loe. Các thầy cô nói rằng nền giáo dục cách mạng không cho phép thầy giáo đánh học sinh, tôi thấy đó là một ưu điểm lớn. Nếu đánh học sinh như trước kia thì cả thầy lẫn học trò bị đánh rất bức xúc, không thể nào còn tập trung vào dạy và học trong giờ hôm đó. Khi xưa, muốn phát biểu thì giơ một ngón tay trỏ, bây giờ thì giơ cả bàn tay. Sách giáo khoa thì nhà trường cho mượn, mỗi tổ được 1 bộ. Sách giấy trắng rất đẹp của nhà xuất bản Giải Phóng – in năm 1973.

Ngày khai trường đầu tiên của niên khóa 1975-1976 chúng tôi được nghe thầy cô đọc: "Thư của Bác Hồ gửi học sinh nhân ngày khai trường năm 1945". Đã 30 năm nhưng nội dung của bức thư giống như Bác Hồ gửi cho thế hệ học sinh chúng tôi lúc ấy. Lời lẽ trong thư thật thống thiết và tình cảm, mọi người ngồi nghe như uống từng lời của Bác. Sau này vào những dịp khai trường, tôi cũng có nghe nhiều bức thư của các chủ tịch nước, chủ tịch tỉnh v.v...nhưng không gây cho tôi một cảm xúc gì. Có lẽ do hoàn cảnh nước nhà từ trong cõi nô lệ mới dành được độc lập, cộng với tài năng văn chương của Bác, nên đã cho ra đời một tác phẩm hay như thế. Thời tiểu học dưới chế độ cũ có bài giảng văn "Tôi đi học" của Thanh Tịnh, và niên học này có "Thư của Bác Hồ..." là hai áng văn tuyệt tác đã lưu mãi trong tôi mỗi dịp khai trường.

Về chương trình học các môn khoa học tự nhiên vẫn giống như xưa, các môn khoa học xã hội thì hoàn toàn khác. Ở lớp nào cũng học các tác phẩm hừng hực tính chiến đấu như: Người mẹ cầm súng, Những đứa con trong gia đình, Chị tư Hậu, Bất khuất, Sống như

Anh... Về thơ thì học các bài như: Dáng đứng Việt Nam, Nghe tin em vào Đại học, Nhớ con sông quê hương... Đặc biệt là bài thơ: "Trước tờ giấy trắng" của nhà thơ Giang Nam. Bài thơ đã diễn tả thật đúng diễn biến tâm trạng của những người phụ nữ ở miền Nam cũng như ở quê tôi khi bị Mĩ- Diệm bắt viết đơn li khai chồng con đang "nhảy núi" hoặc đi tập kết ở miền Bắc.

Chị ngồi trước tờ giấy trắng
Hàng giờ không viết một câu
Bóng cây ngấn dần theo nắng
Đàn trâu chậm chạp qua cầu

Nền giáo dục mới chủ trương "Lao động là vinh quang" nên tuần nào cũng bắt học sinh đi lao động 2 ngày, thứ 5 và chủ nhật. Việc tham gia bắt chuột hoặc vét mương, làm thủy lợi, hay đi núi chặt cây về làm trường là những điều rất tốt. Nhưng nhiều khi người ta lại vận dụng máy móc câu khẩu hiệu "Lao động là vinh quang" để bắt ép học sinh làm nhiều việc vô ích. Đó là những việc như: ủ phân xanh, nuôi heo tập thể, lên núi trồng khoai.v.v...

Ở trường nào cũng bắt các lớp hằng ngày cắt lá cây tói để ủ phân xanh giúp nông dân bón ruộng. Phân xanh đâu không thấy mà thấy sau trường vương vãi từng đống rác mục hôi thối. Trường có một dãy chuồng tăng gia, mỗi lớp phải tự nuôi 1 con heo. Hằng ngày mỗi em luân phiên nhau đem thức ăn đến cho heo ăn. Ai mà kiểm soát nổi thức ăn mà mỗi em đem đến loại gì? được bao nhiêu? Cho nên nuôi mấy tháng trời mà con heo còi cọc, cái mỏ dài xọc giống như một con chuột cống. Một công việc nữa cũng gây khá lãng phí là hằng tuần đưa cả trường lên núi giăng cờ trống để khai hoang trồng củ mì, củ lang. Trồng xuống rồi mà không hề có một hột phân, không ai chăm sóc, trâu bò tự do phá hoại. Đến cuối vụ cũng đưa quân lên thu hoạch nhưng chỉ được vài thúng với, toàn những củ chỉ lớn bằng ngón tay, ngón chân.

Giờ sinh hoạt lớp, học sinh chúng tôi cũng nhiều lần có ý kiến với giáo viên chủ nhiệm về tình trạng lãng phí đó. Có thầy thì cũng thông cảm và bảo đó là do chỉ thị ở trên, có thầy thì lại "lên lớp", nói rập khuôn theo khẩu hiệu như một cái máy:

- Đây không phải là đi sản xuất, mà là giáo dục cho cho những con người mới chúng ta biết yêu lao động, thấy được lao động là vinh quang.

Giáo dục ai thì không biết, chứ những học sinh nông thôn chúng tôi đã quá quen với lao động rồi. Ai cũng hiểu được là phải lao động mới có ăn, chẳng cần phải giáo dục lao động gì nữa. Nhưng mãi đến năm 1980 thì tình hình "lao động không cần hiệu quả" như thế này mới chấm dứt.

Chuyện lao động ở trường thì làm chơi chơi như thế, không cần hiệu quả gì, nhưng ở nhà thì ai cũng phải làm việc cật lực mới đủ ăn. Là dân làm nông nhưng bữa cơm nhà nào cũng phải dọn củ, có khi củ nhiều hơn cơm. Anh trai tôi đã lên đường nhập ngũ, tôi phải tiếp tục cáng đáng các công việc nặng nhọc của gia đình. Phải đi củ về đun nấu và bán để thêm tiền mua sách vở. Lần đầu tiên lên rừng Trường sơn với nhiều cảnh đẹp hùng vĩ mà trước đây mình chỉ được đọc qua sách vở, nhưng cũng chẳng có thì giờ để chiêm ngưỡng vì phải lo chặt cho đủ 4 bó củi để trưa thỏ về. Mỗi lần đi núi như thế là mẹ tôi dậy sớm nấu cơm gói sẵn để trên xe đạp rồi mới kêu tôi dậy để đi. Bạn bè gọi nhau đi từ sớm tinh mơ, khi mặt trời mọc là phải có mặt ở chân núi. Mọi người giấu xe vào bụi rậm, lấy cơm ra ăn thật no rồi mới đi vào trong núi. Chặt đến trưa mới đủ 4 bó củi và bắt đầu vác ra. Khó nhất là đoạn vác bó củi nặng mà phải đi khom vì vướng vào cành lá và dây leo chằng chịt. Tuy chỉ có vài trăm mét nhưng nhiều khi đi hoài mà không đến đích. Trong rừng, chỗ nào cũng giống nhau, có khi đi vòng tròn về lại chỗ cũ. Nhiều khi khát nước quá cũng phải uống nước ở cái hố cạn, nước vàng chóa đầy lá mục. Có nơi trong giữa

rừng bắt gặp dấu tích những hàng củ mì, có hôm lại thấy cả một cái thùng phuy chứa chất bột da cam có mùi nồng nặc ngộp thở giống y như mùi của trái mù cay, dù đứng xa vài chục mét mà vẫn không hề chịu nổi. Từ đó tôi càng hiểu thêm cuộc sống của những người bộ đội trong chiến tranh trên rừng Trường sơn gian khổ biết nhường nào.

Khi vác bó củi đầu tiên ra chỗ để xe, việc đầu tiên là bóp cái bánh xe, nếu 2 bánh đều cứng là phần khởi rồi đấy. Nếu bị xẹp thì phải bỏ củi lại và dắt xe về thôi. Người lành lặn đi củi đã rất vất vả, thế mà ông Sửu là thương binh cụt tay (người bị tên Đỗ Cận chém) vẫn phải đi núi với chúng tôi, ông vẫn chặt đủ củi như mọi người. Khi lên thồ xong xuôi, ông lấy dây thun cột cái tay trái bị cụt cố định vào cây lái (cây nhỏ nối dài từ tay lái xe đạp ra phía sau), tay kia cầm cây thồ để đẩy xe củi đi trông thật tội nghiệp.

Đi núi mệt nhưng vui, công việc mà tôi ngán nhất là giã gạo. Sau giải phóng, xăng dầu không nhập khẩu nữa nên rất hiếm nhà máy xay xát hoạt động, nhiều nhà vẫn tự giã gạo để ăn. Việc đầu tiên là phải đổ lúa vào cối xay, xay cho tróc vỏ, sau đó sàng tách riêng hạt gạo, lúa còn sót lại đưa vào xay tiếp. Hạt gạo còn vỏ lụa phải đưa vào cối giã. Mỗi cối gạo chừng 1kg mà phải giã 5-700 chày, phỏng cả tay. Để bớt ngán thì khi giã, tôi đếm số chày, nhiều khi đếm tới hàng trăm rồi tự bỏ và bắt đầu đếm lại 1,2.... Làm thế thì ít thấy chán và giã sẽ được nhiều gạo. Có lúc giã chày tay mệt quá, tôi đeo một cây chày vào. Chày vào có hình dáng giống cái búa. Hai đầu chày vào to nặng, cán chày thì nhỏ, khi giã thì ngồi trên ghế nên khỏe hơn, nhưng giã chày vào thì gạo văng tung tóe nên phải lót một tấm bao rộng khắp nền nhà.

Cuộc sống mới sau giải phóng tuy vất vả nhưng rất vui. Ban ngày lao động cực khổ nhưng tối đến các đoàn thể vẫn họp hành, sinh hoạt văn nghệ đến khuya. Có mấy ai nghĩ rằng lúc này mà có cảnh chết chóc do bom đạn nữa đâu. Thế mà vẫn có nhiều người chết đạn cối

đấy.

Hôm ấy xã yêu cầu những người tù binh lính ngụy dọn đất hoang ở thôn Mỹ Thuận thì đụng phải quả cối nổ làm 2 người chết và 3 người bị thương. Không phải những tù binh lính ngụy mới phải đi khai hoang những vùng nguy hiểm mà tụi học sinh chúng tôi cũng phải đi tiên phong trong việc này. Đợt ấy học sinh trong toàn huyện phải đem cơm gạo 15 ngày để đi khai hoang. Địa điểm khai hoang là vùng đất ven sông của xã Đức Phong. Vùng đất này trước đây là nơi tranh chấp của ta và địch, dân chúng bỏ chạy hết, cây cỏ lên ngút ngàn, còn rất nhiều đạn cối trong lòng đất. Trước khi đi, nhà trường đã làm công tác tư tưởng cho mọi người bằng 3 câu nói trấn an gọi là “3 chưa”:

- Cuộc chưa chắc trúng
- Trúng chưa chắc nổ
- Nổ chưa chắc chết

Nhờ “3 chưa” như thế mà ai cũng cảm thấy yên tâm phần nào. Nói thật ra là yên tâm vì hai cái “chưa” ở trên, chứ tưởng tượng ra cái “chưa” thứ 3 thì ai cũng kinh hoàng.

Đến địa điểm thì mọi người chia nhau ra ở nhà dân. Dân ở đây rất nghèo nhưng cũng rất tình cảm. Thấy chúng tôi vào nơi nguy hiểm để khai phá ruộng hoang cho họ nên họ rất yêu quý và sẵn sàng nhường giường chiếu cho chúng tôi ngủ. Thầy giáo và tụi con gái cũng phải ra đồng cuốc đất và phát cỏ như tụi con trai chúng tôi, mỗi hôm chỉ phân vài đứa ở nhà lo nấu cơm cho cả lớp. Công việc chính là dùng cuốc lở những đám ruộng cỏ đã bỏ hoang nhiều năm, giữ cỏ lại từng đống phơi khô rồi đốt. Làm như thế được 5 ngày thì một buổi sáng ấy nghe một tiếng nổ “đùng” thật to ở phía địa điểm của trường cấp 3 Nam Đàn – Thái, chắc là đụng cối rồi! Mọi người đều dừng tay lại,

Các thầy giáo và một số anh lớn tuổi đều chạy về hướng ấy, lát sau

chạy về cho biết là do cuộc trúng cối một thầy giáo và một anh học sinh đã chết, còn vài người bị thương. Sự kiện này làm mọi người hoảng loạn, và các trường đã rút quân không dám làm tiếp nữa.

Sau này những người dân địa phương tiếp tục khai hoang và chắc là đạn cối sẽ tiếp tục nổ. Chỉ riêng ở thôn Thiệp Sơn quê tôi cũng đã có 6 người chết vì bom đạn còn sót lại dưới lòng đất sau chiến tranh. Người thì làm rẫy, vết mương trúng M-79, người thì cuộc trúng bom lân tinh cháy cả người, người thì chết banh xác do cửa bom lấy thuốc nổ.v.v...

Ôi chiến tranh! Chiến tranh đã qua rồi mà sao người dân quê tôi vẫn còn tiếp tục chịu những cảnh đau thương như thế? Đó là tàn dư của cuộc chiến mà có lẽ khắp Miền nam này ở đâu cũng vậy. Nhưng dù sao thì cuộc sống hòa bình đã hiện hữu thật sự ở khắp nơi. Chúng tôi vẫn say sưa với cuộc sống mới. Lúc ấy tôi và nhiều người không hề biết rằng ở Tân Lập – Tây Ninh, ở Ba Chúc – An Giang và nhiều nơi trên tuyến biên giới tây nam, bọn lính Khơ me đỏ đã tràn qua biên giới giết hại nhiều đồng bào, những trẻ thơ nơi ấy lại phải sống trong máu lửa như tuổi thơ của tôi. Và một thời đạn bom mới lại đến với những lớp thanh niên mặc áo lính đàn anh của tôi, đến với lứa bạn bè của tôi, đến cả những lớp đàn em sau này, khi phải 10 năm lặn lội chiến đấu tiêu diệt tội diệt chủng Pon Pot ở Kampuchia, đánh trả quân bành trướng Trung Quốc ở biên giới phía bắc.

Những người đã đi qua các cuộc chiến là những nhân chứng sống, cũng như tôi, họ có trách nhiệm phải ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, ghi lại các sự kiện đau thương do các cuộc chiến tranh đã gây nên, để cho các thế hệ trẻ sau này hiểu được chiến tranh là rất tàn khốc và đau khổ. Từ đó mọi người càng yêu quý cảnh thanh bình và quyết tâm giữ mãi nền hòa bình độc lập mà chúng ta có được ngày hôm nay.

HẾT

Viết xong tại Phổ Thuận ngày 16 tháng 6 năm 2011